

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

*(Các tác giả được giải trong cuộc thi
sáng tác văn học về đề tài Hà Nội)*

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

<http://tieulun.hopto.org>

THIÊN HƯƠNG

Hồ Thị Hải Âu

Hoá ra đời người cũng thật lắm việc phải làm. Một vài hợp đồng làm ăn dang dở: vẽ kiểu nhà cho mấy vị trưởng giả học làm sang là một món ăn khó nuốt. Họ tự tin một cách ngớ ngẩn vào cái mớ kiến thức mỹ thuật hổ lốn của mình, bù lại họ rất giàu! Đã thế, có người yêu nhỏ xinh cứ nằng nặc đòi đi du lịch ở Đà Lạt một tuần. "Em thích thế". "Em muốn thế" cô ấy cứ khăng khăng một mực. Tôi lừa dối em bằng đủ mọi lý do hợp lý trên đời: "Thời tiết chưa đẹp"; "Chờ đến mùa thu"; "Công việc còn nhiều", và vân vân nữa. Tất nhiên, cái chính là vì tôi không có tiền để chiều em những sở thích đáng giá ấy. Em rất biết hờn. Em trừng phạt kẻ cứng đầu bằng cách mấy ngày liền không cho tôi đụng chạm đến người em.

Dùng một cái, chị tôi ôm. Tôi nghiệp em yêu, thế là tôi chẳng còn tâm trí nào để dỗ dành, vuốt ve cơn hờn của em. Tôi quên em, quên luôn cả mớ

hợp đồng nợ. Chỉ còn chị Vân thôi.

Bệnh viện - tôi gọi là màu trắng. Thứ màu ít lời và nghiêm trang trong mọi thứ màu. Cô y tá trắng toát hắt hàm cho tôi:

- Người nhà bệnh nhân Kiều Thanh Vân phải không?

- Dạ, phải!

- Thay đồ bệnh viện cho chị ấy.

Mệnh lệnh được truyền đi từ đôi môi xinh xinh của cô y tá, nghe cũng đỡ khó chịu.

Vân ốm - chị trở nên bé bỏng vô cùng. Tôi - thằng em trai hai mươi sáu tuổi, vừa đảm nhận sự diêm tĩnh của bố, nỗi lo âu của mẹ, và cả tâm trạng phấp phỏng của kẻ đang yêu... luôn luôn ở bên chị. Chăm sóc. Vỗ về. An ủi. Tôi nhìn làn môi Vân phồng rộp và khô nẻ vì những cơn sốt hành hạ mà thương. Vàng trán chông chọc nhẵn dùm lại khổ sở. Hẳn chị đang phải chịu đựng trong mê sảng những cơn ác mộng kinh hoàng.

Tôi áp bàn tay lên trán Vân nóng rất. "Giá như có bàn tay của người đàn ông nào đó phủ nhẹ lên thân thể chị, truyền qua chị một nội lực yêu đương... hẳn chị sẽ khoẻ mạnh đến khó ngờ. Nhưng tôi biết tìm đâu con người có đôi tay nhạy cảm với thân thể của Vân...".

Vân nằm lọt thỏm giữa nệm giường màu trắng: nhỏ nhoi. Đôi mắt chị nhắm nghiền và hơi thở

nặng nhọc dồn qua ngực yếu ớt. Thân thể ốm đau của chị nằm bất động vẫn không tan đi về yêu kiều mong manh - ba mươi hai tuổi, chị Vân vẫn trinh nguyên như xưa. Ít ra trong ký ức của tôi, thằng con trai 14 tuổi...

*
* *

"Quê ngoại..."

Đêm tháng bảy, nóng và oi. Ngọn gió Lào đã nhiều ngày lồng lộn và cuồng bạo, đêm nay bỗng im lìm, xoài trên ngọn bạch đàn ủ rũ. Mặt đất đang lên cơn sốt hầm hập, còn xóm làng như chết trong giấc ngủ mệt lả. Thi thoảng, ném vào không gian đôi ba tiếng chó sủa khô khốc, nghe càng thêm khó chịu. Có tiếng nước chảy róc rách, mát rượi như tưới dịu đi cái nồng bức của đêm hè. Chính âm thanh mát rượi đó đã đánh thức tôi choàng tỉnh khỏi cơn ngủ chập chờn trong bưng nhùng cái nóng. Tôi ghé mắt qua lỗ thủng bức phen nhà, nhòm ra. Đúng là chị Vân đang tắm bên sân giếng đầu hồi. Tôi không thấy xấu hổ, không tội lỗi. Tâm thần tôi đã trở nên sáng tỏ khi niềm cảm xúc vô cùng chuyển thành sự chiêm ngưỡng thanh cao. Tôi thấy chị tôi rất đẹp. Đẹp từ thân thể và cả linh hồn toả ra từ thân thể ấy. Đôi

chân trần của chị nuốt nà. Bờ vai tròn trịa... tạo những nét cong như gió thoảng. E lệ, dịu dàng. Vân nguyên sơ giữa đôi trắng vô biên vừa thực, vừa hư. Trời đất bỗng یم bất, như thể, chỉ một chút lá cây động khẽ là tất cả sẽ tan vào hư vô..."

... Rồi tôi lịm dần trong giấc mơ mềm mại, phảng phất chút hương ẩm ướt khi chị bước khẽ qua giường...

Hết hè, tôi đem theo cả những bí mật của Vân về thành phố. Một lần, tôi đang mải mê với lũ bạn thì nghe tiếng gọi giật:

- Thắng, về ngay!

Tôi về, len lét nhìn gương mặt giận tái của mẹ là biết có chuyện chẳng lành. Mẹ chìa bức tranh ra trước mặt tôi, riết róng:

- Đồ mất dạy! Tao cho mày ăn học tử tế để mày theo đòi cái lối rác rưởi, loã lồ tởm lợm hả thằng kia?

- Mẹ!

Tôi gào lên như man dại. Nhưng muộn mất rồi, vì mẹ tôi đã kịp xé vụn bức tranh trong cơn giận dữ mà không đợi một lời thanh minh nào cả. Nước mắt tôi chảy, và lần đầu tiên trong đời, tôi thấy ghét mẹ. Mẹ tôi - người đàn bà ít nói, nhà mô phạm nghiêm khắc và lạnh lùng với nghệ thuật. Mẹ tôi không biết rằng người nữ trong bức tranh ấy chính là con gái của bà, hiện lên từ kỷ niệm bí

mật của đêm trăng quê ngoại.

"... Thuở ấy tôi tôn thờ thứ nghệ thuật huyền diệu. Và, tôi yêu say đắm màu vàng - màu của sự thiêng liêng và ngưỡng vọng cao cả. Màu của trăng. Của trái chín. Và của rơm rạ ngày mùa. Bức tranh về một người nữ hoang sơ nằm e ấp trên những cọng rơm và lá trong vườn. Trên gương mặt Nàng, lóng lánh những giọt trắng như thực, như mơ hồ, giả tạo... Tất cả là một vẻ đẹp chưa viên mãn, đau đáu trên chồi vú ngấp ngừng của Nàng..."

Tôi yêu bức tranh ấy, nhưng Nàng tan biến mất rồi. Mẹ tôi thì cuồng nộ. Còn Vân, chị ngỡ ngác đến tội nghiệp. Khi chỉ còn hai mẹ con trong buồng, chị khẽ khàng nói:

- Không sao đâu mẹ ạ, lắm lúc chẳng mặc gì trên người con lại thấy đẹp...

- Câm ngay! Tao tát vỡ mồm giờ - Mẹ tôi day nghiền và hoảng sợ; Vân lủi mất tăm như một con chuột nhắt. Còn tôi áp mặt xuống gối, khóc vĩnh biệt Nàng.

Đêm, mẹ tôi thức rất khuya. Bà thấp hương lên bàn thờ ba tôi rồi lầm rầm khấn "ông sống khôn, thác thiêng! ông về phù hộ tôi cứu vớt hai đứa con ông..."

Ba năm sau, mẹ tôi đột ngột chết. Vân khóc lịm và tím ngắt như thể chỉ riêng chị là biết

thương người vừa khuất. Chị ghen ngào, áp đầu tôi vào ngực:

- Thắng của chị, chị sẽ thương và yêu em... như mẹ.

Từ đấy, tôi ôm trong lòng một nỗi buồn trĩu nặng, mơ hồ hiểu rằng tôi chỉ là đứa trẻ bị bỏ rơi được gia đình cứu mang...

Vân khỏi bệnh, nhưng vẫn xanh xao nên cảm giác mong manh càng rõ rệt. Chị lại say mê với chồng giáo án của mình và lũ học sinh nghịch như giặc.

Tôi tiếp tục lao vào cuộc sống hiện tại, hút hồn với những phi vụ làm ăn kinh tế. Gần như tôi quên Vân. Đêm đêm, sau khi rời khỏi lũ bạn bè phóng túng. Rồi bỏ một bàn đầy vỏ bia, tàn thuốc, vệt son nhem nhuốc và những chuỗi cười phù du, tôi về với chị. Như con chó sau một ngày rong ruổi đi tìm chôn ngủ.

Khuya, chị vẫn thức. Mùi ngai ngái thơm nồng của ngải cứu thoảng ra từ mái tóc chị buông dài như lụa. "Da chị ấy còn xanh quá... làn môi đầy đặn kia chưa bao giờ nói tục, dù chỉ lỡ lời. Loan khác, em yêu của tôi chửi bậy như hoa mi hót". Tôi nằm lười biếng trên giường, nhìn chị và thầm thì nói:

- Chị Vân này, phải đời lên một tý chứ. Bà cứ trong ngần như thế, chán bỏ mẹ, em nói thật đấy... mà bọn đàn ông nó thấy chị thiêng liêng ơ...

cũng khiếp. Đời chứ có phải cõi niết bàn của Phật quái đâu.

- Cậu nói năng gì hay thế?

Giọng Vân trách móc mà vẫn dịu dàng đến khó chịu. Tôi chợt thấy ân hận vì chót lỡ lời.

Ngoài lan can, hoa quỳnh đang nở. Tôi biết thế dù mùi hương của nó rất khế. Dáng Vân nghiêng nghiêng bên cửa.

Dưới đường, vọng lên những âm thanh của cuộc sống đêm hôm.

*
* *

Vân đã vắng nhà mấy hôm nay. Tôi ngóng chị như ngóng mẹ về chợ. Chưa bao giờ Vân xa nhà lâu như thế. Tôi nhớ chị, chật cả một ngày suy nghĩ.

"Đồng Châu ngày..."

Biển thì bao giờ cũng đẹp, nhưng chứa đầy bên trong cả sự đe dọa, nguy cơ và thâm hiểm. Vậy mà sao mình vẫn yêu biển cả!... Thắng của chị, giờ này đã ăn tối chưa?

"Ngày..."

Thời gian cứ mất dần đi, thế mà hạnh phúc vẫn chưa thể tìm thấy. Những sáng, những chiều đi trên phố, mình cứ ngong ngóng chờ những ánh mắt ngưỡng mộ... rồi thưa dần trong đám khách bộ hành. Dẫu chỉ là chút tình hồ, sao vẫn khó?"

Ngày...

Anh bỗng khó hiểu như một kẻ vô lương chạy trốn. Em bàng hoàng đau khổ. Anh đến, đôi mắt trầm tư, giọng buồn và nói: "Vân! Anh yêu em. Nhưng anh chỉ là một thằng đàn ông phàm tục. Anh sợ... sợ em ghê tởm, căm ghét anh... mà em lại quá trong trắng và ngây thơ". Rồi anh quay đi, khó hiểu. Em muốn chồm tới anh, lao tới áp ngực anh. Em muốn hét lên: "Đừng! Đừng bỏ em! Em yêu anh!". Em muốn hét lên thật to, nhưng lòng kiêu hãnh ngu xuẩn trong em trỗi dậy... và mãi mãi em khổ đau trong im lặng..."

Những giọt nước trong veo làm nhoè trang nhật ký. Tôi đếm, đếm mãi, đếm mãi mà không hết. Vân của tôi đã khóc vì một gã đàn ông. Bất giác tôi nguyên rủa "thằng cha đúng là một con bò đực".

Tôi chợt nghĩ. Chợt buồn. Và chợt nhớ: Tôi nay Loan hẹn đến đón em đi tân trang sắc đẹp - mái tóc tây phi và những chiếc móng rất được cưng chiều.

- Em ơi! Bao giờ cho hết khổ? Tôi hần học nghĩ.

"Tình yêu là những thiên thần có cánh và những đam mê bò lổm ngổm như sên". - Một thằng bạn thạo đời đã dạy tôi như thế. Với tôi, tình yêu là Thanh Vân bên này, và bên kia - Loan!

Cuối thu năm ấy, Vân lấy chồng.

Hạnh phúc là hai kẻ đang đăm đuổi Vân, và Thăng - chồng của chị ấy cũng tên Thăng.

Loan thì đắc thắng ra mặt. Có một thứ đàn bà lòng đầy đồ kỵ, loại trừ nhau giữa mẹ chồng, nàng dâu, chị chồng, em dâu, để giành giật chút tình cảm của gã đàn ông nào đó. Loan thuộc loại này.

Tôi không hiểu mình buồn hay vui. Món quà kỷ niệm chị Vân trong ngày cưới là bức tranh tôi mới vẽ.

- Ôi! Một thiên thần, chỉ tội không có cánh - Vân reo lên.

- Không phải đâu, chị đấy! - Tôi đính chính.

- Chị! - Vân ngơ ngàng. - Chị mà thế này?

Vân đỏ mặt, giọng đầy trách móc và buồn. Tôi hoàn toàn lúng túng. Chị giận tôi... gương mặt, làn tóc, dáng người kia... sao tôi lại vẽ lên một hình hài đồng ấu ngây thơ? Sao không phải là thân thể người nữ như chị tôi đang đứng trước mặt? Tôi không tin vào chính bản thân mình nữa. Tôi đã cùn mòn trước nghệ thuật hay là một sự mẫn cảm nào đó đưa đẩy? Tôi không biết nữa.

- Em xin lỗi chị - Đó là lời cuối cùng tôi nói với Vân trong ngày cưới chị.

Từ ngày chị Vân đi lấy chồng, cuộc sống của tôi bị đảo lộn và trở nên cầu thả. Sự đắc thắng của Loan kéo dài không được bao lâu. Một trong hai vé của định nghĩa kia đã mất. Loan không đủ sức thay thế cho cả hai vé ấy. Đừng đòi hỏi em quá nhiều. Hôm chia tay em khóc lã chả mà không sợ nhoè mặt

phần. Tôi an ủi em.

- Em xinh đẹp, rồi em sẽ tìm được một thằng khác khá hơn anh cho mà xem.

Sau hôm đó, lương tâm tôi thanh thản vì không lừa dối, nhưng còn biết đau khổ. Câu chuyện về con chim quạt lửa: càng hồi hả càng lui tắt. Còn kẻ đã chót ăn mặn: càng uống, càng khát. Tôi lao vào cuộc yêu đương bạo liệt và chóng vánh để không bao giờ tìm được sự cân bằng cho hai vế của cái định nghĩa ma ám kia.

Họ hạnh phúc vì họ lấy nhau khi đã trót yêu nhau cuồng quít. Tôi không được may mắn như thế - tôi chỉ có những cuộc tình. Nhưng ai mà chẳng phải có cho mình một cuộc sống yêu đương, dầu thế nào bất kể: thanh cao hay nhem nhuốc; sạch sẽ hay trần trụi... Tôi dự định sẽ cưới vợ vào cuối năm. Vị hôn thê của tôi rất xinh đẹp. Em có học hơn Loan và hiện đại hơn Vân rất nhiều.

Chiều này, em mặc chiếc áo hoa rực rỡ đến nhức mắt. Em nhún nhảy như mèo trên chiếc đi văng của tôi. Em lú lo như sáo:

- Chúng ta sẽ xây một cái nhà riêng anh ạ, kiểu thì anh tự vẽ lấy. Tây một trăm phần trăm đây nhé... Đại loại theo kiểu Gothic hay Roman gì đó... Những căn buồng bóng lộn, đèn chùm, tủ ly... Tụi bạn gái em đến vỡ mặt vì ghen tị...

"Lấy đếch đâu ra tiền mà bỏ thế!" - Tôi cay cú nghĩ nhưng ôn tồn hỏi em:

- Em thử nghĩ đến một cái gì khác xem nào?

- Gì khác? - Em dẫu đôi môi xinh đẹp đại lại.

- Tỉ dụ, đặt một chậu hoa ở đâu đó?

- Dào! Nàng cong cớn - lãng mạn nhà quê. Em thích hưởng thụ cái phần đời đang ngộ nguỵ dưới chân đây này (nàng đi mạnh gót giày nhọn xuống sàn nhà). Chim với hoa... thứ ấy xưa rồi, rơm bỏ mẹ, phát ớn lên được...

- Nhưng tôi là thằng không có tiền! - Tôi nhớ là mình đã gào lên như thế rồi bỏ đi không phải chứng kiến những giọt nước mắt đáng giá của em.

Tôi đồn mấy hồi chuông rồi chờ đợi. Người ra mở cửa lại là Thắng - chồng Vân chứ không phải là chị.

- Vân lên lớp chưa về - ông anh rề giải thích.

- Vâng, em chờ.

"Hôm nay, mình gặp toàn chuyện ôi người, còn lão anh rề lại đang sắm một bộ mặt thoả thuê vì hạnh phúc, trông đến khó chịu". Hai gã đàn ông tên Thắng: tôi và anh rề tôi, đành cùng nhau diễn một màn kịch ngắn ngắn để đợi Vân về. Thắng say sưa bàn về những trường phái thơ hiện đại trên thế giới. Tôi khó nhọc đánh vật với các loại thuật ngữ sang trọng và khái niệm mà anh rất ưa dùng. Khi đã chuyển sang bình một bài thơ mà anh ấ

cho là rất hay, tôi lại lo lắng vì sợ anh biết rằng tôi hoàn toàn mù mịt.

"Thơ thần bây giờ sao mà lắm! Phát dị ứng vì các loại thơ rôm, cứ lẩn lộng lốc và bóng lọng ở khắp nơi như những sọt cà chua giống Nhật Bản ngoài chợ vậy". Tôi cau có nghĩ và đưa mắt nhìn quanh cho đỡ chán. Bắt đầu là bức chân dung thi sĩ Puskin... chiếc đồng hồ điện tử... tấm rèm cửa nhẹ nhõm...

Ông anh rề vắn say sưa nói.

... Cuối phòng là giường ngủ của Vân - đúng hơn là của vợ chồng Vân? Mình còn nhớ trước đây khi ngủ chị Vân thường ôm trong tay một chiếc gối tròn. Không hiểu bây giờ thì sao? "Tôi tự trách mình hay tò mò vô lối.

... Đệm trắng, gối trắng, chăn... chị ấy bao giờ cũng thiên về sự nhã nhặn. Chính vì thế mà cái của nợ ấy càng dễ đập vào mắt tôi dù nó bị vò nhàu nhĩ ở mép cuối giường. Máu nóng bốc lên mặt tôi như xát ớt, còn đối diện, diễn giả vẫn chưa ngừng lời.

- Tôi muốn biết anh vừa tiếp ai trong căn phòng này?

Một cái nhieu mây tỏ ý khó hiểu, khiến tôi điên lên. Tôi bước tới nhặt cái vật càn rỡ ấy dơ lên trong một tư thế đều căng:

- Hình như đây là cái áo con của đàn bà thì

phải-Tôi cười khẩy-Nhưng anh đừng bảo nó là của Vân. Chị ấy không bao giờ dùng cái thứ càn rỡ và đắt tiền như thế này đâu? Vậy nó là của ai?

Mặt anh ta tái mét, còn tôi thì càng lồng lộn:

- Vân ngày thơ, còn tôi thì anh không loè bịp được. Tôi quá quen với các loại đàn bà và cái hạng thích vung vãi đồ lót ở khắp nơi thì không thiếu.

Ông anh rề như vừa xơi một cú đấm quá mạnh, đầu cúi gục, rũ rượi trong khi tôi vẫn tiếp tục kết tội:

- Anh khá lắm! Ôi một con điểm trên giường của Vân mà còn sợ cả ánh mắt của chị ấy từ bức ảnh chân dung... nên anh gỡ từ trên tường xuống nhét vào gầm bàn. Chà, anh thanh cao quá! Thanh cao cả trong việc làm bẩn thỉu nhất. .. con điểm ấy là ai? - Tôi gằn giọng.

- Đừng nói thế... Cô ấy là sinh viên.

Anh ta chống cự yếu ớt. Tôi cười sặc sụa:

- Sinh viên à? Thế anh tưởng sinh viên không có người làm điểm?

- Cậu cứ cười, cậu Thắng à... Nhưng đúng cô ấy là sinh viên... cô ấy không là điểm... những gì đã xảy ra là điều tôi quá bất ngờ. Cô ấy yêu thơ tôi và ngưỡng mộ tôi. Chuyện ấy đã lâu rồi. Có lần cô ấy nói với tôi thế này: "Anh là người sản xuất thơ chất lượng đấy, hết như một người đàn bà mần đẻ!".

- Thiên thân quá nhỉ? - Tôi mai mả.

... Dầu sao, cô ấy cũng là một cô gái hồn nhiên thật lòng và thẳng thắn. Không hiểu từ đâu, cô ta biết được địa chỉ rồi chiều nay tìm đến. Tôi ngỡ ngang chưa kịp hiểu thì cô ấy đã chồm tới ghì riết đầu tôi vào ngực. Cô ấy cuồng nhiệt và mạnh mẽ đến khủng khiếp. Tôi trở thành kẻ hoàn toàn bị động, anh là đàn ông, chắc anh hiểu... Lúc cài khuy áo, tôi cũng không để ý rằng cô ấy chưa mang đồ lót... Tôi bắt đầu hoảng sợ, còn cô ấy thì trấn an hỏi tôi: "Anh sẽ nhớ lại cuộc tình ngắn ngủi này trong một bài thơ nào đó!".

- Anh thật tửm! - Tôi hạ giọng.

- Cậu cứ nguyên rửa tôi vì tình yêu chị gái. Nhưng cậu có biết tình yêu của tôi dành cho Vân còn đau đớn hơn thế rất nhiều...

Một luồng gió đưa lên từ mặt hồ. Dường như nó giúp cho kẻ tử tội lấy lại can đảm trước khi bị hành quyết. Ông anh rể của tôi bình tĩnh dần. Anh ta nói mạch lạc không còn những chỗ thất nút tới nghĩa và khó hiểu.

..."Tôi yêu Vân ngay từ lần gặp đầu. Vân mang một gương mặt trong trắng và nhẵn nhục như đức mẹ đồng trinh. Có người đàn ông nào lại không tin rằng được yêu Vân là một hạnh phúc! Và thế là chúng tôi cưới nhau. Đêm tân hôn, Vân không chống cự nhưng không hề mong muốn được hiến

dâng. Vân chịu đựng tôi miễn cưỡng. Tôi cảm nhận được điều đó vì toàn thân em cứng đờ và vô cảm. Nhiều đêm tôi không ngủ được vì thèm khát em. Tôi thức và ngồi lặng yên ngắm em ngủ - yên lành và vô tư như giấc ngủ trẻ thơ. Tôi cứ chờ đợi đến mệt rã, mong một lần em chợt tỉnh giấc giữa đêm khuya. Em cảm động và sung sướng thấy tôi thức bên em. Em sẽ ban phát cho tôi những khoảnh khắc hạnh phúc đến bàng hoàng của yêu đương. Nhưng không, em vẫn ngủ yên lành. Em hành hạ tôi bằng giấc ngủ ngây thơ của em. Có lúc tôi căm thù em vì biết rằng tôi yêu em quá... Cậu hãy hiểu cho, tôi không thể là kẻ cưỡng bức ngay trong nhà mình, trên giường cưới của mình. Nhưng chạy trốn tội lỗi này, tôi lại rơi vào tội lỗi khác. Cậu có hiểu tâm trạng của một kẻ biết mình khốn nạn và vẫn tiếp tục khốn nạn... Chỉ vì yêu? Người ta khao khát vươn tới sự thanh cao thuần khiết, nhưng để hoà hợp được với nó là một cuộc phẫu thuật đau đớn và khó thành công...

Thắng nói nhiều, nhưng tôi chỉ nghe loáng thoáng. Bây giờ đến lượt tôi: toàn thân rũ xuống và bất lực. Tất cả các cơ bắp đều nhũn ra, nhão nhoét toàn bộ sinh lực của một cơ thể giống đực, tôi đã trút hết thành nỗi đau tội cùng.

Phổ. Với những dòng người dường như vô định. Trong số những người nữ trên đường kia, có bà

nào, cô nào thường vung vãi những chiếc nịt ngực ở khắp nơi? Và ai đã bỏ quên nó ở trên giường ngủ của Vân.

"Lần thứ hai tôi khóc vì chị. Lần đầu, khi bức tranh huyền diệu bị vỡ vụn và bấy giờ khi tòa tuyên án - hình như Vân là nạn nhân của tội lỗi, hay ngược lại thì phải: chị là thủ phạm gây nên điều tội lỗi này" - Tội lỗi của những thằng đàn ông?"

Có lẽ tất cả chỉ là cơn ác mộng. Giờ này Vân đã về chưa nhỉ? Đẳng tây ráng chiều đỏ ối, báo hiệu một cơn giông.

Hà Nội, năm 1992
HTHA

ĐỂ MÌNH YÊU MÌNH HƠN

Trần Trung Chính

Em có một cái gương nhỏ, nẹp bằng nhựa tái sinh, loại gương dùng soi cục bộ, nhỏ lông mày, tô môi, hoặc nặn trứng cá... sở hữu duy nhất cho trang điểm cá nhân. Lược dùng chung với cả nhà, đựng trong ống bơ cùng với ba cái bàn chải đánh răng của ba thành viên gia đình em. Mỗi khi muốn thấy chân dung mình, em hà hơi kỹ lên mặt gương, sát vài lần vào gấu áo rồi sải thẳng tay cầm, tư thế xạ kích súng bộ binh, vòng tròn đường kính 5cm vẫn không thu nhận hết mục tiêu, em nâng từ từ, dưới lên trên, trên xuống dưới, tới lúc cánh tay mỏi trĩu. Không sao ngắm trọn vẹn, cái gương chỉ cho em thấy nhiều nhất là một phần hai khuôn mặt, tức là giảm cho em một nửa nỗi đau khổ. Hầu như em không soi gương trước lúc bước ra cửa nhà, tập quán của mọi người tự trọng. Dù một nửa chân dung em trong mắt em cũng làm cho sự mặc cảm hành hạ theo sát mỗi bước chân.

Các buổi sớm, lúc mẹ em vẫn xắn quần, vén bụng nằm ngáy, cậu em nằm sấp dưới sàn, đờm cuộn lên khí quản thở khao khan. Em ngồi vào chỗ khuất, thận trọng dùng gương rà soi chấp nôi từng bộ phận khuôn mặt mình. Soi xuống cổ, rứt rề mở khuy áo, bàn tay em do dự ước lượng không biết con gái mười lăm tuổi cơ thể phải như thế nào. Em đã tự chuẩn bị trước cái nịt ngực bằng vải phin trắng. Mắt vẫn nhắm, cậu em trở mình hỏi:

- Nấu cho lợn ăn chưa?

Giấu vội gương vào túi áo cánh, em hồi hả châm bếp, xúc bắp, thái rau. Lúc trở vào đặt cái hộp quẹt lại chỗ cũ, em rảo bước để khỏi nhìn lâu cậu vừa gác chân lên bụng, vừa ngái ngủ giật nột mấy cái khuy áo nơi ngực mẹ.

Con lợn đực dạo này gầy, nhão, đợt phối giống ồ ạt kéo dài làm nó xuống sức mỗi một, nhạt miệng. Thêm miệng gạt bát cám, quy định của cậu em đâu phải là khẩu phần phục hồi cho con đực làm cái việc này. Cậu cứ nhất định bảo: "Gầy, thầy cái gì", em nghĩ rượu nói chứ cậu không nói. Cậu lấy tay sờ sờ mình mà suy, bữa trưa thiếu đĩa dồi, lòng non. Cậu chống đũa ngáp chảy nước mắt, nghển cổ cò, ngón tay sờ rầm mấy sợi râu cầm lơ thơ, rít thuốc lòn sòng sọc, phả khói mù mịt vào mặt mẹ. Bất thần véo nghiêng mẹ, day răng:

- Ăn thế này không đáng... cái ấy của ông!

Mẹ giật nảy lên như bị dí lửa, phụng còm phì phì, vừa cắn hờn nhai, vừa khinh bỉ sâu sắc cậu. Phải cho cậu biết cái đồ thị tình yêu của cậu từ mùa đông tới mùa hè còn rành rành trong trình độ tính nhảm của mẹ. Vậy thì có đáng ăn không? Mẹ nêu cao câu hỏi lúc sợi rau muống lòng thông hai phần ba ngoài miệng mãi vẫn không được kéo vào. Em cúi mặt lo sợ cậu sẽ tố cáo từ lâu mẹ ít nhớ đến phẩm hạnh, dẫn chứng các sự kiện diễn ra với cả những thằng bé đáng tuổi con mẹ, dọc bờ tường nhà hộ sinh trong những buổi tối mẹ xếp thùng đợi lấy nước từ vòi công cộng. Nhưng cậu yên lặng, tội cậu quá, cậu lại bỏ cơm, chỉ rượu. Mẹ cạo cháy soàn soạt, húp hết hai bát nước rau dầm sấu mới nặng nhọc đứng lên. Cậu ăn uống thế nên càng gầy, thuốc lòn rượu trắng còn ít dinh dưỡng hơn bát cám.

Nói vậy chứ cậu thương con heo lắm, cậu tính chiều nay nó phải đi nhảy, ăn no chỉ tổ nặng bụng. Công việc này hơi đôi mới tốt, với lại nên để bụng ăn khao nôi cháo trứng của bà chủ con lợn cái, tội gì, đằng nào rồi cũng sẽ no. Cậu hay dỗ con lợn như thế, nó có vẻ chậm hiểu. Mặc kệ, cậu cứ ngồi thăm thì, tần mẩn xoa khắp mình nó, có chỗ em phải quay mặt đi. Cậu gọi em rót thêm chén nữa, uống một nửa, lừa lúc nó nằm lơ mơ cậu vạch nhanh miệng nó trút hết nửa chén còn lại. Một lát

rượu ngấm, nó đứng lên, lại ngã, cả hai cùng phần chân, cậu gửi quyết tâm vào tai con lợn: "Cố nhé!...". Gặp ngay lúc mẹ gánh hàng về, sẵn đòn gánh song xộc xông vào. Cậu leo khéo vậy mà nhanh lắm, leo tót qua cái thang chuồng, nấp sau đít con lợn, đùn nó ra phía trước hứng đòn. Đối chiến thuật, không phang được thì mẹ ra sức chọc, lợn kêu, người van xin, người vừa thở vừa găm gù. Con lợn xây xát khắp mình, răng gầy, mõm rách, máu chảy ròng ròng. Chỉ khi em cầu khẩn: "Con van mẹ, nó sắp đi đực đấy" mọi người mới nhớ ra việc quan trọng của cả nhà.

Tuy vậy, cậu vẫn nằm bẹp trong chuồng. Để cho trận trùng phạt rõ kết quả, mẹ thẳng tay tát em vì tội để cho con đực nốc rượu.

Em chưa dám chắc khi nào em có cơ hội soi mình vào gương trước khi ra khỏi nhà. Cử chỉ thoả mãn lòng tự tin của mỗi người. Dòng tiếng Pháp trên cái gương mờ neo khuyến cáo tế nhị "để mình yêu mình hơn". Hàm ý tự vấn hay khích lệ của Thượng Đế đối với mỗi sáng tạo của người. Ân huệ đó, Người không ban cho em, đứa con gái khiếm khuyết đủ thứ để có thể trở thành thiếu nữ, đàn bà. Em luôn cầu xin Người nghĩ lại, một sớm nào đó thức dậy, em sẽ được đứng năm phút trước một cái gương lớn, bắt gặp trọn vẹn hình hài mình, em can đảm dừng lâu hơn ngắm mình chẳng? Chắc

em chưa thể nhanh chóng làm quen với cô ấy, với ý nghĩ cô ấy thuộc về em, cô ấy bước vào em, cô sẽ quay mặt đi để em bớt xấu hổ trút xuống bộ y phục tồi tàn của mình. Em sẽ kiên nhẫn hơn đá. Người sẽ phục sinh cho em, em mang hình hài của Người sinh thành, quý xuống hôn chân người đàn ông đầu tiên do Người lựa chọn. Em gạt bớt tóc sang hai bên thái dương, phô gương mặt mình, chẳng ngại đôi má xanh xao, cặp lông mày cánh cung của em chắc được thấy rõ ràng. Em sợ hãi, hoài nghi mỗi lúc đối diện với từng phần chân dung mình, nó vô cảm xa lạ so với những điều em biết về em.

Đã thành lệ, vừa xuống lòng đường con lợn đực tiểu tiện ngay, tại không khí thoáng đãng, hay là cách khởi động sinh lý. Nó co một chân lên thoả thuê trút đi rất lâu cái thứ nước khai nông nặc, để đảm bảo cho lượng dung dịch sắp ban phát nguyên chất, chân thật hơn. Mẹ đã uống công chuẩn bị bữa cháo loãng, mẹ thiếu tôn trọng quá trình làm nên sự sống, từ nghi thức khởi đầu... của muôn loài, giả tạo làm sao được. Nó bắt đầu hăng hái ra đi, nghển cao cổ nghe ngóng, quan sát. Những lời ca rầu rĩ có thể nghe trên suốt đoạn ngõ hẹp, lầy lội, chẳng làm nó nản. Việc gì mà nao núng, nếu chuẩn bị tâm trạng bằng trận cũng thế thôi. Sự bí mật trọn vẹn kích thích toàn thân nó, các bộ

phận con vật đã sà sát xuống mặt đường, nó cà mình vào chân em một cách cố ý. Không biết mọi loài có cảm nhận giống nhau. ... Cần căn cứ vào kết quả điều tra xã hội toàn diện, nhất là các đối tượng hành nghề chuyên nghiệp (có hoặc không có giấy phép). Biết đâu thái độ cam phận của nhóm người này lại là hứng thú của nhóm người khác. Nhưng, chắc chắn loài người thiêng liêng nhất trên mọi giống nòi man rợ sẽ công bố điểm thắng tuyệt đối về văn minh của mình. Trước hết là sự phong phú vô tận của các hành vi kết giao: hai bàn tay khăng vào nhau làm cho mấy ai đó sao xuyên đến mười lăm ngày; bốn mắt gặp nhau gây giông bão suốt một vùng khí hậu; một nụ hôn run rẩy đủ năng lượng sinh học qua hai chu kỳ kinh nguyệt vân vân và vân vân... Tổng số sao trời cũng không thể sánh với sự phong phú bí ẩn đó, ... Vượt xa lý thuyết đạo đức, cái lý thuyết rất mực cao siêu nhiều hơn cở đại trên mặt đất, vậy mà còn phải khám phá chán. Mấy ai đã hiểu kỹ năng của người cổ đại khác người cận đại ra sao! Chưa cần khảo sát đến nhóm người giàu cảm hứng sáng tạo, loại người dùng cả cuộc đời nhất thiết lặn lội tìm kiếm cái mới... Sau nữa, sự lựa chọn là phẩm chất còn cao quý hơn, nhóm người sáng tạo tự do tuyệt đối cũng chưa đến nỗi cứ cái mới nào cũng ham. Luật pháp xử tội cưỡng ép-thông đồng-tự nguyện,

khác nhau từ một tháng tù án treo đến mười năm cầm cố. Những song sắt nhà giam dựng lên quanh em, cô gái vị thành niên, em có quyền yên tâm, bằng chứng là đã ba năm nay em luôn cặp đôi với một con đực phóng đảng không có giấy phép hành nghề mà chưa ai lên án. Những nhà đạo đức cũng phải đợi ngày em nhận lá phiếu cử tri. Một lần nữa nó lại cà mình vào em, thái độ thân thiện này chỉ xảy ra mỗi khi em chuẩn bị cho nó ăn, lúc ấy nó từ tốn không vội vã phạm tục làm vung vãi, chưa kể nó còn dừng ăn ngẫm nghĩ. Em ngồi bên, đồ dành, khuôn mặt em in rất rõ nét trọn vẹn trên bề cong nhẵn cầu đực lờ mờ. Nó còn bốn phận với bao nhiêu con cái nữa? Hàng ngày bên em nó nhu mì, khi thực hiện bốn phận nó khác, dữ tợn và hết sức cố gắng. Thế giới có thể khác chẳng nếu chúng ta đều ý thức rất cao về bốn phận. Em nghi ngờ ý thức, bởi cần có quá trình, một cái gì khác cơ tựa như thôi thúc từ máu, từ bản năng, từ cội rễ xa xưa, hoặc sự vận động vòng thiên hà thúc bách mỗi sinh vật đi hết chu trình sống... Trí tuệ có vai trò gì trong sự tiến hoá?... Em nghĩ thêm... hạnh phúc-tội lỗi khác nhau chỗ nào.

Em nghĩ tới anh Hoạt, người đàn ông lảng giềng đồng cao, y phục sồn cũ nhưng sạch bong, cặp kính cận cũng sạch như thế. Kỷ lục vệ sinh khó hiểu ở toàn xóm rác rưởi, dột nát, lúc nào

cũng ngập nước thải và thiếu nước rửa, giá xóm em nằm trên sa mạc, nước đái lợn cả xóm sẽ biến sa mạc thành ốc đảo. Anh Hoạt sống trên nóc nhà mái bằng duy nhất xóm, hai tầng ông anh bà chị chế biến thức ăn từ phân nội tạng và máu những con lợn chết lúc rạng sáng. Trên mái, anh bác sĩ thú y dựng cái lều nửa diện tích, phần còn lại phơi chăn rách, cá khô, toà bệnh viện kiêm lò sát sinh. Em đã có dịp lên đó đón quốc khánh, hoa đăng tước bầu trời thành muôn ngàn sợi kim nhũ lộng lẫy đổ nhẹ nhàng xuống mái xóm, cứu rỗi cho biết bao linh hồn lợn trong cuộc tàn sát khổng lồ suốt ba đêm trước. Dưới xóm thấp tầng này, người ta chỉ để phòng nhìn cao độ một mét năm mươi, che đậy cho công tác vệ sinh thân thể. Em lên chòi quan sát của anh bác sĩ mua thuốc điều trị cho con lợn đực mắc bệnh xã hội, kháng sinh liều cao là vũ khí lập nên những chiến công. Toàn bộ các cuộc tắm rửa của hai giới trong bán kính năm mươi mét diễn ra mòn một trước mắt em. Em khóc mất hai hôm, từ đó tắm rửa trong chuồng có mái che với con lợn đực. Chúa cũng sống ở độ cao như vậy, Người hiểu tất cả và lượng thứ cho tất cả. Chàng Hoạt mặc blu trắng trên đỉnh cô sơn, là ngọn bạch lạp thanh khiết toả sáng khắp xóm lợn tối tăm vô giới tính. Chàng tự thoả mãn thanh thân, đứng vững trên tư thế ngoại phạm, đạo đức vẹn toàn,

khoái cảm còn hơn con lợn đực sống theo luật lệ cậu mợ em ban hành.

Nó đi chậm lại, ngất ngư xiêu vẹo rồi ngã đổ xuống vệ đường. Đói hạ đường huyết chăng? Thân thể nó run rẩy dưới bàn tay em vuốt ve, em giật mình phát hiện vết thương trầm trọng trúng ức nó, màng máu khô rách ra tuôn chảy. Tại mợ nông nổi quá. Nó thở khò khè máu tiếp tục trào. Nhưng khi em đụng vào vùng nhạy cảm nhất, nó vùng đứng dậy ráng đi ngay ngắn chậm rãi giữ sức. Vào sân, mùi cháo nếp nóng bốc hơi ngào ngạt, bà chủ hoan hỉ tháo then chuồng, cuộc đấu bò tốt cũng có không khí căng thẳng như thế. Con lợn đực của em thở hổn hển, đứng lạng chiêm ngưỡng con cái, trắng hồng mềm mại, đang như vũ nữ thoát y dạo quanh từ tốn kêu gọi, đánh giá kẻ muốn chiếm đoạt. Cả hai đều tiết ra mùi gây ghê gớm. Con đực hộc lên dữ dội, con cái bỏ chạy. Đã dạo quanh sân năm vòng, con đực mỗi lúc đuối sức hơn chưa xáp gần được. Lòng em se thắt. Bỗng nó ngoặt gấp điên cuồng chạy cắt ngang sân, con cái chỉ lê đi vài bước gọi là và chịu đực... Máu từ vết thương con đực rải nhầy nhựa trên sân, sao như vạn hoa vãi khắp bầu trời. Buông con cái ra, nó lạng lẽ ngã nghiêng. Con cái chưa rút tiếng rên, thông thả sục ngập mồm vào máng cháo nóng.

Đêm nay em sẽ ngủ yên giấc, không giật mình

mỗi khi cậu bò vào trong màn em lấy đi cái quạt con cóc mang xuống chuồng lợn, hoặc mợ đánh thức em châm đèn đập muỗi cho nó. Em bóp vỡ cái gương con trong lòng bàn tay từ lúc nào, cảm giác đau đớn xuất hiện cùng lúc ngực áo như bị chọc rách.

Giữa sân, người ta xúm lại thọc vội lưỡi dao vào cuống họng nó, hứng nốt huyết cho bữa tiết canh hoá kiếp một con vật.

*Hà Nội, tháng 3-1990
T.T.Ch*

CON THÚ BỊ RUỒNG BỎ

Nguyễn Dậu

Mỗi năm vào dịp sang thu, tôi lại được mời lên Ba Vì một lần. Đây là một vùng gò đồi rất đẹp. Hàng ngàn quả đồi non muốt cỏ xanh, tròn trịa như một mâm xôi. Rồi kế đến là vùng đồi dứa, đồi sim, đồi sơn, đồi châu. Càng vào sát chân núi, rừng càng rậm rạp dần, thâm u dần, để trở thành rừng già trùm lấp những tảng đá nguyên sinh nổi tiếng trên non Tân.

Bạn tôi, thiếu tướng Nguyễn Hồng Quyền, đã nghỉ hưu và định cư tại nơi đây. Trang trại của ông-có thể gọi như vậy-gồm gần hai chục nóc nhà làm bằng gạch và gỗ, nằm trên một trái đồi hình yên ngựa, xung quanh có hai ba dòng suối nhỏ uốn lượn vây bọc. Xa hơn nữa, một dòng sông mênh mang đỏ rực phù sa, đang cuộn cuộn chảy xuôi, mất hút vào những eo núi heo lánh. Thật ra mảnh đất này không phải là đất tổ của Quyền. Năm 1948 chúng tôi có dịp chiến đấu chống Pháp ở đây.

Rồi tới năm 1953 lại một phen nữa, đơn vị chúng tôi nhận nhiệm vụ phá bung hành lang trung du của địch mở lối thông thoát từ miền đồng bằng lên Việt Bắc, qua nẻo Hoà Bình, Sơn Tây, Phú Thọ. Trong một tối lửa trại liên hoan quân dân, trung đoàn trưởng Nguyễn Hồng Quyền được một cô gái xinh đẹp nhất vùng Bát Bạt say đắm. Ở anh có nét điển xảo của trai Hà Nội, có tư thế hiên ngang, có ngựa hồng, còn bát là hình ảnh "trai thời loạn" rất dễ làm xao xuyến những trái tim thiếu nữ thời bấy giờ. Họ thành vợ thành chồng. Con cái của họ giờ đã khôn lớn, hầu hết đi công tác ở nơi xa. Cố nhiên họ đã nên ông nên bà, vì có một đàn cháu nội cháu ngoại khá đông đúc.

Thiếu tướng là một con người sôi nổi, hào phóng, chí tình chí cốt với họ hàng và bầu bạn. Nhưng ông mắc bệnh gia trưởng quân phiệt một cách nặng nề. Ông yêu thương mọi chiến sĩ, nhưng cậu nào buống binh, ông cho đi an dưỡng hoặc cho chuyển chuyển tới đơn vị khác không thương tiếc. Ông dùm bọc họ hàng đến hết mình, nhưng chớ nên để ông phật ý. Chỉ một giận dữ nhỏ, ông thù ghét rất lâu, thậm chí đáng buồn là ông ghét họ suốt đời.

Như nhiều người khác, ông cũng mắc bệnh nghề nghiệp. Nghĩa là ông ưa mọi ý muốn của ông phải được chấp hành, mọi rắc rối phải được thực

hiện. Bởi vậy, con dâu về ở cạnh ông đã đành. Con rể cũng phải về ở cạnh ông nữa. Rồi dần dần, một số con cháu trong họ cũng thiên cư đến đây quây quần cùng ông, cho "tre ẩm bụi". Không cần phải khéo léo cho lắm, ở cương vị ấy, người ta dễ dàng "ngồi hoá" cho cả xóm. Thế là cái xóm nhỏ gồm toàn con cháu của ông, trở thành trang trại. Sau khi về hưu thì vị thiếu tướng nghiêm nhiên trở thành chòm chớp của trang trại này.

Mới sáu mươi hai, thiếu tướng còn trẻ khỏe hơn tuổi tác. Ông cao lớn đầy đà, hồng hào, dáng đi mạnh mẽ, giọng nói oang oang, tiếng cười rồ rồ, tràn trề sức sống. Tuy đầu óc ông không còn thích nghi với một đơn vị chính quy hiện đại nữa, song ông quá thừa năng lực điều khiển việc sản xuất kinh doanh của trang trại, để cho nó ngày một phồn vinh sung túc.

Ngoài công việc điều hành trang trại, thiếu tướng đặc biệt ham thích săn bắn, câu cá, cờ tướng. Đôi khi, cao hứng lên, ông làm thơ. Những bài thơ Đường luật, lổn nhổn những từ ngữ xưa: sơn hà, tráng sĩ, vung gươm, thôn nữ cửi canh, chinh phụ, bồi hồi v.v...

Bởi tôi cũng thành thạo vài ngón như bắn súng, câu cá và ham cờ, nên vừa là niềm vui vừa là tai hoạ, mỗi năm ông bạn già ấy lại "buộc" tôi phải lên chơi với ông một lần, thậm chí, ông còn có

lúc chèo kéo tôi lên định cư hẳn cùng ông, làm quân sư quạt mo cho ông trên một số lĩnh vực.

Lần này, Nguyễn Hồng Quyền xuống tận Bát Bạt để đón tôi. Thiếu tướng không dùng xe máy "Ban căng" như mọi lần. Thay vào đó, ông cưỡi một con ngựa trắng, đực tơ, bốn vó khá dài. Trên tay ông dong theo dây cương một con ngựa hồng cái, có bộ lông rất mượt, có cặp mắt màu vàng chanh, và bộ lông bờm màu hồng nhạt không gọt xén. Trao dây cương ngựa cho tôi, ông vừa vỗ về con hồng, vừa nhìn tôi cười ha hả:

- Sao? Ngạc nhiên lắm à? Có gì đâu, tớ muốn chúng mình lại cùng nhau phóng ngựa, như ngày xưa trẻ trung đã phi ngựa trên thảo nguyên Hoa Bắc ấy mà. Xương sống lưng của tớ thì tuyệt rồi. Mà xương sống của ông thì chắc cũng chẳng kém gì đâu. Đồng ý chứ?

Tôi tỏ vẻ hân hoan. Bởi vì cái gì dính tới thời son trẻ cũng gây cho tôi một niềm ham thích.

- Đồng ý thôi. Chỉ phiền cái sắc du lịch của mình hơi nặng.

- Cứ ghì vào sau yên ấy. Con Hồng không chịu nhường bước con Bạch đâu. Rồi ông sẽ thấy nó phi nước đại hay đến mức nào. Phải tháo kính trắng ra bỏ vào túi áo, kéo văng mắt đấy.

- Cặp ngựa này ông sắm từ bao giờ vậy? Năm ngoái tôi không thấy chúng.

- À, mới lên Lạng Sơn tậu đấy. Lúc thường thì dùng chúng kéo máy ép mía, máy ép dầu. Lúc cần thì đi săn. Săn thú mà không có ngựa tốt để cưỡi thì nguy hiểm lắm. Ông quá rõ điều đó còn gì? Thôi, lên ngựa đi!

Chúng tôi cùng lên ngựa. Quyền huýt gió một tiếng chói tai. Từ bụi cỏ gần đấy, một con chó to lớn màu trắng đen loang lổ, băng lại cạnh chân ngựa. Nó ve vẩy đuôi, giương cặp mắt xanh thau, chờ lệnh chủ. Thiếu tướng hể hả, hất hàm hỏi tôi:

- Ông vẫn nhớ nó chứ?

- Làm sao tôi quên được con Tuyết của ông. Không phải chó nữa, mà thực sự là một con beo rừng. Năm nay nó đến bốn chục kí lô đấy nhỉ?

Vị chòm chóp của trang trại cười rung cả yên ngựa:

- Bốn mươi bảy kí lô đấy!

- Thế còn con Múc?

- À, con Múc, cái con trời đánh ấy, ông nhắc đến nó làm gì? Rồi thì tôi sẽ cho ông rõ mọi chuyện. Ê, này Tuyết! Mày không kính chào bạn của chủ mày à!

Con Tuyết ngoáy tí cái đuôi dài, "oảng" một tiếng hùng dũng. Đoạn nó đứng thẳng lên bằng hai chân sau, hai chân trước chụm lại, hướng về tôi mà vái ba vái.

- Thôi, đủ rồi-chủ nó ra lệnh-Hãy dẫn đường

cho chúng tao.

Con Tuyết vọt lên trước. Con ngựa Bạch lao theo. Không chờ giật cương, con Hồng cũng băng lên, phi song song cùng bạn nó. Chúng tôi vùn vụt phi lên đèo, lượn quanh suối rồi lại vượt dốc, băng đèo. Sau lưng chúng tôi, bụi đỏ của vùng đồi đá ong bốc lên cuộn cuộn.

Con Tuyết xứng đáng được chủ nó cưng chiều. Nó bỏ xa đầu ngựa hàng trăm mét. Có lúc nó tạt sang sườn trái, có lúc nó lại vòng bên sườn phải chúng tôi. Bốn chân nó thoăn thoắt, mờ mờ không còn rõ hình hài. Bộ lông khoang của nó như kẻ một đường thẳng trên ngọn cỏ. Đôi lúc, nó đánh hơi thấy một mùi hoang thú nào đó. Nó lập tức rống lên, rẽ ngang vào rừng sơn. Song dù máu săn của nó có nóng tới đâu, nó vẫn nghe lệnh chủ mà quay ngoắt trở lại, rồi vùn vụt băng vọt lên dẫn đầu. Đôi ngựa chúng tôi đang cưỡi đây, cũng rất hăng máu non tơ, dường như muốn đuổi vượt con Tuyết. Chúng thở ra hơi trắng, bốn vó dồn dập sỏi dài nước đại. Sỏi đá, cây cỏ dưới mặt đường, như kéo thành vệt, loang loáng trôi về sau lưng. Nhưng không ổn. Chẳng nói gì ngựa thồ, ngựa ép mĩa, ngay đến ngựa chiến cũng không thể theo kịp tốc độ của chó săn. Con Tuyết láu lĩnh hiểu ý đôi ngựa. Ngựa phi nhanh, nó tăng tốc nhanh hơn. Ngựa chậm dần, nó hăm đà phóng, cứ lừng lững ở

mé trước như trâu như chọc.

Quả thật đây là những giây phút sung sướng lành mạnh trong đời tôi. Thuở trai trẻ, chúng tôi được dịp ngồi trên yên những con ngựa cao lớn mà bay vút trên thảo nguyên bao la. Những con ngựa ấy, tôi chỉ đứng ngang bả vai chúng, rất xứng đáng với những cái tên rất kêu; "Thiên-lý - Hoa-lưu,"

"Tích-tuyệt-ô-truy," "Xiển-điện-hoàng-phiêu" v.v... so với chúng, thì hai con ngựa nhiệt đới mà chúng tôi đang cưỡi đây, chỉ đáng gọi là những con nghèo xoàng xĩnh. Song tôi vẫn thấy chứa chan hào hứng. Tôi thầm cảm ơn bạn già, cảm ơn đôi ngựa, cảm ơn con Tuyết tinh khôn, cảm ơn đất trời mệnh mang và cảnh sắc của thiên nhiên hào hùng xung quanh... Tất cả đã khuấy lại trong tim tôi những kỷ niệm đẹp để đã trôi qua, những sôi nổi chỉ còn âm ỉ của một thời xuân sắc đã lướt vào dĩ vãng.

Vị chòm trại đột ngột chụm môi rúc còi lạnh lạnh ra lệnh cho chó và ngựa dừng lại bên bìa rừng châu.

- Được nửa đường rồi, chúng ta tạm nghỉ một lát. Thế nào, ông bạn, cảm giác về sống lưng ra sao?

Cả hai chúng tôi cùng nháy xuống. Cương ngựa được cột chặt vào gốc châu. Chúng lúc lắc đầu, quạt mạnh đuôi, gõ móng thậm thịch xuống nệm cỏ, tỏ ý còn muốn được dong đuổi nữa, tuy

ràng hơi thở của chúng đã khá nặng nề.

Chúng tôi ngồi xuống nệm cỏ mát, giữa hai hàng châu non. Thiếu tướng rót rượu mát ong ra. Chúng tôi cùng nhau tợp vài ngụm rồi hút thuốc lá, loại thuốc sợi vàng óng, đặc sản của Ba Vì. Riêng Quyền, ông nhồi vào tẩu. Ông đã quen dùng tẩu từ mấy chục năm rồi.

Tôi lim dim mắt, hỏi bạn già:

- Tình hình các cháu nội ngoại của ông ra sao? Nhất là cái con Quỳnh ấy?

- Chúng nó đều ăn khỏe, ngủ khỏe. Riêng cháu Quỳnh thì ngoài phần học văn hoá ra, cháu vẫn thích đi chơi trên đồi rừng, vẫn thích làm thơ về rừng. Từ ngày không còn con Múc, nó ít đi rừng hơn. Và tôi cũng cấm cháu nữa.

- Nghĩa là, anh không hề thấy con Múc quay trở về?

- Con Múc trở về ấy à? - Thiếu tướng mỉm cười, lắc đầu nhẹ. Về con Múc, anh sẽ được thấy mọi điều. Hiện giờ tôi không muốn nói cùng anh vội. Nhớ rằng tôi mời anh lên đây lần này khác hẳn những lần trước.. Dù rằng anh không ưa săn bắn, tôi vẫn ép anh phải dự cùng tôi một cuộc săn bắt bằng được.

- Một con thú đặc biệt mới xuất hiện chẳng?

- Ô, bí mật quân sự!

Tôi không hỏi gì nữa. Tỉnh nết đến khi của cái

ông già này là vậy! Khi không, tự dưng ông nói tặc toạc đủ mọi điều. Lúc thích hỏi, thì ông ta lì lì ngâm tằm.

Con Tuyết nằm duỗi chân cách chủ nó chừng nửa mét. Lưỡi nó thè dài, màu đỏ hồng có điểm những chấm đen lấm tấm. Thân nhiệt của nó, được xả ra từ đầu lưỡi, bốc thành hơi trắng nóng hầm hập. Hàm răng của nó trắng bóng. Bốn chiếc răng nanh của dài và cong, sáng nhoáng đến dễ sợ. Chẳng rõ từ ngày nó ra đời rồi trưởng thành đến nay, bộ nanh ghê gớm kia đã cắn xé biết bao gà lôi với chim đa đa, thỏ và chồn, hươu và hoẵng, gấu và cáo. Kinh dị hơn, chủ nó đã đôi lần tường thuật cho tôi nghe những trận ác đấu của nó với gấu ngựa và báo đen. Trong những cuộc cắn xé sinh tử đó, phần lớn nó đã chiến thắng, dù đầm máu nhưng huy hoàng. Có nhiều phen nó đã sắp bị kẻ thù xé xác, nhờ nòng súng thiện xạ của ông chủ, nó được cứu thoát. Chủ và chó đều có ân huệ sâu sa với nhau. Nếu như chủ đã cứu chó thoát khỏi cửa tử nhiều phen, thì chó cũng dăm bảy bận đưa chủ trở về cõi sống.

Trong các cuộc săn đuổi gay cấn và hấp dẫn lạ lùng kia, thiếu tướng đã hai phen bị báo găm vào lén, đã một lần bị gấu ngựa quật ngã. Mỗi lần ngặt nghèo vậy, con Tuyết mới được dịp bộc lộ hết tài năng của nó. Nó nhanh chóng chọn chỗ yếu của

hoang thú, để tìm hướng lao vào. Không do dự trù trừ, không hấp tấp sai lệch, nó chồm tới, ngoạm rất chính xác vào cổ họng ác thú mà xé rách bằng hai ba cái quẫy đầu mạnh mẽ. Ác thú bị đòn chí tử, không còn kịp gây thương tích cho chủ nó nữa.

Nguyễn Hồng Quyền thường đặc ý nói với tôi:

- Anh rõ chẳng, lúc nó mới chào đời, tôi đã thấy "tướng lạ" của nó. Dưới hàm của nó có ba sợi lông dài màu xanh biếc. Chỉ người sành chọn chó mới hiểu thế nào là "tam tu vi long, nhị tu vi hổ". Đây, thế đấy. Chó của tôi thì kém đếch gì một con beo? Này, anh còn nhớ thượng tướng Th không? Cái ông già gàn dở nổi tiếng toàn quân về phong thái "hiên ngang" ấy mà, đã gạ tôi đổi con Tuyết lấy một cặp béc giê Sibêri đấy. Ô, xin lỗi! Ngài hãy đổi cho tôi một cặp rồng thực sự, tôi cũng xin kiểu ngài thôi.

Vốn thâm giao, thường niên gặp gỡ, lẽ cố nhiên tôi hiểu rõ lai lịch con Tuyết vô giá kia. Tổ của nó vốn nòi chó săn Na Uy bằng giá. Trong trận tiêu diệt đồn Đại Bực năm xưa, giữa hàng trăm chiến lợi phẩm quan trọng, trung đoàn trưởng Nguyễn Hồng Quyền chỉ mừng rỡ khi đoạt được con chó săn này, vốn là kẻ "cận vệ" của tên Pháp đồn trưởng. Ông gửi về nhà, giao cho vợ ông trông nuôi. Trong đàn con cháu của nó, ông Quyền chọn lựa được một con chó cái màu trắng như tuyết, không pha tạp một sợi lông màu nào. Và ông đặt

cho nó một cái tên rất âu yếm: Bạch Ngọc!

Bạch Ngọc có đôi tai nhỏ, dựng đứng. Úc nó nở, bụng nó thon, toàn thân nó chắc nịch như thỏi giề bó. Đôi mắt nó mang màu da cam, le lói tia sáng. Nó không sủa inh ỏi như chó nhiệt đới, mà lặng lẽ tiếp cận đối thủ, và chỉ tấn công khi nó biết chắc sẽ có một cú đớp chí mạng.

Năm trước một lần về phép thăm nhà, thiếu tướng lấy làm lạ lòng thấy con Bạch Ngọc thường hay lặng lẽ băng mình vào rừng sâu những lúc xế chiều. Ông xỏ ủng da vào chân, xách khẩu AR15, loại tiểu liên cực nhanh, rồi cũng lặng lẽ đi vào rừng, theo hướng đi của Bạch Ngọc.

Từ xa, dưới một gốc trám già nua, ông đã thấy Bạch Ngọc đang đùa rỡ với con chó rừng vạm vỡ, có bộ lông đen bóng như lụa linh. Ông rón rén vòng theo hướng ngược chiều của gió, dần dần tới gần đôi chó bằng động tác cực kỳ êm nhẹ của thợ săn lành nghề. Và ông nằm phục xuống quan sát.

Đôi chó quá vui vẻ, nên không hề phát hiện con người đã quá gần chúng. Nòng súng AR15 đã được nâng lên. Song, chỉ một tích tắc ngần ngừ, vị thiếu tướng tinh ranh đã quyết định không bóp cò. Ông chỉ rê đầu súng theo hoạt động của con chó rừng đen tuyền kia, mà chờ đợi.

Con chó rừng và con Bạch Ngọc ngửi hít nhau, đùa rỡ vật lộn nhau. Sắp đến lúc phấn khích, con

chó rừng rứt cả đầu, cả thân mà chạy thành vòng tròn rộng xung quanh con Bạch Ngọc. Đôi lúc nó ngẩng cao đầu, tru lên từng hồi dài, rồi tung vọt người lên không, nhảy vút từ tảng đá này sang tảng đá khác với niềm cuồng say ghê gớm. Con Bạch Ngọc cũng nhảy nhót, nhưng dường như nó chỉ xoay mình trên tâm điểm. Cuối cùng nó hứng khởi cắn nhẹ vào má con chó rừng, rồi đứng im với tư thế mời mọc.

Quả như ông thiếu tướng dự đoán. Một hiện tượng thiên liêng của tự nhiên đã diễn ra. Con chó rừng hăm hở làm cái việc gắn đuôi con Bạch Ngọc. Biết chắc rằng đôi chó không thể mau chóng rời nhau, thiếu tướng đứng lên, nhẹ nhàng lùi dần ra cửa rừng. Ông ngồi trên một khúc gỗ ẩm ướt, mời lửa vào tàu thuốc và ngâm nga một câu thơ gì đó. Ông vui! Một cuộc phối giống vô cùng hiếm hoi mà có dụng ý đến đâu người ta cũng không dám mong ước. Thiên nhiên yêu chiều ông đến thế là cùng.

Chừng nửa tiếng sau, Bạch Ngọc êm như ru chạy ra. Nhác trông thấy chủ, nó ngạc nhiên nhưng mừng quýnh. Đôi mắt sung sướng của nó lấp lánh như bốc lửa. Ông Quyền đập nhẹ bàn tay lên đầu nó, nói với nó vài lời trìu mến, khi nhìn thấy từ cục thịt dưới đuôi nó rỉ ra vài giọt máu tươi. Đoạn, cả chủ cùng chó, với nỗi niềm hoan hỉ, chậm bước quay về trại. Đó là lần đầu tiên và

cũng là lần duy nhất, con người say sưa sát phạt kia đã không nổ súng vào một con thú rừng.

Trước khi lên xe, trở lại đơn vị, ông dặn dò cận kề vợ con cách chăm sóc và bồi dưỡng Bạch Ngọc, đồng thời phải biên thư báo cho ông biết diễn biến của từng tuần một. Bà Quyền ngoan ngoãn vâng lệnh chồng! Bà chỉ âm thầm buồn bực vì xưa nay chưa bao giờ chồng bà quan tâm như thế tới bà, tới con gái và con dâu mỗi kỳ thai nghén sinh nở.

Con Bạch Ngọc đã không phụ lòng ông chủ. Nó đẻ lứa đó được bốn chó con. Con đầu khoang đen trắng, tức con Tuyết. Con thứ hai hoàn toàn đen kịt, có cặp mắt toé lửa giống mẹ, được đặt tên là Múc, còn hai con kia mang màu lông xám đậm. Tuy tiếc đứt ruột, vị thiếu tướng vẫn phải tặng một con cho một ông bộ trưởng có ân sâu dàu dất ông tự thuở thiếu thời.

Khi Tuyết và Múc được tám tháng tuổi, cũng là lúc ông tướng già được về hưu. Ông dốc hết sức mình vào việc dẫn dắt trang trại ngày một phồn vinh trên đường kinh dinh. Cũng với sự tận tình như vậy, ông chăm sóc, huấn luyện con Tuyết, con Múc cùng một bầy năm sáu con chó săn khác. Tuyết và Múc càng lớn càng khác biệt nhau. Cùng vạm vỡ cao lớn, cùng nồng cuồng với thiên chức săn đuổi tìm diệt, song con Tuyết được chủ nó yêu quý hơn con Múc nhiều. Tuyết biết phán đoán, ứng

xử hầu hết ý chủ. Nó gần như hiểu tiếng người. Ngoài chức trách dữ dằn, quyết liệt và man rợ trong săn bắt, nó rất dịu dàng, quán quít con người. Chỉ cần dậy bảo đôi lần, nó biết mừng đón và vái chào, biết canh phòng và làm vui lòng ông chủ. Nếu cần sai nó lấy đôi dép, lấy con dao, lấy chiếc diều cày, nó làm rất khéo. Nếu cần thúc nó trừng phạt gia cầm và gia súc, nó tuyệt đối làm vừa ý chủ.

Còn con Múc thì hoàn toàn ngược lại.

Nó không hề thua kém Tuyết về khoản săn đuổi, vật lộn và cắn xé. Nhưng chỉ thế thôi. Nó đứng đưng với những việc mà con Tuyết say mê. Nó không quán quách bên chân chủ, không biết chào đón, lại càng đần độn với những việc chủ muốn sai khiến. Trong cái trại đông đảo người này, nó chỉ thân thiết và gắn bó với riêng cháu Quỳnh. Mỗi lần cháu Quỳnh lên đồi sim, hoặc vào rừng, nó thường đi theo, nửa bước không rời. Những lúc tiễn cháu Quỳnh đi học rồi, nó thường quay về nằm duỗi dài chân ở đầu thềm đồng tai nghe, chăm chú nhìn. Nó nghe gió ngàn, nghe suối reo, nghe mọi động tĩnh trong rừng sâu. Đầu mũi ướm bóng của nó luôn luôn nhún động, để như nắm bắt, như phân biệt, như tận hưởng mọi thứ hơi lạ theo gió lùa tới.

Nó thờ ơ như vậy, dãn dãn, nó bị ông chủ ghê

lạnh. Ông quên đi những công lao của nó, chỉ còn biết câu gắt quắt tháo mỗi khi nó lì lợm không chịu xua đuổi đàn gà quấy phá vườn rau, hoặc không chịu xua đuổi lũ gia súc đang tứ tán trên đồi. Tình hình xấu đến nỗi, ông đã quất cho nó vài ngọn roi da, khi nghi ngờ nó sơ tãi mất hai con gà giống Đông Cảo, mà ông lặn lội về mãi miền Từ Hồ mới mua được.

Trong nghề săn bắn và nuôi dưỡng chó săn, ai cũng biết rằng người ta tuyệt đối tránh ngược đãi chó của mình. Sự trung thành sẽ mất đi, nếu con chó bị trừng phạt oan uổng. Một con người tinh ranh và sáng suốt như thiếu tướng Hồng Quyền mà cũng phạm phải sai sót đó, thật đáng buồn biết chừng nào.

Sở dĩ ông thù ghét nhưng chưa nỡ ruồng bỏ con Múc vì hai lý do. Thứ nhất, ông sợ cháu Quỳnh buồn. Ông yêu thương và quý báu cháu Quỳnh, còn cháu Quỳnh thì lại quý mến con Múc như một bạn nhỏ thân thiết. Thứ hai, hồi đầu năm, con Múc lập được một chiến tích có thể xem như là phi thường được.

Những ngày xuân, mưa phùn và nắng ấm, làm cho rừng già trở nên tươi rói vì những búp non và chồi non. Tại các nẻo đồi mươn mướt từng đợt cỏ xanh mềm như nhung lụa. Muông và thú trong rừng sau đợt nghỉ đông hoặc ngủ đông dài dặc, bây

giờ bình tĩnh, nhện nhíp kiểm ăn, tìm đôi, phối giống và sinh sản.

Một đàn lợn rừng từ bên kia sông Đà, đã ủa sang bên này. Các đôi lạc, đôi dứa của trang trại bị lợn rừng tàn phá nặng nề. Ông Quyền cùng Quý, con trai thứ ba, quyết định rủ nhau đi săn bắt đàn lợn rừng tệ hại kia. Lợn rừng chậm chạp, chỉ cực kỳ hung hãn khi bị dồn vào tử địa. Có khoảng sáu con họp thành đàn, đang trũi húc vào các luống lạc. Khi phát hiện ra có người và chó vây bủa, chúng mở đường máu lao về phía sông Đà. Chúng đi, tựa sườn vào nhau, hai nanh dưới to bằng ngón tay trỏ, nhe ra, lông bờm dựng đứng. Đàn chó phân vân, không biết nên tấn công đàn lợn bằng cách nào.

Những mảnh đạn ghém tuy trúng đích cũng không khiến chúng ngã được, bởi lớp mỡ quá dày.

Bản thân vị thiếu tướng cũng có phần lúng túng, chưa có cách nào để đạt kết quả tối ưu. Trong khi đó, đàn lợn vẫn rất trật tự, tựa sườn vào nhau mà lần lượt xuống sông bơi đi hết. Riêng có con đầu đàn khổng lồ, không hiểu sao nó lại không lao xuống nước. Nó dừng chân bên bụi lau, và quay đầu trở lại. Đôi mắt nhiều lông trắng của nó long sòng sọc. Nó tru hộc lên, những chiếc lông cứng và dài như lông nhím dựng đứng suốt từ gáy tới lưng.

Hai chiếc nanh trước trắng bóng, cong cong của nó chìa ngược lên trời có vẻ đe dọa không thể không làm ta rung mình.

Con Tuýt bị chủ thúc xông lên. Chính nó cũng trần trụi. Bởi vì giống chó săn thường chỉ đánh vào điểm yếu nhất của đối thủ là hầu họng. Với lợn rừng, lại là chuyện khác. Nó hầu như không có cổ. Lớp mỡ dày đặc ứ bự quanh vùng mặt, nối liền bả vai và xương ức.

Bị hồi thúc vì lệnh chủ, con Tuýt nhảy vào. Nó ngoạm đúng phần má của con môi. Nhưng nó đã bị trừng trị trở lại. Con lợn rừng chỉ hất mạnh cái mũi lên, hai chiếc nanh nhọn đã đóng ngáp vào xương sườn con Tuýt. Con Tuýt rùng lên đau đớn, nhưng nhanh nhẹn, nó vùng thoát rồi chạy về bên chủ, máu chảy đầm đìa. Ông thiếu tướng kinh hoàng vì dấu sứt một của ông chiến bại. Ông lập tức nâng khẩu AR15 lên. Cùng lúc ấy con Múc đã xông tới. Ông liền ngừng lại để xem bản lĩnh của con Múc. Con Múc hiểu rằng, qua cú đòn đau của con Tuýt, nó không thể ngoạm cổ con lợn rừng được. Nó liền chạy vòng tròn quanh con môi. Con lợn rừng hung tợn và lì lợm cũng xoay tròn thân mình, đôi mắt trắng sáng không rời con Múc. Bất thành lĩnh, đang đà chạy bình thường, con Múc nhảy vào con lợn. Nhưng khi gần tới cổ lợn, nó ngoặt người đổi hướng và đập rất chính xác vào

cẳng chân sau của con mồi. Tiếng xương gãy nghe ròn lắc rắc. Con mồi rống lên, nhưng con Múc đã vọt được ra xa. Lợn rừng hung tợn lên gập trăm lần. Nó khập khiễng nhưng nhanh nhẹn xông vào tấn công bất kỳ ai. Cũng may hôm ấy tất cả đều ở trên mình ngựa, nên bầy ngựa nhảy rạt ra khá nhanh nhẹn. Cơ hội tốt đẹp đó tạo thuận lợi cho Múc. Trong khi con lợn xông theo con ngựa của ông Quyền, thì từ mé sau, con Múc băng tới, và ngoạm vỡ xương chiếc chân bên kia của con lợn. Lúc này con lợn mới rống lên thảm thiết. Gãy hai cẳng giò mé sau, nó không còn sức bật sức dươn nữa. Nó nằm bẹp xuống, điên cuồng rui răng nanh vào đất đá, làm cho đất đá bị lõm thành một hố sâu. Phần còn lại, Múc dành cho người và bầy chó kia kết thúc. Nó đứng im, vừa thở vừa ngắm nghía con mồi bị nó đánh gục.

Sau cái chuyện đó, ông Quyền, với con mắt người đi săn thấy rằng ở con Múc có nhiều tiềm năng ghê gớm, mà chỉ khi lâm sự nó mới bộc lộ ra. Còn với cặp mắt của người chủ, ông vẫn không xoá bỏ được mối ác cảm đối với "tên đầy tớ" ương bướng này.

Trở về trại, ông chăm sóc chu đáo cho vết thương của con Tuýt, nhưng việc cần phải làm là ban thưởng cho con Múc thì ông không làm.

Năm trước lên thăm và ở chơi cùng ông ở

Chòm Trại, tôi đã thân ái nhắc nhẹ ông về tính công bằng, và sự cần thiết phải gạt bỏ thành kiến. Song, ông bạn già của tôi vốn không thể cao cả hơn thượng đế được mà chính thượng đế thường rất bảo thủ. Ông cười, chế nhạo lại tôi:

- Trừng phạt và ưu ái là hai mặt của sự chăm sóc và gây dựng. Nếu con Múc muốn tôi ưu ái thì nó hãy ngoan ngoan như con Tuýt. Tôi có hẹp hòi gì đâu? Mà, có nực cười không nhỉ, khi anh thấy cần giảng dạy cho tôi về mặt nuôi dạy chó săn?

- Về việc đào tạo chó săn thì anh hơn tôi không chỉ một, mà là hàng vạn lần. Tôi chỉ lưu ý anh về tính di truyền sinh vật. Theo anh kể, bố nó là giống chó rừng thuần chủng. Còn mẹ nó là nòi giống của loại chó tinh quái có nguồn gốc hàn đới xa xôi, đã được thuần hoá. Con Tuýt được thừa hưởng cái gien máu của mẹ nó quá nhiều. Còn Múc thì ngược lại, nó giống bố nó từ thể hình, màu lông và tính cách, Ở nó tính "rừng" đậm hơn tính "nhà".

Thiếu tướng cười vang vọng, đắc thắng:

- Theo ý anh thì con hổ và con voi rừng có mang tý tính "nhà" nào không? Vậy mà người ta dạy nó làm xiếc được đấy. Vấn đề là nó có ngoan ngoãn không? Có phục tùng không?

- Nhưng anh đã có tình thương yêu và tính kiên nhẫn của những nhà dạy thú chưa?

Ông tướng già quen với việc ra mệnh lệnh lúc

này mới im bắt. Ông trầm ngâm giây lâu, đoạn vỗ vai tôi:

- Nay, mình tặng con Múc cho ông đấy!

- Tặng tôi?

- Mình rất thực tâm. Có lẽ ở cùng ông thích hợp cho nó hơn.

- Ôi, cảm ơn tình bạn của anh. Nhưng tôi biết dùng nó vào việc gì? Chả lẽ để nó canh chừng những con sâu mọt đục phá cái bàn viết của tôi à? Vả chăng, tôi biết kiếm đâu ra thịt sống để nuôi nó, trong khi chính tôi cũng chả có thịt mà ăn?

Chúng tôi lại cười, và cùng cười rồ rộ. Nguyễn Hồng Quyền không phải con người lúc nào cũng cố chấp. Ông ta chỉ bướng bỉnh lúc nào sự ngu dốt bị xúc phạm. Trộn lẫn trong tim ông có tính hồn nhiên, phóng khoáng, tự phụ và hiêu thắng, nên nói chung, ông ta không giận bực gì lâu. Sự hào phóng và khoáng đạt vẫn là phong thái chủ chốt của ông.

Tuy chưa hoàn toàn gạt bỏ sự căm ghét con múc, song ông xem chừng cũng muốn mỗi quan hệ xấu ấy được đổi khác đi. Một hôm, để con Tuyết ở nhà, ông gọi riêng con Múc ra sông tắm cùng ông. Chủ và chó cùng bơi lội đùa nghịch. Ông ôm con Múc vào vòng tay, ngắm nghía những sợi lông dưới cằm nó. Ông sờ nắn những cái móng đã thoái hoá ở cổ chân nó (phương đông gọi là huyền đề).

Lúc đầu con Múc le lói ánh mắt đề phòng người chủ. Chưa khi nào nó được ông gần gũi, xoa vuốt như lần này. Nên với bản chất rừng, nó hoang mang nghi ngờ ông. Cử chỉ của nó rất e dè, thận trọng. Có lúc tưởng chừng như nó sắp sửa muốn liếm tay, liếm mặt ông già, nhưng khi gần sát ông, nó liền đứng khựng và trở lùi. Lưỡi nó lè dài, mắt nó rùng rục ngấm thẳng vào mắt ông. Người và thú cùng dò xét nhau và cùng chưa xoá bỏ được định kiến. Con Múc không biết nói, cái đó đã hẳn. Những cử chỉ để giải tỏa lòng trung, nó cũng không thạo nữa. Nó biết làm sao đây để ông chủ hiểu rằng mặc dù bị ông ghẻ lạnh, ruồng rẫy, nó vẫn yêu mến ông, vẫn muốn gắn bó với cái trang trại này, cái cơ ngơi này.

Một đêm mưa rét, khi con Tuyết và bầy chó săn kia đi tìm nơi ấm áp ngủ ngon, con Múc đã phát hiện thấy một con báo gấm đang quần quanh ngoài hàng rào mắt cáo, tìm lối vào trại. Nếu là con Tuyết hoặc chó khác, đã sủa ngậu lên, báo hiệu cho chủ. Với Múc, nó không ồn ào thế. Nó sù lông, nhảy vút tới bên bờ rào, đôi mắt toé lửa. Con báo gấm, một ác thú nham hiểm bậc nhất của rừng sâu, vừa găm giữ nhẹ nhẹ, vừa chạy đi chạy lại tìm một lỗ hổng to rộng. Con Múc cũng găm giữ nhẹ nhẹ, bám sát con báo gấm từng bước chân để ngăn chặn. Nếu không có hàng rào tre khoẻ khắn, chắc

chấn đã diễn ra một cuộc cầu xé dầm máu, mà phần bị thảm hẳn thuộc về con Múc. Bởi vì chó rừng, dù hung hãn, đồ sộ tới mức nào cũng không phải là đối thủ của báo gấm. Khi đói khát, bị cơn đói cồn cào kích thích, báo gấm dám liều lĩnh tấn công và cắn xé cả cạp rừng.

Cứ như vậy, hai con thú trong cái thế đối chọi qua lếp rào tre, suốt đêm mưa gió. Đã mấy lần báo gấm định leo trèo hàng rào cao. Nhưng nó biết rằng khi leo rào, nó sẽ bị phơi bụng ra. Một ác thú nham hiểm đâu có dại dột vậy.

Lúc trời tang tảng sáng con báo gấm đành rống lên một tiếng căm hờn, vút thẳng vào rừng. Con Múc ướt sũng, mệt mỏi bơ phờ, trở về nằm dài ở cửa buồng cháu Quỳnh.

Chính cái lần ấy, khi thấy con Múc rũ rượi, thảm hại vì suốt đêm căng thẳng, ông chòm trại đã chỉ vào mặt nó mà mắng:

- Mày giấu đôi gà Đông Cảo của tao ở góc nào, hang hốc nào. Đêm qua mưa gió lên đi làm một bữa hả hê phải không?

Chiến công quét ngã lợn rừng đầu đàn làm cho mối quan hệ chủ và chó có phần đẹp hơn. Nếu cứ cái đà ấy, cái đà mà chiến tích của Múc ngày càng vượt trội Tuýt, thì số phận của nó sẽ đẹp đẽ nhường nào. Nhưng hơi ơi, định mệnh của nó nghiệt ngã, số kiếp của nó có chứa sẵn

một kết cục ảm đạm, nên đã xảy ra một việc cực kỳ phi lý như sau:

Vào độ rằm tháng bảy, khắp nơi người ta náo nức sửa soạn cúng lễ vong hồn tiên tổ. Về phần mình, ông thiếu tướng với cương vị chòm chóp của trại, ông làm hẳn cỗ thái lao, để trước là tỏ lòng tri ân tổ tiên, sau là ban ân cho con cháu. Thái lao, theo tục cổ là lễ tam sanh, gồm có một trâu trắng, một ngựa trắng và một dê trắng. Ông Quyền không thể quá ư nệ cổ, nên biến báo đi chút ít: một lợn trắng, một dê trắng và một gà trắng. Thế, e là cũng quá linh đình rồi. Dê và lợn đã được quay hồng. Gà thì được rán chín cả con. Tất cả bày đặt trên bàn thờ tổ.

Con Tuýt quanh quẩn dưới gầm bàn thờ. Mùi vị thịt rán kích thích vị nó dữ dội, xưa nay nó chỉ biết mùi thịt sống và cũng chỉ ăn toàn thịt sống. Người nuôi chó săn thường dùng máu nồng và thịt gầy để kích thích tính hăng say xâu xé. Chưa bao giờ Tuýt được ngửi hít hương vị thơm tho lạ lùng đến thế.

Trên gian thờ tổ vắng ngắt.

Cánh mũi của Tuýt phập phồng mở rộng. Nước rớt nước dãi của nó lều rều theo đầu lưỡi nhỏ xuống đất. Bằng một động tác còn nhanh hơn ma quỷ, con Tuýt nhảy lên ban thờ, ngoạm chắc lấy con gà quay, rồi vọt ra cửa. Nó toan tính phóng

thăng ra nơi vắng vẻ bên bờ suối.

Tại hiên hè, nó gặp con Múc đang nằm ở buồng cháu Quỳnh. Cũng lúc đó, tiếng đế ửng của ông chủ thậm thịch nơi xa. Nó vội nhả con gà quay ra, nhảy tót vào cửa ngách, rồi êm như động tác của mèo cái, nó vọt qua cửa sổ, mất hút.

Ông thiếu tướng tròn xoe mắt nhìn con gà thái lao có vết răng chó bập vào, rồi ông trừng mắt nhìn con Múc nằm gần đó. Giận sôi sùng sục, ông vào nhà ngang lên tiếng gọi vợ con. Đoạn, ông rút chiếc roi gân bò, chạy đến bên con Múc.

Múc không hiểu người ta định làm gì, song nó linh cảm thấy sự chẳng lành. Nó đứng phất dậy toan mừng chủ chút ít thì một loạt roi da xiết bồng trên lưng nó. Con vật rú lên thê thảm, nhảy vọt ra sân, nhưng vẫn còn bàng hoàng ngơ ngác, chưa dám chạy xa hẳn. Chỉ đến lúc nhác thấy ông chủ giăng lầy khẩu súng hai nòng trên tay cậu Quý, thì nó hiểu rằng không thể chậm trễ chút nào nữa. Từ cái "gậy" sắt ấy nó đã thấy toé lửa nhiều lần. Sau lúc toé lửa, có bao muông thú giãy giụa tan xác.

Bởi vậy, nó dồn hết sức lực vào bốn cẳng, luồn lỏi qua dây chuồng gà, chuồng lợn, rồi vượt qua cửa rào, nó lao thẳng về phía rừng. Sau lưng nó, vang lên những tiếng nổ đoàng đoàng, tiếng chiu chiu xé gió bên tai nó. Bản năng sinh tồn giục nó chạy miết. Cũng chưa khi nào nó chạy tinh khôn

như lần này. Không kẻ chỉ, không thẳng băng, mà ngoằn ngoèo đổi hướng. Có lúc tiếng đạn sạt sạt trên lưng, nó nằm lăn ra, giả tảng chết. Rồi thỉnh linh lại vọt lên, băng đi như một vệt đen mờ ảo.

Vào tối rừng, nó đứng lại quay nhìn xóm trại. Nó thoáng thấy ông Quyền và cậu Quý trên yên ngựa. Dẫn đầu đàn chó săn tầm thường là con Tuýt - anh ruột nó, kẻ xảo quyệt đáng ghen đời với nó. Thế là nó chạy thẳng, chạy mãi vào rừng sâu, sang tận bên kia núi Ba Vì.

Từ đó nó trở về với cuộc sống hoang dại mà tổ tiên nó xưa kia hằng sống.

Ngồi một lúc, chúng tôi cùng nghiêng người, nằm chống tay trên nệm cỏ. Xa xa, ba đỉnh núi màu lam sẫm như lách qua những dải mây trắng mà chìa chọc nền trời xanh. Núi non Ba Vì thuần một màu đen sẫm của rừng già. Về gần miền có làng bản, màu rừng nhạt đi dần. Đó đây từng vệt lá cây màu vàng màu đỏ xín và màu xanh non non của rừng cọ, rừng sơn.

Thiếu tướng Quyền gõ gõ đầu thuốc, gầy hết lượt tàn tro, đoạn nạp thêm môi sợi mới. Ông nheo mắt nói với tôi:

- Lúc này anh cứ gắng hỏi xem tôi mời anh lên để săn bắn con thú gì. Tôi nói thật ra, e rằng anh ngạc nhiên.

- Con Múc?

- Chính thế. Anh nhanh ý đấy.
- Quả thật không còn gì khiến tôi kinh ngạc hơn. Con Múc vẫn còn sống, anh cứ để cho nó sống. Nó đã giúp ích anh không ít. Anh hãy rộng lượng cho nó được tự do.

- Tôi cũng có ý quên nó đi. Nhưng nó làm hại tôi quá chừng. Tôi không thể không diệt nó.

- Làm hại?

- Chừng một năm nay, nó thường xuất hiện ở bìa rừng. Có lúc nó còn mò vào trại. Thậm chí nó còn dám xông vào buồng cháu Quỳnh.

- Thế thì có gì là tai hại? Nếu như là nó muốn quay về với chủ cũ thì sao?

Chuyện ấy xưa nay thường xảy ra.

- Ông bạn ơi, ông quá đồng cảm với nó đấy. Một năm nay tôi đã mất hai chục gà, bốn đầu lợn và hai con dê sữa đấy. Để khi nào tôi găm vào mình nó trợn băng đạn AR15, rồi tha hồ cho ông thương xót nó.

- Nếu là do cây cáo và báo beo vồ bắt thì sao? Chẳng có chó rừng nào kênh nổi dê lợn đâu, nhất là lại kênh qua hàng rào tre nhà anh.

Thấy mình đuối lý, ông chòm trại đỏ mặt, châm thuốc hút:

- Cứ cho là beo báo tha dê và lợn đi, còn những con gà? Anh không thấy là con Múc nó rất háu thịt gà à? Đôi gà Đông Cảo và con gà

Thái Lao... anh đã rõ rồi đấy!

Đến lượt tôi đuối lý. Tôi im lặng hồi lâu. Lòng tôi bồn chồn và buồn bã. Tôi chợt thấy tiếc công tiếc việc ở dưới Hà Nội. Té ra tôi lên đây là để chứng kiến cái kết cục mạng sống của con Múc.

Thiếu tướng hỏi tôi:

- Sao, ông nghĩ ngợi gì vậy?

- Không. À, mà con Múc giờ đây nó thế nào? Ông đã đích mắt nhìn thấy nó chưa?

- Rồi. Tôi lại bắn trượt nó hai lần nữa. Thật là một con chó quái quỷ lạ lùng. Nó to lớn gấp rưỡi, hung dữ gấp mười, còn nhanh nhẹn thì gấp trăm.

- Để sinh sống và tồn tại giữa bầy ác thú trong rừng sâu, nó cần phải trưởng thành như vậy. Nó không thể không độc dữ hơn.

- Anh cứ vẫn bênh nó chằm chặp.

- Tôi tiếc rằng anh đã bắt công với nó. Trong trường hợp bị hất hủi, bị hằn thù như vậy, đến con người cũng không thể không biến đổi tính cách, hướng chỉ một con thú.

Chúng tôi lại lên ngựa. Con Tuyết lại dẫn đường. Có thể do cách nói năng bộc trực của tôi, khiến bạn già không vui. Dọc đường ông chẳng nói một câu nào. Bởi vậy, tôi biết mình sai lầm. Định kiến của con người quen bệnh quyền uy kia là không thể thay đổi. Tôi tỏ lòng thương tiếc con Múc nhiều quá, điều đó chỉ khiến ông Quyền càng tăng thêm

quyết tâm hạ sát nó mà thôi.

Thấy chúng tôi phi ngựa về đến cổng trại, bà Quyền và đàn con cháu ra tận sân chào đón. Bà, năm nay đã ngót sáu mươi. Vóc người mảnh mai, nhỏ nhắn, nên trông bà không đến nỗi già nua như tuổi tác. Trên vẻ mặt thanh tao của bà vẫn còn những đường nét vốn xưa xinh đẹp. Song, ở bà, điều hấp dẫn người ta chính là phong thái đôn hậu, hiền từ của bà. Cạnh bà là cháu Quỳnh, cũng mảnh mai hiền từ, cũng gương mặt trái xoan, trông cháu giống bà ngoại như đúc.

Cháu nhảy bổ vào lòng tôi:

- Cháu chào ông trẻ. Ông có khỏe không ạ?

Tôi nâng bổng cháu lên, rồi hạ cháu xuống:

- Cảm ơn cháu! Ông trẻ vẫn khỏe. Còn cháu cứ mỗi năm lên đây, ông lại thấy cháu như ăn nhâm phải bột nở ấy. Cao bằng bà rồi đây này.

Cả nhà cùng cười ròn rã. Bà Quyền hào hứng nói:

- Ấy, ông cứ quả cháu thế. Cháu lại bé đi mất!

- Nghe nói cháu bị con Múc làm cho sợ hãi, phải không?

Cháu Quỳnh cười như nắc nẻ:

- Cháu chả việc gì phải sợ hãi con Múc cả - Cháu ghé sát tai tôi, thì thảo - Rồi cháu sẽ kể mọi điều về con Múc cho ông trẻ nghe. Chứ mỗi lần nhắc đến con Múc, ông ngoại cháu ghét lắm!

Thiếu tướng Quyền quát to:

- Quỳnh, mày nói gì ông phỏng?

Cháu Quỳnh vội vàng "không ạ" rồi lên ra nấp sau lưng bà. Bà Quyền xót cháu, cần nhằn chồng:

- Khiếp cho ông! Làm cháu mặt xanh mặt vàng chạy cả lên mặt thế này này. Bà quay sang phía tôi, cười - Lên đây, ông giúp tôi một tay, cạo cho ông ấy bớt cái nóng này đi.

Ông Quyền hỏi vợ:

- Cạo tôi? Cạo đầu tóc, hay cạo râu ria?

- Cạo cái cặp mắt gườm gườm của ông ấy!

Ông già cười khà khà.

Một chút xung đột ý kiến không làm sút mẻ tình bầu bạn giữa chúng tôi. Chỉ vài câu chuyện vui vui, hoặc vài ván cờ là tất cả sẽ qua đi như mưa rào ngày hạ. Nói chung thì, theo ý tôi, Nguyễn Hồng Quyền là một người biết chơi đẹp, biết ăn ở, biết cư xử. Trên đời còn nhiều những mẫu người đáng chán hơn; hãnh hợm một cách ngu si, thông thái trong tưởng tượng, hào phóng có điều kiện, và ngủ say li bì trên hào quang giả trá.

Chúng tôi đi bơi, đi câu cùng nhau. Ông dắt tôi đi xem tận mắt những máy ép mía do ngựa kéo, rồi máy ép dầu lạc, dầu sả. Ông còn dự định chế tạo một loại xà phòng dùng nguyên vật liệu địa phương. Tôi vui và chúc mừng ông về tất cả mọi

điều ấy. Ở ông hiện rõ những ham muốn vật dục chủ nghĩa. Nhưng dầu sao cũng là còn muốn làm việc, còn muốn sáng tạo, muốn sinh lợi. Thế chẳng có ích cho đời hơn là chỉ ngồi ôn lại quá khứ hào nhoáng đã xa xôi sao?

Duy có điều tôi mong muốn được biết là kế hoạch vây bủa con Múc. Ông già chỉ tỉnh quái, lim dim mắt, cười ruồi, rồi lảng sang chuyện khác. Tôi làm sao yên tâm được. Tôi biết rằng chỉ khi nào găm đủ cả băng đạn vào mình con Múc, ông Quyền mới có thể ăn ngon ngủ yên. Lay chuyển ý định phi lý trong đầu ông thiếu tướng, có lẽ còn khó hơn vắn đả tảng ngược tới Ba Vì.

Người được gặp gỡ con Múc nhiều nhất lại chính là cháu Quỳnh.

Chuyện đáng buồn xảy ra với con Múc khiến cháu giận dữ với ông ngoại. Cháu khóc liên mấy ngày, bỏ ăn mất ba bữa, và ngẩn ngơ thương tiếc không lúc nào nguôi.

Hơn nửa năm sau. Một hôm cháu lên đồi kiểm sim chín và hoa rừng thì bất ngờ cháu gặp con Múc đứng ngay trước mặt cháu và ve vẩy đuôi chào mừng. Quỳnh không tin vào mắt mình nữa. Cháu nhìn chó, sợ hãi. Con Múc lông lá xồm xoàm, bản thủ quá và dữ tợn quá. Thấy con thú cứ ngoáy tít đuôi mãi, cháu bạo dạn hỏi nó:

- Mày có phải là Múc không? Nếu là Múc thì

lại đây với mình! Nào!

Nói xong cháu ngồi xuống, dang hai tay ra. Con Múc xô vào người Quỳnh hơi mạnh, làm cháu suýt ngã ngửa ra. Đôi bạn thân thiết ấy, làm mọi cử chỉ có thể làm để tỏ tình nhớ thương nhau. Con Múc hôi tanh nồng nặc, nhưng Quỳnh cứ để mặc nó liếm lên má, lên tóc cháu. Cháu ứa nước mắt, hỏi nó:

- Bạn ở rừng sâu à?

- !

- Bạn có khổ với lũ hổ báo không?

- !

- Bạn có bị đói luôn không?

Con chó chỉ biết rít ừ trong họng, cà sát bộ lông vào người cô chủ của nó.

Phải nửa tiếng sau, Quỳnh mới buồn rầu rời chó.

- Bạn không về được đâu. Ông mình sẽ giết chết!

Con chó hiểu ý ấy. Nó oảng nhẹ một tiếng. Đôi mắt của nó nhoáng ánh lửa, ve vẩy đuôi một lần nữa, liếm bàn tay Quỳnh một lần nữa, rồi băng vút về rừng.

Từ đó, cứ cách vài buổi, cháu Quỳnh lại lên đồi sim một lần. Lần nào con Múc cũng đợi sẵn. Mỗi lần vậy, đôi bạn lại trù mến ve vuốt nhau, rồi lại bịn rịn chia tay.

Nếu tôi là một cây bút giàu sức tưởng tượng và không biết kiềm chế, tôi sẽ lợi dụng đặc thù của văn chương mà viết vài đoạn thật hay. Tôi sẽ thêu dệt rằng: một lần cháu Quỳnh gặp gấu ngựa ở trong rừng, con Múc đã tung hết sức lực ra để vật lộn với gấu cứu cô chủ. Hoặc giả là: có lần cháu Quỳnh bị trần quán. Con Múc đã bật vọt lên cao. Khi buồng mình rơi xuống nó ngoạm đúng "thất thốn" là tử huyết của giống trần. Nó cắn xé đến nỗi con trần phải từ từ rời bỏ vòng quán, cô chủ nó thoát nạn. Cũng có thể lãng mạn hơn, tôi viết rằng: có lúc người và chó ngồi dưới ánh trăng bên bờ suối, rồi con Múc rúc lên lạnh lạnh từng hồi, gọi bạn tri âm của nó cùng một đàn chó xinh xắn ra chào mừng cô chủ.

Nhưng bởi vốn có tính thận trọng một cách hủ lậu, tôi không thể bịa đặt như vậy. Về mối quan hệ lạ lùng kia, tôi chỉ có thể nói thêm điều này. Một lần, cháu Quỳnh bị cảm cúm nặng. Hơn chục ngày liền, cháu không thể ra khỏi sim gặp con Múc. Nửa đêm cháu nghe thấy có tiếng cào cửa quen thuộc. Cháu vui mừng chạy ra tháo chốt cài. Con Múc tọt vào, âm thầm quán quít cháu Quỳnh. Không may cho nó, con Tuyết và lũ chó săn kia phát giác thấy đã sữa nặng lên, rồi chặn kín cửa ra vào. Con Múc nhe nanh xông thẳng vào con Tuyết như

một ánh chớp. Con Tuyết không ngờ rằng con Múc đã biến đổi mạnh mẽ dữ dội nhường ấy. Bị cắn xoạc bả vai, nó lăn ra sữa rống lên. Bầy chó kia kinh hãi không dám nhúc nhích. Con Múc nhảy vọt qua đầu lũ chó săn, biến vào đêm tối.

Ông Quyền đã gạn hỏi cháu gái đủ điều. Cháu Quỳnh chỉ khóc thút thít, không hé lấy nửa lời. Ông liền tuyên bố với cả nhà:

- Con Múc lọt vào trại để trả thù. May có con Tuyết không thì cái Quỳnh bị xé xác ra rồi. Từ nay cả nhà phải cẩn thận lưu ý. Cái giống chó đã thù là thù dai lắm đấy!

Ông băng bó vết thương cho Tuyết, ban thưởng cho nó khá hậu hĩnh: một ký thịt nai rất tươi.

Dù sao trẻ thơ vẫn là trẻ thơ, ông cháu vẫn là ông cháu. Cháu Quỳnh sợ tính ông nghiêm nghị, giận ông xử nặng con Múc, nhưng nó vẫn rất yêu ông ngoại. Ông cháu làm lành với nhau, thân thiết với nhau vì sợi dây huyết thống bí ẩn ràng buộc.

Vào dịp rằm tháng tám, ông Quyền dùng xe máy đưa cháu Quỳnh đi Hà Nội sắm đồ chơi trung thu cho các em nhỏ. Ông còn đưa cháu đi vào lăng viếng di hài Bác Hồ. Cháu sung sướng. Cháu hớn hờ. Trong một phút bông bột hồn nhiên, cháu nũng nịu vò vỉnh ông ngoại:

- Ông ơi, ông cho cháu đón con Múc về nhé?

- Ừ, ông đồng ý, nếu cháu tìm thấy nó?

- Cháu tìm được thì sao nào?

Ông thiếu tướng phì cười:

- Đến mười cái thằng bố mày, đến mười cái
thằng ông mày cũng chả tìm nổi, nữa là...

Qua vẻ mặt và ánh mắt của cháu gái, ông
chòm trại dường như phát hiện ra điều gì. Ông
bèn gặng hỏi cháu gái:

- Cháu thấy nó rồi phải không?

- Vâng ạ.

- Ở đâu?

- Nhưng ông phải hứa với cháu là không giết
nó cơ.

- Ừ, ông hứa!

Cháu gái hào hứng kể cho ông ngoại nghe hết
mọi điều, đoạn kết luận:

- Cháu thấy là nó, con Múc ấy, nó chẳng có lỗi
gì đâu ông ạ.

- Nó ăn gà, ăn dê, ăn lợn...

- Cháu chả thấy tận mắt khi nào. Nhà mình có
nhiều chó hư. Sao ông chỉ nghi ngờ mình nó thôi?

- Nó không vâng lệnh. Nó không chịu sai khiến
như con Tuýt, thế cũng là tội to rồi. Những quân
bướng, cần phải nghiêm trị.

Ngày hôm sau cháu Quỳnh lên đồi sim với
con Múc. Ông già chòm trại lặng lẽ xách súng
đi theo cháu gái, cách chừng ba trăm mét. Cháu
Quỳnh không thấy con Múc đâu. Còn ông già

thì thoáng thấy. Tuy không nhìn rõ hình thù
nó, song ông thấy các bụi sim lay động rần rạt,
ông biết rằng con Múc đã nhìn rõ ông. Nó
chuồn biến như tằm cá mắt hút dưới đáy sông.
Cháu Quỳnh hoàn toàn không rõ gì về việc ông
nó đi theo mé sau cả.

Những lần sau, mỗi khi cháu Quỳnh lên đồi
sim, ông già thường gói cho cháu một ít thịt rán
tẩm bột, bảo đem cho con Múc. Cháu gái cảm
động ứa nước mắt, tưởng rằng ông ngoại đã
thực sự hồi tâm chuyển ý, sẽ cho đón con Múc
về. Còn ông già cũng rất vui sướng khi cháu gái
khoe với ông rằng con Múc đã ngón sạch sành
sanh gói thịt rán, đến nỗi không còn tí mỡ dính
lá chuối.

Một buổi chiều, tôi sang làng Ngọc Nhị,
thăm mấy người bạn cũ trở về. Vào đến sân, tôi
ngạc nhiên khi trước mắt tôi là quang cảnh sửa
soạn đi sẵn: người ngựa, súng ống, dây chèo và
đòn khiêng. Bầy chó săn ngồi thành vòng tròn
đợi chủ. Con Tuýt lảng sang chạy đi chạy lại.
Nó ve vẩy đuôi, đứng ghéch ghéch mắt nhìn
chủ, chờ đợi sai khiến, hoặc đi giám sát từng
con ngựa, cứ y như nó là một viên phó quan
của cuộc săn vậy.

Thiếu tướng với vẻ mặt đỏ gay, cặp mắt lóng
lánh có nhiều sợi lông mày bạc trắng cong rú

xuống quanh mi. Mỗi lần mở cuộc săn bắn, ông thường có vẻ say sưa, kích động như vậy.

Tôi hỏi lại ông:

- Săn gì vào cái giờ chiều này?

- Chó rừng!

- Con Múc phải không? Anh miễn cho tôi can dự vào cuộc sát phạt này nhé.

- Không được! Anh phải thấy tận mắt tôi sẽ chiến thắng sau hai ba lần thất bại.

- Bạn ơi, anh cầm chắc thắng lợi đến thế sao?

- Như cầm tỏi gà trong tay vậy.

Lòng tôi buồn rầu, nhưng tính tò mò thúc giục. Vả chăng, tôi muốn xem sẽ kết thúc ra sao, cái trò quái gở giữa một bên quyết ý tìm diệt và một bên tinh quái né tránh. Chúng ta, con người, loại động vật cao cấp nhất, nhờ có hai bàn tay lao động đã phát triển được trí thông minh. Nhưng sau khi rời bỏ rừng sâu, tiến về đồng bằng xây dựng nên những trung tâm văn hoá, chúng ta đã quay lưng lại, đã phũ phàng và độc ác với rừng sâu. Chúng ta đã tàn huỷ cái nôi sinh ra mình. Chúng ta đã săn bắn, tiêu diệt các sinh vật còn nương tựa vào rừng, mà ngu ngốc không hiểu rằng chúng ta đã tàn huỷ tự nhiên và phá hoại thế cân bằng sinh thái. Các sinh vật, dữ và lành, tồn tại được nhờ rừng rậm. Rừng rậm tồn tại và phát triển được

cũng đã nhờ sự sinh sôi của muông thú. Và cuối cùng, nếu muông thú và rừng rậm không tồn tại nữa, thì làm sao chúng ta có thể tồn tại được?

Thuở xa xưa, con người sống đơn giản hơn. Người ta chỉ biết rằng điều quý ở trên trời là mưa nắng trăng sao, điều quý ở dưới đất là ngũ cốc dồi dào, điều quý ở trong nhà là cháu thảo con hiền. Nhưng ngày nay điều quý lại là châu báu vàng bạc, là uy thế lộng quyền, là sát phạt muông thú và sát phạt lẫn nhau. Hôm qua tôi đau đớn anh đánh đấm tôi. Ngày hôm nay, tôi sung sướng được hành hạ nó. Ngày mai nó hã hê vì trừng trị kẻ khác... Một cơn lốc luẩn quẩn xoáy sâu vào ngõ cụt. Biết bao giờ mới tỉnh ngộ, mới tháo gỡ, mới đồng cảm và yêu thương?

Đoàn săn bắn rầm rập phóng lên đồi sim. Tôi và ông thiếu tướng sóng vai nhau. Cậu Quý và người anh rẽ vòng ra mé sau đồi. Con Tuyết nồng cuồng hăng say dẫn đầu đàn chó-những con chó có hình thể tuyệt đẹp, băng băng nhảy nhót giữa các lùm cây bụi cỏ.

Chỉ chớp nhoáng sau, gọng kìm vây bủa đã siết chặt quả đồi. Tôi kinh hoàng khi thấy cháu Quỳnh đang ngồi khóc. Con Múc nằm dưới thẳng cẳng dưới chân cháu.

Cháu Quỳnh chạy lại bên ông ngoại khóc

nước nở:

- Ông ơi, ông. Con Múc ăn xong gói thịt là nó lẫn ra. Nó sắp chết mất rồi.

Làm sao lại thế, hả ông?

Ông già cúi xuống an ủi cháu gái:

- Không sao đâu. Nó không thể chết được. Thuốc ngủ chỉ vừa liều lượng thôi mà.

- Ông trộn thuốc ngủ vào thịt... ? Trời ơi...

Con chó rừng mềm rũ rụi. Song đôi mắt rực lửa của nó vẫn trừng trừng ngăm nhìn tất cả. Nó hiểu rằng nó đã bị bịt hết mọi ngách sống. Thuốc ngủ liều cao làm tê liệt thần kinh và gân cốt nó. Nhưng từ nơi xa xăm nào không rõ, có thể là từ rừng sâu, có thể là trong từng tế bào máu, nảy sinh ra một ý chí mãnh liệt giục nó phải vượt lên, phải sống còn. Nó còn rống to lên một tiếng, vọt mình lên, phóng căng lao đi.

Lập tức con Tuyết đuổi mé sau. Con Múc vừa chạy vừa ngã. Nó lồm cồm bò dậy, được vài bước lại ngã rúi rụi. Cuối cùng không chạy được nữa, nó quay-phắt lại, nhe bộ nanh ghê gớm, chờ đợi. Con Tuyết và cả bầy chó đã hiểu sức mạnh khủng khiếp của con Múc, chỉ chần vờn nhảy nhót ở khoảng xa, không dám tiếp cận.

Để khỏi mất thì giờ, ông chòm trại nâng nòng súng AR15. Một loạt đạn ngắn gọn rít lên, hoà

cùng một tiếng thét xé trời đất của cháu Quỳnh. Con Múc lăn ra đất, không chút giãy giụa. Nó nhận đủ cả băng đạn từ cổ trở xuống. Máu nó xối tuôn, đỏ sẫm cả bộ lông đen. Đôi mắt nó mở to, vẫn màu lửa nhưng dịu hơn, trong đó có nhোáng lòng ánh mây trắng, trời xanh, rừng sẫm và ngọn Ba Vì uy nghi màu tím đậm.

Có lẽ đã được huấn luyện đầy đủ, nên khi con môi gục xuống rồi, bầy chó săn đua nhau lẫn sả vào, mỗi con đớp cho con Múc một miếng để làm vui lòng chủ với dáng dấp bản thú hèn mạt quá chừng.

Cháu Quỳnh chạy đến cạnh tôi. Thấy quang cảnh thương tâm ấy, lòng dạ trẻ thơ không chịu đựng nổi. Cháu lả đi trong vòng tay tôi. Không rõ có phải tôi hoa mắt hay bị hoang tưởng, tôi thấy vàng trán mịn màng của cháu bỗng như gợn nhiều nếp nhăn sâu, còn mái tóc xanh đen của cháu bỗng như bạc trắng đi.

Thiếu tướng tiến lại, kéo vai áo tôi:

- Về thôi, anh, cháu Quỳnh làm sao thế?

Tôi nói như mình trong mộng:

- Anh bắn giỏi thật đấy. Một cú "đúp" tuyệt vời! Anh hạ sát cả con Múc lẫn cháu Quỳnh.

Ông chòm trại bàng hoàng, kêu lên:

- Bậy nào! Không thể thế được. Cháu Quỳnh có làm sao không?

Tôi nâng cháu Quỳnh lên, đi về phía con ngựa, đoạn nhẩy lên yên:

- Tôi đưa cháu Quỳnh về trước đây. Ông cứ yên tâm. Thân thể cháu Quỳnh vẫn nguyên vẹn. Nhưng băng đạn mà ông bắn vào lòng nhân ái, vào tình yêu thiên nhiên của cháu Quỳnh thì không thể nào cứu chữa nổi.

Tháng 8-1988

ĐÊM NGUYỆT THỰC

Trung Trung Đình

Tôi được cơ quan phân công tới làng Plei-O-K, nơi cách đây hơn chục năm, hồi còn đánh Mỹ có nhiều dịp qua lại. Nhiệm vụ của tôi là phải viết được một bài báo, phản ánh kịp thời về sự đổi mới của bản làng sau mấy năm giải phóng. Làng nằm dưới thung lũng, xung quanh toàn đồng cỏ. Cách đó không xa là nông trường chăn nuôi của huyện M. Nơi đây có nhiều sự tích đánh Pháp và nhất là đánh Mỹ.

Từ huyện lỵ về làng phải đi bộ mất non một tiếng.

Lúc ấy đã hơn sáu giờ tối. Hơn sáu giờ tối trong thung lũng trời chuyển hẳn sang không khí ban đêm. Gió se se lạnh. Tít xa chỉ thấy những mảng đồi và vô khối đường viền lấp lánh do lửa cháy rải rác trong các khe núi hắt ra. Những vệt khói chuyển động dưới bầu trời sao chi chít. Tôi háo hức bước trên đường cái về làng. Phía trước có tiếng reo

hồ huyền ảo và tiếng chinh chiêng âm ỉ. Có cả những tiếng gõ nghe loạn xạ không ra bài bản, nhịp điệu gì. Mới đầu tôi nghĩ, chắc làng đang hội hè hoặc có cuộc vui nào đó. Nhưng càng tới gần càng cảm thấy không phải. Chẳng có cuộc vui nào lại nhiều tiếng gõ, tiếng hú, tiếng hò la đến như vậy.

Tôi bước vào sân làng. Những bó đuốc sáng rực chạy vội vã từ nhà này sang nhà khác. Những tiếng hú nối nhau thảng thốt. Tôi chợt dạ lo ngại. Không phải làng đang vui mà rõ ràng đang có sự cố gì. Vì biết nói tiếng địa phương, nên tôi nghĩ, mình đến có thể giúp gì được bà con.

Tôi hăng hái vào làng và gặp vài người. Tôi chào bằng tiếng địa phương. Nhưng họ chỉ ngoái lại nhìn rất nhanh rồi quay đi, tiếp tục la hét và gõ vào những đồ dùng đang cầm sẵn trên tay. Ngoài sân làng, một người hươ hươ đuốc. Nhiều người cùng cầm đuốc xúm lại. Tôi thấy một cái bóng cao to trao cây đuốc cho chú bé rồi bắc loa tay, hú lên một tiếng rõ dài. Mọi người im phắc. Người đó đứng giữa vòng, chỉ lên trời, nói rất to bằng tiếng Gia Rai.

Anh ta giải thích cho bà con hiểu là, hiện tượng nguyệt thực chẳng qua do mặt trời, trái đất, mặt trăng quay đến một chỗ thẳng hàng nhau, rằng ánh sáng của mặt trời toả ra khuất bóng trái đất, nên ta chỉ thấy mặt trăng có chút xíu thể kia.

Sau đó anh bắt ba em nhỏ đứng thẳng hàng, đưa đầu cầm đuốc, hai đứa kia đứng nghiêm. Nhưng anh không nhớ, cả vòng người quanh anh, hầu như ai cũng có đuốc. Và vì thế, ba cái bóng nhỏ nhoi của ba chú bé ngã nghiêng, chia ra nhiều phía. Dân làng ồ lên rồi toả ra hò hét, la ó.

Tiếng chinh chiêng càng dồn dập hơn. Tiếng hú càng dài hơn. Tôi bất giác nhìn lên khoảng trời trước mặt. Một quầng sáng đen kịt như đang rung chuyển. Cái quầng đen phát sáng ấy gây cho ta cảm giác rùng rợn. Phía sau quầng đen, những ngôi sao sâu hút, le lói. Một mảnh ánh sáng sắc lẹm hơi cong, chập chờn hiện lên, như là rất rõ, lại cũng như là không thấy gì, khiến ta tưởng như đang bị loạn thị vậy. Tôi dụi mắt, nhắm chặt một lúc lâu. Khi mở ra, cảnh tượng vẫn y như cũ. Đây là lần đầu tôi thấy hiện tượng nguyệt thực trên cao nguyên.

Chợt có một cánh tay huých vào ba lô tôi, nhắc nhở bằng tiếng Gia Rai: "Sợ à? Sợ thì làm theo người ta đi!". Tôi quay lại. Người nhắc tôi đã nhảy lên sàn cửa, gõ tới tấp vào mảnh máy bay Mỹ treo trên chái hiên.

Tôi quay ra tìm người cao to vừa giải thích hiện tượng nguyệt thực. Nhưng sân làng đã vắng hoe. Tôi đang phân vân không biết chọn nhà nào để lên, thì thấy nhiều người ủa ra. Cái bóng cao to

khi này bây giờ chạy trước, tới giữa sân anh lại hú, lại hú ấu. Một đám đông xúm quanh. Anh hô to, bảo mọi người tắt ấu. Đêm trở nên huyền ảo với những bóng người và tiếng bàn tán xì xầm. Người ta bệ tới cho anh một cái cối gỗ để làm bệ đứng. Anh nhảy lên, châm một cây ấu, rồi đồng dục gọi tên ba em nhỏ. Ba chú bé tranh nhau đứng trước. Nhưng chỉ cần một cái khoát tay của anh, chúng rất nhanh về đứng vị trí của mình. Dân làng kéo lại chờ đợi. Dường như anh đang dồn hết tâm lực, cố dùng những lời ngắn gọn, dễ hiểu nhất để giải thích một hiện tượng thiên nhiên, không phải để gì người ta chấp nhận ngay được. Anh mặc quần đùi, áo ló! -loại áo do các thiếu nữ Gia Rai thường dệt tặng các chàng trai dũng cảm. Lẽ ra áo ấy phải mặc đồng bộ với chiếc khố có nhiều tua, nhiều đường hoa văn sắc sỡ. Chợt anh hú lên một tiếng ngắn gọn. Chú bé cầm ấu vùng mạnh rồi hạ xuống ngang người. Nó đứng trang nghiêm, hô to bằng tiếng Gia Rai: "Tôi là mặt trời!". Lập tức hai em đứng sau lần lượt hô: "Tôi là trái đất!"-"Tôi là mặt trăng!".

Anh ấu hát ba cái bóng dài chập vào nhau. Dân làng xúm lại chỉ trỏ, cười nói. Anh lại hú giật lên một tiếng ngắn gọn nữa.

Mọi người nín lặng. Cái nín lặng đột ngột khiến tôi cảm thấy như có một sức mạnh của uy

quyền. Sức mạnh mà dù muốn dù không ta vẫn phải làm theo.

Anh lại bắt đầu giải thích. Tôi thấy lần này có hiệu nghiệm hơn. Ba em nhỏ vẫn luôn miệng hô: "Tôi là trái đất!"-"Tôi là mặt trăng!".

Tôi đứng ở vòng ngoài, chờ dân làng tản ra sẽ bám theo anh. Nhưng chỉ loáng một cái, sau khi hỏi người đứng cạnh, biết anh là cán bộ văn hoá xã, thì anh đã không còn trên sân làng nữa.

Người ta chỉ cho tôi nhà anh. Một ngôi nhà không làm sàn duy nhất trong làng.

Trăng sáng trở lại, nhưng phía chân trời xa còn vương một đám mây đỏ thẫm.

Mọi người đã ai về nhà nấy. Đâu đó có tiếng chinh chiêng và tiếng hát trầm. Nếu ta chú ý lắng nghe, có thể nghe rõ lời bài hát.

Anh đang nằm trên chiếc giường tre nhỏ kê sát cửa, nghe tiếng động liền vùng dậy:

- Gì đấy? - Anh hỏi bằng tiếng Kinh.

- Báo cáo anh. - Tôi áp ứng. - Tôi là... nhà báo...

Anh vội vã ngồi dậy, bước vào nhà tròn. Một lúc sau anh cầm đèn dầu ra với vẻ lúng túng. Tôi giả lơ vô tình, đặt ba lô lên thềm và bắt chuyện:

- Nãy nghe anh giải thích hiện tượng nguyệt thực hay quá! - Tôi nói tiếng Gia Rai, hy vọng được anh đón tiếp vui vẻ.

Chợt anh đánh rớt chiếc đèn xuống nền nhà,

vỡ tan. Tôi vội bấm đèn pin giúp anh thu lượm mảnh. Bàn tay phải của anh chỉ còn ngón trỏ và ngón út, một bên má sạm đen, bên kia tấy lên có những chấm trắng. Chắc anh là thương binh, tôi nghĩ. Tôi cố giữ thái độ bình thường. Anh lầu bầu câu gì đó không rõ. Thoáng có mùi rượu. Từ lúc vào tới giờ, anh chưa hề nói với tôi lời nào, ngoài câu "gì đấy" bằng tiếng Kinh. Hai tiếng ấy bật ra không hề ngượng nghịu. Chắc anh ta thạo tiếng phổ thông, tôi nghĩ. Liệu tôi có làm cho anh khó chịu không? Tôi băn khoăn mở cặp lấy giấy tờ, định nhờ anh liên hệ giúp với các đồng chí lãnh đạo xã. Anh ném mảnh đèn vào góc nhà, kéo xê chiếc giường con ra hiên, nói:

- Đồng chí chờ tôi một tẹo.

Anh nói tiếng Kinh, theo giọng miền Bắc. Tôi chưa thấy ai là người Gia Rai nói tiếng Kinh sôi hơn thế. Cái từ "một tẹo" anh dùng, phải là người thạo ngôn ngữ đồng bằng Bắc Bộ lắm. Nhưng tôi lại nghĩ, chắc anh là cán bộ tập kết về. Điều ấy cũng có thể xảy ra. Tôi có tật, cứ mỗi lần lên lại Tây Nguyên, được tiếp xúc với đồng bào là nói tiếng địa phương. Phần vì dễ gây được cảm tình với bà con. Phần nữa, đây là dịp ôn lại vốn từ mà tôi đã có.

- Chắc anh đã ở nhiều miền Bắc? - Tôi vẫn hỏi bằng tiếng Gia Rai. Anh lặng lẽ đặt chai rượu trên

giường và hai cái ly nhựa. Anh rót đầy hai ly, không trả lời tôi mà nhận xét:

- Đồng chí nói tiếng quê tôi thạo đấy. Chắc là từng công tác ở đây?

- Tôi khoe với anh là đã ở vùng này hồi đánh Mỹ. Rằng tôi đã từng được cử xuống làm cán bộ du kích một thời gian.

- Trước ông ở đơn vị nào? - Anh hỏi tiếng Kinh.

Không thể cứ một người nói tiếng Gia Rai, một người nói tiếng Kinh mãi được. Tôi trả lời:

- Trước tôi ở huyện đội M mà.

- Ủa! - Anh reo lên. - Thế những năm nào?

- Dạ, từ sáu tám.

- Từ sáu tám? - Anh tiếp. - Còn tôi là lính K5. Nhưng trước đó kia. Mà thôi nào, mời ông. Chúng mình coi như anh em bạn cũ gặp nhau. Trăm phần trăm nhá!

Tôi cầm ly rượu ráng uống hết. Anh cũng làm một hơi. Tôi lấy mấy cái bánh mì mang theo mời anh. Anh cứ ngồi ngây ra, một lúc bỗng đứng dậy vào nhà. Tôi liếc theo. Anh ăn ở chu đáo, gọn ghẽ. Chợt có tiếng trẻ khóc và tiếng phụ nữ nựng con bằng tiếng Gia Rai. Anh ra, tôi lấy giấy công tác đưa anh. Anh chỉ xem qua, nói:

- Cán bộ xã đi họp trên huyện cả, chỉ còn mình tôi ở nhà vì vợ tôi vừa mới sinh cháu trai khi sớm.

- Thế ạ. Xin chúc mừng anh chị! - Tôi nói. - Tôi

hỏi thật: Hình như anh là người Kinh?

- Vâng. - Anh đứng dậy, linh hoạt hẳn. - Tôi là dân Bắc chính cống đấy ông ạ.

- Thảo nào...

- Hôm nay tôi lên chúc bố, - Anh tiếp. - Lại là bố thằng cu. Mừng quá hoá ngơ ngẩn từ sáng tới giờ. Ông đến gặp dịp vui của tôi, cứ tự nhiên nhé.

Anh cười cởi mở rồi xoa xoa tay, chạy vào nhà trong với cái dáng tất bật đầy sung sướng. Tôi thấy miệng anh bị lệch, hàm răng trên không còn cái nào. Nhưng giọng vẫn bình thường. Anh vừa bước ra đã nghe tiếng chị gọi theo. Anh lật đật vỗ vỗ vai tôi mấy cái rồi quay lưng. Chị nói với anh bằng tiếng Gia Rai: "Ồ kìa, con gà đang muốn theo nước sôi nhảy ra khỏi nồi rồi!". Và chị bảo anh rút bớt củi lửa trong bếp rồi lấy thêm rượu mời khách. Anh đề nghị để chúng tôi uống rượu cần, nhưng chị bảo sợ người khách lạ cười. Anh ra hỏi, tôi đồng ý ngay. Anh lại quay vào. Có tiếng chị mắng yêu anh và tiếng cháu bé khóc.

Rồi lại lặng im.

Tôi cảm thấy lâng lâng, phần vì ly rượu vừa uống, phần vì lây cái vui của anh chị. Trăng giữa tháng sáng tới mức ta có cảm giác không gian rộng hẳn ra. Tôi rút cây kèn ác-mô-ni-ca ra thổi. Tôi thích thổi những bài dân ca Gia Rai. Những bản tình ca của người đi săn. Những

khúc hát đôi nhau của các chàng trai và các cô gái trong dịp hội hè. Những điệu nhảy mừng ngày mùa thắng lợi. Rồi tôi bỏ kèn, nghiêng người tựa vào thành giường hát. Chợt có bàn tay đặt lên vai tôi. Tôi ngừng lời. Anh bắt tay tôi bằng bàn tay lạnh và khen tôi hát tiếng Gia Rai khá chuẩn. Có tiếng chị nhắc:

- Ô người khách mới! Hát đi cho con nít mình mau lớn.

Tôi cao hứng hát tiếp.

Anh đặt ghè rượu sát cửa, lấy lá ủ ra và cắm cần. Chị bê tới một cái rá con bốc khói. Thì ra này giờ anh chị luộc gà. Tôi chào chị bằng tiếng Gia Rai. Chị bẽn lèn gạt đầu. Anh lấy thêm đĩa rau thơm và muối ớt. Chị nắm tay tôi, bảo tôi ngồi xuống chiếu hoa - loại chiếu chỉ những nhà giàu xưa mới có. Anh nói:

- Cả ngày nay bà con mừng tôi hơn chục con gà, ba ghè rượu thơm, một gùi gạo nếp. Năm nay chúng tôi được mùa cả lúa ruộng lẫn lúa nương ông ạ.

Chị vít cần rượu cho tôi, mỉm cười nhìn tôi và anh uống chung một cang⁽¹⁾. Rồi chị vào nhà trong với cháu. Tôi cảm ơn chị. Anh kéo tay tôi, bảo tôi đừng làm khách. Tôi hỏi anh về công việc làm ăn

1. Cang: Đơn vị đo rượu cần của đồng bào Tây Nguyên.

của địa phương, anh cười:

- Khi nào làm việc xin ông tha hồ phỏng vấn. Còn bây giờ ta vui, ta nói chuyện đời...

- Vâng! - tôi vít cần rượu. - Xin chúc mừng anh chị! Chúc mừng cháu!

Tôi nghe rõ tiếng rượu chuyển trong ghè. Bỗng anh buông cần nói với vào nhà trong bằng tiếng Gia Rai:

- Ô em. Tui muốn say rồi! Ngày vui uống chút cho say, được. Ngày thường uống say, không phải người Gia Rai xã hội chủ nghĩa đâu cán bộ phụ nữ nhỉ? ..

Rồi anh cười to và buông cần chạy vào nhà đòi bắt tay chị, khiến chị cười rữ.

Anh bước ra với quả bầu đựng nước. Chúng tôi chế thêm nước vào ghè rồi đặt cang. Anh bảo tôi uống hết. Tôi vít cần thăm nghĩ, phải cố gắng. Anh nhẩy quanh ghè rượu cổ vũ tôi. Cả chị cũng nói vọng ra cổ vũ tôi nữa. Tôi đã làm hết bốn phần. Đến lượt anh, anh ngồi xếp bằng diêm tĩnh, hút rượu từ từ. Cục yết hầu trên cổ anh đưa lên đưa xuống đều đặn. Rồi anh buông cần, nói:

- Ăn thịt gà đi. Vợ chồng tôi ăn từ trưa, uống từ trưa rồi.

Tôi cầm cái đùi gà anh đưa và bắt chuyện:

- Hồi tôi vào huyện đội M này thì K5 các anh

chuyển đi đâu nhỉ?

- Bọn tôi vào trong nước La Pà.

- Thế từ ấy anh có gặp ai bạn bè cũ không?

- Không.

Anh vít cần uống thêm rồi tiếp:

- Mà gặp làm gì...

- Sao vậy anh?

- Chẳng sao cả. Nhưng tôi thích thế. Mỗi người có một hoàn cảnh, một niềm vui, nỗi khổ khác nhau. Nhưng chúng mình. - Anh kéo vai tôi tiếp. Chúng mình đều là lính- Mà lại là lính cách mạng. Tất có cái vui, cái buồn chung, phải không ông?

- Đúng thế, tôi nói- Anh vào Nam năm nào nhỉ?

- Tôi vào sáu năm.

- Anh đã về thăm quê chưa?

- Chưa. Mà mình không về nữa, ông ạ. Mình ở đây suốt đời.

Anh lặng lẽ rút tẩu rồi vào nhà lấy nhánh củi đang cháy. Anh bập thuốc có vẻ khó khăn, nhưng đúng kiểu của người Gia Rai. Tôi cũng xin anh một ít thuốc, dùng giấy pơ-luya quấn hút. Chúng tôi dường như bắt đầu chuyển sang một không khí mới-không khí tâm tình của đồng đội. Anh ngồi xích gần tôi bảo đổ thêm nước từ quả bầu vào ghè. Rồi anh vít cần cho tôi, nói:

- Ông nên nhớ rằng, ông là người Kinh đầu tiên tôi tiếp từ khi bị thương đến giờ.

- Vậy ra anh...

- Chẳng ra sao cả, ông ạ. Tôi vào Nam, đánh đắm được mười trận. Không phải nói khoe, tôi đã ba lần được bằng dũng sĩ diệt Mỹ, một lần dũng sĩ diệt cơ giới. Hai năm liền chiến sĩ thi đua cấp Quân khu. Từ tổ trưởng nhảy thẳng lên trung đội phó. Từ trung đội phó nhảy thẳng lên chính trị viên đại đội. Tất cả những cái đó đều đáng nói, nhưng cũng đều không đáng nói phải không ông?

Bỗng anh quàng tay qua vai tôi. Tôi cũng quàng vai anh.

Tôi nói:

- Anh nói hay lắm!

Chợt anh buông tôi ra, đẩy mạnh vai, nhìn tôi như người lạ:

- Sao? Ông bảo tôi nói hay à? Tôi không nói hay mà tôi nói đúng! Giải phóng rồi, ông được xuống đồng bằng, ông được ra miền Bắc với vợ con ông, với người thân của ông. Vậy mà ông dám bảo tôi nói hay? - Anh lay mạnh vai tôi - Tôi nói cho ông biết - Anh tiếp giọng dứt quãng - Ông sướng hơn tôi nhiều! Ông may mắn... hơn tôi nhiều!

Mắt anh, qua ánh đèn sắp đỏ sọc lên rồi mờ dần. Anh khóc. Tôi lúng túng không biết xử sự thế nào. Bỗng anh dụi mắt vào vai tôi rồi nhìn tôi chằm chặp. Môi anh mấp máy. Hai chúng tôi ngồi lặng thinh. Cái lặng thinh như có lỗ thủng. Trăng

sáng ngằn ngặt. Có tiếng chị cựa mình và tiếng cháu bé khóc. Rồi thật bất ngờ, chị cất tiếng ru. mà chị ru tiếng Kinh, theo đúng điệu của các bà mẹ miền Bắc:

ÀÀ.. a... à... ơi... i - i...

Em xinh... cái đáng a... á-à-à cũng à... à-à... xinh... i-i...

Em giòn... cái tỉnh a... á... a tỉnh tỉnh... a... cũng... à... giòn... à-à-à- ơi...

Tôi sưng sờ cúi xuống. Chị đang ru con hay chị đang nhắc nhở chúng tôi? Chị đang ru con hay chị muốn góp điều gì cho vui câu chuyện? Anh bật cười to và sau đó trở lại trạng thái tỉnh táo hoàn toàn. Những người say rượu thường thế, tôi nghĩ. Thường có những phút tỉnh táo hoàn toàn. Anh đứng bật dậy chạy vào nhà trong lấy ra nải chuối đặt lên đùi tôi, nói:

- Ăn đi! Nhà tôi nó bảo chú ăn đi mà!

- Vâng, cảm ơn anh. Thế chị quê vùng nào nhỉ?

- Vợ tôi người Gia Rai, con Plei-O-K này. Trước công tác ở tỉnh, sau về huyện. Bây giờ thì về xã. Chúng tôi cứ rút dần vào cái tổ của mình ông ơi!

Anh cười rất hồn nhiên. Tôi hỏi:

- Anh dạy chị điệu ru con Bắc Bộ đấy à?

- Nhà tôi thích hát ru với lại thích hát chèo lắm.

- Thế anh có dạy chị hát chèo không?

- Có chứ - Anh vui hẳn. - Tôi còn dạy chèo cho

đội văn nghệ xã. Bà con Tây Nguyên nói chung rất thích hát chèo ông ạ. Đội văn nghệ xã tôi quyết đoạt giải hội diễn sắp tới đây!

- Tuyệt lắm!

Chúng tôi cùng vui vẻ vít cần.

- Ông mà ở lại đây lâu lâu thì hay quá.

- Tôi sẽ ở chung nửa tháng.

- Được đấy! Thế ông đã đánh đám trận nào chưa? - Anh hỏi tôi.

- Dạ, cũng có nhưng chỉ đánh kiểu du kích. K5 các anh thì khiếp lắm!

- Ôi dào! - Anh ngả người ra sau, nói. - Trước tôi là chính trị viên đại đội. Bây giờ là "chính trị viên làng" - Anh cười.

- Hồi bị thương, anh nằm bệnh viện nào đấy?

- Chả bệnh viện nào cả. - Anh kéo vai tôi xuống, tiếp - Tôi nằm cái "bệnh viện Plei-O-K" này.

- Hay nhỉ!

- Hay gì ông? Các ông thì cái gì chả hay? - Anh chống tay ngồi dậy, tiếp. - Đùa chút cho vui chứ trận ấy, đơn vị tôi được trên giao là phải hốt ba cái đồn dân vệ trên trục đường quốc lộ. Hai kho đạn địch cách thị xã K ba mươi kilômét về phía Tây. Nhiệm vụ nhiều, lại phân tán mục tiêu. Đại đội tôi, thực ra chỉ còn hơn chục tay súng. Giờ nổ hiệp đồng với mặt trận không được cách nhau quá mười lăm phút. Tôi chỉ huy mũi chủ công, trực tiếp nắm tổ

điểm hoả diệt kho đạn địch. Chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc, có thể nói như thế. Sau trận đánh, rút về gần tới khu rừng tập kết thì không may, chính ba anh em mũi tôi lọt vào ổ phục của địch. Tôi đi giữa, cậu Chung đi trước. Nó bị thương, tôi thoáng cảm thấy thế. Nhưng nó vẫn phụt được một quả B40 rồi mới hy sinh. Thằng Châu cũng thế. Nó cũng bắn đầu được vài loạt AK. Tôi không hiểu sao lại bật tít vào bụi, cách đó đến gần chục mét! Hình như chúng tôi bị mìn và cả ĐK nữa. Tôi bị ngất khá lâu. Tỉnh dậy, sờ lên mặt chỉ thấy máu. Bàn tay phải bị thiến phăng mấy ngón, còn mặt tôi bị luồng lửa ĐK xoẹt qua! Vâng, chả hiểu sao lúc ấy tôi khoẻ thế? Tôi kéo lê khẩu súng bên tay trái, bò quanh đó tìm Châu, Chung. Nhưng không thấy chúng nó đâu cả. Có thể chúng nó cũng bị thương rồi địch bắt, lúc ấy tôi nghĩ thế. Cũng có thể chúng nó hy sinh rồi bị địch kéo xác đi! Tôi bò quần mãi, chỉ sờ mò thôi chứ mắt có thấy gì nữa đâu! Rồi cũng đến lúc phải tỉnh, tôi bò theo linh cảm vào rừng. Không biết bao lâu nhưng đến khi mở được mắt đã thấy mình nằm bên đồng lửa, chỉ có một khuôn mặt xương xẩu, già nua, râu tóc xồm xoàm cúi xuống. Người ấy dùng nước rửa cây tưới lên những chỗ bông và vết thương cho tôi. Sau này tôi biết điều ấy. Vâng, ông già vợ tôi bây giờ đấy. Hôm đó ông đi săn, vớ được tôi và công về cứu chữa. Ông

già chỉ sống có một mình. Hai người con trai là du kích đã hy sinh, còn mỗi cô út thì công tác xa. Bà lão mới mất trước khi có mặt tôi vài tháng. Ông già sống lầm lì, suốt ngày chỉ nói vài câu cần thiết. Tôi khỏi rồi ở lại với ông, với dân làng. Tôi học tiếng Gia Rai, học việc của một người đàn ông Gia Rai. Tôi không về đơn vị nữa. Tôi về làm gì khi bàn tay không còn cầm nổi súng. Tôi về làm gì, tôi hỏi ông? - Anh lay mạnh vai tôi. - Tôi về làm gì khi đơn vị tôi, anh em đồng đội của tôi đang phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn? Ông ạ, gạo phải tính bằng lẻ tay, muối phải đóng bằng nắp cù là, phải đếm từng hạt chia nhau. Mà nhiệm vụ chiến đấu thì cứ nối tiếp nhau liên miên. Tôi là cán bộ tôi biết. Một đại đội độc lập kiểu đơn vị tôi, lo được cho một thương bệnh binh khôn khổ lắm. Căng thẳng lắm. Vừa quần nhau với địch lại vừa phải bảo vệ thương binh, ông bảo đơn giản sao được? Mình thiếu thốn cần răng mà chịu, kiếm măng, kiếm rau ăn quáng ăn quáng cho xong. Chứ thương bệnh binh mà thiếu, mà đói thì có tội với không những đồng chí mình, mà còn mang tội với Đảng, với dân nữa. Tôi về, mất đứt bốn năm đồng chí chuyên môn lo cho tôi. Hơn thế, số gạo, muối dự trữ phải trích ra chi cho tôi. Mà cái chính là tôi không cầm súng được nữa. Đúng thế. Tôi mà về, anh em mừng cho tôi nhưng lại phải lo cho tôi! Phải nai lưng ra gánh vác

cho tôi. Tôi là cán bộ tôi biết ông ạ. Tôi về là chỉ được thấy anh em mừng là mình còn sống thôi ư? Không! Tôi không về nữa. Thế thôi. Đồng đội hãy tha thứ cho tôi. Lúc ấy tôi nghĩ thế và tôi làm đúng theo ý nghĩ của tôi. Bây giờ cũng thế, tôi sẽ làm đúng theo tôi nghĩ...

Chợt có tiếng chị gọi. Anh chạy vào với chị. Một lúc sau quay ra, nét mặt có vẻ rạng rỡ hơn, anh túm tay tôi:

- Ông ạ, chúng tôi mới sinh cháu trai. Tôi vừa mới bảo nhà tôi sẽ đặt tên cháu là Thực. Rơ Lan Thực. Mẹ cháu họ Rơ Lan, lại sinh đúng bữa nay có nguyệt thực, đặt thế để nhớ ngày hôm nay được không ông?

- Tuyệt lắm! Xin chúc mừng anh chị. Chúc mừng Rơ Lan Thực!

Chúng tôi lại đổ thêm nước vào ghè và đặt cang uống chung. Tôi thấy anh có vẻ mệt nên bảo anh đi nghỉ. Anh cười:

- Ông mệt à? Nếu không thì lo gì tôi. Tôi đã trót nói với ông rồi! Tôi ở lại đây và thành người Gia Rai. Tôi không về quê nữa. Nhưng ông ạ, hồi còn chiến tranh, mịt mù tin tức còn có lý. Giải phóng rồi mà tôi không về. Mà tôi nỡ bỏ quê - Điều ấy lúc nào cũng giằng vặt tôi...

Bỗng anh kéo đầu tôi xuống hôn. Anh vò tóc tôi, tiếp:

- Tóc vợ cũ của tôi dày và đẹp lắm! Mỗi lần chải, cô ấy phải đứng lên giường mà buông tóc xuống. Vợ tôi đẹp nhất vùng, tôi dám nói như thế. Cô ấy là kế toán hợp tác. Hôm về phép trước khi đi B, vừa xuống xe ngang đường, tôi gặp cô ấy. Chà, cô bé lên huyện có việc gì đó, lớp xe đạp bị xẹt. Thấy có người dắt xe, tôi dắt ba lô lên phóc бага. Đi được một đoạn mới có hiệu sửa, tôi bảo vào vá xăm. Cô ấy cứ lúng ta lúng túng. Thì ra cô nàng hết tiền ông ạ. Tôi nhận trả cho. Sửa xong, tôi đèo cô ấy về. Đến gần làng thì gặp nguyệt thực. Tôi dừng xe đứng xem. Tiếng gõ nong nia, thùng múng từ trong làng vọng ra nghe mà rùng rợn. Cô ấy nép sát người vào tôi mà thì thầm: "Gấu ăn mặt trăng!". Hơi ấm từ người cô lan sang khiến tôi ngơ ngẩn. Vâng, tôi đã nắm tay cô gái ấy từ lúc nào. Đến lúc trăng sáng lại, chúng tôi chợt nhớ ra là mặc dù cùng quê, nhưng mới chỉ quen nhau được vài chục phút!...

- Hôm sau cô ấy đem tiền trả tôi - Anh ngừng một lát, rồi tiếp-làm sao có thể nhận tiền trong trường hợp như vậy, phải không ông? Nhưng kể cũng hay! Cứ đưa đẩy mãi hoá ra tình cảm. Rồi chúng tôi yêu nhau. Cứ như tôi về phép chỉ để gặp cô ấy, để cưới cô ấy. Xưa nay, ba anh em tôi đi đâu về cũng ở nhà ông chú. Bố mẹ tôi mất sớm vì nạn lụt. Chú tôi

trông nom chúng tôi thay cha. Hồi ấy thằng em tôi đã đi nước ngoài. Cô út cũng đã lấy chồng, dạy học tận một tỉnh sát biên giới phía Bắc. Tôi định về nhà với chú thím chục ngày rồi lên ngược thăm em gái. Nhưng tình yêu đã níu chân tôi lại. Tôi cưới vợ, khoác ba lô sang nhà vợ ở, điện cho em gái về chơi. Vâng, tháng rưỡi phép cứ như trong mơ. Thời gian đối với tôi chưa bao giờ vụt nhanh đến thế. Khi quất ba lô lên vai chia tay vợ, chia tay làng xóm, lên xe rồi mà tôi vẫn thấy ngỡ ngàng...

- Rồi từ đó anh chị bắt tin nhau luôn? - Tôi hỏi.

- Không. Tôi là thằng chịu khó viết thư nhất đơn vị. Hành quân trên Trường Sơn vất vả là thế mà tôi vẫn gửi đều đặn mỗi tuần một lá. Đến đơn vị chiến đấu, bận hơn thì mỗi tháng một lá. Sau này vì quá căng thẳng, tôi gửi thưa dần, chỉ khi nào có dịp thuận tiện. Tôi cũng nhận được hai lá thư của vợ.. Thế nhưng, từ ngày bị thương, từ ngày tôi quyết ở lại đây thì không thư từ gì nữa! Tôi đã thành người Gia Rai, thành người làng Plei-O-K này rồi. Mà đã thế thì thôi, thì còn thư từ làm gì? Tôi hỏi ông- Anh lay mạnh vai tôi - Tôi chỉ muốn - Anh tiếp. - Ngoài bà con Plei-O-K ra, không ai nghĩ có thằng tôi trên đời này nữa. Hãy để cho vợ tôi, em tôi, chú thím và bà con dân làng quê tôi coi tôi là liệt sĩ. Có lẽ như thế tốt hơn. Tôi

không có ý định lộ mặt ra, mặc dù nhiều lần tôi không chịu nổi. Ngoài nông trường chăn nuôi của huyện kia, khối anh em miền Bắc. Nhất là mấy sư đoàn bộ đội làm kinh tế gần đây lại càng đông. Vâng, đã vài lần tôi ra nông trường chơi, tới chỗ anh em bộ đội chơi. Họ không phát hiện ra tôi là người Kinh. Tôi lân la hỏi thăm, cũng gặp vài anh em cùng huyện. Có hai cậu cùng xã. Nhưng anh em còn ít tuổi quá. Hỏi tôi đi B, chúng nó mới sáu, bảy tuổi. Tôi hỏi chuyện làng xóm rồi đến chuyện gia đình. Nhưng hai cậu đồng hương ấy chẳng biết gì cho rõ ràng cả. Họ hỏi sao tôi biết quê họ với lại quen nhiều người thế? Tôi bảo tôi có được ra Bắc học và sơ tán về vùng quê họ mấy tháng. Và thế là các đồng hương của tôi tin ngay! Một cậu bảo có biết "cái chị ấy" - tức là vợ tôi, và thậm chí biết cả "anh chồng chị ấy" - tức là tôi. Nhưng theo cậu ấy thì hiện nay anh ấy đã hy sinh ở chiến trường, còn chị ấy vẫn hình như vẫn ở vậy. Cậu kia lại bảo hình như chị ấy đã có con với ai đó. Trời đất, cái gì cũng hình như, hình như! Tôi không thể chịu được. Nhưng mà trách ai? Anh em người ta có việc của người ta. Mà dẫu tôi có hy sinh hay còn thì đối với họ cũng thế thôi. Tôi đã mời được hai cậu đồng hương về nhà chơi. Tôi cư xử với anh em theo đúng kiểu của người Gia Rai... Vâng, lúc gặp anh em thì tôi cảm thấy tôi đóng kịch không đến nổi kém. Vậy

mà sau đó chỉ có một mình với những kỷ niệm cũ, ông ạ, tôi không tài nào chịu nổi. Tôi như thăng tâm thần nhưng lại cũng rất tỉnh táo. Tôi nói dối ông già là được trên cử đi học hai tháng. Ông già bán con heo nái đang nuôi lấy tiền cho tôi, không hề nói gì. Thậm chí ông còn vui hơn thường ngày. Sau này tôi mới biết, ông già cũng tính ý gớm. Ông bảo lúc ấy ông đếm được trong đầu tôi nghĩ những mưu mẹo gì? Tôi chỉ nghĩ là đi chừng hai tháng. Về quê, tôi định thế. Nhưng với kế hoạch không lộ mặt cho ai biết. Tôi thêm biết tình hình vợ và hai em tôi, với lại được đi trên đồng làng trong cảnh thanh bình quá! Rồi tôi vào, nhất định thế. Tôi không bỏ ông già và dân làng Plei-O-K của tôi được, có lẽ như thế tôi sẽ yên tâm hơn, phải không ông? Hôm ấy tôi đi sớm. Ra khỏi làng, trời còn mù sương, ngoài lại chỉ thấy những đốm lửa nhấp nhoe. Tôi vừa đi vừa chạy tới bến xe thì sáng. Tôi chỉ mặc độc một bộ đồ bộ đội. Vâng, rủi cho tôi mà, cũng thật may cho tôi. Tôi lao vào xếp hàng mua vé. Chỉ còn hai người nữa đến lượt tôi thì bỗng cửa bán vé sập xuống. Hai chữ HẾT VÉ đập vào mắt tôi như một cái tát! Tôi bấm lòng chờ mua chuyến trưa. Tôi xếp đầu tiên và cố không nghĩ ngợi gì. Thời gian căng thẳng ấy rồi cũng qua. Cửa bán vé vừa mở tôi đã thọc tay, đưa tiền vào. Cô bán vé định bán thì một người nào đó, cũng từ phía trong

phòng hỏi giấy. Tôi không có giấy tờ! Không có gì cả! Tôi bảo tôi là thương binh, đi thăm bạn cũng là bình thường! Người ta hỏi: "Thế thế thương binh của bác đâu?". Tôi đấm ngực: "Thế à? Tôi thế này mà cũng phải thế à? " Người ta vẫn nhẹ nhàng: "Vâng, đã là thương binh thì phải có thẻ thương binh, bác ạ". Tôi nuốt giận đi ra khỏi hàng. Tôi chop mua một nải chuối bằng số tiền định mua vé nằm trong tay, không phải vì thèm ăn, mà tôi cứ mua, thế thôi. Tôi thấy một cháu bé chừng bốn, năm tuổi đứng nhìn. Tôi đưa cả nải chuối, cho nó. Đứa bé bỗng khóc thét lên, còn mẹ cháu thì lao tới, ôm ghì lấy con. Tôi ngơ ngác giây lát và sức nhớ, mình không còn là người bình thường nữa! Tôi nuốt nổi cay cực xuống ngực và cảm đầu đi! Rồi tôi nằm vật trong một bụi cây. Ông già đã lại công tôi về. Ông già theo dõi tôi, ông ạ. Ông bảo tôi đi lọt thì cho đi, nhưng nếu không lọt sẽ có chuyện xấu. Ông già đắp lá rừng mát cho tôi. Rồi tôi cũng trở lại bình thường. Có đến vài tháng, tôi không được khoẻ lắm, đêm nào cũng nằm mơ. Thậm chí cả lúc thức, cả ban ngày nữa! Khi thì thấy thằng em tôi vào. Rõ ràng nó đang đứng ngoài cửa xách cái cặp sách ngày xưa nó vẫn đi học. Tôi chạy ra thì nó biến đâu mất. Tôi quay vào chỗ cũ lại thấy nó xuất hiện. Tôi ngồi im nhìn và nó cũng đứng ngoài cửa nhìn tôi. Tôi quát lên: "Sao chú lại đứng đó? " "Em

vào tìm anh", nó nói nhẹ nhàng. "Không!". Tôi bảo nó: "Chú về đi. Về lo công chuyện của chú đi. Anh không còn nữa đâu!" - "Anh nói gì lạ vậy?", nó nói: "Anh vẫn còn sống. Hôm trước anh đã định về với chúng em kia mà!". "Không!". Tôi bảo nó: "Chú nằm mơ đấy". "Chính anh đang nằm mơ"- nó nói- "Chính anh đang tự dối mình. Anh ngu lắm!". Nó dám bảo tôi thế. "Anh không biết rằng anh đang làm khổ chúng tôi, làm khổ chị ấy và chính bản thân anh nữa". - "Trời ơi", tôi bảo nó " Chú được học rộng biết nhiều mà hiểu về anh hạn hẹp quá. Anh đã là liệt sĩ rồi. Anh hy sinh ngày giờ, năm tháng nào chắc chú đã biết. Chú đã từng cúng giỗ và khóc anh. Vậy mà bây giờ chú nở mắng anh như vậy? Người ta có nhiều cách biểu hiện lòng thương yêu. Khóc là một kiểu và chú mắng anh cũng là một kiểu. Nhưng chú ạ, anh đã hy sinh rồi. Chú hãy cứ tin như thế như chú đã từng tin bấy nay!..." - "Không được!", nó lạnh lùng đáp. "Anh còn sống, em biết. Và chính vì thế, anh đã làm khổ bao nhiêu người. Bây giờ đã đến lúc phải nghĩ lại. Đất nước hoà bình thống nhất rồi. Và anh đã góp một phần xương máu vào sự nghiệp chung. Bây giờ anh có điều kiện được hưởng hạnh phúc. Anh cứ về với bọn em đi! Anh về với chị dâu của chúng em đi!" - "Này", tôi bảo nó: "Chú im miệng ngay đi!". Tôi cũng phải ra về cứng với nó. "Anh

cầm chú không được nói năng như thế. Anh đã là liệt sĩ rồi. Nhất định đơn vị anh, bạn bè, đồng đội của anh đã làm chính sách đối với anh chu đáo" - "Không! Anh còn sống", nó vẫn một mực. "Anh hèn lắm! Anh không dám chấp nhận sự thật" - "Sự thật nào?". Tôi quát lên. Nó thì ngồi khóc, ông ạ. Em tôi nó khóc vì tôi là liệt sĩ thật rồi! Mà liệt sĩ không phải đã chết, rõ ràng thế. Tôi bảo nó: "Chú đừng tưởng, chú ạ. Chính liệt sĩ, chính những người anh hùng vô danh, những người không có tên tuổi; những người vì Đảng, vì dân vì Tổ Quốc-họ đã chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. họ hy sinh. Đúng! Nhưng hy sinh thì không phải là chết! Họ sẽ sống lâu hơn chúng ta. Chú đừng tưởng. Tôi phải nhắc lại với chú: chú đừng nghĩ chú được học rộng, biết nhiều mà hiểu thấu mọi nhẽ. Chú đừng mong tôi phải ân hận, phải nghĩ lại gì cả. Mỗi con người được sinh ra-tôi nghĩ thế và tôi làm đúng với ý nghĩ của tôi. - Mỗi con người được sinh ra, nếu chúng ta muốn thành người tốt thì trước nhất, chú ạ. trước nhất phải làm tròn bốn phận của mình..."

Anh buông tay, ngã người ra sau tiếp:

- Tôi nói nhiều quá phải không ông? Có lẽ tôi say rồi. Cũng có lẽ quá lâu chưa có dịp uống rượu. Hôm nay vui quá. Thằng con tôi ra đời. Tôi đặt tên cháu là Rơ Lan Thực. Lúc ông vào, tôi đang nằm

mơ nhớ cái đêm nguyệt thực ở quê.

Bây giờ thì anh ngã hẳn người vào lòng tôi. Một lúc sau sực tỉnh, anh tiếp:

- Những ngày sau tháng Ba năm Bảy lăm, chắc các ông sướng lắm nhỉ? Còn tôi, ông ạ! Tôi không dám tự cho phép mình ra khỏi huyện. Đó là nguyên tắc mà tôi đặt ra, là kỷ luật mà tôi không cho phép mình vi phạm. Có những đêm tôi cứ lẫn thẩn nhớ lại khuôn mặt từng anh em một trong đơn vị. Tôi điểm lại quân số những người đã hy sinh từ khi tôi vào đến lúc bị thương. Tôi nhớ hết cả tính tình, khả năng từng người. Nói thật với ông, chỉ tính riêng đại đội tôi thôi, anh em đã chết nếu mà còn cả sẽ thành lập gần đủ một tiểu đoàn với những tay súng kỳ cựu và dũng cảm. Có lần tôi mơ thấy tất cả anh em chúng tôi - những liệt sĩ cùng đơn vị - tất cả dưới sự hướng dẫn của tôi. Anh em tập trung về làng Plei-O-K này để nghe tin tức trên đài, giống như hồi còn chiến tranh chúng tôi vẫn làm. Đây, ông là nhà báo, chắc ông dễ thông cảm với chúng tôi. Lúc nào anh em cũng muốn biết tình hình thời sự. Mà phương tiện thông tin thì chỉ có mỗi cái đài của tôi. Báo chí thất thường và chậm lắm. Nhưng hiện nay thì đài của tôi đã gói kỹ rồi. Pin ắc-quy lắm mà chẳng phải lúc nào cũng mua được! Ông bảo ông cho tôi pin hả? Thế thì hay lắm. Chút tôi sẽ mở đài cho cả

thằng con tôi nghe. Chắc khi con chúng mình lớn lên không còn thiếu pin nữa?...

Anh nhanh nhẹn cầm hai viên pin tôi đưa, chạy vào nhà. Sau đó không lâu có tiếng đài rọt rẹt. Chị nói vui với anh bằng tiếng Gia Rai:

- Không phải đài, người ta cũng mới sinh con trai đâu, mà còn thức khuya để nói!

Anh cười hì hì:

- Đài không nói, mình nói. Mình mới sinh con trai, lại gặp bạn cũ, thức cả đêm chắc cán bộ phụ nữ giận một nửa, thương một nửa nhỉ?...

Rồi anh bước ra. Chúng tôi đổ tiếp nước ghè và vít cần. Tôi gọi chuyện:

- Đã bao giờ anh kể chuyện ngoài Bắc cho chị nghe chưa?

- Có - Anh buồn cần, nói - Lúc chưa cưới, tôi kể hết. Cô ấy khóc. Sau này thì thôi. Nói làm gì nữa ông? Chúng tôi đều là những người muốn có hạnh phúc cả. Nhưng bây giờ cái làm tôi sợ nhất là chiêm bao, ông ạ. Có lần tôi mơ thấy em gái tôi vào và khi tôi tỉnh, tôi vùng dậy. Thấy tôi có vẻ hốt hoảng, nhà tôi ôm ghì tôi. Tôi kể cho cô ấy nghe và cô ấy khóc. Tôi phải an ủi, giải thích mãi. Chiêm bao là chiêm bao, còn sự thật vẫn là sự thật phải không ông? Tôi không tin chiêm bao phản ánh đúng sự thật. Cô em gái tôi vào, tôi thấy thế. Nó dẫn theo cả một đoàn cháu gái. Tôi mừng quá, reo lên. Nó thì đẩy vai tôi

ra, nói: "Bác còn sống đấy à?", nó dụi mắt và lao vào lòng tôi. "Anh đã hy sinh rồi em ạ", tôi bảo nó thế. "Vâng", em gái tôi tức tưởi. "Lúc nào anh cũng bảo anh đã hy sinh, đã là liệt sĩ! Thôi thì em tin anh. Nhưng sao anh là liệt sĩ mà chẳng phù hộ em? Cháu của bác đây. Bác xem lại đi, toàn cháu gái cả! Em sinh đến đứa thứ năm rồi mà vẫn con gái. Các chị nhắc em phải kế hoạch. Nhưng vợ chồng em muốn có một cháu trai quá. Bác bảo bác là liệt sĩ, sao bác chả phù hộ vợ chồng em? Chúng em dạy học trên miền núi có chục năm hơn rồi mà vẫn chưa xin chuyển được về quê. Bác thì đã hy sinh, bác V công tác xa lắm, ai là người lo giỗ chạp, hương khói cho ông bà, cho bác?". Rồi lại cả vợ tôi nữa, ông ạ. Cô ấy cứ buông tóc xuống đất cho các cháu gái tôi tha hồ mà chải. Tôi đến thu lại thì cô ấy bảo: "Sao cả tháng giờ an ở với em, em muốn có con, anh lại gạt đi. Anh bảo anh không muốn em vất vả mang thai, sinh con mà vắng mặt anh. Bây giờ anh là liệt sĩ, anh có biết em sống vô vô một mình buồn thế nào không? Anh bao em đẹp ư? Trời đất, đẹp mà làm gì khi không có anh trên đời này nữa? Tóc dày, tóc xanh mà làm gì khi không có bàn tay anh luồn vào?...". Rồi cô ấy bảo tôi bạc. Rằng tôi sống như thế là không có hậu. Rằng ít ra cũng phải nghĩ tới vợ, tới em, tới công lao của bà con xóm giềng. Cô ấy bảo biết tôi còn sống, có một người mách với cô ấy thế.

Vợ tôi không bao giờ tin tôi có thể chết được, ông ạ. Trước hôm đi B, tôi có nói đùa: "Nếu anh có lỡ việc gì...". Cô ấy gạt phăng ngay: "Anh im đi! không được nói gở thế. Chẳng bao giờ có chuyện gì xảy ra cả!". Bây giờ cô ấy nhắc lại với tôi điều ấy. Vâng, tôi nhìn vào mặt vợ tôi và cô ấy cũng nhìn tôi chăm chú. Tôi bảo: "Em hãy bình tĩnh. Hãy đặt mình vào hoàn cảnh của người khác và suy nghĩ...". Cô ấy thét lên: "Anh không phải là người khác! Anh là của em! Hãy về với em đi!". Tôi bảo: "Em hãy nhìn vào mặt anh đây. Hãy nhìn vào tay anh đây. Bàn tay anh không còn luồn vào tóc em được nữa. Môi anh cũng không còn bình thường để đặt lên đôi má lúc nào cũng như rắc phấn của em được nữa!". Có thể tôi nghĩ thế là sai. Nhưng tôi nghĩ thế nào thì tôi làm đúng như thế. Ở đời, có những cái sai mà người ta cũng chấp nhận được. Nhưng em thì tuy. Em có quyền trách cứ tôi. Vì yêu em mà tôi xử sự với em không phải.

Bỗng anh ngửa cổ ra sau, nói:

- Không! Tôi là liệt sĩ rồi, ông ạ. Tôi là liệt sĩ như muôn ngàn đồng đội chúng ta là liệt sĩ. Em là vợ tôi, em là vợ liệt sĩ như muôn ngàn chị em có chồng đã hy sinh. Và điều ấy an ủi tôi. Em có quyền tự hào về tôi và cả về em nữa. Chúng anh, những liệt sĩ, em ạ. Chúng anh không sống cho mình và cũng không chết chỉ cho mình. Nhưng

anh mắc lỗi vì có em trên đời này. Biết làm thế nào khác được? Tổ quốc đối với anh là em, là bà con xóm làng mình. Nhưng lại không phải chỉ có thế. Tổ quốc còn là ông già Gia Rai đã cứu anh, còn là bà con dân làng Plei-O-K này nữa. Tổ quốc là tất cả. Là Đảng mình, dân mình, là tất cả! - Anh vươn tới chụp mạnh vai tôi, lay lay - Tổ quốc là những đêm chúng mình xuống đồng bằng công muối, gùi gạo. Thèm đồng bằng quá. Thèm chui vào bếp lửa quá. Thèm lội xuống ruộng lúa dầm bùn, sặc sụa mùi phân quá. Thèm được nghe tiếng trẻ khóc, tiếng la rầy của mẹ quá. Thèm được phanh cúc ngực trên đồng hát nghêu ngao quá.

Chợt anh cắn mạnh vào cánh tay và sức ngẩng lên, nhìn tôi:

- Tôi đang nói chuyện với ông nhỉ? Thỉnh thoảng tôi cứ phải hoạc cắn vào cánh tay mình như thế. Hoạc đá vào cái gì đó cho rõ đau để biết mình đang tỉnh hay nằm mơ. Có lẽ thần kinh tôi yếu rồi. Nhưng tôi với ông là đồng đội, chúng mình hiểu nhau hơn. Từ ngày quyết định ở lại đây, tôi không nghĩ là tôi sẽ lấy vợ. Thật thế, thế có mặt trăng đêm nay! Tôi ở với ông già gần chục năm. Mãi năm kia ông già ốm nặng rồi qua đời. Cô út về chăm sóc và chịu tang. Chúng tôi lo cho cụ chu đáo đúng với phong tục của người Gia Rai. Sau đó tôi mới

biết cô ấy cũng đã có chồng và chồng cô cũng là liệt sĩ. Vâng, chúng tôi yêu nhau. Dân làng vun quén cho chúng tôi. Tôi được bà con tín nhiệm. Tôi đem hết năng lực ra làm những gì có thể làm được. Rồi tôi được vào Đảng. Đúng hơn, tôi được chỉ bộ và Đảng uỷ xét cho sinh hoạt lại. Bây giờ tôi phụ trách công tác thông tin văn hóa xã, ông ạ. Đội chèo của chúng tôi không những đã vững vàng, có thể nói như thế. Chúng tôi còn đang ra sức tập tành để hội diễn văn nghệ quần chúng sắp tới đạt được giải một cách bất ngờ ...

Anh ngả hẳn người vào tôi nhìn trăng. Anh lại kéo má tôi hôn tới tấp. Rồi anh thì thầm:

- Vừa rồi tôi đã nói gì với ông, tôi không nhớ nữa. Có lẽ tôi say. Nhưng hôm nay vui quá! Suốt từ sáng dân làng tới mừng cho vợ chồng tôi. Chả có gì phải ân hận nữa phải không ông? Thành con tôi đã xoá đi mọi cực nhọc cho tôi. Ông nên nhớ rằng, tôi không có ý định thay đổi lại cuộc sống. Chỉ có một điều, ông có điều kiện, khi nào về quê tôi chơi, ông thăm dò giúp tình hình vợ và hai em tôi. Nhưng bằng giá nào cũng không được để lộ ra là tôi còn sống. Tôi tin ông, ông giúp tôi nhé. Chúng mình sẽ thư từ cho nhau.

Mai tôi ghi địa chỉ cho ông...

Và anh nằm gối đầu lên đùi tôi ngủ. Anh ngủ ngon lành như không phải vừa rồi đã nói ra những điều sâu kín của đời mình.

Sau chuyển công tác Tây Nguyên, tôi thu xếp xuống miền quê anh ngay. Trong thời gian đó, tôi ở nhà đồng chí chủ nhiệm, xuống các đội sản xuất lấy tài liệu. Lân la trò chuyện với bà con xã viên, tôi được biết chị P. vợ anh, năm 1970 nhận tin chồng hy sinh. Người ta kể rằng, chị bị ngắt nhiều lần khi nghe tin đó. Nhưng cũng như nhiều chị em có chồng hy sinh ở chiến trường, chị đã vượt qua. Chị lao vào công tác và được trên cử đi học đại học nông nghiệp tại chức. Năm 1975 chị tốt nghiệp và nhận công tác trên phòng nông nghiệp huyện. Năm 1977 chị lấy chồng, anh K. chồng chị cũng là bộ đội chuyên ngành. Họ đã có một cháu trai. Người ta còn kể rằng, anh K. hiền lành, rất chu đáo với vợ con. Xóm làng, mỗi khi nhắc tới tên anh đều được nghe những lời tốt đẹp. Tôi còn biết thêm, anh V. em trai anh đã về nước, hiện đang công tác ở một viện nghiên cứu khoa học của Trung ương tại Hà Nội. Cô em gái anh chuyển xuống gần anh V. Vợ chồng cô có hai cháu, một trai, một gái.

Sau khi rời hợp tác quê anh, tôi còn ghé phòng nông nghiệp huyện, định tìm gặp chị P. Nhưng chị đã đi công tác phong trào. Anh K. đang nghỉ phép, dẫn cháu về quê nội. Tôi rất tiếc không được trực

tiếp gặp chị. Nhưng kể thế cũng có cái hay. Điều gì cần biết về chị tôi đã biết rồi. Và tôi cũng đã báo tin cho anh. Tuy nhiên, tôi muốn nói thêm dòng cuối là, trong câu chuyện này, tên anh, tên chị, tên những người thân của anh và cả quê hương cũng như vùng đất của anh đang sống, chỉ là những chữ cái tình cờ mà tôi đặt ra.

Hà Nội, 10-1982

HÀNH TRÌNH CỦA NHỮNG CON SỐ

Phạm Thị Hoài

Mười giờ kém năm phút. Nhạc "Con kênh xanh xanh" đưa đẩy mục quảng cáo chương trình vô tuyến ngày mai tắt lịm ở đoạn "bao câu thơ duyên"... tối nào cũng tắt lịm ở một đoạn lửng lơ nào đó; dấu không tắt lịm thì chương trình vô tuyến ngày mai cũng chẳng kém phần nhạt nhẽo, nhưng tắt lịm, như tối nào cũng thế, khiến anh bức mình. Một lũ vô tích sự! Mỗi việc điều khiển sao cho bản nhạc thiên hạ thuộc lòng dừng lại đúng chỗ, cũng không xong! Ta khôn khó suốt đời vì một lũ vô tích sự thế đấy!

Chuông biến thể điện khua reng reng, chen ngang, cắt đứt, rồi đẩy vọt cảm giác bức dọc của anh, tỉ lệ thuận với dòng điện ở thời điểm nụ cười cuối cùng của cô phát thanh viên, cả thấy ba cô thay phiên nhau, lặn hút vào những khối máy không hồn. Nghe nói, ở nước ngoài, các cô phát

thanh viên bao giờ cũng chúc khán giả truyền hình ngủ ngon, trước khi ban phát nụ cười mê hồn sau chót. Anh chẳng cần ai chúc ngủ ngon, việc phải ngủ là ngủ, thối mắt ngủ chắc thường thấy ở lũ vô tích sự ấy đấy, lương tâm cắn rứt, hằn thề, lương tâm của anh chẳng chờ gì quá tải, nó không hành hạ anh, anh không hành hạ nó, anh không mất ngủ, anh chẳng cần ai chúc ngủ ngon.

Anh hạ điện, điều hoà cả cảm giác bức dọc, người ta phải biết chế ngự bản thân, cái lũ vô tích sự ấy vô tích sự, vì chúng chẳng chế ngự gì hết. Thề đấy. Anh đóng cửa sổ. Tắt đèn. Ghép màn cẩn thận. Nhắm mắt. Sáng mai thông kê nốt các con số Nghĩa Bình. Chiều mai bắt tay vào An Giang. Hết tuần hoàn thành các tỉnh phía Nam. Tuần sau các tỉnh phía Bắc. Thề đấy. Khi người ta biết rõ công việc ngày mai chờ đợi mình, người ta không cần ai chúc ngủ ngon.

Nhưng anh không ngủ được ngay. Phòng đối diện, cũng một hộ độc thân mười hai mét vuông, quá tiêu chuẩn những ba mét vuông, đèn sáng, đầy áp, tường sắp bung đến nơi bởi mớ giọng cười, hát, cả diễn thuyết và tuyên thệ, tạp loạn. Chủ nhân, họa sĩ không biên chế, khách khứa tuyệt đại đa số không biên chế hoặc biên chế hờ; biên chế thật, mười một năm rông như anh, lấy đâu thời gian cười đến một, hai giờ sáng, để mai ngủ gục

bên dây chuyền, hay bấm lộn các con số. Nghĩa Bình thành An Giang, An Giang lại thành Tiền Giang sao? Một lũ ăn bám! Ta cũng khốn khó suốt đời vì lũ ăn bám thế đấy. Lũ vô tích sự hoành hành từ bảy giờ mười lăm đến mười giờ mỗi tối. Lũ ăn bám hoành hành từ mười giờ đến một, hai giờ sáng hôm sau.

Anh nhắm chặt mắt, hình dung Nghĩa Bình, cột thứ năm, sản lượng lương thực, đấy, tất cả từ đấy mà ra, nuôi sống cả bọn vô tích sự lẫn bọn ăn bám.

Chỉ một tích tắc nữa là anh đủ sức rũ bỏ cả hai phe phái nguyên rủa ấy, thả mình vào giấc ngủ hoà hợp với lương tâm, không mộng mị, không trở người qua bên này bên kia, một mạch, như kẻ chạy đường dài đơn độc, không săn tìm gì khác ngoài tiêu đích, bỏ qua mọi vướng víu đam mê tạp nhạp dọc đường, để sáng mai hài lòng ngồi trước những con số giản dị, từng qua một hành trình dằng dặc, bắt đầu từ đất, bao giờ cũng bắt đầu từ đất, qua tay người, bao nhiêu tay người, đến tay anh, rồi lại từ tay anh tới những bàn tay cao hơn, đi mãi... Chỉ một tích tắc nữa là anh hài lòng gia nhập hành trình của các con số ấy, giấc ngủ cũng là một hành trình, phải không?

Vậy mà tiếng cười của cô ta ré lên, chính cô ta cười, chỉ cô ta mới cười cái điệu cười như bị cù vào

Truyện ngắn chọn lọc

nách, hay cù vào... ấy.

Anh không cần ai chúc ngủ ngon, nhưng cái lũ ăn bám ấy đang cù nách nhau!

Cô ta xấp xỉ ba mươi, cũng có thể hơn, đàn bà loại ấy biết thế nào chuyện tuổi tác. Đẹp xấu cũng biết thế nào, tùy con mắt. Con mắt anh cứ vấp vào cái miệng son đỏ hơn hớn, lúc nào cũng cười, chỉ vì cái cơ duy nhất là hai lúm đồng tiền; chương trình vô tuyến từ bảy giờ mười lăm đến mười giờ mỗi tối nhặt nhẻo thật, nhưng một khi cảnh chết chóc hay chia ly hiện ra, chẳng nhẽ vẫn cười ré lên như bị cù vào nách, chẳng lẽ lúm đồng tiền cả ở chỗ ấy? Con mắt anh cứ mắc vào mái tóc rối bù thả ngang tầm lưng thon lẳn, sợi nọ chọc tức sợi kia, chọc tức con mắt, chọc tức cả tầm lưng thon lẳn.

Ba cô phát thanh viên thay phiên nhau cười trên màn ảnh chỉ ít cũng để tóc gọn gàng; anh không thành kiến, khi người ta phải làm việc tám tiếng một ngày với những con số, người ta biết khách quan, người ta không thành kiến; anh vẫn thích nhìn một trong số ba cô phát thanh viên, cô trẻ nhất ấy, tóc cô gọn gàng, hay cười, nhưng không phải cười ré lên như bị... Thích vậy, nhưng để lấy làm vợ thì một ngàn lần không. Thuở sinh viên, anh đeo đuổi một cô gái đàn len cả trong giờ học, mắt cứ nhìn lên bảng, tay cứ đan thoăn thoắt, hình như tóc cô mượt lắm. Vài năm sau cô đi lấy

chồng, anh cứ thắc mắc không biết cô có đàn len trong buổi lễ thành hôn, và mắt trắng một ngày khô sở với thắc mắc ấy mà không dám đặt chân tới tiệc cưới. Gần đây, anh hay bắt chuyện với cô kỹ sư mới nhận công tác cùng phòng, cô không đàn len mà đọc sách, đọc cả trong giờ ăn trưa, mắt cứ nhìn sách, tay cứ thoan thoắt đưa thìa vào cặp lồng, tóc cũng mượt. Là đàn bà cả, nhưng họ không chọc tức anh, không chặn đứng hành trình gia nhập các con số, không hắt ngược giấc ngủ hoà điệu với lương tâm của anh.

Anh bắt đầu đếm. Những con số không biết thành kiến, những con số không chúc ngủ ngon, chúng chỉ cuốn anh vào giấc ngủ.

Vậy mà cô ta lại ré lên, linh xướng cho một dàn hoà tấu khủng khiếp. Anh dễ dàng phân biệt tiếng cười khùng khục như nấc trong cổ họng của chủ nhân phòng đối diện, hấn nấc là phải, phần tử không biên chế, có hôm chỉ gặm mẩu bánh mì khô trừ bữa, rồi tiếng rít thuốc Lào sòng sọc, cái điệu cày của lũ ăn bám ấy cũng chẳng nhỏ, dài gấp ba điệu của người lương thiện, cứ như khẩu đại bác năm phút một lần giơ lên chia thẳng sang cửa sổ nhà anh, mỗi ngày vị chỉ hai trăm rưỡi phát đại bác, đủ để bắn nát bộ thần kinh lành mạnh nhất; rồi tiếng đọc thơ, mười giờ đêm, lũ ăn bám ấy đọc thơ không vần, thơ ca xa lạ với những con số,

thường những con số thắng, thường anh ngủ được; rồi đủ thứ âm thanh hỗn tạp, lúc ăng lạng, tưởng cái tổ quạ ấy chẳng còn gì mà nói với nhau nữa, ngày nào cũng chừng ấy mặt tụ tập, chẳng lẽ chưa hết chuyện, lúc lại ré lên, bung ra như sắp nứt toác, nghĩa là chưa hết chuyện, hoặc hết chuyện thì cù nách nhau. Thế đấy.

Anh lại đếm, lại hình dung Nghĩa Bình cột thứ năm, thơ không vần của lũ ăn bám ấy có đem mà đăng báo "Tuổi trẻ cười" ở mục "Cái gì đây?", còn những con số của anh có hành trình của chúng, đầu tiên là đất, bao giờ cũng bắt đầu từ đất, qua tay người trong đó có tay anh, tập kết lại một ngàn kéo mặt nào đó, để cuối cùng xuất hiện, công khai, đảng hoàng, dưới dạng tinh túy nhất, và tất cả từ đó mà ra, nuôi sống cái lũ vô tích sự lẫn lộn ăn bám!

Đêm ấy, anh ngủ không yên giấc. Phòng đối diện còn bắn đại bác tới bốn, năm giờ sáng.

Năm giờ kém năm phút, nhạc của buổi phát thanh thể dục buổi sáng vừa kịp vang lên ở đoạn "động tác bụng!!...", chuẩn bị...", anh còn cố níu thêm một chút giấc ngủ chập chờn điểm nhịp đại bác, thì hấn gõ cửa. Cứ bùm bùm bum bum, không như những người lương thiện. Lần đầu tiên anh nhìn kỹ người hàng xóm phiền nhiễu. Nhân chi sơ, hấn trông hấn cũng dễ coi, phải, cặp mắt không

đến nổi ăn bám, cặp mắt chưa bị nhiễm bệnh ăn bám, nó nhìn thẳng, lại thoáng chút trầm tư, lệch pha hoàn toàn với món tóc bê bết sơn, món râu bê bết rượu, và món răng bê bết khói thuốc lào. Trời ơi, thiên hạ chưa kịp chuẩn bị động tác bụng thì hấn gõ cửa. Đức nhân nại, sản phẩm của mười một năm làm việc với những con số, cho phép anh hỏi bằng một giọng bình thản tuyệt đối:

- Có việc gì thế anh?

Họa sĩ không biên chế chấm dứt chuỗi bùm bùm bum bum.

- Xin lỗi... tôi có việc phải đi xa dăm bữa nửa tháng, muốn gửi anh giữ giùm chìa khoá nhà, ngõ nhờ bạn bè qua lại, có ai cần sử dụng. Ai hỏi, anh cứ đưa nhé. Thế, thôi, tôi đi. Cám ơn anh!

Hấn dúi vào tay anh chùm chìa khoá, có lẽ cả chục chiếc lớn nhỏ, chẳng lẽ mở chục lần cửa vào căn phòng mười hét mét vuông kia, rồi nháy mắt, cười nụ cười khùng khục như nấc trong cổ họng của hấn, mắt không cười theo, trầm tư lạ lùng, và biến. Thiên hạ cũng vừa tập xong động tác điều hoà cuối cùng, thế đấy, người ta tập điều hoà, còn hấn bắn đại bác suốt đêm, để bảnh mắt trông vào cổ anh cái đồng sắt vụn tội nợ này. Lũ ăn bám, mỗi việc cai quản một căn phòng bê bết sơn dầu và ám khói thuốc lào, cũng không xong, cũng phải nhờ tay người khác. Anh sống chẳng nhờ ai. Cũng

chẳng ai nhờ anh. Chẳng nhẽ có thể mượn, phải, mượn nhà người khác. Lũ ăn bám sống thế đấy. Ai dám lường, đám bạn bè qua lại ấy sẽ làm gì trong căn nhà vắng chủ. Mười hai mét vuông cũng là nhà, còn quá tiêu chuẩn những ba mét vuông. Rồi lại dính vào chính quyền. Cảnh sát khu vực đã chẳng ngăn cản phòng đối diện nhà anh đến tận cổ rồi sao!

Anh nhìn như nuốt tươi chùm chìa khoá. Thế đấy. Hắn đi dăm bữa nửa tháng. Cầu cho hắn đi hẵn dăm ba năm. Nhân danh những bài thơ có vần, nhân danh những đêm không đại bác, nhân danh giấc ngủ và lương tâm, nhân danh hành trình của các con số, nhân danh tất cả. Anh cầu cho hắn đi hẵn dăm ba năm hoặc lâu hơn thế. Đừng nói chuyện anh trao chùm chìa khoá vào tay ai nhé. Đơn giản nhún vai, "tôi không biết", tôi đã không biết thì ai biết, hắn cũng chẳng cần biết, nhìn cặp mắt thì rõ, cặp mắt hắn không dò tìm hướng đó. Thế là thoát. Chỉ còn đương đầu với lũ vô tích sự, với những con kênh xanh xanh ngắc lại ở đâu đó, tôi nào cũng thế, với dòng điện lên xuống theo nụ cười của ba cô phát thanh viên, với cảm giác khó chịu lên xuống theo dòng điện.

Anh thở phào, như trút nửa gánh nặng, đút chùm chìa khoá vào góc tủ trong cùng, khoá kỹ, rồi hài lòng bắt tay vào những nghi lễ quen thuộc

mỗi sáng.

Lúc sắp cặp lồng cơm, anh cố đoán không biết cô kỹ sư chăm đọc sách hôm nay sẽ ăn món gì trong ngăn cặp lồng, mặc dù đối với cô, chỉ Balzac khác Tolstoi, Tolstoi lại khác Goethe, rất tác giả cô điển, cô điển thế càng tốt, dễ chịu hơn thơ không vần, còn thịt, cá, hay trứng, tuốt tuốt đều là đạm, đều là cái cớ, người sao mà dễ nuôi.

Anh mỉm cười: "Người sao mà dễ nuôi".

Hai ngày yên ổn, yên ổn tới mức đáng ngại. Mười giờ đêm, anh đóng cửa sổ như thường lệ, vào giường, ghép màn, nhắm mắt, không dám tin ở bầu không khí ảng lạng bao bọc. Ảng lạng thật. Không cần huy động các con số đến cuốn anh vào giấc ngủ. Hai đêm liền, anh ngủ thật say, không mộng mị, không trở người qua bên này bên kia, giấc ngủ hoà điệu tuyệt đối với lương tâm. Chùm chìa khoá lạ cũng ngủ yên trong góc tủ.

Cho đến khi cô ta tới, môi son hơn hớn, má lúm đồng tiền và mái tóc như chọc vào mắt thiên hạ. Thiên hạ ở đây là anh.

Đêm thứ ba, thế đấy, lúc nào cũng con số ba, chỉ một tích tắc nữa là anh rời bỏ lũ vô tích sự, hôm đó con kênh xanh xanh tắt lịm ở đoạn "tiếng ai hò lơ..." chìm vào giấc ngủ mà anh xứng đáng được hưởng sau cả một ngày kiên nhẫn, không nổi

nóng với những con số của Hậu Giang. Vậy mà cô ta đập cửa. Cứ bùm bùm bùm bùm, không như những người lương thiện, khiến anh bàng hoàng bật dậy, tưởng họa sĩ không biên chế đột ngột từ bỏ kế hoạch đi xa, lũ ăn bám ấy không sống theo văn diệu, hưởng gì kế hoạch. Anh tiếc rẻ bật đèn, lấy chùm chìa khoá nhà hắt, rồi mới ra cửa và giật bản mình. Cô ta bước vào, chào anh như thể đang chính ngộ. Lũ ăn bám ấy lấy đêm làm ngày thế đấy. Cam đoan, giá anh có đập bùm bùm bùm ở cửa nhà cô ta lúc mười hai giờ trưa, cô ta sẽ khó chịu hết anh bây giờ.

Cô ta hỏi thăm chủ nhân phòng đối diện. Đức kiên nhẫn không cho phép anh quát vào cái mặt hơn hớn ấy, rằng anh không chịu trách nhiệm quản lý các phần tử không biên chế, nhất vào lúc nửa đêm thế này. Nửa đêm, cô ta cười, hai lăm đồng tiền lăm đến chóng mặt. Nửa đêm, quả hơi quá, nhưng tình thế không cho phép cải chính. Không ai cải chính những con số. Chúng được viết ra một lần, trên giấy trắng, và thôi chờ động bút. Đức kiên nhẫn chỉ cho phép anh giảng giải bằng giọng bình thản nhất, như thể chính ngộ, chính ngộ với những người trong biên chế, chính ngộ cô kỹ sư đọc Tolstoi, rằng họa sĩ hàng xóm của anh đi xa dăm bữa nửa tháng. Rồi anh nhún vai, nắm chặt chùm chìa khoá sau lưng. Đức kiên nhẫn còn

cho phép anh mời cô ta ngồi xuống chiếc ghế độc nhất trong phòng, đầu sao cũng là ghế, lũ ăn bám ấy thường ngồi phệt ngay trên sàn nhà, đồng hàng với những mẩu bánh mì khô, vụn thuốc lào và vỏ chai rỗng.

Cô ta ngồi xuống và không có ý định đứng lên nữa. Cô ta thổ lộ thẳng tuột với anh, như thể với bạn tri âm tri kỷ, rằng cô buồn, cô không muốn về nhà, cũng một hộ độc thân xấp xỉ chục mét vuông nào đó, và cô thêm thuốc, tất nhiên không phải thuốc lào.

Thế là anh lục ví lấy tiền, lũ ăn bám ấy chẳng bao giờ để tiền trong ví, lũ ăn bám hoặc không tiền, hoặc nhét loạn tiền nong vào đủ các thứ túi, túi trước túi sau, chủ yếu là túi quần bò bạc phếch, như thể ấy không phải đồng tiền mồ hôi nước mắt, như thể ấy là đồng giấy lộn. Thế là anh lao ra phố. Thế là anh trở về với một bao thuốc trị giá nửa tháng lương cơ bản của anh. Khi người ta đã làm việc mười một năm ròng với các con số mà không nổi nóng, người ta sẽ không quát vào mặt phụ nữ, không đuổi phụ nữ khỏi cửa lúc nửa đêm, và người ta đi mua thuốc lá cho phụ nữ cũng vào lúc nửa đêm.

Thoạt đầu, câu chuyện như mắc chứng viêm cột sống, cứ ngay đơ và giẫm chân tại chỗ. Cô hút thuốc, ngắm nghía đôi tay móng sơn óng ánh của

mình. Còn anh uống nước lọc, nhìn trộm hai cổ tay tròn nuột nà của cô, và nhìn trộm toạ độ của cây kim ngắn trên mặt chiếc đồng hồ báo thức. Sáng mai, Hậu Giang còn cần đến anh, và trưa mai cô kỹ sư sẽ ăn món "Đỏ và đen". "Người sao mà dễ nuôi", anh mồm mím. Và thay vì quát vào mặt vị khách không mời, rằng anh có cô bạn gái tóc mượt, kỹ sư mới ra trường, chuyên đọc sách trong bữa ăn trưa, người dễ nuôi và không hút thuốc, thì anh buột phần nản về lũ vô tích sự. Cô ta ngồi yên trên ghế một lát, anh cũng ngồi yên trên mép giường một lát, rồi cả hai cùng sà xuống sàn, duỗi chân, ngả lưng, câu chuyện có cơ lạnh chứng viêm cột sống. Anh nói về lũ vô tích sự, về tất cả những gì liên quan tới lũ vô tích sự, những câu thơ duyên đứt đoạn, những tiếng hò lơ bỏ lửng, ba cô phát thanh viên không chịu chúc ngủ ngon, đột biến điện học ngoài anh quy định đột biến sinh học trong anh; anh nói, như chưa bao giờ được nói, như chưa bao giờ hóm hỉnh, nhiệt thành và sáng suốt đến thế. Cô ta nghe, thỉnh thoảng cười ré lên, rõ ràng không phải bị cù vào nách, hút đến điều thuốc thứ ba; còn anh nói, bụng trương đầy nước lọc, cây kim ngắn trên mặt chiếc đồng hồ báo thức cũng nhích dần tới con số ba, thế đấy, lại chuyện những con số, năm nay anh ba mươi ba tuổi.

Hết chuyện lũ vô tích sự, anh bắt đầu nói về

những con số lương thiện, về hành trình vượt cấp của chúng, bắt đầu từ đất, bao giờ cũng bắt đầu từ đất. ..

Khi anh quay sang, cô ta đã ngủ gục, điều thuốc cháy dở lăn trên sàn. Chẳng trách sàn nhà lũ ăn bám ấy lúc nào cũng bẩn. Chưa bao giờ anh gặp tình thế khó xử hơn. Mở quách căn phòng đối diện và tống cô ta vào đó làm bạn với những vỏ chai rỗng lăn lóc khắp nơi, có lẽ tiện nhất. Nhưng khi người ta đã làm việc mười một năm ròng mà không nổi nóng với... Anh rón rén đóng cửa, như sợ bị bắt quả tang, ngồi xuống chỗ cũ và nhìn trộm cô gái lạ mặt trong giấc ngủ. Không thể bảo cô ta xấu, anh e ngược lại chẳng khác, phải công bằng, anh không thành kiến. Cô ta cân đối, bàn tay bàn chân, cổ tay cổ chân tròn nuột thế kia, hẳn chỗ khác phải đẹp. Gương mặt ngủ quên không hơn hơn như trên người thiên hạ, mà hiền như trẻ nhỏ, lại đượm một nét buồn, không phải, đượm nét trầm tư, chính cái nét trong con mắt kẻ hàng xóm phiên nhiều của anh đó. Lũ ăn bám ấy a-dua mọi nhẽ. Chỉ bực mái tóc, anh nhìn kỹ, xoắn tự nhiên mất rồi, tán loạn cả sang anh, như định kéo anh vào cuộc. Anh dịch xa hơn chút nữa, thở dài ghi nhận chuyển động không mệt mỏi của cây kim đồng hồ, thế đấy, người sao mà dễ ngủ.

Anh mồm mím: "Người sao mà dễ ngủ".

Anh tỉnh dậy, chủ yếu do cảm giác tê cứng nơi bắp đùi bên phải, và sững sờ khi nhận hai tai hoạ: cô gái lạ mặt vẫn say sưa ngủ, đầu gối lên đùi anh, tóc mắc vào khuy áo anh, từ khuy thứ nhất đến khuy thứ năm, và kim đồng hồ chỉ bảy giờ ba mươi phút chẵn. Thế đấy, mười một năm ròng chưa một lần anh đến cơ quan chậm nửa phút. Những con số không biết đợi. Chúng có hành trình của chúng và bỏ rơi kẻ chậm trễ. Nhưng lại một lần nữa, anh không quát vào mặt vị khách không mời, rằng anh sẵn sàng nhỏ vào lỗ ăn bắm bảy giờ ba mươi phút còn lắm nhảm mơ những giấc mơ ăn bắm, rằng hôm qua Tiền Giang, ắt hôm nay phải Hậu Giang, rằng không kịp chuẩn bị cặp lồng cơm thì làm sao anh có cơ hội chứng kiến cô kỹ sư tóc mượt nuốt Stendhai, rằng rằng rằng. Anh mời cô bằng giọng bình thản nhất chia sẻ bữa ăn sáng thanh đạm. Cô ta trang điểm ba mươi phút đồng hồ, rồi họ ra phố, bữa sáng thanh đạm khấu bớt một phần hai tháng lương cơ bản còn lại của anh.

Trưa hôm ấy, anh gặm một mẩu bánh mì không biên chế và nhận xét với cô kỹ sư tóc mượt, rằng văn của Stendhal cũng không thể khô hơn thế.

Một chiều, có người đợi anh. Hắn ngồi phệt ngay trên bậc thềm, bọn ăn mày ngày nay cũng chẳng thiếu nào hơn, tóc bê bết, râu bê bết, chừng

ấy đủ để nhận dạng. Cạnh hắn là gói lớn gói nhỏ vuông dẹt bọc giấy xi-măng cao cấp và chẳng buộc kỹ lưỡng, quả là một kẻ hành khất lắm của.

Thế đấy, anh giấu vội bó hoa, hoa đồng tiền, thứ hoa vừa rẻ vừa bền, lại giản dị, cái đẹp bao giờ cũng giản dị, chào hỏi người hàng xóm phiên nhiều và sốt sắng trao lại chùm chìa khoá mốc thếch, hắn văng mặt có đề ba, bốn tháng. Hoạ sĩ không biên chế lại nháy mắt, cười điệu cười khùng khục như nấc trong cổ họng, lăm bắm vài câu cảm ơn không thành tiếng, rồi mắt hút vào pháo đài mười hai mét vuông đôi diện; chưa đầy năm phút sau, loạt đại bác điều cày đầu tiên chia thắng cửa sổ nhà anh vang lên, khai tử thời ngủ ngon của viên công chức giàu lòng yêu nghề và đảo lộn hành trình xuôi chiều của những con số.

Anh đặt lọ hoa lên bậu cửa sổ, như thách thức, thì cứ bán, chiều nay anh hẹn, mỗi tuần hai chiều hẹn, mỗi tuần hai lần thay hoa, đồng tiền đơn, đồng tiền kép, giản dị, đẹp, rẻ, bền, thì cứ bán, bán luôn vào hai lùm đồng tiền của nàng, nàng hứng chịu hết, chưa từng thấy người đàn bà nào ít tự ái hơn. "Thế ạ...", "Thế ạ...", nàng cứ tròn mắt rồi cười ré lên, cả khi anh phỉ nhổ lỗ ăn bắm, cả khi anh phàn nàn về những bài thơ không vần, cả khi anh ca tụng những mái tóc hoặc mượt hoặc gọn gàng, cả khi anh lên án không thương tiếc lối sai

giờ cổ hủ của cả một chủng tộc ăn bám. Thử tưởng tượng, nếu anh đến trễ, những con số sẽ chẳng chịu nằm im trong ngăn kéo, chúng có hành trình của chúng, chúng sẽ bứt khỏi trang giấy, để lại vô vàn lỗ thủng thiếu thẩm mỹ, chạy nhảy lung tung, xô đẩy những dấu phẩy tội nghiệp, chẳng con số nào thích gần các dấu phẩy, và tệ hơn cả, chúng sẽ hòa nhau hành hạ con số không ngây thơ và cả tin, bằng cách lăn nó từ trái qua phải, anh toát mồ hôi, bỏ cả tháng cũng không khôi phục nổi trật tự cũ. Còn nàng, cô ta, nàng chẳng có trật tự nội quy nào hết, ngay cả cái tóc trên đầu cũng không quản lý nổi, mỗi tuần hai lần trễ hẹn, và đức nhẫn nại không cho phép anh nhảy lung tung, xô đẩy hay hành hạ ai.

Anh đã đếm đi đếm lại và kết luận chính xác số cánh hoa đồng tiền trên bậu cửa sổ đến lần thứ mười lăm, cô ta, nàng vẫn chưa tới. Dẫu có tới, nghe thông báo chi tiết về số cánh hoa của anh, nàng cũng "thế à..." và ré lên mà thôi. "Người sao mà...", anh mồm mím, mồm mím ngay vào hai lùm đồng tiền vừa xuất hiện ngang cửa sổ. Nàng cười thật tươi, thế đấy, nụ cười không chút mặc cảm tội lỗi. Anh bật dậy, nhưng tám lưng thon lảo đảo về phía cửa nhà đối diện, cùng lúc bản song tấu ré - khùng khục, khùng khục - ré đầy lên, chôn chặt chân anh trên chính ngưỡng cửa nhà

mình. Lúc ấy, anh mới sực nhớ đôi diện là hần, và hần đã về.

Anh trân trân nhìn khung cửa đối diện, trân trân nhìn hai gương mặt, một lớn hơn, một bé bết, thoáng hiện vẫy anh, rồi mất hút, hiện, mất, hiện, mất, như ánh đèn nê-ông trên các biển quảng cáo ở nước ngoài, ở nước ngoài người ta chúc nhau ngủ ngon. Có tiếng cô ta ới ới gọi sang, rồi cả thân hình cân đối, cả hai lùm đồng tiền lùm đến chóng mặt hiện ra trên khung cửa đối diện, hình như cô ta vẫy, nhưng anh sập cửa, khoá, bỏ đi, để lại sau lưng cái nhún vai của họa sĩ không biên chế và cái "thế à" ngu xuẩn của người đàn bà nhẹ dạ. Thế đấy, ba ngày chờ đợi, ba tiếng đồng hồ đếm cánh hoa.

Không chút kinh nghiệm lang thang chuyên nghiệp, anh đạp xe qua một trăm lẻ chín phố Hà Nội, phố trường giả, phố lao động, phố thâm nghiêm, phố ô hợp, phố thị dân, phố ngoại ô, phố ăn, phố may, phố vô công rồi nghề, về ngõ Chợ, lúi rúi vào nhà vẫn chưa đến chín giờ tối. Phòng đối diện cửa khép hờ, sáng điện, yên tĩnh lạ lùng, xui cặp mắt anh lè ra tập trung vào ổ khoá, chìa đã tra, bỗng liếc nhanh qua khe cửa bên kia. Cô ta ngồi lờ lờ dưới ánh điện, không một mảnh vải che thân, mái tóc vắt qua một bên vai, làn sóng đen bóng bênh phủ kín nửa bộ ngực mơn mớn, nuốt là,

nuột bà hơn cả cổ tay cổ chân..., nửa còn lại ngạo nghễ ập thẳng vào mặt anh, tròn, lè.

Anh hôn hên, tựa hẳn vào tường, hai tay ôm lấy cái đầu bất trị đang nửa muốn chui tọt vào ổ khoá nhà mình, nửa lại háo hức luồn qua khe cửa đối diện lần nữa.

Đêm hôm ấy, phòng hoạ sĩ không biên chế ảng đại bác, chương trình vô tuyến ngày mai không còn cặp đôi lơ dờ với "con kênh xanh xanh" nữa, lũ vô tích sự rút cục đã nạn những bộ óc vô tích sự nghĩ ra trò mới, anh tự chúc mình ngủ ngon, hình dung rõ công việc ngày mai chờ đợi, và không sao ngủ nổi.

Cứ như thế, ba đêm, cửa khép hờ, điện sáng, yên tĩnh, như sắp bức bối nứt toác.

"Hê-lô!", cô ta gọi.

"Vâng, chào cô!", anh nhã nhặn đáp. Đức nhân nại không cho phép anh công khai buồn nôn.

Đêm thứ tư, không thấy cô ta đến nữa. Phòng đối diện khoá cửa, im lìm.

Một tuần sau, anh lấy vợ. Cô kỹ sư tóc mượt trang trí bốn mặt tường mười một năm độc thân của anh bằng cá gáy sách, rất tác giả có điện, Balzac, Tolstoi, Goethe, Siendhal, căn phòng co rúm lại.

Một bữa, có ba người đàn ông đến niêm phong phòng đối diện.

"Anh ta chết rồi. Mạch máu não". Một trong ba người bình thần giải thích cho cặp mắt mở tròn của vợ anh. "Quái, sao không phải bệnh lao", anh thắc mắc.

Lại một bữa, ba chục người đàn ông khác đến tháo bỏ niêm phong. Anh được mời sang làm chứng. Những người lạ mặt hồi hải đánh số hàng trăm hàng trăm bức hoạ lớn nhỏ chồng chất mười hai mét vuông, bọc cẩn thận vào giấy xi-măng loại hảo hảng, chằng buộc kỹ lưỡng, khuôn, vác, lê mẽ, dận dờ nhau nhẹ tay, "tài sản quốc gia chứ ít đâu". Anh bỗng cay cay sống mũi, thế đấy, mạch máu não, chẳng trách cặp mắt trầm tư, ừ dẫu sao thì, giá anh biết, thế đấy, tài sản quốc gia chứ ít đâu, cũng nên thấp một nén hương...

Anh nhìn trước nhìn sau, nhặt vội chiếc điều cày dài gấp ba điều của người lương thiện, thôi thì có cái mà cất giữ tưởng nhớ nhau, chuyện gì đã qua là qua, anh không thành kiến, khi người ta đã làm việc mười một năm ròng mà không nổi nóng... Và lúc ấy, anh bỗng thấy cô ta, nàng, cô ta, mái tóc vắt qua một bên vai, làn sóng đen bồng bênh phủ kín nửa bộ ngực mơn mơn, nuột nà, còn nuột nà hơn cả cổ tay, cổ chân... nửa kia ngạo nghễ ập thẳng vào mặt anh, tròn, lè.

Anh vút trả chiếc điều cày, ôm chặt cái đầu bất trị, rủa: "Quái! Sao không phải bệnh lao cho rồi!"

"Tác phẩm cuối cùng của anh ta đây. Một kiệt tác!" Có tiếng trầm trồ khe khẽ bên tai anh. Lần đầu tiên đức nhân nại bỏ rơi anh, anh hăm hăm bỏ về, sập mạnh cửa.

Lần đầu tiên, sau mười một năm ròng tận tụy, bao dung với những con số, viên công chức yêu nghề nổi giận, thế đấy, số tròn, số lẻ.

10-1987

SỰ TÍCH NHỮNG NGÀY ĐẸP TRỜI

Hoà Vang

Như mọi người đều biết: Trong hội thi kén rể của Hùng Vương, phần thắng về Sơn Tinh, Thủy Tinh là người bại. Rồi theo cái lẽ thắng thua, định phân, định phần ấy mà My Nương theo Sơn Tinh về núi Tản, nên vợ nên chồng. Còn nước các triền sông lớn thì cứ hàng năm, đến kỳ, lại sôi sục, cuộn cuộn dâng lên như ghen cuồng, uất hận, khôn nguôi ...

Lại cứ theo thế mà suy, ai cũng coi là cố nhiên, không còn gì phải đôi hỏi, bàn cãi, và không thể, thậm chí không được nghi ngờ; vợ chồng Sơn Tinh sống rất hạnh phúc, tốt đẹp, mẫu mực tuyệt vời...

Mà sự thực quả đúng là như thế.

Nhưng, có điều, còn có một cái lẽ cố nhiên khác nữa, riêng nhỏ âm thầm, cái lẽ cố nhiên trong lòng những người con gái lấy chồng xa: nhớ nhà.

My Nương nhớ nhà, nhớ cha mẹ lắm. Mà Sơn

Tinh thì bận lắm. Vợ lại hết mực trọng chồng, không muốn một bận nhỏ làm bận lòng chồng. Chồng thì xiết bao tin vợ và tự tin mình. Niềm tự tin lúc nào cũng dày dặn, bền chắc. Cho nên nỗi nhớ của My Nương cũng phải chịu phận sống len lỏi âm thầm, có lúc còn phải tàng hình, tan biến vào những ánh mắt chào đón rạng rỡ, vào những nụ cười hơn hớn tươi vui. Mà càng như thế, thì nỗi nhớ ấy, cái lẽ cố nhiên ấy, lại càng day dứt, ngùn cháy nồng đượm, còn cao.

Một năm, Sơn Tinh đưa vợ về thăm lại quê nhà một lần. Là người trí lự kiên cường, quảng kiến và ngăn nắp, đã bao nhiêu năm Sơn Tinh chưa một lần thực hiện sai chệch những ấn định của mình. Những ngày về thăm Phong Châu ấy bao giờ cũng thật huy hoàng, chu đáo, tuyệt hảo.

My Nương biết ơn chồng lắm. Nàng cố nường theo, khuôn mình, không để cơn cạo trong cái dòng chung huy hoàng, chu đáo, tuyệt hảo ấy... để chờ cái phút được chạy gấp tới, ứa vào lòng cha mẹ, mặc những giọt nước mắt mừng tủi ứa ra... Chưa nói đến những ngày vui ấy trôi qua thật nhanh, thật bé xiu, ngắn ngủi. Bao giờ, bao giờ cho đến ngày này sang năm nữa?

Tự nhiên một hôm My Nương đánh bạo xin phép Sơn Tinh cho nàng về thăm quê một mình. Và Sơn Tinh, như thường khi, lập tức bằng lòng.

Đường về Phong Châu, My Nương đi như gió chạy, nhẹ bỗng, tung tăng. Miệng chỉ chực cười, chực reo, chực hát.

Về được một ngày, trọn vẹn riêng tư với cha mẹ, anh em, sớm hôm sau, buổi sớm đầu tiên thức dậy tại quê cha, chợt My Nương xốn xang muốn được dạo ngược lên núi, tới tận con suối nhỏ đầu nguồn, nơi nàng đã tắm lần đầu, từ khi biết nhớ, biết nghĩ, từ khi mình còn là một cô bé. Từ xa, đang còn nhón gót lướt trên những giọt sương mai long lanh đầu những giọt linh thảo xanh mơn. My Nương đã nghe tiếng róc rách. Tiếng róc rách như cả tuổi thơ thóc mách, giòn giã mà thốn thức, đang đợi nàng bao nhiêu năm...

Khoảng suối trong vắt như vành gương trước mặt. Hơi nước lượn vờn như sương khói khơi vơi huyền ảo. Cái mát tinh khôi thấm vào da thịt. Tự nhiên My Nương nghen ngào. Diễm mi ẩm dội lên, nước mắt ứa ra. Mà môi nàng là nét cười, nét cười thơ dai, ngây ngây.

Ngoắt đầu, phẩy tay điệu dàng và thoảng chút nghịch ngợm, ra hiệu cho những thị nữ theo hầu cuối cùng rời gót. Bước xuống viên suối, để nước vờn liếm quanh bàn chân đỏ dấy của mình. Mắt nhìn xuống, như hút lên, như thấm cái màu đỏ hồng ấy lan toả cả lên gương mặt. Thong thả ngoái lại sau... không còn ai cả.

... My Nương cười xiêm y.

Ngấn nước vừa chớm chạm ngực thì, như không nén nổi nữa. My nương bắt giắc đưa hai tay vuốt xoa đồ suối tóc mây bông bay lên, dang hai tay, mắt nhắm nghiền lại, nàng nhẩy ào, trần mình uốn lượn giữa dòng suối và buột lên tiếng hát trong vắt.

Chợt tiếng hát ngừng bật, My Nương thốt rùng mình. Nàng hoàn toàn cảm thấy, không thể nhầm lẫn, dòng suối đang ôm xiết vuốt ve lấy thân thể nàng cảm giác thật của một đôi tay cường tráng mà đăm đuối, dịu dàng của một da thịt, một con người... My Nương thoáng nghe thấy, lọc qua tiếng nước rì rào, róc rách, có tiếng đập gấp gấp rộn ràng, như dưới đáy suối có một trái tim bồi hồi. Tự nhiên, My Nương dang rộng đôi tay ôm nước, như đón nhận... rồi đột ngột quẫy mình, quay ngoắt vào bờ, với lấy váy áo.

My Nương đã ở trên bờ đá. Những giọt nước tí xíu vẫn đang trôi bịn rịn trên da thịt nàng, trước khi tuột hẳn, nhập lại vào dòng suối. Những giọt nước ấy ánh sắc hồng ngọc, dần tụ lại và đột khởi, trong không gian tĩnh lặng, như đội cả dòng suối lên. Nước suối cuộn sóng, dựng đứng lên, thành một chàng trai tuyệt vời đẹp và buồn.

"Trời, Thuỷ Tinh... Sau biết bao năm rồi..." My Nương khẽ cúi đầu, bắt gặp bờ vai trần của mình

vẫn ngồi ngời sáng lên và nàng thấy không còn một chút sợ hãi bờ ngõ nào nữa trong lòng. Nàng chợt thấy mình e ấp mà chủ động, mà ở ngoài mọi cương toả, như phút nàng đứng sau rèm ngày vua cha kén rể. Nàng thấy mình trinh nguyên. Mất tai thông thính sáng lạng lạ thường...

- My Nương, em có nhận ra tôi không?

- Dạ...

- Vậy thì tôi là ai? Em hãy gọi tên tôi. Hãy gọi tên tôi một lần.

- Chàng đã không tin em rồi...

My Nương khê ngược mắt lên. Mắt nàng không định mà hơi chau lại. My Nương không tự ái, nàng chỉ nghĩ rằng mình có quyền nghịch ngợm một chút. Nhanh nhẹn, dứt khoát, My Nương mặc váy áo, đứng dậy chấp tay, thi lễ:

- Em về.

My Nương bước đi và lắng nghe sau lưng mình, tịnh không có một tiếng động.

Chỉ một làn sương bụi nước ẩm thơm ngát bông lan toả, hồng hồng bao lấy My Nương mà không lấp, không che lối về của nàng.

Nhưng chỉ bèn gan được mười bước chân, My Nương quay phắt lại. Làn sương ẩm đã cuộn cuộn thành một bông mây óng ánh ngũ sắc chợt tan biến. Gương suối lặng tờ. Thuỷ Tinh đã biến mất.

My Nương chạy ào xuống suối, thẳng thốt:

- Ôi, Thuỷ Tinh...

Suối cuộn sóng, một bông nước nâng, đưa My Nương dạt lên bờ, ở chỗ lúc này nàng ngồi. Những đợt nắng sớm xuất hiện, tãi ấm trên xiêm y, thân thể nàng. Những giọt nước óng ánh trên tóc My Nương, như châu ngọc li ti.

- Thế là được rồi. Tôi đã được nghe tiếng em gọi tôi thật lòng... Sau bao năm...

Tiếng Thuỷ Tinh vang lên, trầm ấm. Và My Nương thấy chàng lại sừng sững đứng đó, giữa tim suối. Thật đẹp và thật buồn.

*

* *

- Hãy nghe tôi... Hãy ngồi yên đó và nghe tôi thôi. Không thì không sao tôi bình tĩnh nổi... Tôi hoàn toàn hiểu rằng chỉ có lần gặp gỡ này thôi, muôn đời tôi sẽ không còn gặp được em nữa. Tôi hiểu em là gái đã có chồng, em sống tuyệt vời hạnh phúc và mầu mực. Còn tôi: một kẻ bị muôn đời góm ghiếc, nguyên rủa và cô đơn. Nỗi cô đơn mênh mông, cồn cào, như cả xứ sở đầy sóng gió, biển cả và đại dương của tôi. Nhưng tôi yêu... Tôi đã yêu em, từ lâu lắm rồi cho đến mãi mãi. Từ khi em còn là một cô bé con... Ngày ấy, ngày em lần đầu tiên lên tắm ở tận con suối đầu nguồn này, em còn bé và tôi còn trẻ lắm, tuy cũng đã là Chúa

Biển rồi... Ngày ấy, tôi đã biết em, đã tan hoà trong những bọt nước, nô giỡn, cười vui thoả thích cùng em. Vì ngày ấy, tôi đã tự nhiên cứ muốn một lần được lang thang từ biển vào sông, muốn đi ngược lên mãi và tôi đã đến tận đây, tận nguồn này, gặp đúng ngày đầu tiên em được phép phụ vương nhào mình xuống suối. Rồi tôi phải về biển... Nhưng lòng ước tính từng năm để rồi quyết, để rồi không nén được sẽ phải đến nói cho em, cho phụ vương em rõ tình yêu của tôi. Tôi lên bờ đất Phong Châu để nhận tin phụ vương đã dựng lầu kén chồng cho em. Tôi đã gặp Sơn Tinh nơi quán dịch. Biết bao chàng trai khi nhìn thấy hai chúng tôi đã đành ăng lạng xếp khăn gói, lủi thủi ra về. Thật tội, nhưng biết làm sao? Họ là những người thường và họ biết rõ thứ hạng của chúng tôi: những thần nhân. Sơn Tinh thì chỉ nói với tôi: Chàng nghe nói vua Hùng kén rể, lại cũng nghe nói cô con gái vua ngoan lắm, đẹp lắm. Sơn Tinh còn nói thêm: "Người thần mà lấy con vua, thực là một việc hợp lẽ". Rồi chàng đi ngủ, thật thanh thản, đàng hoàng, đáng nằm thật thư thái, uy nghi. Chàng ngủ rất ngon. Còn tôi lúc ấy, tôi đã không sao ngủ được, lòng chỉ còn cào một ý nghĩ làm sao gặp được em, thấy được em. Đã bao lần tôi định lên trôn ra ngay trong đêm tìm đến chỗ em. Nhưng rồi tôi biết em đã ở trong cung cấm. Và...

ý nghĩ cuối cùng khiến tôi đành nén lòng nằm yên chờ sáng... "Biết đâu, em cũng đang ngủ rất ngon, rất say. Thực vô duyên nếu quấy rầy em, nếu làm em dở giấc".

- Không, thưa chàng, đêm ấy em cũng không sao ngủ được...

- Cảm ơn, cảm ơn em. Đó, tôi và em cứ có những cái giống nhau, những cái trùng nhau vô bổ, vô tích sự, những cái tương hợp chẳng để làm gì ấy như thế đấy... Ô hô! Cuộc đời... Và buổi sáng đã đến... Cả hai chúng tôi được gọi vào châu phụ vương em cùng một lúc. Cái đường bệ, thông thả ung dung của tôi chỉ là cái vỏ dáng vẻ bên ngoài. Mất tôi đầu tiên đã đặt vào khoảng rèm thoáng lay động sau lưng nhà vua. Có phải em đứng chỗ đó không?

- Dạ, đúng...

- Chợt nhớ phải giữ ý, không thể nhìn vào đó mãi, tôi đành dăm dăm dôi vào gương mặt cha em. Và như đền bù cho tôi, hai cha con em giống nhau lắm.

Tôi gần được biết bao nét từ cha em thành em. Tôi quên mất, ánh mắt của tôi đã làm ông ở ngay phút đầu dễ có gì ngại ngại, thậm chí khó chịu với tôi. Vừa thi lễ xong, đã nghe lời cha em hỏi: "Chẳng hay hai vị tới đây có việc gì?". Tôi đã không hiểu ngay lúc ấy. Mãi sau này tôi mới thấy

trong câu hỏi ấy có cái oái oăm của một đấng quân vương, cái nếp quen triệu tập mọi người đến vì ý mình rồi lại băng quơ hỏi nói như phải miễn cưỡng tiếp người ta như không, lẫn cái lối giữ giá của nhà có con gái, dẫu đang ở ngôi chủ tể... Và điều không may mắn nhất, điều lú lẫn nhất của tôi là tôi đã không thấy trước ở đó một lời gợi ý, một điểm nếu thuận theo thì lợi, nếu trật thì mất điểm, thua thiệt ngay thuở đầu. Tôi chỉ lăm lăm bực bực, không mê tới đua tranh, khi thua rồi, khi mất em rồi, mới nghĩ lại tất cả. Tôi đã không để ý tới tiếng "việc" (chẳng hay hai vị tới đây có việc gì?) Và My Nương ơi, có phải là hôm ấy, tôi đã bước lên trước và trả lời trước...

- Vâng, thưa chàng, đúng như vậy. Em cũng có thể nói thêm để chàng rõ: chính vì thế mà trong khi hai chàng, kỳ thực và tính thật đúng đến từng khắc, thì chàng lại là người mà em biết trước, biết tên, nhìn được mặt, được người trước. Bởi vì chỗ em đứng khuất một thân cột và cốn viền rèm, khiến chỉ có ai bước lên một bước nữa hôm ấy mới qua chỗ khuất và em mới được nhìn thấy. Vì vậy mà em hoàn toàn nhớ: chính chàng đã bước lên trước, đã trả lời trước...

- Và em có còn nhớ câu trả lời của tôi không?

- Thuý Tinh ơi, em không muốn một lần nữa nhắc rằng: chàng đã không tin em, cũng không

muốn một lần nữa rời gót khỏi nơi đây, để rồi lại phải chạy lại... Em muốn nói với chàng một lời: Vì sao chàng cứ thích nhắc lại những lời ấy, nó có làm cho chàng dịu bớt được một điều gì đâu? Không nhắc lại thì nó cũng có làm cho chàng mất mát thêm điều gì đâu?... Thủy Tinh ơi, chàng đừng gian nhé, em cảm thấy chàng chẳng có gì khác ngày ấy cả, chả có gì lớn hơn, từng trải hơn, điềm đạm hơn, thiết thực hơn cả... Không nên như thế, em cảm thấy thế, mong cho...

- Thôi thì tôi sẽ đề bẹp nốt cả cái mong muốn cứ chốc lát lại được nghe tiếng em, dù chỉ một tiếng "có" hay "không"... Thôi thì em lại nghe tôi nhé...

Tôi đã bước lên, nói ngay điều có từ hơn mười năm trước. Tiếng tôi là tiếng sóng cồn lên, va đập:

- Tôi đến đây để bộc bạch với Người tình yêu của tôi đối với My Nương, con gái Người.

Và Sơn Tinh, quả thật, thâm trầm điềm đạm như núi và khôn ngoan vững vàng như đất, đã thông thả cất tiếng sau tôi:

- Kính thưa bệ hạ, thần đến đây để xin được cưới công chúa My Nương, được trở thành con cái trong nhà của triều Hùng.

Thế đấy! Tôi thoáng thấy nhà vua khẽ gật đầu, ánh mắt dành cho Sơn Tinh mềm mại, ưu ái lắm. Tôi cảm thấy mình bị thất thiệt. Phụ vương em

quả không hổ tiếng là người đứng đầu trăm họ, lo toan biết bao công việc. Cho nên đã trọng việc hơn trọng tình. Cái việc nó cộn lên lơ lửng, còn cái tình thì vô hình vô ảnh. Tôi thì thổ lộ cái tình, Sơn Tinh xin lo việc và còn hứa sẽ xếp mình vào cùng đội ngũ. Thế là dường như không thể khác, các món sính lễ đã được đặt ra thật dễ hiểu: Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao...

Đúng bình minh hôm sau... Ai đến trước sẽ được đón My Nương về...

Tôi không thể ngờ phụ vương em lại thiên lệch, lại thiếu công bằng, lại rẽ tình tôi với em tàn nhẫn và không trong sáng đến như vậy.

- Thủy Tinh, chàng chớ quên em là...

- Chính vì thế... Và đây, em hãy gắng trả lời tôi từng câu nhé. Một: Voi ở núi hay ở biển?

- Dạ, ở núi.

- Ngựa ở núi hay ở biển?

- Dạ, ở núi.

- Gà ở núi hay ở biển?

- Dạ, cũng ở núi.

- Hừ, câu cuối cùng: Núi Tản và Biển Cả, nơi nào xa Phong Châu hơn?

- Dạ, Biển xa hơn, xa hơn nhiều. Chàng ơi... đừng hỏi em nữa

- Thế đấy, tôi ngược lên thì phụ vương em đã phát áo quay vào nội điện rồi. Và lại, dù cho Người

còn đứng đây thì phỏng tôi nói được gì? Làm sao tôi có thể cãi lại cha của người mình yêu ngay trong lần đầu gặp gỡ. Chưa nói làm sao tôi có thể bộc lộ cái kém cỏi của tôi trước Sơn Tinh ngay tức khắc như thế.

Tôi chỉ thấy ngực mình nóng dội lên, hình như có lửa cháy trong tim tôi. Tôi nhìn vào khoảng rèm, không còn thấy lay động nữa, tôi cảm thấy em không còn ở đó nữa.

- Vâng, cha em vào là vẫy tay bắt em theo sát gót ngay. Người cũng thấy em muốn nán lại, và chắc chính vì thế mà nhất định gọi em cùng vào nội điện ngay...

- Em đã muốn nán lại. Vì sao vậy?

- ... Em cũng không biết nữa, cho đến tận bây giờ...

- Còn tôi thì cứ đứng sững bên thềm đại điện. Mãi một lúc lâu, khi giật mình quay ra thì chỉ thấy trống rỗng có một mình mình. Sơn Tinh đã ra về từ lúc nào.

Tôi về Biển, lòng rầu rĩ, thần thờ. Cầm bằng như đã bị cướp mất em. Đám bày tôi, đàn em của tôi xúm lại hỏi mãi, tôi mới dặt dờ nhớ lại được, kể lại mọi việc lần lần. Tức thì có ba đứa bước ra, đập đầu loang máu; Thuồng luồng, Ba ba, Cá ngựa. Chúng xin nguyện hiến mình cho tôi, cam hoá thân thành voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín

hồng mao. Quyền phép thì tôi có tu luyện đủ đầy, nhưng phạm việc hoá thân thì phải có lửa. Mà dưới Thuỷ Tinh cung của tôi, chẳng lửa nào cháy được. Tôi ôm lấy lũ đàn em, nước mắt cứ vỡ ra. Bỗng lòng ngực tôi nóng rực. Tôi sững sờ: trái tim tôi đã cháy lên ngọn ngút. Ngọn Hoả Tam âm đã làm được tất cả. Đêm ấy, ba tầng nước Thuỷ Tinh thấy đều sôi động. Tầng trên cùng đen cháy, sôi sục, hứng trọn lều bều những lớp dày cỏ của những xác hoá than. Ở Tầng giữa, nước đỏ bầm màu máu cháy. Và ở dưới cùng, cỏi nước lung linh sáng rực nơi lò luyện. Gần sáng thì cả ba con vật đã hiện hình, đã đi, đã thở rống lên, đã gục gặc đầu vai, đã ra hẳn sự sống voi, ngựa gà... Lòng ngực tôi thoảng dang như những buổi sớm mai ở biển. Tôi dẫn đầu đoàn sinh lễ vội trảy ngược Phong Châu, nghe gió lướt ràn rạt hai bên mang tai mình.

Nhưng tôi đã đến chậm bốn khắc.

Tôi đến để vừa kịp nhìn Sơn Tinh cười ngựa đi trước, kiệu hoa của em uyển chuyển theo sát, như có dây buộc đằng sau. Cái uyển chuyển do vai một cô bốn người lành tài giỏi theo nhịp nhạc lễ, mà tôi lại cứ nghĩ từ em, em uyển chuyển theo sau Sơn Tinh.

Lòng tôi tuyệt nhiên không một mây may oán hận Sơn Tinh. Tôi chỉ đau xót cho tôi. Tôi

đứng chết sững, và không thể cầm được nước mắt ào ào dâng lên, túa ra giàn giụa. Tôi khóc như một người thường. Tôi quên mất mình là thần biển, thần Nước... My Nương, em có thấy không, hôm ấy, mưa trước hay nước dâng lên trước, hãy nói tôi nghe!

- Chàng đã nói lại hoàn toàn đúng... Em ngồi trong kiệu, đã thấy chàng đến sau, rồi đứng sững nơi ngã ba Phong Châu... Và trước lúc khuất hẳn, em ngoái lại, khẽ vén rèm kiệu nhìn về phía chàng lần cuối thì thấy trên mái kiệu của em, tiếng nước rơi, tiếng mưa mỗi lúc một dồn dập, rào rào... Cũng lúc ấy, Sơn Tinh giục cả đoàn phải đi mau. Chồng em bảo: "Phải đến được địa giới núi Tản trước khi Thuỷ Tinh kịp dâng nước lên..." Và đúng như thế, vừa khi ngược lên thấy ngọn Tản Viên, thì nhìn xuống đã thấy sóng trắng cuộn cuộn sôi sục, gần bên sát chân ngựa... Chồng em đã nói đúng. Chàng làm sao chối được tội lỗi tàn sát bao sinh linh, hoa lợi, mùa màng, chỉ vì một chút... em...

- ... Tôi đã chỉ đứng khóc. Tôi không bao giờ cho lệnh dâng nước lên... Nhưng phía sau tôi lúc ấy đã có nhiều điều xảy ra. Tôi không biết rằng khi tôi vừa sững sờ thấy cảnh Sơn Tinh đón mất em, khi tôi vừa rùng mình lần đầu, thấy mất hết sức mạnh lần đầu, thì cũng lúc

ấy, cả thường luồng, ba ba, cá ngựa đã cùng thoát rừng mình trút lột, hiện lại nguyên hình. Những thân hình mạnh mẽ duyên dáng khi uốn lượn giữa sóng nước ấy nay đột ngột chênh ềnh ra trên cạn, trong quần quai, nhầy nhọt, góm ghiếc, tanh tưởi lắm. Và những người dân Phong Châu đã kéo ra xem đám cưới em, lúc ấy cũng cất tiếng cười ồ cả lên. Tôi vĩnh viễn trở thành kẻ gian manh, giả trá, kẻ làm đồ giả đầu tiên, từ phút ấy. Thật kinh khủng. Một thần nhân mà đang tâm lừa vua, dối chúa, toan cướp đoạt công chúa xinh đẹp nhất nước bằng quỷ kế, bằng thủ đoạn đốn mạt, lập lờ đánh lận con đen.

Tiếng cười ồ lan rộng vang mãi của bao người Phong Châu hôm ấy khiến tôi không thể đứng mãi đó mà nhìn theo em được. Tôi đành gạt nước mắt, giơ tay ra hiệu cho các bày tôi quay trở lại biển khơi.

Nhưng không được, các bày tôi, đàn em của tôi vốn đều là những thủy thần, thủy quái có uy lực nhất định. Những kẻ đã sẵn sàng hoá thân vì tôi nay hoàn toàn có lý phần nộ trước tôi - vị thủ lĩnh thất bại và cam bó tay, nước mắt chan hoà, đầu cúi, chân rã rời lê bước về chỗ xuất phát.

Tôi đã một mình về biển.

Và Thường luồng, Ba ba, Cá ngựa cùng muôn

loài thủy quái đã phần nộ ào ạt dâng nước lên, ngược với chiều tôi đi, xô xa nghiêng về núi Tản.

Sơn Tinh cùng em và muôn loài ở núi đã vất vả chống chọi như thế nào và đã chiến thắng vẻ vang ra sao, tất cả mọi người đều đã biết.

Nhưng đây hoàn toàn không một chút gì là chiến thắng Thủy Tinh. Thủy Tinh không hề có mặt trong những con nước ấy.

Tôi biết Sơn Tinh có thể khiến nước dâng đến đâu núi cao lên đến đâu. Nhưng đây chỉ là nước do sức các loài thủy thần, thủy quái dưới tôi.

Trời ơi! Nếu quả thật có một phút tôi điên cuồng triển hết sức mình động biển, thì, My Nương ơi, cơn đại hồng thủy ấy sẽ biến tức khắc tất cả núi Tản, nơi đây, Phong Châu nữa, thành lãnh địa của tôi, nghìn trùng sóng vỗ, mãi mãi. Nhưng như thế để làm gì? Tôi sẽ mất em, nỗi nhớ em, lòng mong muốn hướng về em, mất hết, mất vĩnh viễn.

Và... Lại lần nữa, tôi không thể chối bỏ được trách nhiệm của người thủ lĩnh. Người Phong Châu và mãi mãi đến sau này, lớp lớp cháu con những người thường, đời đời nguyện rửa tôi: tên chúa trùm của nạn lụt hung bạo. Người đời đã vẽ hình tôi, truyền lại cho con cháu, găm vào bia cho các tráng sĩ tập bắn, tập ném đá, cho nên ác độc, xấu xí, hung tợn dị thường. Nanh tôi mọc dài, mặt

tôi xanh lét, mắt tôi ti hí gian xảo, đầu tôi úp một con ốc vặn xoắn xuýt hèn mọn. May sao... hôm nay, em vẫn nhận ra tôi, cái tôi thật là của tôi.

Đã bao lần tôi can ngăn, thậm chí có lần tôi đã van xin các bầy tôi, đàn em của mình, đừng tháng tháng năm năm, đến kỳ lại dâng nước về đất liền như thế nữa. Nhưng My Nương ơi, đến mùa ấy, những vết đau nhức của một lần hoá thân lại tấy lên dữ dội. Cơn điên khủng bệnh lý của muôn loài thủy tộc lại kịch phát... Những ngày ấy, tôi nấu mình trong biệt điện tận cùng Thủy Tinh cung, day dứt nhớ về em và tin ở những triền đê ngày càng vững chắc của Sơn tinh.

Bây giờ thì tôi đã từ bỏ tất cả. Tôi đã quyết trả lại ngôi Chúa Biển. Tôi về đây, cố hướng mãi, cố nhỏ bé mãi con người mình đi tìm được tận đến suối nguồn này, hy vọng gặp em. Và... duyên phận đã cho tôi... Em đây rồi. Tôi đã được nói hết lòng mình, những lời phải nén sâu chôn chặt bao năm, riêng em... Thế là hết, tôi chẳng còn gì để nói nữa, để mong nữa. Tôi chẳng biết mình sẽ làm gì bây giờ. Chỉ biết rằng chưa chắc tôi đã có thể trở nên có ích hơn, nhưng sẽ được sống thanh thản hơn, nhẹ nhõm hơn. Lại biết đến bao giờ, đến bao giờ nữa, tôi mới có thể gặp lại em...

- Thủy Tinh ơi... em hiểu chàng và mong chàng hiểu em. Em phải về ngay bây giờ đây. Em không

thể khuyên chàng điều gì. Những thần nhân như chàng và chồng em, làm sao em lại có thể có lời khuyên. Em chỉ mong chàng đừng rời biển cả. Em chưa thấy biển bao giờ... Nhưng... nếu không có chàng thì ngọn Hoả Tam ấm nóng, sức sống, tiếng gọi hoá thân ở biển sẽ ở đâu, biển còn trong sạch, phóng khoáng, đẹp, quyến rũ, tràn đầy tình yêu nữa hay không? Biển có còn đáng hướng tới nữa hay không? Em không hiểu, em không biết là mình vừa nói gì nữa. Thuỷ Tinh ơi, đừng nghĩ là em muốn đuổi chàng, đừng nghĩ là em không muốn gặp lại chàng nữa, đừng... Nhưng, cũng đừng để em thấy như mình đã bắt đầu có lỗi, bắt đầu mang tội với...

- Hãy bình tâm, My Nương. Tôi hiểu em hoàn toàn. Hãy trở về đi và gắng sống như đã sống. Tôi cũng vậy. Tôi sẽ nghe lời em. Còn nếu nhớ tôi, thì mỗi năm một lần, đúng tiết thu, ngày này, em hãy ở một mình và mở cửa sổ phòng riêng. Em sẽ thấy những giọt mưa đầu trong vát thả như buông rèm trước mặt. Đó là tôi, là Thuỷ Tinh này. Chúng ta sẽ gặp nhau như thế. Và chỉ gặp nhau như thế.

*

* *

My Nương đã thâm lặng, riêng tư theo lời ấy.

Và đó chính là nguồn gốc của những giọt mưa thu thánh thót ngoài hiên, đem cái se lạnh gọi nhớ để tôn thêm giá trị cái ấm áp của những ai đang trong khuôn cửa. Độ phong sương trong vát của tiết giao mùa kề bên mái ấm, thế thôi.

My Nương mở cửa, không dừng được, đưa tay hứng một giọt mưa. Hạt nước mọng tròn đọng giữa lòng bàn tay nàng tiếp hơi ấm bàn tay, toả bụi nước ấm. Chút bụi trắng tinh lấp lánh giữa lòng bàn tay, My Nương đưa lên môi. Vị mặn của muối. My Nương mấp máy, gọi thầm: "Thuỷ Tinh! Thuỷ Tinh!..."

Những giọt mưa Thuỷ Tinh ấy nhỏ bé, tí xíu mà vẫn tròn vẹn mang hồn biển, nên nó đầy bột muối lên cả thành cửa sổ, làm mặn cả ngoài hiên... Và, dẫu chỉ có một ngày mà khiến quanh năm vách gỗ phía đông cứ ăm ỉ tiếng sóng. Chỉ riêng My Nương nghe thấu tiếng sóng ngấm trong các thớ vách gỗ ấy. Hàng giờ, hàng ngày, nàng áp má vào vách gỗ phía đông ấy, nghe, mà còn cào tường đến biển, mà khát khao được thấy biển một lần...

Nàng đã không thể sống như đã sống.

Và Sơn Tinh - thần nhân trầm tư, chắc chắn, đầy khôn ngoan và thiên lương - thấu hiểu tất cả. Chàng không may may thấy lạ lòng, sửng sốt. Những nỗi niềm của My Nương

là nỗi niềm của mỗi một người thường. Chàng chỉ thầm nhủ: "Rõ ràng bên cạnh những việc lớn bộn bề ta phải có trách nhiệm, phải để ý đến vợ ta hơn. Nàng đi đâu, chạy đến đâu, làm gì, hãy để nàng đi, nàng chạy, nàng làm, nhưng đừng để nàng thiếu ánh sáng chỉ có thể chiếu ra từ mắt ta, từ tâm não ta, ánh sáng chưa bao giờ vãn đục, chưa một phút mờ ám, ánh sáng lúc nào cũng tinh khôi của núi, ánh sáng soi rọi mọi nẻo đường cho nàng, từ khi nàng về với ta".

Rồi đến một buổi sớm quang mây, Sơn Tinh thấy My Nương đứng kề bên cửa sổ, chàng đứng sau cất tiếng gọi mà không nghe nàng trả lời... Có một ngọn gió thơm mát, không từ ngoài trời thổi vào, mà vừa từ trong phòng riêng này cộn lên và bay qua cửa sổ, tung tăng bay đi, chạy đi. Mắt Sơn Tinh bừng lên, sáng trong và khoan dung, dõi theo ngọn gió thơm đang chạy. Chàng biết: người thường giao duyên với thần nhân lâu ngày thì đến lúc nào đó, hội với khát vọng, cũng đủ sức phân thân. Ngọn gió ấy chính là My Nương đấy!

Trong ánh sáng trầm tư trong như lọc của núi, ngọn gió thơm mát bay dọc theo suối, ủa tới cánh đồng rộng, vấp vào những triền đê cao vừng chắc - những triền đê che chắn bình yên một thời, và cũng che khuất tầm mắt một thời - ngọn gió rướn lên, bay dọc triền đê, hồ hởi ào theo những con

sông tới Biển.

Biển mênh mông, xanh thẳm đến tận mí trời, cộn lên những cụm hoa trắng muốt, trải đến tận bờ đón ngọn gió nhỏ. Những tiếng rì rào khe khẽ lẫn vào tĩnh mịch vô biên...

*
* *

Người ở biển bảo tôi:

- Đó là những ngày đẹp trời.

H.V.

CON DÂU KẺ CHOẠP

Nguyễn Hiếu

I

Trong bảng thành tích của huyện Tân Phương, bao giờ làng Choap - gọi theo tên chữ bây giờ là xã Quyết tâm - cũng đứng hàng cuối cùng. Mà làng có nhiều nhận, đông đúc gì, vền vền có hơn hai nghìn hộ với non một nghìn lao động chính. Nghề nghiệp từ khi lập làng đến nay hơn năm trăm năm vẫn loay hoay lấy nghề nông làm chính. Đạo có phong trào sát nhập, giá làng Choap hợp liền với làng Kền thì ít nhiều mọi thứ có thể khấm khá lên. Bởi làng Kền có nhiều nghề phụ như đan lát hàng xuất khẩu, và có nhiều người dám rời bỏ đất cha ông ra thành thị buôn bán, làm người nhà nước. Nhưng với bất kì làng nào ở cái xứ này còn có thể tách đôi, tách ba hay dán mình vào chỗ họ làng kia để khả dĩ còn mong manh nhìn thấy cái

sáng sủa của đời con cháu, với làng Choap thì việc này khó hơn chuyện một thằng mù cầm súng bắn tin một con cò trên ngọn tre vôi. Theo sổ cái của uỷ ban xã Quyết tâm, hiện nay làng Choap có đến bốn năm họ khác nhau. Song xét kĩ, chỉ trừ họ Nguyễn là gốc thâm căn cố đế còn tất cả đều là hạng dân ngụ cư trôi dạt từ đâu đến, thấy đất lành thì chim đậu. Đến thời dân chủ ranh giới dân số tại và dân ngụ cư mới bớt bớt phần nào. Dân làng Choap, nhất là người chính gốc họ Nguyễn ở làng đều hạng dân nghèo. Ở nơi nào thì không biết, còn người nghèo của làng Choap lại rất kiêu hãnh vì sự khốn khổ của họ. Có thể vì vậy nên họ sinh ngang tàng, phần nữa làng vốn ở bên sông Cái, nên cái chất sông nước, đồ ngang, đồ dọc và cả những con sóng cuộn cuộn đỏ ngầu phù sa mùa nước lên cũng làm cho cái máu khí khái của dân làng Choap tăng thêm. Ấy là chưa nói đến chi về dòng dõi họ Nguyễn được chép trong gia phả dưới đây cũng ít nhiều ảnh hưởng tính khí của họ. Người trong làng, bênh nhau, người trong dòng họ Nguyễn càng bênh nhau. Việc nội bộ trong làng thì có thể xuê xoa thế nào xong thôi, dẫu sao cũng là trong họ ngoài làng. Cả làng ai cũng có giây mơ dễ ~~nhá~~ với nhau, không cậu thì bác, không con cô con cậu, thì con dì con già nên sinh nể nang chín bỏ làm mười. Còn chuyện đối với người ngoài làng

thì khởi nói. Cần thì đánh nhau đến chảy máu, để dành sự thắng, sự thua thì nhường cho thiên hạ. Có ai đó đọc truyện ngắn này, nếu có dịp đứng trên tàu bay trượt qua địa phận làng Choap mới thấy, về đêm, các làng lân cận, đèn điện loé sáng, ở giữa là một khoảng đen kịt, có nhìn tinh lắm mới thấy le lói những đóm đèn dầu loe hoe. Nếu người đó nói điều này với người làng Choap, chắc hẳn sẽ nhận được câu trả lời khá đốp chát với cái bĩu môi khinh bỉ: "Kệ họ, cụ kị tổ tiên chúng tôi có dùng điện đâu mà vẫn sinh ra chúng tôi, tồn tại cho đến bây giờ", vâng làng chúng tôi cổ hủ, nhưng ở nước ta thử hỏi, phỏng còn mấy làng cổ như làng này". Ngôn thể nào hành như thế. Chẳng vậy mà dân làng Choap nổi tiếng cả huyện về những vụ mất an ninh với dân thiên hạ. Khi thì vụ tranh đất khi thì chỉ bởi một lời chê bai. Máu võ biên ấy đáng là lưu truyền từ đời cụ kị, tăng tổ, tức là người đầu tiên sáng lập ra làng Choap.

II.

Theo gia phả họ Nguyễn chép bằng nửa chữ nho nửa quốc ngữ đang lưu nhà Cụ Cai Lum - tức

ông trưởng họ, tên họ khau là ông Nguyễn Đình Lum - thì người có công lập nên làng Choap là cụ tổ xấp xỉ mười đời của Cai Lum. Tên cụ là Nguyễn Đình Lăng, một trong những tướng tài thời vua Lê Thái Tổ. Một lần trong thời vua Lê còn nằm gai nệm mật, vận chưa phát, thua chạy dài dài cơ đội do tướng Lăng chỉ huy, bất ngờ mắc mưu tướng giặc, đến nỗi quân một nơi, tướng một nẻo. Ông Lăng chạy đến đất này, rồi nói theo giọng ngày nay là đứt liên lạc với đại quân, ông Lăng đã gá nghĩa với một cô gái con nhà đánh cá. Hai vợ chồng dựng nhà trên bãi sông, sinh con đẻ cái, dần dần thành làng Choap. Đến đời ông Cai Lum, thì đất làng Choap do phù sa bồi đã cách khá xa sông Cái, nên nghề đánh cá dần dần mất đi, đến độ, thấy dân đánh cá, dân trên bờ tỏ ra khinh ngăm với hai câu về "truyền chài ăn cá bỏ đuôi, đến khi nước cạn lấy b... mà ăn". Hồi cải cách ruộng đất, chỉ thiếu chút nữa thôi, nhà ông Cai Lum không được xếp vào loại cốt cán rẽ của đội, bởi lẽ ông Lum đã từng đi lính khổ đò, đã từng được tuyển mộ sang Ba lê trong đợt "rồng Nam phun bạc trừ Đức tặc". Cái chức Cai sau thành tên kếp của ông cũng làm ông phiền nhiễu khá nhiều. May ngoài cái tên đó, với dăm ba tiếng tây bồi, với chiếc áo Bado suy khuy đồng đã rách, giờ chỉ dùng để đắp cho cháu, gia đình ông chẳng có gì. Một mái nhà

ra, một mảnh vườn bồi từ đất bãi, một lọ lục bình sứt và cuốn gia phả dòng họ. Ông trời ở rất công bằng, tuy nghèo đường tiền của, nhưng đường con cái ông Cai lại rất xum xuê, ông Cai sau khi đi lính về, gá nghĩa với cô chân sào thuê cho một thuyền chum chở muối mắm từ xứ Nghệ ra, sinh hạ được bảy người con, năm trai, hai gái. Bốn anh con trai đầu đã thành gia thất. Vẫn loay hoay yên phận với nghề nông và chút nhà cửa được chia quả thực hồi cải cách. Duy cậu út và hai đứa con gái đang xấp xỉ tuổi lấy được chồng thì vẫn ở chung với bố mẹ. Dân kẻ Choạp, con gái mười bảy, mười tám thường đã lấy chồng, sinh con. Riêng hai cô nhà cụ Cai Lum thì vẫn chưa có đám nào mỗi manh, xin xò. Người trong làng thì thảo, duyên do chỉ bởi nhà cụ Cai nghèo, bấp vào hai cô bây giờ, tiền cưới, tiền cheo dù có thế nào cũng không ngại, mà cái chính là mai kia, chàng rể nào có ý đẽo bố mẹ vợ chút gì, cũng khó, ấy là chưa kể, cái gì chứ thỉnh thoảng bố vợ lại đến quấy quả bữa rượu. Thói quen của một thời lính tráng từng ăn mồn đứa thiên hạ, giờ vẫn đeo đẳng trong người cụ Cai, mặc dù cụ năm nay đã quá tuổi bảy mươi từ lâu. Anh con thứ năm - tức là cậu út nhà cụ Cai, cũng đã hai bảy, hai tám tuổi. Người cao to, khỏe mạnh, mặt mũi dễ coi, nếu không muốn nói là đẹp. Chỉ tiếc, cậu hơi ít chữ, nếu không muốn nói là gần

như chưa biết đọc biết viết. Cũng phải thôi, vì nhà cụ Cai từ anh cả trở xuống, có mấy ai học hành gì. Cũng là cái thói quen của làng Choạp. Đi làm, cả ngày về, chờ trăng lên, hay thấp từ mù ngọn đèn Hoa kì, và vôi vàng lưng cơm, hay dăm củ khoai bỏ vào miệng, là đập chân lên giường ngủ. Cậu út, tên là Nguyễn đình Lạng cũng theo nếp đó, lại ít lời, nên đạo tuyến nghĩa vụ trên huyện trả về, vì nghi cậu bị thần kinh. Nhà nghèo thì nghèo vậy, được cái nét ăn ở thì người nào trong làng cũng chịu cụ Cai, chẳng mấy khi nghe thấy nhà cụ Cai to tiếng. Em trọng anh, bố mẹ yêu thương con cái hết mực. Con cái thì kính trọng bố mẹ hết như câu ru "công cha như núi Thái sơn, nghĩa mẹ như nước...". Vì vậy nói gì thì nói làng Choạp tôn kính dòng họ Nguyễn, quý trọng gia đình cụ Cai cũng có cái lí của nó. Ai dè sự việc mà tôi chép ra dưới đây làm cho không chỉ gia đình cụ Cai lúng túng mà làng Choạp cũng ngạc nhiên, khiến tình cảm của làng đối với cụ Cai có phần nào thuyên giảm. Chuyện là thế này...

III.

Kề bên làng Choap là làng Kền. Ở trên mảnh đất địa liền với làng Choap là nhà ông ba Khểnh. Dân làng Kền không nằm trong diện làng cổ, nên dân làng Choap cũng có ý khinh. Dân làng Kền thì thay đổi như chong chóng. Cứ việc gì no bụng là làm. Ông Ba Khểnh bỏ làng ra tỉnh từ dạo trẻ, đâu như làm kí ga thì phải, có nhà tây riêng, con cái đứa nào đứa nấy dạo này làm ăn phát đạt, mỗi bận về làng đều phóng bình bịch vun vút. Chỉ phải cái đức thì nhà ông Ba bị đàm tiếu nhiều, thấy bảo, có lần hai anh em kề liền nhau, vác cả dao để chia tiền. Cô con gái út nhà ông Ba tên là Ban, đâu đẽm là Hồng Ban thì phải. Không biết học hành thế nào, nhưng trước khi ông kí Ba về hưu cũng xin cho cô được đi xuất khẩu lao động. Sang Liên Xô hay Tiệp gì đấy. Cũng là nghe cánh xuất khẩu về làng kể lại, Hồng Ban sang đất nước người, ăn chơi có chừng có mỗ. Nạo niệc đâu mấy lần. Lần cuối cùng chắc là rõ ràng quá nên cô đành phải về nước trước kì hạn. May là ba ngày trước khi lên máy bay, cô đã giải quyết xong tất cả mọi việc. Không biết sống bên đất người thế nào,

chứ chỉ trông nhan sắc bề ngoài của Hồng Ban thì con trai, đàn ông khó có thể buông lời ồm ờ kể cả lúc cô đánh đủ các loại kem và phấn ngoại. Hồi Hồng Ban mười sáu, mười bảy thì còn khả dĩ vì cái mịn màng trẻ trung, còn bây giờ đã vào tuổi băm, lại qua mấy lần mất máu kiểu ấy, trông cô càng... Chỉ được cái Hồng Ban giàu, của riêng của cô thấy bảo cũng vài chục cây, nguyên hai cái hòm to tương cô mang từ nước ngoài về, rồi tiền dất lưng vốn, thấy bảo cũng toàn tiền ngoại cũng đến dăm chục tờ. Ấy là đồn như vậy, chứ mấy ai biết rõ. Chỉ thấy, mỗi lần về làng Kền chơi, cô đều đi bình bịch, mặt mũi loè loẹt xanh đỏ, người gầy nhẳng, và váy thì loà xoà. Hàng phố nhà cô bảo dạo này cô buồn, cô thì bảo giá cứ ở bên tây, thì đâu đến nỗi, con gái ta xấu thế nào tây cũng cho là đẹp, chứ ở ta, tại sao bọn con trai, lũ đàn ông không nhìn vào cái ví mà chỉ nhìn mặt mũi, chân tay của cô, nghe cô nói những lời này lời nọ rồi quay mặt đi. Được rồi, được rồi cứ cười cho chán đi, rồi có lúc cô sẽ cho chúng nó biết, gái này chẳng chịu chết già đâu. Thời này, đứa nào nhiều tiền thì muốn gì chả được... Buổi sáng hôm ấy, ngồi chán ở nhà trên phố, chả thấy thẳng, con nào đến rủ đi chơi. Chán quá. Đã thế cô phóng xe về quê. Chỉ ít cũng được người làng trầm trồ khen cái xe, nhìn theo cái váy của mình. Vừa ngoặt vào ngõ, cô chợt cho

xe đi từ từ, vì nhận ra phía xa, một gã con trai cao to đang ngồi yên lặng trên thành ngôi mộ cổ. Chiếc mũ nan rách vắt sau vai để lộ ra khuôn mặt vuông vức, đôi chân mày rậm, đen hình cánh cung, bắp tay trần lộ phơ đôi cánh tay áo cũ, hơi rách. Hồng Ban hơi nhúu đôi mày kẻ tím lịm. Lòng cô hơi cồn cào. Cô như nhớ đến cảm giác hồi cô ở ộp nhà máy ở phố Gê nê ran Blôva. Thằng cha I Van cao to và hăm hở làm sao. Cô cho xe chậm chậm lại gần anh nông dân. Cô tắt máy, nhìn quanh. Cánh đồng vắng teo, xa xa chỉ còn vài ba người đang cày ruộng. Dăm con cò trắng toát đang gặt gù trên đồng. Hồng Ban đi gần sát ngôi mộ cổ, mà gã đàn ông vẫn không động tĩnh gì. Xe máy của mình phải gió là tiếng của nó êm quá. A, anh ta, đúng rồi anh ta ngừng lên rồi. Anh ta còn trẻ mà lại đẹp nữa. Trông rõ là người nghèo. Loại ấy chắc chưa vợ con gì đâu, mà có thì sao. Hồng Ban vừa nghĩ thầm vừa khéo léo tắt máy xe, và khe khẽ tụt đôi giày cao gót bóng lộn. Anh thanh niên nông dân ngơ ngác nhìn một chút, rồi lại quay đi chỗ khác. Hồng Ban cố ý trượt chân xuống ruộng bùn, rồi la lên bai bãi:

- Giúp tôi với, cứu tôi với.

Cô la đến lần thứ ba, thì chàng thanh niên đứng dậy. Anh ta hơi hốt hoảng, rồi chạy nhanh đến bên bờ ruộng, cánh tay khoẻ mạnh sẵn chắc

của cậu ta vung lên, mồm anh ta run run:

- Chị bị làm sao đấy?

- Đỡ tôi với. kéo tôi lên một cái. Con gì, con gì kia.

- Con đĩa ha? Anh thanh niên nhắc

- Eo ôi, đĩa ư, thế thì tôi chết mất

- Làm gì có. Anh thanh niên nhìn quanh mặt ruộng.

- Không, không, nó vừa cắn tôi. Lôi tôi lên đi, kia.

Mặt anh con trai đỏ ra, lúng túng, sau hai lần thò ra, thụt vào, thì anh hít mạnh hơi, nắm vội vào bàn tay có những móng tay đỏ choét đưa ra chơi với. Khi cố sức lôi được cô gái mắt xanh, môi đỏ lên rồi, anh con trai lại như người khi thấy cô ấy gần như ngã vào tay anh, mùi thơm lạ lùng sức nức xộc vào mũi anh. Cô ta lại vén váy lên, giọng ướm nhào:

- Anh bắt cho em con gì ở đây cái.

- Đâu.

Anh con trai ngớ người khi thấy bàn tay cô gái đưa tay anh vào chỗ vết bùn ở kheo chân trắng xóa có những dây gân xanh nổi lên. Anh hơi mỉm cười, bụng thâm chê người thành phố. "Bùn không mà cũng sợ".

- Anh. Hồng Ban ngược đôi mắt tím xẫm lên, và bây giờ cô hề hả thật sự. Anh con trai đẹp quá.

- Sao cơ?
- Tôi muốn rửa chân.
- Chỗ vùng kia kìa.
- Không, tôi muốn nói là... vì tôi đi đây, nên anh đỡ tôi một tí.

Hồng Ban phải giải thích mãi. Cuối cùng chàng trai cũng nhận ra điều cô ta cần nhờ. Anh nâng bổng cô lên, đưa đến chỗ tro đầu gấu, anh khoá chân cho cô. Rồi lại mang cô về chỗ cũ. Mặt mũi anh xây xẩm bởi mùi thơm, bởi làn da cô ta. Đến nỗi khi cô bảo:

- Anh cứ chờ đây nhé, đừng đi đâu cả.

Thì anh cứ chôn chân như trời trồng bên bờ ruộng. Khi nghe thấy tiếng xe máy, rồi bóng cô quay lại, anh sống người ra. Và lúc cô mở nút chai bia, kéo anh ngồi dưới bóng mát của lũy tre làng thì chàng ta càng đỡ ra giống như con cua càng bị con ếch vỗ vào lưng. Trưa hôm đó trời lại nắng to, gió nồm nam rần rạt trên ngọn nhãn càng làm cho cảnh đồng càng hoang vắng. Chị chàng gốc nhà quê nhưng ăn phải bả tỉnh thành, lại có vài năm ở đất tây cười khanh khách, tay đưa chai bia lên miệng mình, tay dúi chai bia vào tay anh con trai.

- Anh tên gì?
 - Tôi á? Lạng.
 - Ủ này, chủ nhật tuần sau lại chỗ này nhé.
- Lạng ngoan ngoãn gật đầu như kẻ bị thôi miên.

Cụ Cai vốn nổi danh trảng, rượu gì cũng phải hai hươu mới la đầy, do đó bát của cụ giống máu bò, cũng không coi ra gì. Nhưng lần đầu tiên được uống bia thoải mái, lại thấy tay có những móng đồ chót và thơm như mùi của hàng bách hoá huyện đưa cho, thành ra đầu óc Lạng chóng ngất ngư. Đôi mắt ngây dại của Lạng nhìn chằng chằng vào bắp đùi trắng như ngó cần cẩu của cô gái, thành ra cô nói gì Lạng cũng gật, bảo gì Lạng cũng nghe. Không gian im lìm có tiếng lá nhãn rụng, tiếng thân tre cọ vào nhau cũng chẳng hề trọng gì. Lạng miên man. Ban cố trấn tĩnh, nhưng trong bụng cô cũng nhận ra rằng, kể cả thằng I van, thằng Iacu, thằng Bô xéc cũng không thể bằng anh chàng lực điền trai tráng này... khi hai người ngồi dậy, Lạng càng thần thờ khi Ban dúi năm tiền lẻ lồng bông vào tay bảo "mua lấy cái áo sơ mi mà mặc, nhớ mua cả bánh xà phòng mà tắm". Hai đứa chỉ rời nhau khi có tiếng ai đó ới ới gọi to "bỏ nhà đứa nào ăn mại kìa kìa".

IV

Gần hai tháng sau cái buổi trưa kì lạ ấy nhà cụ Cai sôi sùng sục vì cái tin thằng Lạng thông báo nó

sẽ lấy vợ. Lấy ai? Cả nhà châu vào hỏi. Thằng Lạng chững chảng. Cái Ban còn nhà ông Khểnh dưới Kền. Tiền ăn hỏi, cưới xin lấy ở đâu. Nó theo mày à? Không, đâu khác có đó, mọi thứ đều đủ cả. Cụ Cai nghĩ lung lắm. Trong gia phả nhà cụ, thấy bảo cụ tổ nhà cụ không phải người thường, đâu là dòng giống con trăn, con giải gì đó ở dưới sông Cái. Một bận bà cụ tổ đi ra sông tắm giặt, bị nó cuốn, rồi về mang thai. Tổ tiên đã là loài vật, lại sinh ra trong tình huống siêu phàm như thế, thì lẽ đâu con cháu lại khuất mình như thế. Nhà mình nghèo thì nghèo thật, nhưng là nghèo danh, nghèo giá, không thể đùa được. Nhà kị Khểnh chẳng qua như ngọn bèo cái, nổi phềnh phềnh chứ đâu phải gia bản. Bốn ông anh Lạng lại bản, dù sao như thế thằng Lạng cũng có vợ, con vợ nó lại là dân xuất khẩu về, chắc tiền của không thiếu, ít nhiều gì đó vợ chồng nó chả đỡ dần bố mẹ. Bà đưa em biết đâu chẳng vì thế mà lấy được tấm chồng. Nhà của mình chỉ ít cũng được sửa sang. Đồng tiền bây giờ quý lắm. Thóc gạo, hai sương một nắng, bằng thế nào được chuyện làm chơi của người thành thị. Thằng Lạng thế mà may, ầu cũng là giới có mặt nên mới run rủ cho nó như vậy. Cụ Cai nghe xuôi tai, gạt đầu, và nhận tiền của Lạng đưa cho để xúc tiến việc ăn hỏi. Điều bản khoán của cụ về dòng giống, về cái bề ngoài xộc xệch và khô nhằng của cô con dâu cũng dần dần tan

đi, mỗi khi cụ chợt nhìn mái rạ nhà mình sơ sác, chiếc vại đựng nước nứt nẻ. Hai cô con gái lông ngông chưa ai dám hỏi. Hai chiếc giường tre rệu rọ và manh chiếu rách xộc xệch, cùng những cơn thèm rượu không có gì giải khuây nổi trong cụ. Dù sao cụ cũng là trưởng họ, cũng là kẻ danh giá ở kẻ Choạp này. Giá như ngày xưa, có tiền có của chắc gì đã có được những điều cụ đang có, còn thời nay. Dân làng Choạp nể cụ kính cụ, nhưng ngấm lại không phải không thấy những điều chua xót. Cái thời buổi kì lạ thật. Đồng tiền tanh ngòm ngòm, mà có quá nhiều sức mạnh. Thôi số thằng Lạng đã thế cũng đành phải theo thôi. Cũng may nó là thân con trai, chứ là kiếp đàn bà con gái cũng đành chịu nhục. Có thể là may, mà cũng có thể là chẳng ra gì. Hôm ăn hỏi, ngày đón dâu, cụ Cai cũng được người trong làng cho mượn đủ bộ áo the, khăn xếp để xứng là người kẻ Choạp. Thằng Lạng thì khỏi phải nói. Con vợ nó như đắp cửa vào người thằng chồng. Thằng Lạng sáng bừng lên, khuôn mặt khô ngô của nó hơi vênh vênh khi nghe những lời lào thảo của bọn trai làng Choạp. Nhà nó ngày cưới cũng mời cả họ, và những người thân trong làng đến ăn dần dặt một buổi. Cũng dựng rạp. Cái sân đất nó hoá ra cũng tiện cho sự đào lỗ chôn cột. Mấy ngọn măng sông Ban mang về sáng trưng cả ngõ. Tiền của Ban cả. Ai ngờ,

buổi chăn trâu hôm đó, Lạng lại gặp tiên. Khi nhà giai lập cập từ ô tô bước xuống đón dâu, ông Kí Khênh mặc đồ tây ra tận cửa ô tô đón cụ Cai. Bốn con trai, con gái phở xì xào "chú rể bị lừa rồi, người như thế mà...". Lạng cứ bụng mình mà suy, lừa ư? ai lừa ai mới được chứ. Hồng Ban đỏ rục từ mặt đến váy mấy tầng, lúc trao hoa gắt Lạng "khỉ ạ, cầm lại đi, đã bảo tập ở nhà cho quen không nghe". Lạng nhuệch mồm cười hiền lành, nhìn vợ và chàng ta cứ bản khoăn "sao hôm nay, mắt Ban to thế, ít cũng bằng cái đít chén tổng mà lại quầng xanh, quầng tím như bị ai đánh". Mấy lần ngồi bên Ban, Lạng đã định hỏi, rồi lại thôi. Bụng bảo dạ Lạng nghĩ "chắc là mấy hôm cô ấy mất ngủ". Con trai phải mạnh bạo lên. Lạng lại tự nhủ. Chỉ tức là mắt mình chưa bao giờ mở thoải mái mỗi khi cái đèn phải gió cắm trên cái máy ảnh đen x' loé lên, Ban chốc chốc lại véo vào sườn Lạng đau điếng, và hét khê vào tai "Đừng có chớp, không vào ảnh trông như mù ấy khi ạ".

V

Ban về nhà chồng được hai hôm, đến đêm thứ ba cô nói với Lạng:

- Anh có biết chữ nghĩa gì không?

- Đánh vần cũng tạm tạm.

Ban thở dài:

- Thế thì không ra phổ được. Thôi cũng không sao. Tôi sẽ xây nhà cho đảng hoàng, rồi thuê thợ về bắc điện, chứ ăn ở thế này tôi không chịu được, nóng lắm. Bẩn lắm. Tôi không quen.

Cả nhà cụ Cai mừng vì quyết định ấy của cô dâu mới. Cụ đi khoe khắp làng. Và chỉ độ hơn một tháng sau. Căn nhà mái bằng đã thay thế căn nhà mái rạ. Bước vào nhà, bố con cụ Cai mấy hôm đầu ngái ngái, vì nó sang quá, trợn quá, sạch quá. Cô con dâu lại mang từ Hà nội về mấy chiếc quạt máy, và cả một chiếc máy chỉ to hơn cái ghế đầu một chút, vậy mà đêm đến, chỉ cần giật một cái, máy chạy xình xịch một lúc là nhà sáng bừng lên. Rồi lại thêm chiếc vô tuyến đêm đêm chiếu đủ mọi loại hình như xi nê ma mà chẳng cần đèn chiếu, người chạy máy gì cả. Bà con đến xem ngồi không đủ chỗ. Cả làng ai cũng bảo cụ Cai thế mà tốt số. Có cô con dâu làm vẻ vang nhà, vẻ vang làng. Sau vài ngày yên yên. Ban lại nói với chồng:

- Tôi lấy anh, chứ không phải lấy cả nhà anh.

- Không hiểu mẹ mày định nói gì?

- Anh bỏ ngay cái lối xưng hô cổ lỗ ấy đi. Mẹ mày, mẹ mày, cứ như chửi cha người ta ấy. Liệu mà sửa đổi đi. Còn bây giờ thế này. Mai anh bảo bố anh, và hai đứa em anh về trên nhà mấy anh

cả anh mà ở, mình là con út, không tội gì phải ôm cho nhọc xác.

- Nhà các anh ấy chật lắm.

- Tôi không biết. Cái chính là nhà này tôi xây cho tôi chứ không phải cho những người ấy. Tiền của của tôi, tôi phải hưởng. Mà tôi cũng không chịu được sự bần thủ, bữa bãi của những người đó.

- Sao Ban lại nói thế? Bố tôi thì già rồi, các em nó...

- Tôi đã bảo tôi không biết. Nếu anh không dám nói thì tôi buộc lòng phải nói.

Lạng bắt đầu bút rút. Anh đang vui, duyên mới, chuyên sang đâm chiêu. Đợi chồng mãi không được Ban quyết định ra lời. Những lời của cô lạnh lạnh làm sao. Cụ Cai nghe con dâu xong, đứng uống dở cốc rượu, ngã vật ra sàn vì ức, vì tủi, vì nhục. Hai cô em gái tưởng lành, ai ngờ nhìn thấy bố như vậy xót bố, thành ra trơ chứng. Hai cô xưa nay ở làng có tiếng thuận thảo, hiền lành có lẽ câu quá bỗng trở thành thần danh đồ mỗ. Cả hai tỏ ra chẳng kém cạnh chị dâu tí nào, cũng nhẩy xoi xoi lên như nhập đồng, kể đủ mọi thứ, mà chính anh trai cô không biết. Người chị dâu, biết một miếng dễ thất thế, im lặng dường như không thèm chấp, để cuối cùng phọt ra một câu dứt khoát:

- Đây là nhà tôi, do tôi dựng nên, tôi muốn cho

ai ở là tùy tôi, các cô đừng có hỗn.

Hai cô đuối lí, ghen lời. Đùng đùng chạy lên nhà mấy ông anh cầu viện. Bốn người anh, tức tốc mang võng và đòn chằng nói, chằng rằng khiêng bố về.

Lạng ngồi im lặng tê tái. Độ quãng thời gian bằng lúc gà mái nhẩy ổ đẻ trứng, bốn người anh lại tức tốc ào đến. Người anh cả điềm đậm hỏi người em út:

- Chú xem vợ chú đối xử với bố thế à? Nhà này đâu có cái thứ nghịch tử như thế.

Lạng thì thảo:

- Có phải em đâu, mà...

Chồng chưa nói hết câu, Ban từ buồng trong loẹt xoẹt váy ra, giọng chồng lớn:

- Tôi đây, chỉ có mình tôi làm thế đấy.

Anh thứ hai tính nóng mắng luôn:

- Cái lối như của thím là cục xúc, thím ra khỏi nhà tôi đi.

- Anh là cái thá gì anh dám nói như thế, đây là nhà tôi.

Anh thứ ba cân đối giữa hai thái độ của hai người anh giảng giải:

- Bố sống được mấy, giàu con út, khó con út. Tôi nghĩ tương thím đi nhiều, hiểu rộng phải biết điều ấy mới phải nghĩa.

- Phải, lẽ nghĩa. Chẳng có tiền của tôi bỏ ra thì

còn khối mà lễ nghĩa. Khuôn mặt dài của Ban vênh lên như mặt con bọ ngựa cái đang giữ trứng.

Anh thứ tư, có tiếng là khôn khéo nhất nhà đập luôn:

- Đây, mảnh đất này là của ai. Nói thật với thím chỉ riêng tiền bán mảnh đất này cũng gấp mấy lần tiền của thím bỏ ra. Thím đừng hồn láo, đừng có nệ của vôi, mà mất hết đấy.

Chiếc váy lết đến bên ghế và xoa xuống:

- Anh nói cũng có lí đấy. Vậy chỗ này anh giá mấy cây, tôi sòng phẳng cho.

- Đất này là đất hương hoả của ông cha, chúng tôi không bán. Tưởng rằng để cho chú thím ở, chú thím phải biết điều chứ.

- Hương hoả, chỗ chó ỉa này giỏi lắm nửa chỉ một mét chứ đáng bao. Chẳng qua các anh khôn, muốn rảnh nợ nên đùn cụ ấy với hai bà cô nhờ vả ở đây.

Lạng ngồi lì, mắt trơ ra nhìn bốn người anh và vợ đầu khẩu. Cho đến lúc gà gáy lần một, sự thắng bại vẫn chưa ngã ngũ. Bốn người anh, biết mình chưa át được em dâu, kéo nhau về. Đêm đó, Lạng cầm chiếu ra giải ngoài hiên nằm trần trọc, Ban nói thế nào anh vẫn không vào. Sáng hôm sau, Ban một mình ra tỉnh. Lạng thì bồn chồn lên thăm bố đã được các anh đưa ra bệnh xá. Ba ngày sau, Ban trở về kéo theo hai

ba đàn ông. Hình như cô muốn giải quyết chóng vánh chuyện đất cát. Bốn người anh của Lạng cũng được người trong họ, người trong làng mách nước, đến nhà Lạng cùng dăm ba người em con cô, con chú trong họ. Không biết họ giải quyết thế nào thành ra to tiếng, rồi có tiếng kêu la. Hàng xóm đến đông nghìn nghịt. Mấy người ở phố mặt mũi sứt sẹo, máu loang cả ra áo bị tổng ra khỏi làng. Vài hôm sau công an huyện về. Thế là sinh ra kiện tụng. Nhà ông Ký Khểnh tỏ ra hiểu luật cũng tham gia trợ giúp con gái. Sự việc này kéo dài hơn một tháng trời vẫn chưa xong. Thấy bảo, cụ Cai ốm càng nặng, đã đưa lên bệnh viện huyện. Lạng bỏ nhà lên bệnh viện trông bố. Ban vài hôm sau lại về, khuôn dần những đồ quý ra phố.

Chuyện tình duyên của họ cho đến bây giờ cũng không rõ thế nào. Rõ khổ.

Tháng sáu dư Quí Dậu
Nguyễn Hiền

NHỮNG CON ỐC SÊN

Vũ Đình Huỳnh

Con sông Tô lịch thải nước thải của thành phố nên dòng chảy lúc nào cũng sền sệt, đen ngòm và luôn có những bong bóng sủi lên trên mặt nước rồi vỡ tan toả ra một mùi thum thum hơi thối, sản phẩm khí do lớp bùn dầy dưới đáy tạo ra. Hai vệ sông rác rưởi đủ loại đổ đầy, có rất nhiều lùm cây dại mọc lúp xúp cùng vô số những con ốc sên có những vằn nâu trên vỏ dễ lẫn với sắc màu của đất cứ ngọ nguậy xúc tu hướng với những đồng rác mới đổ. Ông Từ quá quen với cái đó tới mức gần như chẳng có tác động gì tới thị giác và khứu giác của ông bởi nhà ông nằm ngay cạnh dòng sông ...

Cái quầy đại lý báo ở đầu ô đã giúp chúng tôi quen nhau. Chẳng là ngày nào vào khoảng tám giờ ba mươi đến chín giờ tôi cũng lững thững ra quầy xếp hàng mua báo. Hôm ấy tôi cũng đang đứng xếp hàng, mắt cứ ngong ngóng lên phía trước, bỗng nghe tiếng:

- Ông có mua báo, tôi nhượng lại?

Tôi quay sang thấy người hỏi trạc sáu mươi tuổi, dáng gầy nhỏ, đeo một cái kính mắt màu trắng, có hai tròng làm cho có cảm tưởng như mắt ông hơi lồi ra. Đang giữa tháng sáu ông vẫn mặc áo sơ mi trắng dài tay, cài cả khuy tay lẫn khuy cổ và vạt áo được nhét gọn gàng vào trong chiếc quần nâu màu ghi nhạt tất cả đều đã cũ nhưng rất sạch sẽ, chỉ có chiếc thắt lưng bằng da nhiều chỗ đã bị sòn bật lớp ngoài trông hơi bẩn. Tôi lấy tờ hai chục đồng đưa cho ông rồi bước đi. Khuôn mặt ông co rúm lại đẩy ra những nếp nhăn trên trán, trên má và cả hai bên mép. Ông nói lập bập:

- Tôi lấy vốn thôi!

Mấy ngày sau cũng vậy. Lấy làm lạ tôi mời ông:

- Mời bác đến nhà tôi chơi, chỉ cách đây có mấy chục bước chân tôi mở hàng vá quần áo cũ, ngồi một mình nhiều lúc cũng buồn.

- Xin cảm ơn! Ông để cho khi khác.

Một tuần sau, tôi mời được ông đến nhà chơi. Qua câu chuyện, tôi biết ông là thầy giáo đã về hưu. Từ đó tôi không ra quầy báo nữa, mà cứ làm việc ở nhà và chuẩn bị sẵn ấm trà chờ ông mang giúp báo tới sẽ cùng uống trà và trò chuyện phiếm với nhau.

Đã nhiều lần trong lúc ngồi chơi, cứ thấy ông kín đáo lấy tay xoa bụng. Tôi nói:

- Tôi có dấu "Con hổ" tốt lắm! Bác cầm lấy một hộp mà dùng.

- Cám ơn bác! Tôi bị đau dạ dày lâu rồi. Đã uống Kavet với những viên nghệ tẩm mật ong của y tế cho mà cũng chẳng ăn thua gì.

Về thờ ơ trong câu nói của ông làm tôi hiểu ông đã quen chịu đau và cam phận.

*
* *

Đạo này ông Từ bỗng béo hẳn lên, da lúc nào cũng căng và hồng hào. Tôi nói với ông:

- Độ này chắc bác phát phú, tôi cũng mừng cho bác?!

- Nào có phát gì! Mỗi bữa cũng vẫn có hai miếng bát cơm rau mà tự nhiên người cứ béo ra nhưng dạ dày cứ cứ cứng cứng, đau hơn và lúc nào cũng nóng hừng hực.

- Chắc là điềm báo sắp phát phú. Anh Ngôn con bác chẳng được đi lao động xuất khẩu còn gì! - Tôi nói cho ông Từ vui còn tôi chạch nghị đến một số bệnh hiểm nghèo trước thời gian kịch phát cũng có hiện tượng như vậy.

*
* *

Bẵng đi mấy ngày không thấy ông Từ mang báo đến như thường lệ. Đang giữa mùa gió heo may,

mùa những người già, yếu hay kêu là mùa "trái nắng trở trời" Đoán là ông ốm (vì sau hai năm quen nhau, chỉ khi nào ốm ông mới không đến) tôi mua cân cam đến thăm ông và cũng không quên mang theo mấy tờ báo những ngày qua.

Bà vợ ông đi vắng mà cửa vẫn mở toang. Tôi nhìn quaoanh chỉ thấy mỗi chiếc bàn bằng gỗ tạp kê sát tường cửa ra vào. Có bốn chiếc chén gốm Bát Tràng cái gãy quai, miệng chén sứt lăm lăm được đặt trong chiếc đĩa sắt còn sót lại vài vệt men màu để ở giữa bàn. Ba cái ghế, một cái kiểu tựa lưng, hai cái mặt ghế hình tròn xếp ở góc nhà. Tôi đang đứng tần ngần thì nghe tiếng ông Từ nói giọng yếu ớt, run run phát ra sau tấm màn che cửa buồn trong. Tấm vải đã mờ hết những đường kẻ màu và được thời gian nhuộm vàng loang lổ.

- Mời bác vào chơi!

Tôi bước vào thấy ông Từ đang nằm trên giường kê ngay dưới cửa sổ trông ra ngoài sân, thi thoảng gió lại đưa từ đó vào mùi dưa khú, cà chua, su hào, cà rốt đầu mùa đã thối rữa mùi cuống hoa cắm đã lâu ngày và hình như có cả mùi khăn khăn của chuột chết. Mới có mấy ngày hai má ông đã tóp hẳn, ông gơ bàn tay răn reo, nhợt nhạt nổi đầy những sợi gân xanh chỉ vào cạnh giường mời tôi.

- Bác ngồi chơi tạm, mấy chiếc ghế mòng long hết tôi cũng chưa kịp đóng đinh lại.

- Bệnh tình bác có vẻ trầm trọng đấy! Sao bác không đi nằm bệnh viện? - Tôi hỏi.

- Mấy hôm trước tôi đau dữ dội phía dạ dày đến ngất đi, vợ tôi phải đưa đi cấp cứu, tôi được các bác sĩ cho biết: "có khối u ác tính trong dạ dày, có ở lại bệnh viện cũng không giải quyết nổi". Tôi biết tôi không sống được quá vài tháng nữa. Các bác sĩ khuyên tôi về thích ăn gì cứ ăn, có tiền mua sẵn Mocphin để dành tiêm cho những ngày sau.

- Sao bác không viết thư cho anh Ngôn bảo anh ấy mua thuốc gửi về, ở Liên Xô thiếu gì.

- Cháu mới đi tôi không muốn cháu phải suy nghĩ nhiều, tôi dặn cả mẹ cháu không được cho cháu biết, vì đằng nào tôi cũng không qua được.

- Bác đừng nghĩ đến chuyện chết chóc nữa. À! Tôi có đem theo báo mấy ngày qua đây, nhiều tin hay lắm, tôi đọc cho bác nghe nhé?!

Ông Từ vẫn lặng im, cặp mắt bỏ kính ra trông đờ dại, lạc thần. Một lúc sau ông lẩm bẩm:

- Tất cả chỉ tại nó!

- Sao? Tại anh ấy mà bác bị ung thư à?

- Không! Tại nó, tại những con ốc sên ấy!

- Bác còn tỉnh không đấy?! Sao lại tại những con ốc sên?

- Tôi không còn sống được bao lâu nữa, cũng chẳng giấu bác làm gì, vả lại tôi còn muốn nhờ bác giúp một việc, khi nào cháu về nước bác cố nhắc

lại cho cháu nghe giúp tôi ...

Rồi ông bắt đầu tâm sự:

- Hơn ba mươi năm trước hồi tôi mới lên chức giáo làng, thần kinh tôi vẫn còn cường tráng, đôi mắt tôi vẫn còn trong sáng, miệng tôi cũng tươi tắn lắm. Chẳng thế mà cô Châm (vợ tôi hiện nay) là cô học trò đẹp nhất khối bảy lại mê thầy như điên đổ và "thầy" cũng sớm nhận ra những ánh mắt ngập ngừng cùng cặp má cứ ửng hồng lên như ngời bên bếp lửa trong những lúc gặp thầy.

... Nét mặt ông Từ khi kể tới đây dường như rạng rỡ hẳn lên, những ký ức êm đềm tươi đẹp đang mang lại cho ông thêm nguồn sinh lực. Ông cao giọng hơn:

- Châm tốt nghiệp lớp bảy thì phải nghỉ học, cũng vừa đến tuổi mười tám. Chúng tôi cưới nhau cả làng ai cũng khen thật xứng đôi mặc dù tôi hơn Châm gần mười tuổi. Tôi xin cho Châm vào làm công nhân dệt. Nghĩ lại những ngày tháng hạnh phúc ấy mà ao ước, mà nuối tiếc nhưng thời gian trôi có bao giờ trở lại. Châm cứ đi làm về đến nhà là chúng tôi lại xoắn xuýt bên nhau như đã hàng tháng rồi chưa gặp.

Tối nào trước khi đi ngủ tôi cũng kể Châm nghe những tin tức quan trọng báo đăng trong ngày, còn Châm kể về công việc cùng những chuyện giao tiếp trong ngày. Chúng tôi cùng mơ

ước về tương lai tươi sáng của dân tộc trong một ngày không xa, khi đã tập trung được trí tuệ và sức mạnh của những con người cần cù, dũng cảm và đôn hậu để khai thác những nguồn tài nguyên phong phú của đất nước, chúng tôi thường đón giấc ngủ với nụ cười trên môi.

Hàng ngày Chăm dậy sớm thổi cơm mang đi làm và ủ cơm phần tôi vào giỏ mây có chèn giẻ xung quanh để đến trưa tôi ăn cho nóng. Biết tính tôi lười đun nấu nên thức ăn không bao giờ có cá sụn, ngêu bị tanh, mà thường là mấy miếng thịt kho với củ dền hoặc thịt rán hay niêu tép rang mặn cùng một món rau tùy theo từng mùa. Sau bữa cơm trưa, bao giờ tôi cũng cầm ngay lấy báo đọc. Thói quen lâu ngày trở thành nghiện ngập, một kiểu nghiện không tốn kém. Tôi sống cùng trang báo, tưởng như đang đi đây, đi đó, từ các danh lam thắng cảnh đến các sự kiện nóng bỏng ở miền Nam, những tình hình chính trị thế giới. Qua mỗi chuyến du lịch tôi thấy lòng sáng khoái lạ, thấy thế giới kỳ diệu, thấy trách nhiệm mình với thế hệ sau. Tôi truyền nhiệt tình vào trong những bài giảng với giọng nói hùng hồn cuốn hút các em, những bài kiểm tra viết tôi chấm rất kỹ và chọn từng từ phê chuẩn xác nhất, kể cả trong những ngày giặc Mỹ ném bom miền Bắc dưới ngọn đèn dầu tù mù tôi vẫn miệt mài soạn giáo án, chấm bài ...

Ông Từ hơi rướn người lấy tay ép vào bụng, ngừng một lát rồi lại kể tiếp với giọng nhỏ, nhẹ, trầm ngâm:

- Những năm kháng chiến làm việc thiếu ánh sáng làm mắt tôi kém đi. Càng ngày, đọc hay viết tôi cũng ghé mắt gần sách vở hơn cho đến lúc không thể dừng, phải mua kính cận. Chính thời gian này nhà tôi mang thai cháu Ngôn (mấy lần trước đều bị sảy) mới sáu tháng đã phải xin nghỉ không ăn lương mọi chi tiêu trong nhà trông vào đồng lương của anh giáo dậy cấp hai không có nghề phụ nào. Các tiêu chuẩn nào tem phiếu thịt đậu của hai vợ chồng mua về tôi đều giành cho nhà tôi mặc dù cô ấy không chịu, bắt tôi ăn cùng, tôi thuyết phục rằng không phải ăn cho mình mà là cho con, mãi cô ấy mới chịu cũng từ đó tôi đi đứng trở nên khoan thai hơn, giảng bài trên lớp cũng từ tốn, cả đến lau bảng, gỡ sách cũng chậm rãi nhẹ nhàng để tiết kiệm năng lượng tới mức tối đa, riêng báo vẫn chưa thiếu ngày nào.

Chúng tôi mong ngày mong đêm cái giây phút chào đời của cháu. Ở cái tuổi muộn màng mới sắp được làm cha, tôi càng bồn chồn xúc động song không tránh khỏi lo âu sẽ lấy gì chăm sóc cho cháu đây?!

Cháu Ngôn ra đời cuộc sống chúng tôi còn khó khăn hơn vì mẹ cháu không còn sữa. Nhiều lúc cho

cháu bú, cháu nhay mãi không thấy sữa giăng ra, ưỡn người khóc thét lên, mẹ dỗ con không được cũng khóc theo. Nghe ai bày cho kinh nghiệm của họ đã làm để có sữa cũng làm theo nhưng cũng chẳng ăn thua.

Đến kì lương chúng tôi mua hết tiêu chuẩn gạo, mắm, muối còn lại dành mua sữa cho cháu nhưng vẫn không đủ, phải nấu cháo chắt nước cho cháu bú. Tay chân cháu nhỏ xíu nhưng đầu to, nhiều người làng bảo cháu sẽ thông minh sáng dạ vì "đầu to thế kia mà" nhưng tôi hiểu đó là biểu hiện của sự suy dinh dưỡng. Song biết làm sao?!

Ồ! Tôi chỉ định kể cho bác nghe chuyện ốc sên mà nói lan man mãi. Một hôm đọc trong báo phân tích thành phần các chất trong con ốc sên và bảng phân thành phần trong thịt bò tôi thấy con ốc sên còn bổ hơn thịt bò thể mà dân mình từ trước tới nay không ai biết, có nơi gọi là "ốc ma" nữa kia chứ! Tôi đến, tôi cầm báo đọc to bảng thành phần chất tạo ốc sên và thịt bò cho vợ tôi nghe.

Sáng sớm hôm sau, lúc mặt trời còn đang ngái ngủ tôi đã mang rổ ra ven sông Tô Lịch (vì không muốn học trò nhìn thấy) nơi rất sẵn những bụi cúc tần ốc sên đầu vươn dài, hai tay xúc tu phía trên đầu cứ đưa qua đưa lại như những chiếc đũa của người nhạc trưởng chỉ huy khúc nhạc của lòng tôi. Tôi đưa tay ra bắt, thấy động các chú co rút đầu

vào trong vỏ có những vằn nâu duyên dáng tôi chỉ còn việc nhặt được lưng rổ mang về. Vợ tôi khều ốc ra đổ muối vào bóp cho sạch, nhưng càng bóp càng chảy ra những rãi rớt lầy nhầy, con ốc lúc khều ra to hơn ngón tay cái lúc này chỉ còn nhỏ như ngón út, vợ tôi rửa sạch rồi phi hành mỡ xào lên thơm phức. Vợ tôi không dám ăn, còn tôi rất vững tin vào khoa học, ngồi ăn một cách ngon lành những chú ốc sên béo ngậy và lại bùi, ròn sần sật. Thấy xào mỡ tốn quá, vợ tôi lại không ăn những lần sau tôi bảo vợ tôi luộc lên, chấm với muối dầm gừng, ớt cũng vẫn ngon.

Cái kho đạm vô tận đó đã giúp tôi trong những ngày dài cho đến một hôm cũng trong tờ báo khoa học và đời sống một tác giả khác viết bài phân tích có đoạn "Trong ốc sên có tác nhân gây bệnh ung thư" vừa ăn cơm xong tôi thấy lợm giọng như rớt rãi của những con ốc sên đang quện quanh mồm, những vằn sẫm, nhạt ở vỏ ốc cứ xoáy tròn, xoáy tít mãi trong óc làm tôi choáng váng, tôi ọc, tôi nôn thốc nôn tháo, nôn ra đến cả mật xanh mật vàng, tôi xúc miệng nước muối nhiều lần còn tờ báo tôi cất biến không muốn để vợ tôi thấy ...

Cháu Ngôn lúc này đã học lớp một (kể cũng lạ, ai cũng mong con mình chóng lớn song chắc không ai thích mình sớm già) cháu được cái tiếp thu nhanh nên học khá. Vợ tôi gầy và già trước tuổi

nhiều vì vất vả, vì có miếng gì cũng dành hết cho chồng, con. Có lần vợ tôi cũng nhắc tới những con ốc sên vì thấy lâu lắm rồi tôi không bắt về nữa, nhưng tôi cứ lơ đi như không nghe thấy.

Cho mãi tới gần đây, trong một bài báo tôi đọc thấy nước Cộng hoà Nam Phi mỗi năm xuất khẩu mấy trăm tấn ốc sên. Tôi cứ ớ người ra. Nước họ giàu như thế, khoa học như thế họ còn ăn nữa là mình, mình cứ sợ bóng sợ gió chứ bao năm qua có sao đâu nào. Vào một ngày chủ nhật tôi bắt về đây một rổ, tôi làm cả nhà cũng ăn. Cháu Ngôn cứ xuýt xoa khen:

- Ngon thế mà bây giờ con mới được ăn!

Tôi nhìn vợ tôi, vợ tôi nhìn tôi. Chúng tôi không bảo nhau mà cùng nhìn nhanh xuống đĩa ốc sên đã vơi quá nửa. Ngoài trời mưa lâm thâm.

Đang kể ông Từ đột nhiên ngừng lại nhìn thẳng vào mắt tôi nói:

- Bác cũng là người kỳ lạ thật đấy!

Chưa bao giờ bác hỏi tôi tại sao cứ xếp hàng mua báo rồi chờ báo ra nhưng lại không lấy lãi!

- Tôi biết! Tôi biết bác có cảm tình với tôi!

- Cũng có một phần nhưng không phải hoàn toàn như vậy mà cái chính là ...

- Tôi biết rồi! tôi biết rồi! cái chính là bác muốn có một người bạn yêu báo để mà tâm sự.

Ông Từ nhắm mắt lại, hơi thở gấp gấp hơn, có

lẽ do nói nhiều cũng mệt, cần nghỉ ngơi.

Tôi để lại tập báo và cân cam rồi ra về. Đi đường tôi cứ lẩm nhẩm những lời ông nhờ tôi nhắn giúp cháu Ngôn khi cháu trở về, sợ quên, tôi viết luôn ra trên trang giấy này: "Đừng bao giờ nghĩ tới con ốc sên, đừng bao giờ nhìn nó và chớ có ăn nó" ...

Vũ Đình Huỳnh

CÓ MỘT ÔNG TÂY ĐẾN LÀNG TÔI

Nguyễn Hiếu.

I. Gã đích thị là Tây. Tây một trăm phần trăm. Mũi dài nhọn như dùi của ông thợ mộc, da trắng như da lợn lai ép hai, tóc vàng như rơm tháng mười được nắng. Gã chỉ khác Tây thường ở chỗ biết nói tiếng Việt. Một thứ tiếng ngọng lịu, ngọng lô, nhưng đủ để cho một đứa trẻ lên mười và ông già sáu mươi hiểu. Lại thêm cái nguồn gốc kỳ lạ của gã. Gã cứ xưng xưng lên rằng, gã là con ông Cai Thốn, với một bà đầm ở xứ Mạc xây nào đó. Cụ cai Thốn thì chết từ đời tám hoánh nên chẳng ai có thể công nhận điều này. Chỉ thấy cách đây hai năm, một người đầm bà ăn mặc theo lối miền Nam, giọng nói pha tạp đủ thứ miền, tự nhận là cháu họ thúc bá gì đấy với cụ cai dân hấn về. À ta nói thao thao thứ này thứ nọ và khăng khăng khẳng định, gã Tây kia là máu mủ của cụ Cai. Nhờ thời thế đổi mới, rồi lời thúc giục của bà đầm,

Có một ông Tây đến làng tôi

mẹ gã, gã đánh liều sang Việt Nam để tìm bằng được người cha tội nghiệp của mình. Cụ cai bà nghe gã nói, thoát kỳ thủy bực lắm, hoá ra chồng bà cũng chẳng phải là loại đàn ông đoan chính. Xềnh vợ một tí, dồng ra thiên hạ một chút là y như rằng gió trăng. Sau cụ Cai được gã biếu một cái cát sét một lô màu đỏ tiết, kèm thêm tờ năm mươi đô màu xanh lơ. Cụ Cai bà tặc lưỡi cho qua chuyện. Trăm cháu cũng không bằng máu chồng. Anh con cả cụ Cai đưa cái cát sét về nhà vắn kêu e é. Nhờ đứa cháu ra Hà Nội đổi tờ đô được số tiền mua được túi u rê và hai tạ xi măng, thì gã Tây đã được coi như người trong nhà. Anh em, thủ tục với nhau mấy bữa. Tiền của gã bỏ ra, đủ cho họ hàng nườm nượp kéo đến, cũng dựng rạp, cũng mổ lợn như nhà có đám. Rượu vào lời ra, ai cũng mừng cho cụ Cai thế mà tốt số, có đứa con rơi tận đâu tận đâu cũng tìm về khom lưng trước bàn thờ cụ. Và ai cũng cố tranh đến gần gã tây để chứng minh họ hàng gần gũi với gã. Cả làng hoan hỉ, bàn tán, và cũng chẳng ít người ghen ăn tức ở bảo "nhà cụ Cai tự nhiên mèo mù vớ được cá rán". Anh Điện trưởng công an xã, nguyên đại úy tình báo phục viên chẳng đứng về phía mừng rỡ, chẳng đứng về phía ghen tị, anh là người làm việc. Mặc dù hơi lằng tai (nguyên nhân thế nào, sau đây các bạn rõ) nhưng chịu trọng trách về trật tự an ninh xã, nên

anh phải xem xét con người theo lối của chính quyền. Anh cho mời gã tây lên uỷ ban xã. "Vì em nó còn lạ nước lạ cái nên tôi phải đưa nó lên". Anh Sùng, con cả cụ Cai xoa tay nói với anh Điền. Và ngày hôm đó, anh Điền nắm được tên của gã tây là Jăng Bơm Bọt, sinh năm bốn hai. Ngay buổi chiều hôm đó, gã cứ nằng nặc xin được mang họ của cụ Cai, và nếu được phép gã sẽ ở luôn tại làng để trông mồ mã cha ông, đồng thời là hưởng hương vị của quê cha, mà bấy lâu nay gã cảm thấy "rất là thất hiếu". Anh Điền hẹn gã khi khác sẽ quyết định việc này, sau khi họp thường vụ và báo cáo lên huyện. Khi gã về, anh Điền bảo cô Lành thư ký uỷ ban, lôi hết sổ cái lưu của xã ra tra cứu. Chỉ ít cũng xem những lời khai của Bơm Bọt có đúng hay không. Ngặt vì sổ cái của xã chỉ lưu từ năm năm sáu, mà đa phần bị mối xông thủng lỗ chỗ. Phần khai của gia đình cụ Cai lại là chỗ có nhiều lỗ nhất. Còn sổ thời cũ để lại thì chẳng còn lấy một tờ. Đạo cải cách ruộng đất, người ta đã cho đốt hết, để chẳng còn bị ám ảnh gì của thực dân đế quốc. Hỏi các cụ cao niên trong làng, thì anh Điền chỉ thấy mù mờ, năm Sửu, hay năm Tí gì đó cụ Cai có bị bắt lính, rồi sang Tây. Anh Điền định làm cho ra nhẽ, thì tối hôm sau, Bơm Bọt đến. Sau này làng đồn rằng, đứa con rơi của cụ Cai có biểu ông trưởng công an xã đâu một hai tờ

gì đó, nếu đổi ra tiền Việt ta cũng phải hai, ba triệu. Chuyện này không biết thực hư ra sao. Còn về mặt cộng đồng, Bơm Bọt đã tặng văn phòng uỷ ban, rồi văn phòng đảng uỷ xã hai cái cổng sắt thật chắc chắn, toàn loại sắt bốn, uốn theo hoa văn ngoằn ngoèo, rồi sơn trắng lớp. Ngoài cổng, Bơm Bọt còn tặng luôn cả hai chiếc khoá, thấy bảo của Itali, to tướng, sáng choang. Cũng là lời dân làng khác, là tiện thể làm cổng cho uỷ ban và đảng uỷ, các ông chánh phó uỷ ban cũng tức là chánh phó đảng uỷ xã, và cả ông trưởng công an xã cũng mượn gió bẻ măng, được con rơi cụ Cai làm luôn bốn, năm bộ cổng, to không kém gì cổng cho hai văn phòng. Nhà các ông đã xây sẵn rồi, cái cổng có đáng là bao. Việc này là quà tặng của kẻ xa quê, đâu có tính vào chuyện tham ô mà ngại. Anh Điền nghĩ chán rồi. Người ta đã yêu quê cha đất tổ như thế, dám bỏ đồng tiền cho sự đẹp đẽ của làng quê như vậy, chắc là kẻ tử tế, vì vậy chuyện báo cáo lên huyện cũng phải tính, xem có động tĩnh gì hay hay. Vì thế Jăng Bơm Bọt được tá túc tại xã. Hơn tháng sau, người trong xã cũng quen dần con người có chiều cao thước bảy, mái tóc vàng xuộm như rơm tháng mười được phơi nắng cái mũi nhọn như dùi thợ mộc. Người làng cũng bắt đầu gọi Bơm Bọt bằng cái tiếng tây được tiếng ta hoá là anh Bơm, nếu gọi đủ theo họ của cụ Cai là Bùi

Văn Bơ. Anh Bơ cũng quen dân quê cha. Anh khen quốc lủi ngon hơn rượu gin, và thỉnh thoảng sai cái Cái, con út anh Sừng ra mua thịt chó để nhấm với bố nó. Anh Bơ đúng là máu cụ Cai rồi. Anh được ăn cả mắm tôm, y hệt như bố xưa, bao giờ miếng bún cuối cùng cũng được nhún bằng tay, đưa một vòng quanh lòng bát và đút gọn gang vào mồm.

II. Thăm thẳng, anh Bơ ở làng đã được ba bốn tháng. Ai cũng khen anh, tiếng là tây nhưng lỏi ăn, lỏi ở và lòng dạ y hệt người ta. Chỉ tội mấy ông già trên bảy mươi tuổi còn sót lại ở làng. Buổi tối thỉnh thoảng thấy anh lênh khênh đi qua ngõ lại giật mình, nhớ đến mấy thằng đoan đóng bớt đầu ghánh đình, thỉnh thoảng vào những khi chập choạng là xuống mò gái, bắt gà hay vác thuôn dài lòng thông đi xăm rượu lậu. Bọn trẻ con và đám thanh niên làng thì không có nỗi sợ truyền kiếp đó, nên gặp anh Bơ ở đâu là búa vào trò chuyện. Có đứa tỏ ra thông thạo lại hỏi anh về món Bônei, hay Apba gì đó. Người thích anh Bơ nhất làng phải kể đến ông Lọng. Ông này năm nay đã ngót sáu mươi, lại làm nghề giáo học. Tiếng Tây nói vào loại sôi độc nhất làng, ở làng ai cũng bảo tính tình ông Lọng hơi hâm hấp. Lấy vợ cũng đã muộn. Nghe đâu trên bốn mươi tuổi, ông mới tổ chức

cưới. Người vợ là dân thiên hạ, ở với ông được hai đứa con, thì có đến năm, sáu năm nay không về nhà nữa. Ai hỏi ông cũng bảo bà ấy bận công việc. Thực ra thì vợ ông bỏ ông đã lâu. Bà không chịu được đồng lương quá thấp của anh giáo khổ, đã chẳng kiếm thêm được đồng nào, lại hay nói chữ. Nói tiếng ta không thì đành một nhẽ, đành này, thỉnh thoảng câu lên lại văng hàng tràng tiếng Tây. Ông Lọng thích anh Bơ bởi vì có anh, ông Lọng thoải mái dùng thứ tiếng xì xô kia. Thấy bảo anh Bơ rất khen ông Lọng nói rất đúng Gờ ram me, và tông rất chuẩn. Ông Lọng từ hồi bỏ vợ, lại về hưu sớm, nên ba bố con nuôi nhau cũng chật vật. Ông nợ đám địa, từ chai bia tàu, đến mấy quả cà chua. Vì thế có đến hai ba năm trở lại đây, chẳng mấy khi ông được ăn, uống thoả thích. Từ khi anh Bơ về làng, ông kết bạn khá thân với anh, và thỉnh thoảng, hai người lại chén thù, chén tạc với nhau. Khi thì ở nhà ông Lọng, khi thì ở ngoài mấy quán phở mới mở ngoài bến phà. Toàn tiền của anh Bơ bỏ ra, anh Bơ lại khen "ăn ở làng mình rẻ thật". "Ấy cái xứ mình bao giờ cũng thế, Bơ ạ". Một hôm, ông Lọng đưa anh Bơ đến nhà bà Nhỉnh, em con gì con già với ông. Chả biết ông nói năng thế nào, mà con bé cái Thịnh - đứa con thứ ba của bà Nhỉnh, mới mười bảy tuổi đầu mặt đỏ gay, chạy vội vào bếp, chốc chốc lại nhìn

qua tấm liếp nhìn anh Bơm. Cũng nói thêm một chút, là con bé Thịnh đang độ tuổi dậy thì. Nó đẹp vào loại nhất nhì làng. Da nó trắng, mắt nó đen. Sống mũi thẳng tắp. Chỉ tội nhà nghèo nên con bé phá ngang, chỉ học hết lớp bảy thì ở nhà chạy chợ đỡ mẹ đồng ra đồng vào. Nó cũng thỉnh thoảng ra Hà Nội, nên ít nhiều có hiểu biết rộng rãi hơn mấy đứa cùng lứa. Cách đó chừng nửa tháng thì anh Sùng mang trâu cau đến, anh Bơm lênh khênh đi sau. Đặt mâm trâu, cau phủ vải điều lên bàn thờ. Anh Sùng nhớn nha thưa chuyện:

- Hôm nay, nhà chúng tôi có coi giàu đến. Không nói xa xôi gì, ý muốn xin cô Thịnh cho chú Bơm đây. Ông nhà chẳng may trời không cho ăn lộc, nay chỉ còn bà, ý chúng tôi là thế, xin bà cứ dạy.

Bà Nhỉnh "ơ, ơ" một hồi rồi ngạc nhiên, ấp úng nói:

- Các cháu lớn là phải dựng vợ gả chồng, có điều anh Bơm người đặc biệt, tôi sợ ủy ban.

- A, điều này ông Lọng với chú Bơm đây đã làm việc ổn thoả. Chú Bơm bên kia cũng mãi làm ăn, nên chưa thành gia thất.

- Vâng, bây giờ đời sống mới, vì thế bác cứ để thư thư tôi hỏi cháu một chút.

Cái Thịnh cậy mình xinh đẹp, nên từ lâu đã có tiếng là đồng đánh với trai làng. Vậy thế mà, khi biết bà Nhỉnh vừa nói chưa hết câu, cô đã

đoán ra, chẳng ra ý điều bằng lòng, hay không nó chừng chẳng:

- Nhà người ta giàu có, muốn gì u cũng cứ phải thách. Còn phần riêng, con sẽ nói với anh Bơm sau.

Ở đời có tiền sướng thật. Thế là thoát một cái, cái Thịnh, con bé hơ hớ nhất làng, khủng khĩnh, làm cao bao nhiêu đám, chỉ đập bã trâu đã thành vợ anh Bơm con rơi của cụ Cai. Thấy làng khao, bao nhiêu yêu cầu của nhà gái, anh Bơm giải quyết hết. Hôm cưới, cái Thịnh đánh phấn, bôi nước hoa thơm lừng. Sống váy nó mặc loè xoè mấy tầng, điều nó hãnh diện với bạn bè ở chỗ, tất cả những thứ đó là của chồng nó dẫn tận ra Hà Nội mua, chứ không phải đồ thuê. Ngay cả cái dây chuyền đầu ba, bốn chỉ, nó cố ý đeo ngoài áo, rồi nhẵn cười mặt đá đỏ, đồng hồ mặt đen hình chữ nhật xinh xinh, cũng do chồng nó mua tặng. Ai cũng khen con bé thế mà tốt số. Nhà bà Nhỉnh có phúc. Mấy thằng con trai ở làng dè bủ. "Lão Bơm chỉ kém bà Nhỉnh có năm, sáu tuổi, đủ đẻ ra con Thịnh". A, bọn ghen ăn tức ở đây mà. Chứ nhìn bề ngoài, hôm cưới cả làng đi xem, thấy lộ lộ hết. Người Tây vốn trẻ, so với cái Thịnh cũng chẳng hơn kém nhau là mấy. Mấy ông chánh, phó chủ tịch, anh Điền công an xã, rồi ngay đến chị Lãnh thư ký uỷ ban cũng được mời dự cưới. Trăm năm

mới có một lần. Chú rể tuy là Tây, nhưng thực ra là người làng mình. Người ta có lòng cố gì mình từ chối. Lại vừa mất cổ, vừa mang tiếng người làm việc ở xã khó dễ với dân. Mà toàn trong họ ngoài làng chứ phải người xa lạ nào đâu. Cái hôm anh Bơ và cái Thịnh lên đăng ký, cũng có đôi ba lời ra tiếng vào. Nào biết anh Bơ là người như thế nào, từ nước nam nữ đến làng ta, thế là lấy luôn con bé đẹp nhất làng. Nhỡ bên kia nó có vợ rồi thì sao. Giống Tây nào chả thích chơi bời. Anh Điền chùng chãi trả lời. Bây giờ có tiêu chuẩn tem, phiếu, gạo bông nước mắm gì đâu mà bắt ne, bắt nạt người ta cái hộ khẩu. Còn chuyện đăng ký, thì hai bên nó tự nguyện, đồng ý chứ ai ép buộc gì mà ... Ông trưởng công an xã nắm luật nhất làng đã cho ý kiến thế, thì ai nói vào đâu được. Cưới được một tuần. Anh Bơ ngỏ lời với mẹ vợ, xin mua luôn mảnh vườn trước nhà bà Nhinh. Bà Nhinh, đầu tiên cũng có ý bán khoán. Ý của bà là để dành chỗ đất đẹp vào loại nhất nhì làng đó cho thằng Quý - con trai bà đang đi xuất khẩu bên Đức. Mai sau nó về, còn có chỗ để xây nhà. Chứ ở làng này, người ta lên mái bằng dàn dạt, riêng nhà bà phải chờ thằng Quý về, may ra sau, chả biết cả Thịnh nói thế nào, cộng thêm những đồng tiền thẳng cứng, xanh lơ của anh Bơ, bà Nhinh cũng gạt luôn sang cho con gái. Biết bao giờ thằng Quý về.

Nhỡ nó lấy vợ bên Tây thì thành ra xôi hỏng bỏng không. Bà tính thế là khéo. Bởi vì, với số tiền thách cưới con Thịnh, rồi tiền vườn cho vợ chồng nó, bà cho gọi thợ đến, phá cái nhà ngói cũ của gia tiên để lại, cho đổ mái bằng. Tiện có thợ, vợ chồng cái Thịnh cũng khoán luôn cho họ. Hai ba tháng sau nhà bà Nhinh sáng rực hai toà nhà mái bằng, đẹp cũng vào loại nhất làng. Bụng cái Thịnh cũng đã thấy lùm lùm, má nó đỏ ửng căng tròn. Gặp ai cũng thấy nó phàn nàn: "anh Bơ cứ bắt uống sữa, với ăn bơ, chán chán là ..."

III. Cái giống Tây, dù là Tây lai đi, đều là giống thích chơi bời. Khi cái Thịnh có mang đến tháng thứ bảy, nó đã có vẻ âu sầu. Da mặt nó tái xạm hơn mấy tháng đầu. Mặt nó xỉ ra vàng ệch. Ai hỏi bà Nhinh cũng bảo, cái giống con so hay xuống máu. Bà đâu có biết, con gái bà đêm xuống trần trọc mãi. Chồng nó đêm nào cũng đi đến một, hai giờ sáng mới về. Mồm miệng sặc hơi bia rượu. Người ngào ngạt nước hoa. Anh Bơ còn bô bô, mấy cái quán cà phê ở ngoài bên phá hay thật. Mà sao làng này nhiều con gái đẹp thế. Cái Thịnh mấy lần đầu nổi cơn ghen, khóc lóc rầu rĩ, cắn rút chồng. Anh Bơ cười ha hả nói "em chả biết gì cả, đây là trò vui của đàn ông, ở Pháp, vợ không có cần nhằn chồng

chuyện đó. Em lúc nào cũng là vợ anh, bông hồng nhỏ bé của anh ạ". Nói xong, anh Bơm lại thơm đánh chụt vào môi nó và dúi vào tay nó một tờ bạc màu xanh nhạt, chồng nó còn bảo, mai em ra đổi đi lấy tiền tiêu, hôm nay là một đô được gần mười một nghìn đấy. Em nhớ không lại thiệt. Cái Thịnh vuốt tờ bạc phẳng phiu, hơi nguôi cơn giận dữ. Nó nghĩ thầm, thôi nó cũng là cái số, anh ấy vẫn quý mình, vẫn yêu mình, nhưng cái chính làm sao để anh ấy không mất tiền nhiều bởi những đứa vớ vẩn là được. Đến tháng chữa thứ tám của cái Thịnh, thì bà Luận ở dốc chùa vào. Mới đầu bà nói gay gắt lắm, tai cái Thịnh ù lên, mãi sau nó mới vỡ lẽ. Mặt nó xây xẩm, khi nghe thủng câu chuyện của bà. Hoá ra chồng nó anh Bơm, lằng nhằng với con Lua, con út của bà, năm nay vừa lên tuổi mười bảy. Theo bà ba nói, thì hai tháng nay con bé không thấy tháng. Bà gắng mãi nó mới nói thật, là chuyện này do anh Bơm gây ra. Cái Thịnh khóc bù lu bù loa. Bà ba Luận vừa định xắn quần nhảy xơi xơi, thì anh Bơm về. Anh cười ha hả, nhìn vợ và người đàn bà, rồi rút trong túi quần ra một tờ xanh lơ dúi vào tay bà Ba, giọng anh lơ lớ "tôi đền, tôi đền đây này, cũng do tại cô ấy đẹp quá, mà tôi thì lại đang say" Bà ba cầm tờ bạc, giọng bớt gay gắt. "Nếu có gì anh phải chịu trách nhiệm đấy, chứ thế này chưa phải đã xong đâu" Tiện mồm bà

Bà hỏi luôn "thế này đổi ra triệu một hay triệu hai đấy?". Hỏi thế thôi, nhưng bà chẳng thèm nghe ai trả lời, bà nguây nguẩy đi về. Tự nhiên con gái bà mất một tí, lại được những từng này tiền, náo niếc bây giờ giỏi lắm hai ba trăm bạc, chứ mấy rùng. Vụ con gái bà Luận âm âm một chút thì đến liền vụ anh Sáu ngan, cầm búa nhảy vào. Hôm ấy, anh Bơm có nhà. Anh Sáu mặt đỏ bừng, vung búa vào mặt anh Bơm, phả toàn mùi rượu. Cái Thịnh mặt xanh tàu lá, chấp tay lạy anh Sáu. Bơm hốt hoảng lùi lại, giọng líu lại "tại cô ấy chứ, cô ấy vô vào vai tôi, bảo tôi ra sân khu hợp tác xã chỗ đồng rơm, thôi thôi thế này vậy ..." Anh Bơm lại đưa tờ bạc xanh lơ ra. "Ở bên chúng tôi, chuyện này bình thường lắm" Anh Sáu cắt tờ bạc vào túi, cầm ngang cái búa, giọng rít lên "lần này tao tha, còn lần sau nữa, thì đừng có trách tao". Anh Sáu hầm hầm ra về, và thầm nhẩm "chỗ này đổi ra cũng bằng số tiền bán hai lúa lợn bột, thôi được rồi là con thối thay". Rồi anh rẽ xuống phía chợ Vệ, cắt liền ba thang rượu thuốc ở nhà ông Lang Vĩ. Đồ trọng trong ba thang ấy, coi như đầu vị, lại thêm vị dương sâm hoặc, rất hiếm, nhưng nể anh ông lang Vĩ mới bóc. Còn hai ba vụ tương tự, cái Thịnh héo quắt đi, bụng thây lầy buồn bực. Nhưng tất cả đều được anh Bơm giải quyết nhẹ nhàng, cả trong lẫn ngoài. Mỗi bận như thế, ngoài chuyện dúi tiền

vào đương sự, anh Bơm lại đưa cho vợ một hai tờ nữa. Thôi thì xấu chàng hổ ai. Cái Thịnh cần rằng im nhem đi. Thế mới biết cái tờ xanh lơ nhiều sức mạnh thật.

IV. Từ xưa từ xưa, làng tôi đã nổi tiếng bởi ông thành hoàng đã từng là người quý công sang Tàu. Trong bảng thánh thần của xứ nam ta, ông thành hoàng làng tôi chỉ đứng sau Thánh Gióng và Tản Viên. Bởi cái lí đó, nên hội làng tôi bao giờ cũng rất to, kéo dài dạt ba ngày liền, đủ cho dân làng và khách thập phương đến xem hội. Ấy vậy mà hồi cải cách ruộng đất, một ông chủ tịch xã từ chiến khu về, thực hiện lệnh trên huyện, trên tỉnh cho ngừng hội, bao nhiêu đồ tế lễ nhuyên trong đình mang ra cho văn công xã may quần, áo diễn kịch hết. Mãi gần đây, hội làng tôi mới mở lại. Tiền của dân cung tiến cũng nhiều. Nhiều vị tha phương đã lâu, nay làm ăn thịnh vượng về mở hầu bao mong cầu lộc thánh. Đình được sửa sang lại không kém trước bao nhiêu. Dân đã quyết thì đảng uỷ, uỷ ban xã cũng phải nghe. vì thế, ba, bốn tháng trước hội, xã đã cho lập ban vận động và tổ chức hội. Lấy ý kiến và thu góp tiền dân. Đó là cái dân chủ mà từ trên đưa xuống, khiến dân xã tôi phấn khởi lắm. Năm nay, ngay từ tháng ba, ông Nghiên phó bí thư, kiêm chủ tịch xã, rồi ông Điền trưởng công an

xã, ông Đại bí thư kiêm phó chủ tịch xã, và ông Thơm, chủ nhiệm hợp tác xã toàn xã đều nằm trong thường vụ đã họp hành rậm rịch bàn chủ trương mở hội làng. Kể cũng nên kể qua các vị này một chút. Ông Điền thì các bạn đã biết, nhưng có một chi tiết nhỏ bây giờ tôi mới lộ. Là dạo đi bộ đội ông trưởng công an xã trong một lần đi trinh sát bị vướng mìn lá, nên tai phải của ông bị sút một miếng, điều này có ảnh hưởng nhiều đến sự nghe của ông. Những điều dân trình bày mà ông cho là không quan trọng, ông đều "hở, hả" và bảo dân phải nói lại. Bí thư lại bị tịt mũi, thấy bảo hồi làm du kích xã bị vướng lựu đạn khói của giặc khi chúng xăm hăm bí mật. Ông Nghiên chủ tịch cũng từng bị giặc bắt, chúng tra tấn ông bằng cách cho nhìn đèn pha thành ra về già, mắt ông mắc chứng quáng gà và không phân biệt rõ màu sắc. Còn chủ nhiệm Thơm thì bị đau dạ dày kinh niên, ngồi họp lâu lâu lại ngứa cổ đổ thuốc muối vào. Bà vợ ông lại to béo, nên quanh năm người ông cứ dài như bộ ngựa. Thường vụ bao giờ cũng là bộ phận quan trọng nhất trong làng. Sau khi thông qua nghị quyết thường vụ thì sẽ phổ biến cho dân. Nghị quyết của thường vụ xã tôi về mở hội năm nay xem chừng có vẻ khởi sắc lắm. Tiền cung tiến của các vị người làng xa quê, năm nay cũng kha khá, mới tính sơ bộ đã lên con số hơn 20 triệu, chưa kể

tiền mọn của dân. Anh con lai của cụ Cai tỏ ra hào phóng với quê cha, đất tổ, đã tự nguyện góp ba tờ xanh lơ. Thường vụ cũng thông qua những ý kiến đề nghị của anh Bơm là nên mở một cuộc thi điền kinh gồm các môn nhảy cao, nhảy xa, chạy dài như kiểu Ôlempích ở các nước, bên Tây. Thêm vào đó, ba tối mở hội nên mời đoàn ba lê và giao hưởng của trung ương về biểu diễn. Nếu thường vụ nhất trí, anh Bơm sẽ hiến thêm tiền để làm giải và tiền thuê các đoàn. Thôi được, các mục này xem ra cũng được, hội làng càng thêm xôm trò, văn minh. Chỉ riêng một số đề nghị khác của anh xung quanh thủ tục của hội như bơi thuyền ra lấy nước giữa dòng sông Cái để tắm cho Thánh khi lễ mọc dục chẳng hạn, thì anh Bơm bảo làm thế lâu lắm, cứ thuê hẳn một chiếc ca nô cho nhanh gọn, vừa đỡ người đi, vừa đỡ bị nắng. Anh Bơm có được ý kiến này, là do mấy hôm ở nhà, anh Bơm được bà Nhinh, mẹ vợ anh, rồi cái Thịnh - vợ anh nói gần như để khoe, mà cũng là để dẫn giải cho anh Bơm biết những cái vui, cái thú của hội làng. Các vị trong thường vụ qua chuyện này bàn nát nước trong mấy buổi họp. Một yến gà, và một con vàng đã chết bởi năm, sáu cuộc họp này. Cuối cùng thường vụ ra nghị quyết phải bàn thêm với các vị bô lão.

Chả nói thì cũng biết. Các vị cao niên trong

làng phản đối kịch liệt dự án của anh Bơm. Ông Đại khịt mũi bảo:

- Kể ra ý anh Bơm cũng có lý, thời này đổi mới rồi, các cụ cũng phiên phiên cho.

Trưởng công an xã Điền "hở, hở", sau khi nghe thủng chuyện nói chung chẳng:

- Tiền nông anh ta bỏ ra hết cơ mà.

Chủ tịch Nghiễn hôm ấy đeo kính đen héch mắt nhìn ra cửa nói nhanh:

- Làng mình năm nào mở ra cũng gặp kỳ năng chang ý kiến này cũng cần nghiên cứu kĩ.

Chủ nhiệm Thơm chiêu xong ngum nước chè cho trôi thuốc muối thanh thân phát biểu:

- Thưa các cụ, xã mình hợp tác toàn xã, bây giờ lại khoán, tiền đây ta nên tranh thủ tiền cũng tiến, hội thì phải vui, nhưng các cụ tính sao để sau đó có thể còn tiền chi viện cho hợp tác xã nông nghiệp để thuê thợ điện làm cho cái trạm biến thế riêng cho mình, có thể chúng ta mới chủ động điện được. Tôi tính, có trạm rồi, chẳng mấy chốc thu tiền điện của dân cũng đủ vốn.

Các cụ hầu như bỏ ngoài tai ý kiến của mấy vị chức sắc. Các cụ thì thảo, rồi cắt cử cụ Vĩ là chú rể họ của chủ tịch Nghiễn ra lời. Giọng cụ dả dận:

- Tiền nông thì ai chả thích, nhưng nếu vì tiền non thì mất hết cái thiêng liêng đi, rồi dân làng sẽ bị tội với Thánh. Làng ta mấy năm nay khâm khá

lên, là do thánh phù hộ. Bao nhiêu đời mở hội thế nào, nay ta cứ thế mà theo. Còn vui chơi theo đời sống mới, chạy nhảy ra sao mà có anh Bơ lo tôi nghĩ cũng chả hệ trọng gì, chỉ có điều, anh Bơ này chẳng đúng đắn, tử tế gì. Đàn bà, con gái trong làng mới lớn trong làng đều bị anh này chôm chuột. Chỗ đất hẹp nhất anh này cũng mua. Vậy thì từ đó tôi suy cái ba lê, ba la gì đấy thấy trẻ ở làng khao nhau mấy hôm nay là toàn người ăn mặc theo lối khó coi lắm. Theo tôi ta nên dẹp ngay đi, không hư hỏng trẻ nhỏ lắm.

Thường vụ nghe ý kiến các cụ xong lại mở liền một cuộc họp nữa. Rút lại, hầu hết các đề nghị của anh Bơ đều được chấp nhận. Ông Đại khịt mũi bảo "nó bỏ tiền thì ta làm, mất của ai mà lo, làm xong có khi các cụ lại thấy hay hay, hoặc có nói gì thì ở hợ sự đã rồi".

V. Hội làng tôi nếu cứ tuần tự tiến hành theo các đề nghị của anh Bơ chắc cũng xôm trò lắm. Ai dè, trước ngày hội hai ngày, vào một buổi tối trời. Anh Bơ có hẹn với con bé Hồng con nhà Lãi, thuyền chài. Chả biết có chuyện gì mà con bé kêu thất thanh. Khi du kích xã ập tới. Thấy mặt mũi anh Bơ đầy máu, đang nằm ngất xỉu. Cụ từ Vĩ lợ mọ đi ra, rồi quay vào, cụ thở dài bảo anh Điền.

- Các anh có biết không, chỗ anh Bơ ngã, đúng

là chỗ thàng quan ba Pháp bị Thánh vật đấy.

- Hờ, hờ cụ nói lại xem nào?

- Có gì đâu, các anh còn trẻ không biết. Đầu năm Mùi hội làng đang mở, thàng quan ba Pháp qua cửa đình cứ nghênh ngang cưỡi ngựa. Bất đồ con ngựa vấp vào đá, hất nó xuống, thàng quan bị vỡ đầu. Đấy thánh làng vật nó chứ đâu. hờ hào với thánh là không thể được.

Anh Bơ được vục vào trạm xá xã. Người ta băng và tiêm cho anh, nửa tiếng sau anh Sừng ra dìu em về. Ông Lọng mấy hôm sau cứ ra thanh minh cho Bơ, ai chả có lúc bị ngã. Nhưng dân làng thì thề lưởi biết thánh làng còn thiêng lắm. Bởi thế nên hội làng vẫn mở đúng ngày, mà những lời đề nghị của anh Bơ về hội làng không được thực hiện. Chuyện bất thường ở xã cứ lan ra mãi, lên cả trên huyện, vì thế ngay sau hội mấy ngày, anh Điền phải lên huyện gấp để trình bày về chuyện xã tôi sao lại để cho một gã Tây trú ngụ, mà không báo cho huyện biết.

Quỳnh Mai tháng 4 Tuất

(Tức 7/6/94)

Nguyễn Hiến

đội trên cơ sở mới." Tú cúi mặt, nghĩ ngao ngán: "Gay gắt quá, quyết liệt quá, sắp thành bãi chiến trường rồi còn gì."

2

MỘT THỜI GIÓ BỤI

Nguyễn Khải

1

Năm mươi lăm tuổi, Tú, người phụ trách trang văn nghệ của một tờ báo ngành xin nghỉ hưu. Anh còn khoẻ mạnh nhưng mệt mỏi vì không tìm ra chỗ đứng trong cuộc tranh luận sôi nổi những vấn đề cấp bách ngoài xã hội cũng như của ngành, của cơ quan báo. Anh chủ trương thực tế sẽ là người phân xét sau cùng mọi sai đúng, trái phải, những người trong cuộc hà huống phải vội vã căm ghét loại bỏ nhau. Lập tức có người lên tiếng bác bỏ: thực tế tự nó chẳng có ý nghĩa gì nếu không có hành động tích cực của con người tác động vào. Trong bữa cơm chia tay, Tú phát biểu rất chân thành: "Tôi mong rằng anh em sẽ mãi mãi đoàn kết cùng nhau để xứng đáng với lời khuyên nhủ của người ra đi: "Chúng tôi sẽ phá vỡ sự đoàn kết giả dối trước đây để xây dựng một tinh thần đồng

Tú đã rút lui kịp thời khi anh tự xét đã trở thành vật cản của một dòng chảy, một xu hướng. Sự ra đi của anh cũng có người cho là không nên, nhưng nhiều người bảo là nên. Việc hôm nay cứ để cho người hôm nay họ làm, mình dính líu vào được việc gì thì là ông của đám trẻ, hỏng việc lại đổ tại lỗi mấy anh già. Và lại làm quan chỉ một thời còn làm dân là một đời, đã đến lúc phải trở về với gia đình, với xã hội bình dân, cũng là một điều hay. Anh chỉ còn thắc mắc: liệu vợ con có coi anh là người thừa không, anh có làm vướng ngại gì đến sự làm ăn của họ không? Anh lấy vợ vừa tròn ba chục năm, chục năm đầu anh là ông chủ đầy quyền uy vì đồng lương của mình cùng với những khoản tiền nhuận bút lật vật đảm bảo dư thừa sự chi tiêu của gia đình. Hai chục năm sau cả nhà phải sống nhờ vào cái nghề ngâm đậu làm giá của bà vợ, chẳng những đủ ăn mà còn có vốn để mua nhà, dựng vợ gả chồng cho hai con, cả tiền dự phòng lúc ốm đau và tuổi già của hai vợ chồng. Tú sống theo những

tiêu chuẩn đạo đức mà anh tin là phải có. Vợ con anh sống theo sự tính toán hơn thiệt mà xã hội buộc phải tuân theo. Mọi người nghe sự khuyên bảo của anh một cách dửng dưng, nghe cho vui chứ làm theo có họa là không. Còn những quyết định của vợ anh tuy tầm thường nhưng lại rất dễ làm và có kết quả trông thấy. Khi anh báo tin cho vợ con biết đã xin nghỉ hưu, vợ anh chỉ chép miệng: "Đã đến tuổi nghỉ đâu mà xin nghỉ, về nhà thì ông làm được cái gì? " Con trai nói với bố: "Người ta buộc phải về còn chẳng chịu về, bố lại xung phong về trước, làm thế cũng chẳng ai khen đâu!" Anh nói: "Anh em họ không còn thương mình nữa thì ở lại làm quái gì. " Thằng con cười: "Ở đời phải làm cho người ta sợ mình, cần mình chứ đừng mong họ thương mình. Thời này làm gì có chuyện tình cảm mà nói gì đến yêu với thương." Anh hỏi: "Chuyện vợ chồng cũng thế à?" Nó trả lời thẳng thừng: "Cũng thế, con mà không kiếm được ra tiền là con vợ sẽ chạy theo thằng khác ngay."

Tú nghỉ hưu được nửa năm thì anh có ý định về sống hẳn ở trong quê. Ở thành phố, nhất là ở thủ đô, người ta ham quyền và ham tiền nên mới sinh ra lắm chuyện phi nhân bất nghĩa, người với người như thú, sênh chân lữ bước là bị đồng loại vò xé đến tan tành. Về quê hương là trở về với những đức tính cổ hũ của dân tộc, trung tín,

nhân nghĩa, họ hàng hàng xóm đùm bọc nhau mà sống như từ thuở xa xưa. Anh nói cái ý nguyện ấy với vợ con nhân một buổi tối, sau bữa cơm ngon có rượu ngoại cho anh và bia lon cho cả nhà. Vợ anh nghe dự tính của chồng chỉ cười nhạt, không khuyên rằng nên cũng chẳng bảo là đừng, như chuyện nghe rồi bỏ đấy, để ý làm quái gì. Thằng con lớn chỉ hỏi: "Chuyện đứng đắn hả bố?". Con gái liếc nhìn chị dâu tùm tùm cười, ý giả ông già đã trái nết, tính toán như trẻ con. Thằng con nói tiếp: "Con xin biểu bố vài trăm ngàn về quê chơi một chuyến. Nghỉ hưu cũng nên đi chơi đây đó cho vui, ngồi nhà đọc sách mãi cũng dễ mụ người." Anh nói: "Tao cần gì cầm nhiều, tiền về quê. Ở đó người ta sống với nhau bằng tình nghĩa chứ không bằng tiền. Con gái cười to: "Thời buổi này mà dám chê tiền cũng lạ nhỉ? " Thằng con cũng cười: "Thảo nào từ ngày hết chiến tranh, bố không viết được bài báo nào hay." Bà mẹ vênh mặt nói khinh khinh: "Bố chúng mày cứ như người trên trời rơi xuống ấy."

Năm lên mười tuổi Tú theo ông chú về quê lần đầu. Năm mười chín tuổi, năm cuối cuộc kháng

chiến chống Pháp, anh về quê lần thứ hai, ở lại có một đêm, nghe các cụ nói chuyện về tiên tổ như chuyện cổ tích, vô từ, dừng dừng vì chẳng có gì liên quan tới tương lai của mình. Những năm sau thỉnh thoảng lại có một ông bác, một ông chú, một ông anh, mấy thằng cháu từ trong quê ra chơi, ăn ở tại nhà vài ngày, cũng chỉ có một chuyện tưng thiêu, đối kếm, vất vả, nghe mãi cũng nhàm. Dầu là thể quê hương trong ký ức của Tú vẫn là một vùng sông núi kiêu hùng, những gương mặt lịch sử, những dấu tích của nhiều triều đại, những truyền thuyết và bà con trong tộc họ làm nhiều, cho nhiều, hư sinh nhiều nhưng chỉ được bù lại có rất ít. Vùng đất thân thuộc nhưng còn xa lạ vẫn là nguồn an ủi của anh trong nhiều trường hợp. Càng lớn tuổi sự ràng buộc với làng quê như càng day dứt hơn, đau đớn hơn. Lần này về quê Tú muốn tìm lại cái ấm áp, cái hiền hoà, sự đồng cảm của những tâm hồn bình dị, thuần phác để thanh lọc, tẩy rửa những độc tố của cuộc sống chính trị, cuộc sống thị thành. Anh mang hành lý về nhà người anh con ông bác là một giáo học đã về hưu. Một ông lão nhỏ bé đứng lom khom ở sân, gương cặp mắt mờ đục nhìn người khách lạ: "Ông hỏi ai ạ?" Tú nhìn ông già chằm chằm: "Tôi là em bác Trung mới ở Hà Nội vào." Ông già nắm lấy một bàn tay của Tú, nói run rẩy: "Anh đây, chú không nhận ra anh à?" Tú đặt túi sách xuống ôm

choàng lấy ông anh: "Có mấy năm không gặp mà sao anh già nhanh thế!" Ông Trung bị xuất huyết não nhẹ vào giữa năm trước, phải nằm liệt một tháng may mà còn sống được, đi lại được nhưng đã là một ông già hoàn toàn dầu tuổi mới ngoài sáu chục. Ông nói: "Từ sáu mươi trở đi muốn chết lúc nào cũng được, chết dễ lắm." Trong bữa cơm hai anh em chỉ nhìn nhau nước mắt chứa chan, nhắc chén rượu lên, lại đặt xuống, lời lẽ tắc nghẹn, một đời làm người đã bao giờ Tú được khóc vì sự gặp gỡ, vì tình máu mủ, vì bao nhiêu thương cảm xôn xang. Riêng Thành, con trai đầu của ông Trung, giáo viên dạy toán trường phổ thông trung học ở huyện là ăn uống bình thản nói năng khôn ngoan, tinh táo nhìn hai ông già với nụ cười giấu cợt rồi y hỏi sòng sọt: "Báo chí dạo này nhạt nhẽo quá chú nhỉ, lại sợ rồi phải không?"

5

Về quê lần này Tú có hai mục đích: trước là thăm cảnh, sau là thăm hỏi bà con anh em trong họ. Khu hành cung của các chúa Trịnh ở xóm thẳng vẫn thường gọi là Nghè Vẹt và Phủ Báo, niềm tự hào của các bậc thầy trong nghệ thuật mộc, ngoã, điêu khắc, sơn thiếp ở những thế kỷ

trước đã bị phá dỡ trong những năm có cao trào hợp tác hoá nông nghiệp. Tượng phật, tượng thần bằng gỗ mít, gỗ dói tuổi chẻ làm củi cho các lò sấy thuốc lá. Gạch vồ, ngói chân chó, cột lim, cửa vông, thượng lương, xà ngang xà dọc trạm trở tứ linh thì dỡ ra làm nhà kho, nhà họp, làm chuồng trại chăn nuôi và lát sân phơi thóc tập thể. Bây giờ những công trình mới được xây dựng trong khoảng hai chục năm lại bị dỡ ra một lần nữa đem bán cho dân, dân khuân vật liệu về nhà còn tro lại một cái bàn trống lổn nhổn những thùng đào học đầu, vôi tường và gạch vụn. Đến Tam Tổng thờ ông Trần Khát Chân chỉ còn lại một cái hậu cung đen sì đứng xiêu vẹo bên lề đường. Miếu bà Bình Khương ở chân thành nhà Hồ rác rưởi ngập ngựa như cái bếp vô chủ. Dân ở đây còn nói nếu trên không kịp ngăn thì họ cũng đã đục tan cái thành nhà Hồ lấy đá nung vôi từ lâu rồi. Núi đá còn sạt từng góc hướng hồ một cái thành! Thăm nhà thờ họ cột lồng đèn phía ngoài không còn, bệ thờ bị phá một nửa để kê thêm một hàng ghế ngồi họp vì nó đã từng là cửa hàng mua bán của xã, rồi là nơi làm việc của uỷ ban, sau cùng là nơi họp của phụ nữ, của thanh niên, như một cái nhà công cộng. Một cái làng, một vùng quê không còn quá khứ, không còn lịch sử, cái quá khứ gần nhất là các hợp tác xã nông nghiệp cũng không còn, cũng đã bị phá tan

tàn cả. Một quần thể chỉ sống với hôm nay, với những khao khát, những thủ đoạn làm giàu, còn ngày mai ra sao là tùy ở thời vận và sự may rủi của mỗi cá nhân.

Trong bữa cơm tối ngày thứ ba kể từ hôm Tú về làng, anh nói buồn rầu:

- Một vùng quê đã nhiều thời oanh liệt mà nay không còn một giấu tích nào như vùng kinh tế mới.

Ông Trung nói:

- Các cụ đã hô hào góp tiền sửa chữa lại đình Bồng, vừa là di tích lịch sử, vừa là di tích cách mạng, xem chừng không ai hưởng ứng cả.

Thành cười hô hô:

- Muốn được dân bỏ tiền tu bổ đền miếu thì ông thần bà thánh phải thiêng, xin một được mười, không đừng ai chịu cớ hẫu bao để mua lấy cái tiếng hảo.

6

Huy là con một ông anh khác, khoảng gần bốn mươi tuổi, dáng vóc cao lớn, vạm vỡ, đã từng làm đội trưởng sản xuất trong nhiều năm, nay là một trong mấy người thầu chợ Bồng hàng tháng nộp tiền cho xã. Tú hỏi:

- Tôi nghe nói cái chợ ấy trước đây anh em

thương binh họ làm, sao xã không giao cho họ?

- Mấy ông bộ đội đâu có biết làm, tiền cũng không nốt, chợ gì chẳng có quán, chẳng có rào như cái bãi hoang, có mấy ai dám đến họp đâu. Còn bọn cháu đã ra tay thì khác hẳn.

Huy kể, anh và nhóm bạn cùng làm mỗi người bỏ ra dăm triệu, san nền, dựng sáu dãy lều lợp ngói, hai lớp hàng rào cột bê tông, xây một nhà cho ban quản lý chợ và hai gian nhà bếp, hai cổng chính, một cổng phụ. Làm trong sáu tháng, tiền xây chợ là hai mươi triệu cho xã vay không tính lãi, lấy giá lúa làm mặt bằng. Lúc xây chợ chỉ có ba chục ngàn một tạ lúa, bây giờ là bảy chục ngàn một tạ, nhưng xã vẫn chỉ trả một năm là ba triệu sáu, theo giá lúa cũ. Tú lại hỏi: "Nghe nói anh em thương binh họ sẽ kiện, buộc xã phải trả lại chợ cho họ làm, phải không?" Huy cười xoa: "Chuyện vớ vẩn, đây là hợp đồng kinh tế chứ không phải chuyện hành chính, chuyện tình cảm, muốn cho muồn lấy lúc nào cũng được." Tú nói: "Các cậu nên nghĩ tới tình cảnh khó khăn của anh em thương binh, nếu giúp được họ có công ăn việc làm thì nên giúp." Vẫn cười cợt, mọi sự xem nhẹ như không: "Tuỳ xã thôi, mặc họ tính toán thiệt hơn rồi họ quyết định. Muốn lấy lại chợ thì phải trả cả tiền gốc lẫn tiền lãi cho bọn cháu, rồi mỗi năm chỉ thu được khoảng một triệu. Còn hiện giờ không phải

bỏ ra một xu nào mỗi năm ung dung thu mười hai triệu. Đằng nào hơn?"

Buổi tối Huy kể lại chuyện thầu chợ cho Thành nghe, rồi anh hỏi, liệu xã có đòi lại chợ để anh em thương binh họ đứng thầu không, vì còn là chính sách xã hội, là tình nghĩa. Thành nói đầy ngụ ý:

- Làm cái chợ ấy đâu đến hai mươi triệu chỉ chục triệu là cùng.

Tú hỏi thơ ngây:

- Xã họ bị lừa à?

Thành cười:

- Ai mà lừa được mấy ông xã, họ biết chứ, nhưng họ vẫn cứ tin theo vì đã có sự ăn chia với bọn thầu chợ rồi.

Tú thở dài:

- Con kiện kiện củ khoai, mấy ông thương binh còn kiện cáo làm gì cho mất công.

7

Đồi là em họ con ông chú, đi bộ đội năm 73 thì xuất ngũ, năm 85 đưa vợ và hai con vào Đắc Lắc làm ăn đến 88 thì về quê, mới làm ngôi nhà hai tầng ngoài phố chợ, thuộc loại người có tiền triệu ở làng. Hấn mới ba mươi lăm nhưng ăn nói nhẵn nhụi, đi đứng khệnh khạng như ông

già, chỉ có con mắt là còn trẻ, lại dữ, cứ sáng quắc lên. Đồi hỏi ề ề: "Nghe bác Trung nói anh định về làng làm anh nông dân có đúng không?" Tú đáp: "Về già nên sống ở làng là hay nhất." Đồi nhe hàm răng cái mả cười: "Hay cái con khi, người ta mong ra tỉnh còn không được mình lại đòi về quê." Tú nói: "Ở quê mà giàu như chú không sướng à?" Đồi nói: "Tiền thì có nhưng sống không còn ra con người. Làm hơn trâu còn ăn không bằng con chó mới dành dùm được tí tiền. Để làm gì, để cho các con à, vô lý!"

Đồi nói, khi ở bộ đội về là hai bàn tay trắng, một vợ hai con, ở quê không sống nổi đem con vào Đắc Lắc, chỉ nuôi lợn và trồng đậu tương mà có được cái vốn ban đầu. Anh em bộ đội cũ đã có cơ ngơi từ trước cho vay lợn giống, năm đầu bán được sáu tạ thịt, mỗi tạ gần một chỉ vàng. Năm thứ hai là một tấn ba. Rồi nấu cả rượu, lấy bã rượu vỗ lợn cho mau lớn. Về quê vẫn nuôi lợn, tháng vừa rồi xuất chuồng được một tấn rưỡi thịt, gặp lúc giá hạ một cân hơi có hai ngàn sáu hiện giờ lên năm ngàn, thiệt một nửa. Rượu của Đồi nấu nổi tiếng khắp vùng, bí quyết nấu rượu ngon là do cách làm men, phải tùy mùa mà pha chế bánh men. Rồi làm đại lý dầu hoả, lấy sáu trăm, bán sáu trăm rưỡi một lít, bán được bốn ngàn lít lãi hai trăm ngàn. Bán cả nước mắm, một can nước mắm Phan Thiết

pha làm ba can, pha nước lọc, mì chính, muối và thuốc chống thối, mỗi can lãi bốn ngàn, một ngày bán buôn bán lẻ được một trăm can lãi bốn trăm ngàn. Nguyên tắc là phải quay nhanh đồng vốn nên chỉ cần ăn mòng thôi. Tú cười: "Ăn thế còn là mòng à, một ngày lãi có được triệu bạc không?" Đồi cũng cười, mặt đầy nếp nhăn: "Ngày hơn bù ngày kém cũng suýt soát khoảng ấy." Rồi hấn nheo mắt, nói ảo não: "Bảo có sướng không, nằm trên đồng tiền là rất sướng. Bảo có khổ không, cũng rất khổ, ngoài tiền ra chẳng còn biết trời trăng là gì."

Tú còn biết trong họ rất phàn nàn cái tính keo kiệt của vợ chồng Đồi, bố mẹ và các em đều phải đứng thật xa đồng tiền của hấn mà trò chuyện. Đồi thanh minh cho cái tính bủn xỉn của vợ chồng hấn rất có lý. Năm hấn ở bộ đội về, trong túi chỉ còn mấy chục bạc, bố mẹ đẻ đuổi, bố mẹ vợ cũng đuổi, các em nhìn anh chị như nhìn kẻ cướp, chưa kịp mở mồm hỏi vay mượn đã nói chặn: "Anh em kiến giả nhất phạn ..." Đồi nói: "Các ông ở thành phố sung sướng văn minh mới hay nói đến nhân nghĩa, chứ ở nhà quê quanh năm túng đói chỉ thấy có đồng tiền là to thôi." Tú nhần mặt: "Làm gì đến nổi thế." Đồi nhìn người thành phố đầy vẻ thương hại: "Anh chưa nghe người ta nói gì về anh sao?", "Tôi mới chân ướt chân ráo về làng đã có chuyện

gì để họ nói?" "Vẫn có đấy, họ bảo đã mấy chục năm anh mới ló mặt về quê nhận anh em họ hàng mà không làm được mâm cơm cúng tổ." Tú ngồi lặng im, Đồi nói tiếp: "Em xin nói rõ thêm, mâm cơm có nghĩa là hai chục mâm, bỏ rẻ cũng là ba trăm ngàn. Ông nhà báo đi chơi chuyện này giắt lưng có được trăm ngàn không?"

8

Cái việc ghê gớm ấy đã xảy ra trước khi Tú về làng được gần một tuần. Không ai nói với anh vì nó chẳng dính líu bao nhiêu tới hiện tại. Nhưng ai ai cũng biết vì chuyện xảy ra ngay trong xã và thủ phạm chỉ vừa mới bị bắt. Nghe cha con ông Trung hỏi nhau về thủ phạm, về vụ án, Tú mới hỏi theo:

- Có chuyện giết người ở xã à?

Thành đáp:

- Có, cách đây một tuần.

- Ai bị giết thế, cán bộ hay dân?

Thành nói:

- Một bà già, một hoàng phi.

Tú đưa mắt nhìn cả hai bố con, họ nói hoàng phi nào, bà già nào. Thành nói tiếp:

- Bà vợ ông Trịnh Doanh vừa bị kẻ trộm bẻ đầu cách đây một tuần.

Chuyện như sau: Các chúa Trịnh và các bà phi khi chết đều đem về quê chôn, ở chân núi Sóc Sơn hoặc Đa Bút. Đào huyệt chôn xong là san bằng, nói một nơi chôn một nơi vì sợ bị đào trộm để trả thù hoặc lấy của. Một bà thứ phi của chúa Trịnh Doanh là Nguyễn Thị Ngọc Diễm, chôn ở chân núi Đa Bút đã được hơn hai trăm năm. Một sáng trẻ chăn dê thấy một đám đất đá đào bới tanh bành, chúng chạy lại nhìn xuống là một cái huyệt mới mở được một phần, không có mùi thối chỉ có mùi hôi liên chạy vào để báo cho xã. Xã báo cho huyện. Thành cũng có chạy lại xem. Những kẻ đào trộm đã dùng xà beng bẩy thùng vách quách làm bằng vỏ hầu, nước vỏ cây bởi lời và mật mía nhào trộn còn rắn hơn đá. Trong lớp quách là áo quan bằng gỗ đình hương dày khoảng hai phân. Thân người còn nguyên, mặc quần áo kiểu cung đình, trên bụng đặt một đĩa trầu, lá trầu khô quắt nhưng vẫn còn phảng phất màu xanh nhạt. Một hộp sành đựng trầu, một cây quạt ngà. Chèn quanh người là những túi gạo rang và các tấm gấm tấm lụa, màu sắc và hình rất đẹp. Nhưng bà phi đã bị mất đầu. Cách chỗ đào vài trăm mét còn nhặt được một cái túi gấm, trong túi đựng mười cái răng. Đoán chừng bọn trộm nghĩ là túi vàng lấy đi chẳng dè là túi đựng răng nên quăng lại. Cái đầu bị lấy cắp chắc để cạy hàm tìm ngọc hay tìm vàng gì đó. Ông Trung

kêu khàn khàn:

- Con cháu trời đánh thánh vật, vật cả đầu tiên tổ để lấy vàng, đất này xưa nay đâu tẻ đến thế!

Thành nói:

- Lòng tham thì đời nào cũng có nhưng xưa kia còn biết sợ thần sợ thánh. Bây giờ thần thánh đã chết cả, đền miếu ta hoang nên con cháu mặc sức làm càn.

9

Trong bữa cơm tiền biệt cũng là mâm cơm cúng tổ do Đồi, thằng keo kiệt, hào phóng chi tiền. Đồi nâng chén rượu hỏi ông anh nhà báo:

- Thế nào, bác có định về ở hẳn trong quê không để em còn liệu?

Ông Trung hỏi:

- Chú liệu cái gì?

Đồi nói:

- Sẽ giành cho ông anh một phòng làm việc đầy đủ tiện nghi và nuôi cơm vừa rau vừa thịt trong một năm.

Thành hỏi:

- Sao chỉ có một năm?

Đồi cười:

- Không làm gì ra tiền chỉ có thăm hỏi họ hàng thì ở một tháng cũng đủ nấu người rồi.

Ông Trung hỏi Tú:

- Chú có định về quê ở không?

Tú nói ngược ngạo:

- Em còn phải hỏi ý kiến của vợ con đã.

Thành nhìn ông chú cười mỉm:

- Cháu nghe chú nói không được mạnh bạo như hôm mới về.

Sáng sớm hôm sau Đồi đèo xe máy ông anh họ lên huyện vì cũng là ngày anh phải đi lấy dầu hoả. Nắm tay, chúc tụng, hứa hẹn nhưng không ai khóc lóc cả, ngậm ngùi một chút thì có, để gì lại được gặp nhau đầy đủ một lần nữa. Ông Trung thì quá yếu không thể ra Hà Nội như mấy năm trước đây, còn Tú cũng chưa có ý định sẽ trở về quê trong một hai năm nữa. Ngồi trên xe máy. Đồi nghiêng mặt lại nói với Tú:

- Ông viết văn viết báo dậy dỗ đủ điều cho thiên hạ nhưng xem ra cũng ít hiểu đời nhỉ?

Khoảng gần nửa đêm Tú mới về đến Hà Nội. Nhà vẫn còn sáng đèn. Vợ anh mở cửa, kêu lên mừng rỡ:

- Sao ông đi lâu thế, đã tưởng ốm đau gì ở trong ấy.

Con trai và con dâu cũng chạy ủa ra, reo vui thật lòng. Con trai nói:

- Từ nay con không cho ông đi lang thang nữa, ở nhà hồi hộp, căng thẳng lắm.

Con dâu vừa cười vừa bảo:

- Con nói bố đừng giận, bố ở nhà hay có ý kiến về đủ mọi chuyện, lắm lúc chúng con cũng bực mình nhưng bố vừa đi vắng một ngày là đã nhớ rồi.

Tú nói:

- Tao cũng giống như một thứ đồ vật cũ, để thì thừa nhưng bỏ đi lại thiếu.

Vợ anh hỏi:

- Về quê có vui không?

Tú đáp:

- Cuộc sống gay gắt lắm.

Con anh hỏi:

- Vùng ấy phong cảnh đẹp lắm hả bố?

Anh nói:

- Bây giờ thì trần trụi, tan hoang cả.

Vợ anh nói:

- Chúng nó đang tính mở hàng phở bán ngay ở vỉa hè nhà mình mấy tiếng buổi sáng, ông có bằng lòng không?

Tú vừa cười vừa nói, chẳng ra đùa chẳng ra thật:

- Tôi bằng lòng chứ, tuổi tôi ngồi không thì chóng chết lắm. Tôi sẽ xin một chân chạy bàn.

13/4/91

QUÊ NỘI

Ma Văn Kháng.

1

Được đi xe hoả mà lại đi xa, rất xa, là cô bé Thuỷ Tiên mười hai tuổi thích lắm. Niềm vui này nảy mầm từ tháng tư, trước mùa nghỉ hè thường niên một tháng. Hôm ấy người cha đi chiếc xe Niva xanh lá mạ, từ cơ quan về nhà, bước lên thang gác, từ ngoài cửa buồng đã vui vẻ gọi con gái:

- Thuỷ Tiên ơi! Bà nội gửi quà cho con đây này! Gửi qua bưu điện con ạ!

Cô bé Thuỷ Tiên từ trong nhà tắm, bỏ dở việc chải đầu, chạy ra, chân nhảy tâng tâng, miệng reo ríu rít như tiếng chim. Nhưng, cô bé thất vọng ngay khi người cha mở cặp lôi ra một bọc giấy báo "Ô! Lạc! Lạc chứ có gì ba phải mừng rỡ đến thế!" Lạc ối ra kia kìa, những hạt tròn mẩy, vỏ lụa tím sẫm, ăn bùi, bán hàng mẹt, hàng thùng đầy đường dây chợ, chứ bấu gì! Tưởng phải là bánh kẹp nhân

mứt quả, kẹo hoa quả, sô-cô-la, nho khô của Liên Xô, của Tiệp Khắc, Bun-ga-ri hay ít ra cũng là kẹo mè xừng Huế, mứt trứng chim Nam Định hoặc bánh gai Hải Dương chứ!

Người cha ngoài bốn mươi, còn trẻ hơn tuổi, không để ý đến vẻ mặt tung hứng của con gái, bật quạt máy, ngồi xuống ghế, mặt thoáng vẻ bồn thần:

- Hè này ba con mình về quê nội, Thuỷ Tiên à.

- Thế không đi biển, hả ba?

- Thôi, hè nào cũng đi biển rồi. Bà nội nhán.

Ba cũng có việc phải về. Với lại, con từ ngày sinh ra đã biết quê đâu.

- Quê con là thành phố này chứ - Cô bé vô tư

- Nhưng mà có đi xa không, ba? Phải đi thật xa cơ!

- Xa chứ. Mà đi tàu hoả, con ạ.

- Hoan hô tàu hoả. con chưa đi tàu hoả bao giờ

- Cô bé nghênh nghênh khuôn mặt trái xoan trắng nõn, xinh xắn - Thế mẹ con có đi không, ba?

- Mẹ con đang dở khoá học.

- Thế con?

- Tháng sáu con nghỉ học rồi chứ?

- Nhưng, còn lớp đàn của con?

Cô bé cong những ngón tay búp măng nõn nà cào cào mái tóc ướt rượt. Những ngón tay trắng như những phím đàn và như đang lướt trên phím đàn. Ôi, những phím đàn nổi tiếp, hành lang vô tận, đi tới Bách thần bí, trang nghiêm. Bô-thô-ven

hào hùng, tráng lệ. Sô-panh trữ tình, thiết tha. Thuỷ Tiên, một tâm hồn nhạy cảm đặc biệt, đã học hết chương trình sơ cấp pi-a-nô, một năng khiếu hiếm có, một Tôn Nữ Nguyệt Minh, một Đặng Thái Sơn trong tương lai. Thuỷ Tiên mê nhạc, trong giấc mơ cũng có những tiếng đàn.

Người cha vuốt tóc con gái yêu:

- Ba sẽ xin phép cô giáo cho con. Mà hình như tháng sáu trường nhạc cũng đóng cửa một tháng để các thầy cô giáo nghỉ hè đấy.

Quả thật là tháng sáu, tháng cao điểm của nóng bức, các trường năng khiếu âm nhạc, hội hoạ ở thành phố đều nghỉ hè cả. Thuỷ Tiên mừng lắm, suốt ngày cô bé nhảy tung bừng ngoài hành lang như nốt nhạc nhảy nhót trên khuôn nhạc gập ai cũng khoe tin vui. Giàu tưởng tượng, cô bé tả sức miêu tả những ngày nghỉ hè sắp tới của mình! Ôi chao, những ngày ấy kỳ diệu tới mức chỉ có âm nhạc mới có thể diễn tả được. Ngọn gió nồm nam mát rượi thổi trên đồng thơm hương lúa chín. Ánh trăng vàng thắm chơi vơi giữa những ngọn tre la đà. Tiếng sáo diều vi vút trên tầng cao. Âm thanh mơ hồ của con sóng biển xa. Tiếng thầm thì kể chuyện cổ tích của bà nội hiền từ, phúc hậu, dịu dàng như bà tiên ...

Tất cả mọi người trong khu tập thể. kể từ bác bảo vệ đêm ngày ngồi gác ở chân cầu thang tầng

một - một ông già thương binh, cụt một chân - đến lũ trẻ con thuộc mọi lứa tuổi, từ mẫu giáo đến thiếu niên, đều được Thủy Tiên thông báo như nhau về việc mình sẽ về quê nội nghỉ mùa hè này. Tất nhiên, đối tượng quan tâm nhiều nhất đến sự kiện này là lũ trẻ, cùng lứa tuổi với Thủy Tiên. Và lập tức phản ứng của chúng là bộc lộ ngay sự ghen tị một cách công khai: chúng vốn ghen tị với Thủy Tiên từ lâu rồi. Ghen tị thật sự! Sao có những đứa trẻ sống sung sướng và tách biệt với chúng như thế!

Mùa hè trong khi Thủy Tiên tránh cái nóng nung người của mùa viêm nhiệt, vui chơi nô rồn với sóng biển Nha Trang, Vũng Tàu, Bãi cháy, thì bọn trẻ cùng tuổi với Thủy Tiên vẫn ở lại thành phố và bận bịu có phần còn hơn cả ngày thường. Chúng còn có em bé. Ngày hè ngày bé em vẹo xương sườn để bố mẹ khỏi phải gửi em ở nhà trẻ, đỡ tốn kém. Ngày hè là ngày gò lưng quay xơ chỉ, xơ len, hay cắt quai dép, dán hộp ... làm đủ việc linh tinh để kiếm thêm, trong khi những đứa lớn phải đi nhặt than dưới Quảng Ninh, những mong đỡ được phần nào gánh nặng nuôi con của cha mẹ.

Ngày hè của chúng, từ lâu rồi, chưa bao giờ giống ngày hè của Thủy Tiên, Thủy Tiên là con một. Bố mẹ nó chủ trương không đẻ nữa, dù nó là con gái. So với bạn bè cùng lứa, dù nó là cái gì vượt hẳn lên trên, thuộc loại ưu đẳng, cách biệt, kể từ cái

tên kép rất đẹp của nó. Nhà nó giàu và sang. Ti vi, tủ lạnh, xe máy pơ-giô 103, máy quay băng, giường, tủ, gỗ lát, sa-lông Cẩm Vân đệm mút, những biểu trưng của đời sống khá giả, không nói làm gì. Ngay cả phong thái, lối sống của gia đình Thủy Tiên cũng vậy, vẻ sang trọng, quý phái, toả ra từ dáng đứng, điệu đi, câu nói của họ, khác hẳn sự phàm tục của đời sống hàng ngày. Thủy Tiên là một khía cạnh tiêu biểu của gia đình. Cái gì nó cũng có, cũng đầy đủ, thậm chí dư thừa và đều thuộc loại quý hiếm. Quần áo đủ các kiểu đến hơn hai chục bộ. Riêng áo lông nó có đến ba cái. Quần áo bọn trẻ cùng lứa chỉ đáng giặt lau nhà nó. Đến cái hót rác nhà nó cũng là của ngoại. Thùng rác nhà nó đầy vỏ hộp bia, vỏ chai mầu, bán cho hàng đồng nát mỗi ký phải hàng chục bạc. Mỗi ngày Thủy Tiên ăn chục bạc quà là bình thường. Còn bé thế mà nó đã có phòng riêng, một cái phòng âm áp đồ chơi, từ gấu Mi-sa đến búp bê tóc vàng, hộp đồ chơi điện tử Nhật Bản, ru-bích đủ loại to nhỏ: và nguy nga sáng bóng lên một cái pianô Yamaha ở góc phòng. Lũ trẻ hàng xóm mỗi bận bố mẹ Thủy Tiên đi vắng, lén đến ngó vào cái phòng sang trọng quyền quý ấy, mắt sáng trưng lên bao nhiêu là thèm muốn.

Rõ ràng là gia đình Thủy Tiên sống cùng với mọi người, nhưng lại thuộc một tầng lớp khác, ở một thế giới khác, hoàn toàn không phải lo lắng về

những điều được coi là trần tục hàng ngày như ăn uống, ăn mặc, tiêu pha và họ rất hãnh diện về điều đó. Cô bé Thuỷ Tiên có ý thức về sự sang giàu của mình. Sự hóm hỉnh vô tư của tuổi thơ mất dần khi nó bắt đầu học đàn: nó cảm nhận rất rõ ràng giá trị đặc biệt của mình. Khi sáu bảy tuổi, nó chưa có ý thức cách biệt lắm với bạn bè: nhưng mỗi khi câu giậm bạn bè làm nó bị thua một ván ô ăn quan, nó đã có thể thắng tay giằng lại một đồ chơi cho mượn, mặc cho đứa bé đang mân mê sung sướng thứ đồ chơi đắt hiếm đó, đột ngột bị mất, khóc thét lên. Hoặc nó tận dụng ngay ưu thế của cái tủ lạnh, đe bạn khi đang chơi lò cò: "Đằng ấy thế, tớ không cho nước đá nữa!" Bây giờ thì nó không thèm chơi ô ăn quan với lò cò với bạn trẻ con cùng nhà nữa. Nó đã là một học sinh trường nhạc. Nó biết Lít, Trai-côp-ski Prô-cô-phi-ép, Mô-da, Béc-tô, biết cả những giai điệu nhẹ nhàng, cực kỳ tinh vi trong chất nhạc triu tượng của Clôt-đơ Buýt-si, biết cả vũ điệu Tây-ban-nha rộn ràng. Nó biết nhảy cha cha cha vừa đánh gót vừa lắc hông. Nó biết hát pùm pùm, tính tang tang tình, biết hát các bài hát nhại với đủ các kiểu lời bịa đặt đùa cợt: còn bạn kia thì ... mù tịt. Nó xách cái cặp đựng những bản nhạc đang tập đi từ gác một lên, khinh khỉnh nhìn lũ bạn cũ đang nhếch nhác chơi đất chơi cát, và những trò chơi tầm

thường ở hành lang, cảm giác rõ ràng rằng bọn chúng là một lũ hèn kém. Bố mẹ bọn chúng chỉ là cán bộ công nhân bình thường, bì sao được với bố mẹ Thuỷ Tiên. Mẹ Thuỷ Tiên trước là diễn viên văn công, gần đây bỗng mất giọng, được cử đi học trường chính trị để về làm cán bộ lãnh đạo. Mẹ nó đã đi biểu diễn khắp châu Âu, mặc toàn quần bò lơ-vít và quần nhung ống bó thoi. Mẹ nó bảo: con chơi với chúng nó phải đề phòng đấy. Thiếu thốn thì sinh ra trộm cắp mà! Mẹ nó cũng chẳng chơi với ai, về đến nhà là khoá trái cửa lại, măn nguyện tuyên bố: ở căn nhà này, mẹ đã đạt tới hạnh phúc hoàn toàn. Bố nó thì sau khi đã làm hai cánh cửa sắt kiên cố, không còn sợ lũ trẻ rình mò, tắt mắt nữa thì bảo nó rằng: chơi với lũ trẻ ấy mình cũng u tối đi con ạ!

Bố Thuỷ Tiên chiều con gái lắm. Không đòi các son phấn như mẹ, nhưng phong thái rất đàng hoàng, bệ vệ. Bốn mươi sáu tuổi, tầm thước, mập mạp, mặt tròn đầy và trắng, trắng lắm: dường như da ông chưa biết đến cái nắng là gì. Khuôn mặt ông rất đẹp, đặc sắc nhất là đôi môi lúc nào cũng chúm chúm như đang huýt sáo và ngâm nghĩ. Thuỷ Tiên không biết bố làm chức vị gì ở cơ quan, nhưng thấy bố có xe đưa đón đi làm, rồi rãi ở nhà chỉ đọc báo và tiếp khách. Khách sao mà lắm vậy. Thuần loại như bố và đến là bàn chuyện thể sự

hoặc những chủ đề văn minh, văn hoá rất cao siêu Thuỷ Tiên không hiểu. Bố Thuỷ Tiên cũng như mẹ nó, sống xa cách mọi người. Ông không quen với cái xô bồ thô tục trong đời sống. Ông chỉ quen với môi trường lịch sự sang trọng và sạch sẽ. Sạch sẽ đến nỗi đứng ở đâu ông cũng có thói quen búng ngực áo, vạt áo, tay áo như sợ bụi bám vào. Trong khi mẹ Thuỷ Tiên đi nước ngoài tha về từ cái hót rác thì ông cậy cục mua cho con gái một bộ sưu tầm bảo tàng Ec-mi-ta-giơ và chiếc Yamaha giá những hơn hai chục nghìn đồng.

Lũ trẻ con hàng xóm vừa ghen tị vừa phát thêm một hoàn cảnh như hoàn cảnh Thuỷ Tiên. Và bây giờ, một lần nữa, tin Thuỷ Tiên sắp về quê nội nghỉ hè, lại làm chúng nổi cơn ghen. Đứa nào mà chẳng có quê, nhưng nghỉ hè về chơi không lúc này là một sự xa xỉ vô cùng.

Bác bảo vệ biết tin chính thức ngày giờ bố con Thuỷ Tiên về quê sớm nhất. Ba Thuỷ Tiên có nói với ông, nhờ ông trông nom nhà cửa hộ, vì mẹ Thuỷ Tiên đi học chỉ thứ bảy hàng tuần mới về nhà được. Bác bảo vệ là một thương binh cụt chân, làm thêm việc trông coi an ninh ở khu nhà tập thể này để kiếm thêm tiền nuôi con. Ông đã già, yếu, mặt mũi xấu xí, nhưng tính tình hiền lành và có phần cổ quái.

Ông gặp Thuỷ Tiên đi học buổi cuối cùng ở

trường nhạc về ở chân cầu thang:

- Mai mười hai giờ cháu đi tàu Vinh, hả?

Ông hỏi Thuỷ Tiên ngơ ngác?

- Cháu không biết. Ba cháu không nói là đi đâu!

- Thế cháu chưa biết quê nội cháu là Nghệ Tĩnh à?

- Chưa.

- Thế thì lần này cháu được biết rồi. Con chim có tổ, con người có quê. Không có quê, thiệt thòi lắm đấy, cháu ạ.

Cô bé học sinh trường nhạc công không chú ý nghe lắm lời ông già. Cô bé chỉ thêm một hiểu biết mới: quê mình ở Nghệ Tĩnh, và khi hỏi ông già biết là tàu hoả phải đi một ngày một đêm mới tới, thì môi cô bé liền tỉnh tang một khúc nhạc vui.

Mọi điều tưởng tượng đều không khớp với sự thực. Đi tàu hoả không phải là vui vẻ, dễ chịu như đi trong đội hình điệu múa con tàu hồi Thuỷ Tiên học lớp mẫu giáo.

Niềm vui được đi xa chỉ sau một chặng đường tàu là đã tắt ngấm. Những khu đồng vừa qua vụ gặt chờ nước cấy trống trơ. Những thị trấn nhỏ hắt hiu.

Những dòng sông đỏ ngầu lạng lẽ. Hàng dừa xa mỏng mảnh như ép trong sách. Tất cả, ngược chiều với con tàu, miên miết chạy về phía sau, càng lúc càng trở nên nhàm chán.

Tàu vừa nóng vừa chật. Mặc dầu đã dành được chỗ ngồi ưu tiên. Mặc dầu, khi đưa tiền, mẹ đã lên tận tàu, chất đầy ụ cái bàn cho hai bố con những túm vải thiều mọng nước, những quả dưa gang dầm mùa và những chai si rô nước cam cùng là bánh kẹo. Mặc dầu đã dùng nỗ lực của quyền lực và đồng tiền để thay hoàn cảnh, Thuỷ Tiên vẫn mệt và ngán.

- Ba ơi, bao giờ mới đến nơi, hả ba?

Đó là câu hỏi mở đầu còn mang sắc thái trung hoà. Lát sau thì sự biểu cảm đã bộc lộ rõ rệt kèm theo những cái ngáp dài:

- Biết thế này con ở nhà một mình còn hơn!

Khô! Chưa bao giờ cô bé phải chịu cực như thế! Nóng, bụi, than, mùi tàu hoả, tiếng ồn ã của bánh xe thép trên đường ray, tiếng người ồn ào, tất cả đều hành hạ cô bé, nên chỉ đến chiều ấy đã biến một cô bé xinh tươi, mặt đầy vẻ hãnh diện thành một sinh vật đại khờ.

- Con ngủ đi, để ba quạt cho.

Cô bé nằm duỗi dài chân tay trên cả một chiếc ghế ba chỗ ngồi. Nó ngủ một nhọc. Nhưng rất may nó ngủ được một giấc dài, và khi nó tỉnh dậy, trời đã ngả chiều, tàu dừng lại ở một ga nhỏ, có một tập bộ đội lên toa.

- Dậy đi bố ơi, cho con ngồi với nào.

- Nhọc quá! Đi tàu mà còn nhọc hơn đi mần!

- Ha ha ... bao giờ hết thằng giặc Tàu, ta về sáng tặc tặc con trâu, chiều về kênh cang là khoái nhất!

- Ngộ ơi, chỗ ni hần bay vô đội hình bàn tay xoè, bọn tàu dùng chiến thuật mâm sôi con gà, bắn rơi hai thằng đó.

- Ai biểu có vô miền Trung mùa ni, cô ơi!

- Tê tê ... con kênh nó có nác! Mất bao công đào nó. Vẫn hạn kiệt mùa ni mới ác chớ!

Chộn rộn những thổ âm, thổ ngữ. Xôn xao những nét xa lạ của một đời sống khác biệt. Rồi cảnh sắc một vùng đất theo bánh xe con tàu, dần dần hiện ra những vẻ riêng biệt. Nhưng, với Thuỷ Tiên, tất cả đã mất hết sức quyến rũ, nhất là vào buổi trưa hôm sau, khi cô bé theo cha xuống tàu, đứng giữa cơn nắng như đổ lửa trước một thành phố bị nắng gió thiêu đốt, ngầu ngầu những quảng bụi đỏ.

Ôi, ngột, mồ hôi không thoát được, chỉ rịn ra trên mặt da. Đồ vật cũng vậy, cái gì cũng nhớp nháp như đổ mồ hôi và quần quai trong nắng nung. Xung quanh như có ngàn ngọn lửa lom đom cháy.

- Bây giờ ba con mình ra bên ô tô mua vé. Chỉ chiều nay là về đến nhà bà, Thuỷ Tiên à.

Người cha an ủi con. Nhưng cô bé đang đứng trong bóng râm của chiếc mũ cối rộng vành, bỗng ngời thụt xuống nức nở?

- Ừ ừ, con không đi nữa đâu!

- Kia, Thuý Tiên, sắp về đến nhà rồi con.
- Ừ ừ, sao ba không lấy xe ô tô cơ quan đi. Đi tàu hỏa thế này con ứ vào đi đâu!
- Thôi để lần sau. Lần sau, Thuý Tiên à, nhà bà thích lắm cơ!

2

Cô bé thức giấc. Giấc ngủ, cái gạch nối giữa cơn mệt nhọc đường trường với nhu cầu nghỉ ngơi thông lệ kéo một mạch dài suốt từ chiều qua tới sáng nay. Cô bé thức dậy vì sự yên tĩnh quá mức của khung cảnh sống chứ không phải vì tiếng nhạc phát ra từ một đĩa viôlông êm ả, sâu lắng, ngọt ngào mà sáng nào ba cũng đặt vào máy quay đĩa để đánh thức con gái. Cũng không phải tiếng chim sẻ ríu ran trên mái ngói, ngoài vườn, một điệu thức tươi sáng, rộn ràng.

Ở đây không có chim. Ở đây nghèo nàn cả âm thanh. Đôi tai thính âm của cô bé chỉ ghi nhận được lúc mơ màng thức giấc, tiếng hai người nào đó thì thầm đầy vẻ bí mật ở ngoài sân, họ gọi ba Thuý Tiên là thầy cái Thia, một cái tên rất nôm na và xấu xí nữa.

Không khí trong căn nhà ba gian, gian giữa sau cái bàn mộc là một cái án thư đặt ảnh truyền thần

một ông lão đội khăn xếp, râu cằm lông thông, càng thêm tinh mịch vì tiếng mõ nghiêng gổ chéo chệt và tiếng một con muỗi vo ve quấy quả giăng dai ở một xó tối nào đó.

Cô bé Thuý Tiên mở mắt, nhìn cảnh vẽ sơ sài trong căn nhà, để mắt, lâu nhất vào bức ảnh ông già, ngẫm nghĩ một lúc và hiểu ra tình thế. Lúc đó ngoài sân có tiếng trẻ lao xao. Cô bé nằm nghiêng, nhìn ra cửa nhận thấy lấp ló ở khuôn cửa rộng có bữa đại che chắn những khuôn mặt trẻ con, đứa nào cũng lem luốc, bẩn thỉu và nhìn cô bé đầy vẻ tò mò. Cô bé cảm thấy rất hãnh diện và thấy mình giống như một nàng tiên vừa thức dậy buổi sớm mai ở nơi đồng ruộng thôn dã.

- Rầy quá hè! Có chi mà trộ, đi nhởi đi à! Nở bà về tôi mách bà cho. Đi đi cho o nó ngủ!

Măng lữ trẻ ngoài sân là một cô bé trạc mười lăm tuổi. Cô bé đi ngang qua bức đại hai tay ôm một bó cỏ lớn, miệng lầu bầu, mắt càu càu. Liên đó có tiếng con bò ồ một hơi dài và lát sau như từ xa vọng về, tiếng con bò nhai cỏ rậm roạm đều đều, buồn tẻ.

Hết cơn ngái ngủ, Thuý Tiên mới chống tay, ngồi dậy. Nó tìm mấy cái cặp tóc và ngẩng lên vì thấy tiếng chân người từ gian hồi đang đi về phía mình.

- Mi dậy rồi, cháu!

Người nói như reo đó là một bà cụ trạc bảy mươi, đầu bọc khăn đen, áo nâu, quần thâm, xìn, dáng chậm chạp nhưng còn khoẻ mạnh. Bà cụ vắt lại cánh màn nâu mắc thông theo trên hai cánh phản rồi nhìn Thuỷ Tiên:

- Đã hết mẻt chưa, cháu?

Thuỷ Tiên ngáp, dịu mắt, không đáp. Xưa nay nó vẫn có thói quen: thích thì nói, không thích thì thôi. Nhưng đối với bà cụ thì động tác ấy là câu trả lời rồi. Bà cười móm mém:

- Hồi nị đi ra đi vô rửa là sướng lắm rồi đó, cháu.

Ấu yếm, bà cụ định đưa tay ra vuốt tóc Thuỷ Tiên. Nhưng cô bé vừa cặp xong tóc, gằn như một hành động lảng tránh, ngênh đầu, nhìn bà cụ, trống không:

- Ba đâu?

Bà cụ cười, mặt nhăn nheo, răng bạc nhờ:

- Thầy mi sang bên ông Đông chủ tịch mần cái chi chi đó, nhà ông ở chỗ sưa (thưa) nhà đó, cháu. Chỗ nó, cực lắm, ba bốn hố bom bắn thả. Hồi tē đó, tàu bay Mỹ bắn to tồ tồ, hấn từ biển vô, từ đất ra, trộ xuống đây, thấy hết lượt. Hấn thả một quả bom trúng cái bụi tre có hầm bà nấp ở dưới gốc. Bà với chị Thía mi hôm đó ôm nhau tưởng chết. May, tre dày, bom lại mắc, nổ ở trên thôi. Còn nhà ông Đông, bạn thầy mi đó, chết bảy người. Cực chi là cực. Đưa người đi chôn, pháo bắn rập vô, người

không quan tài chết luôn ngoài nghĩa địa.

Trời, chuyện nghe mà rợn tóc gáy. Không để ý đến thái độ của cô bé cháu, bà cụ đứng dậy, với ra ngoài sân:

- Thía ơi, cơm chín chưa, dọn cho em ăn chớ! Đi mời thầy mi ở bên sông về đi - Rồi bà cụ quay lại, nheo mắt nhìn Thuỷ Tiên - Ra rửa mặt đi, cháu. Từ ngày cháu đẻ ra, giờ bà mới thấy mặt cháu đó. Ở đây với bà đến giỗ ông nhé!

Thuỷ Tiên lại không đáp, nó tụt xuống giường.

Ngoài sân, cô bé tên Thía đang bê mâm cơm đi qua. Da bánh mặt, mắt một mí, vóc nhỏ nhắn, chỉ nhỉnh hơn Thuỷ Tiên một tí, nhưng dáng vẻ nhanh nhẹn, đảm đang. Sao, cô bé này cũng là con của ba Thuỷ Tiên ư? Sao ba lại có một người con gái đen đúa, lam lũ thế này? Chẳng có nét nào giống ba cả, trừ cái miệng chum chúm thôi lửa. Còn bà cụ này là bà nội ư? Và, người trong ảnh cổ lỗ trên án thư kia là ông nội nữa à? Ôi, cứ tưởng quê nội thế nào, cứ tưởng bà nội là thế nào!

Bà đang bê nồi cơm từ bếp ra, chúm chúm miệng thổi bụi gio trên nắp vung. Bà thấp tẻ, thô kệch từ đôi bàn chân có hai ngón cái bãi rộng như bị bẻ. Bà đi lạch bạch. Bà mặc váy bạc phếch vá đụp, trông càng lùn. Mặt bà ngẩn. Mũi bà tẹt dí. Miệng bà móm. Tiếng bà nói thì lạ hoắc, từ âm điệu tới từ ngữ.

- Hơn mười năm rồi thầy cháu mới về quê đó, cháu. thầy cháu là tệt lắm đó.

Đặt nồi cơm xuống, bà nói, mắt ngược nhìn Thuỷ Tiên có ánh cười độ lượng. Nhưng Thuỷ Tiên nhăn mặt vì tiếng thầy bà gọi ba nó. Nó khó chịu ra mặt. "Bà quê mùa, tâm kinh khủng!" Nó đánh giá bà, theo thói quen xưa nay.

*
* *

Cái mâm tròn bằng gỗ, sơn đã tróc lại nham nhở, xây xát. Trên mâm có một đĩa rau muống luộc, một bát nước canh, một đĩa trứng trắng và một bát mắm tép. Canh mâm có mấy quả sung xanh lè. có thể thôi mà cũng bưng bê trịnh trọng quá. Thuỷ Tiên nghĩ, buồn cười. Bữa cơm thật là xoàng xĩnh. Mà buồn cười nữa là chỉ có hai bố con. "Bà quen ăn ở dưới bếp!" Ba nó giải thích rồi nhón một quả sung, chấm vào bát mắm tép, cắn đánh khác một tiếng, rồi bưng bát cơm, và lấy và để, trông cứ như một ông nông dân vừa đi cày về đang đói ngấu.

Ngoài sân, bọn trẻ khi sáng lại kéo đến. Cô bé Thía đang đứng tần ngần cạnh bể nước ngẩng lên, nhăn nhó:

- Đi nhón đi, các em.
- Thầy chị mô, chị Thía?

- Đi nhón đi! Tôi còn bận!

Ba gần như gập mặt xuống mâm cơm. Loáng cái ba đã đặt bát xuống rìa mâm, dỗ con gái ăn thêm một bát nữa, rồi đứng dậy, đi.

Lũ trẻ như gà thấy nhà không người, lại mon men đến trước cửa. Chúng tò mò vừa thích làm quen. Và tuổi trẻ dễ gần nhau nên đến ngả chiều hôm đó, một bầy trẻ sáu bảy đứa cỡ chín mười tuổi đã lân la vào tận trong nhà, chơi với Thuỷ Tiên. Chúng trố mắt kinh ngạc ngắm nhìn những đồ vật và tư trang Thuỷ Tiên mang theo. Con búp bê tóc vàng. Cái túi da có in hàng chữ nước ngoài. Đôi sa-pô đế cao. Cái mũ lưỡi trai tắm biển. Đôi vòng ngọc. Cái huy hiệu trường nhạc. Cái gì cũng lạ. Cả những chuyện ở thành phố, những tiếng lóng và những bài hát nhại.

Lũ trẻ lăn ra cười. Thuỷ Tiên có vẻ thương hại chúng:

- Ở đây các bạn không đi học à?
- Có chứ.
- Thế các bạn học đàn gì?
- Đàn gì? Lũ trẻ lặp lại.

Thuỷ Tiên cười nắc nẻ:

- Ngớ ngẩn thế. Đàn, như Pi-a-nô, như Vi-ô-lông. Công-trơ-bát ấy.
- Bầy tui chưa trộ khi mô!
- Trộ rồi!

- Mô

Không ngờ lại phát sinh ra một cuộc đấu khẩu. Một thằng bé nói rất quả quyết:

- Trờ cái đàn nớ rồi. Bọn mi nỏ có nhớ. Hồi đánh Mỹ đó. Văn công tình gửi ô tô về. Chú Đông cho người ra đón. Bọn tàu bay Mỹ vô. Mô cũng trờ tên lửa.

Hắn liền lúc lắc bay ra biển. Cái đàn giấu ở búi tre trụ sở Hợp đó!

- Đúng rồi đó. Hồi nớ mạ tôi với chị Thía còn là dân quân, hai người vác một tấm ván lát lầy cho ô tô hắn vô làng. Vì thế làng được tuyên dương anh hùng đó.

Một con bé lớn nhất đám bấu môi:

- Bọn mi hồi nớ có khi còn chưa ngồi trong nhà trẻ bà cụ Thía mà. Ra rằng mà biết! Nỏ có phải đàn. Hắn là cái máy tính điện tử! Còn anh hùng là vì nhiều mặt chứ! Bán máy bay, bắn tàu bay Mỹ, phá mìn, đảm bảo giao thông này. Cả nhà trẻ bà cụ Thía cũng tiên tiến nhất huyện đó.

"À". Cả bọn à một tiếng rồi tịt. Thuý Tiên nhìn con bé vừa nói, ngúc ngoắc cái đầu:

- Bạn này, chị Thía là thế nào với ba tôi?

Con bé nọ định nói thì bị một cái bấm tay, ngậm miệng liền; cả bọn quay ra nhìn sân, im thít rồi lẹ làng từng đứa lên ra đầu hồi.

Ba Thuý Tiên đã về. Cô bé Thía gò lưng bằm

rau khoai cạnh bể nước hơi ngẩng đầu lên khi ba Thuý Tiên đi qua.

*

* *

Ba xéch hai ống quần ga-ba-din là thẳng, ngồi xuống mép chông với vẻ cẩn trọng đặc biệt, rồi cúi nhìn phía trước cái áo trắng đang mặc có thêu mấy bông cúc rất ý nhị ở dưới vạt phải, đoạn co ngón tay theo thói quen búng khe khẽ ống tay áo để phui bụi.

- Bà ạ, bà thông cảm, con về được ít ngày thôi. Bà đang già bột, ngừng lại, đổi tay chày:

- Anh mần chi mà lúc mô cũng bấn bịu. Quan trọng rửa tê à?

- Con bé nó vốn khảnh ăn. Về đây nó lại không ăn được. Lại nóng quá.

- Nhà quê rửa đó. Nỏ có điện, nỏ có máy nước - Bà cụ nói đùng đình, cái đầu không tóc bịt khăn lắc theo nhịp chày, chột ngẩng lên, vẻ tinh anh và hóm hỉnh lấp lánh trên hai con mắt nhỏ khấp lại - Rằng nỏ đưa chị nớ về chơi cùng. Từ ngày cưới, đã ai biết mô.

Ba bị bất ngờ, mặt bỗng trầm xuống, nặng nhọc:

- Bà thông cảm. Nhà con trẻ người, từ bé sống ở thành phố, khó tính. Đây, như việc đưa cái Thía lên. Con đã quyết rồi, nhưng cô ấy không nghe,

thành ra ...

- Anh đưa hấn đi mần chi. Hấn còn có mạ hấn ở đây. Cây nào đất ấy, con à.

Bà nói, cúi xuống, như vắt mũi rồi ngẩng lên, từng nhịp chày già, giọng thật thanh thản bất ngờ:

- Anh sang nhà mạ cái Thía rồi hả? Anh có mừng cho mạ hấn không? Ờ, hồi anh còn đi học ở khu ba đó, tàu bay Mỹ bắn thả thủy lôi ở ngoài cửa biển. Xã truy điệu trước cho mạ cái Thía và một o nữa để hai người đi phá thủy lôi. Mạ cái Thía gửi cái Thía cho tôi, hấn bảo sau này bà có gặp chồng con, bà nói con mắc tội với anh, với con Thía, nhưng trước vì dân ... Cả làng ai cũng khóc thương. Răng con người phúc hậu đó chết? Nhưng trời phật cũng có mắt. Hấn phá ba mươi quả thủy lôi mà nó có xây xát, chỉ bị sức ép ngất đi. Hấn còn sống. Chừ cũng rứa! Người phúc hậu không ai để bị oan trái. Hấn lại gặp được người tử tế. chồng hấn tốt thiệt. Làm cán bộ huyện, không ngày nghỉ mô không về làm ruộng giúp vợ con. Vừa rồi, hấn là trưởng ban kinh tế mới vận động dân trong huyện đây đi Lâm Đồng. Hấn sang bảo tôi: "Bà ơi, nhà con tức mạ cái Thía đó, coi bà như mẹ đẻ. Cái Thía ở với bà thì cũng như ở với mạ hấn. Nhưng, giờ bà đã già yếu, con muốn mời bà cùng là một hộ đi vào Lâm Đồng với nhà con".

Ba ngẩng lên, uể oải:

- Thế bà trả lời thế nào?

Bà cười khục khích, nghịch ngợm, nhưng mắt ứa lệ:

- Răng nữa, anh? Ở đời, mần chi thì mần cũng phải có cái tình cái nghĩa, con à.

Ngoài sân rợp nắng. Thủy Tiên ngồi xem Thía băm rau lợn, rồi ngào rau, bột cho con nái ăn. Con nái có một đàn con lít nhít bằng con lợn đất để đứt tiền tiết kiệm: bé tí mà con nào cũng quấy tít cái đuôi liên tục, không biết mỏi.

- Chị Thía ơi, không có điện thì chị học thế nào?

- Có đèn dầu, o ạ.

- Thế góc học tập của chị đâu?

- Tôi nỏ đi học nữa.

- Thế chị không học âm nhạc à?

Thía phì cười, cọ má vào vai áo vá:

- Âm nhạc là hát đó, hả? Tôi phải ở nhà mần ruộng.

- Ôi, chị làm được ruộng à?

- Tôi với bà mần đờ. Cả mấy đứa trẻ đến chơi với o bữa qua cùng mần đủ mọi việc. Chăn trâu, cắt cỏ, trồng rau, nuôi lợn ...

Có tiếng ba gọi, Thủy Tiên đi về cái đại. Bà đã già xong cối bột và cuộc nói chuyện của bà với bố nó đã kết thúc. Có vẻ căng thẳng. Ba nó ngồi, hai tay chống mép chông, môi dô ra chum chúm, mặt rần căng ương ngạnh. Bà đứng ở

cửa, chấm đuôi mắt:

- Thủy Tiên, vô đây với bà. Vô đây! Bà làm bánh mứt cho cháu ăn, nhé. Ở đây không có quả bánh như ở Hà Nội đâu, cháu. Vô đây với bà. Lần sau mi vô không còn gặp bà nữa mô!

Thủy Tiên nhìn bà đứng đưng:

- Sao lại không còn gặp bà?

- Bà đi xa ngái.

- Bà đi đâu?

- Bà đi vùng kinh tế mới ở tận Lâm Đồng cơ. Cả làng đi, cháu ạ. Bà nắm tay Thủy Tiên lắc lắc.

- Chị Thía cũng đi à?

- Ờ, hần cũng đi, nhưng đi sau. Mạ hần mới ở cũ một chác hai đứa. Hần giúp mạ hần trông em rồi đi sau.

- Mẹ chị Thía ...

- Mẹ cái Thía xưa là vợ của thầy con đấy. Thủy Tiên à.

Một lần nữa tiếng thầy từ miệng bà gọi ba Thủy Tiên lại làm nó bực bội. Nó cảm thấy không được kính nể. Nó giựt tay ra khỏi tay bà. Ba nó lúc đấy lưng thưng đi ra sân.

*

* *

Chiều mờ như phủ khói sương từ khi dứt nắng. Không gian thanh tĩnh, lắng nghe thấy những âm

điệu vi vu mờ ảo như tiếng sáo diều. Rất xa, vọng về từng đợt con sóng biển đỏ lúc triều dâng. Cái sân vắng tanh.

Bà đứng ở sân, kiềng chân ngó quá hàng rào cao lút, trò chuyện với người không rõ mặt, tiếng thì thầm, nhưng Thủy Tiên tỉnh dậy lúc đó và nhờ có đôi tai âm nhạc rất thính nên nó nghe rất rõ.

- Chú Nam có tàu cau mới rụng đó, hả? Cho xin nhé.

- Cái Thía mô, bà bảo hần sang mà lấy. Mà bà lấy mo cau mần chi?

- Cái Thía sang giúp mạ hần trông em. Chú vớt cho tôi. Mần mo cơm nếp cho thầy cái Thía đi về Hà Nội.

- À, Phú về chơi đó, hả bà?

- Ừ, sang chơi đi.

- Bữa tê tôi sang anh Đông bàn chuyện nước nôi đồng ruộng, gặp anh ấy, anh ấy không nhận ra tôi hay không muốn nhận. Nghe đâu, anh Đông phê bình Phú gặt gạo lảm. Phú chống chế cũng ác. Ôi, nhiều lý luận rồi. Còn nhớ, ngày xưa còn bé, tôi với Phú đi bẫy cá nác, lớn lớn đi quai đê. Yêu mạ cái Thía hồi nó đó.

- Thì ... Có mới thì nói cũ ra. Mới ở trong nhà cũ ở ngoài sân mà.

- Toà xử lý dị rồi kia mà, Phú còn về mần chi?

- Ly dị rồi, nhưng hần còn tiếc cái nhần hai

đồng cân vàng sắm cho mạ cái Thía hồi mới cưới nên hẳn về xin lại.

- Trời!

- Tôi bảo mạ cái Thía: hẳn xin thì cho hẳn. Hẳn ruộng rẫy mình, mình cũng có chết mô. Chừ, tôi đâu có ngờ tính nết hẳn quá quắt rứa.

- Bà nói cái chi?

- Lân ni vô, hẳn nói với tôi rằng số mệnh hẳn với mạ cái Thía không hợp nhau Kim, mộc, thủy, hỏa xung khắc cái chi chi đó. Không hiểu hẳn học được ở đâu cái văn minh hay ho rứa!

- Hừ. Trộ con người ta, mần chán con người ta rồi kêu không hợp. Loại đó cứ là không cho trộ, không cho mần, bà à.

Có tiếng cười khúc khích của bà. Rồi tiếng kéo cái tàu cau lật xệt in một vệt dài xanh xám trong chiều tà. Thủy Tiên ngồi nhồm dẫy, nó thấy ngứa ngáy, khó chịu quá

3

Ngày đi đã ấn định, nhưng cả hai cha con đều như muốn thúc ngày đó đến sớm hơn.

Làng quê, cái nôm na của đời sống, sự thiếu thốn nghèo nàn. Thủy Tiên chưa quen, không thể quen. Nó chưa được ai dạy dỗ để cảm nhận được

sự phong phú tầng tầng lớp lớp của cuộc sống, những tình cảm thuần phác, cao cả và âm giai rộng rãi với sắc thái đa diện của ngôn ngữ cùng nét hóm hỉnh tô điểm tính cách gan dạ, những chương khúc đa dạng của một bản giao hưởng lớn của cuộc đời. Đối với nó, làng quê thử một nhịp điệu tẻ ngắt, cổ lỗ, đơn điệu không hồn. Chưa nói tới những khó chịu mà nó phải chịu đựng trong ăn ở, sinh hoạt. Ba nó cũng giống nó ở điểm này, nhưng ở một cấp độ cao hơn. Ông không quen thiếu báo chí, tin tức. Mới xa thủ đô có mấy ngày, ông nói ông đã u tối đi quá nhiều. Nhưng, cái chính là sau khi hoàn thành cái dự định đòi lại chiếc nhẫn ở người vợ cũ, ông thấy chẳng cần ở lại thêm nữa và cũng không nên ở lại, vì câu chuyện tưởng kín hoả ra lại hở, đã loang ra khắp xóm làng. Người đưa chuyện ra ngoài với một thái độ giấu cợt sâu cay chính là bà nội chứ không phải ai khác. Và sau đó, câu chuyện trở thành đề tài của mọi cuộc đàm tiếu đầy khinh miệt của mọi người. Bà nội, chuyện này dù không ở trong diện vận động cũng đi Lâm Đồng, trong danh sách là người của gia đình mạ cái Thía, người con dâu hiền thảo, quả cảm, bị con giai mình nhẫn tâm phụ tình. Bà nội muốn tỏ thái độ một cách mạnh mẽ, không khoan nhượng và kiêu hãnh.

Cuối cùng thì cái mo cau đã cắt cuộng, lột vỏ,

mềm như dùi, ép bốn cạnh một cân gạo nếp thơm, được bà nội xách ra tận bên ô tô rồi trao cho ba Thuỷ Tiên. Thía đi cùng với bà, chứ không có ý nghĩa tiền đưa.

Mấy ngày ở quê, ba Thuỷ Tiên chưa hề nói với con gái mình một câu, bây giờ cũng vậy, ông móc túi lấy một tờ giấy 10 đồng đưa cho Thía. Thía quay đi, không nhận. Ba Thuỷ Tiên điềm nhiên gấp tờ giấy bạc bỏ vào ví.

- Ở nhà quê khổ quen rồi, cần tiền mua cái chi. Anh cứ đem hết đi mà tiêu!

Mặt ba bỗng xị ra, trông rất già nua tội nghiệp, sau câu nói ý nhị và đa nghĩa của bà. Ba lúng túng, ngập ngừng:

- Bà thông cảm ...

- Thôi anh đi, mạnh khoẻ. Có rồi thì viết thư về.

Bà nói, quay mặt đi. Về mặt bà nói lên điều sâu xa: bà cũng còn có một phần thương ba.

Ô tô chạy.

Chia tay.

Rất lạ, Thuỷ Tiên thấy mình và ba không một rung động nhỏ. Trong khi đó, trở trêu thay, bà và chị Thía đều nước mắt lưng tròng.

Xa dần làng quê.

Xa dần quê nội, một vùng quê muôn ngàn lần đáng kính, từ những ngày đã qua và ngay cả hiện tại, một làng quê có bà nội của Thía, có

mạ của Thía. Một làng quê cổ từ bàn chân có ngón cái bãi rộng của bà. Một làng quê đã chịu bao vất vả, thương đau, lại bị thói bội bạc đê hèn làm cho thêm đớn đau, bi đát. Một làng quê bề ngoài tầm thường, nhưng thật sự gan góc, anh hùng và mang trong đó bao vấn đề, bao câu chuyện quyền rũ.

Mặt ba im lặng xa xăm.

Rồi mặt ba tươi tỉnh dần, nhưng vẫn phảng phất dáng nét một gã trai quê mùa ở ngay cái vẻ đường bệ, sang trọng của ông. lát sau ông mới thực sự là ông, một gã đàn ông có chút học vấn, tinh khôn, may mắn, đã ra khỏi làng quê và lần này thì sẽ dứt hẳn làng quê đó.

Lần đầu tiên Thuỷ Tiên biết thêm đôi nét về ba nó.

Nhưng, với nó, những điều đó chẳng có ý nghĩa gì. Ác cảm của nó với làng quê đã lấn áp tất cả các tình cảm khác. Lâu nay nó sống xa cội nguồn và không ai dạy dỗ nó biết kính trọng các giá trị khác, nó chỉ biết yêu cái cụ thể, cái tương đồng.

- Ba ạ, con ghét bà ghê cơ. Bà cứ gọi ba là thầy. Ngón chân bà trông sợ sợ là. Ba ạ, bà đi Lâm Đồng rồi thì từ nay ta không bao giờ về quê nội nữa, ba nhỉ?

Thuỷ Tiên nói câu cuối cùng về quê nội. Từ đó, nó và ba nó bắt đầu nghĩ về Hà Nội.

VƯỜN CỔ TÍCH

Lý Lan.

Hồi xưa hồi xưa ...

Hồi bà ngoại còn là một cô bé mười lăm tuổi, ông cố đã gả bà cho một chàng trai người miền Đông. Hồi đó ông ngoại cũng chưa quá tuổi hai mươi, đưa vợ mới cưới về đây lập nghiệp, lặn lưng chỉ mỗi một cây rựa, mà quanh đây chỉ có những rừng với rừng là rừng. Trên mảnh đất vừa phát hoang xong, ông che một cái chòi, còn bà thì trồng ngay một cây: cây sầu riêng. Cái cây đầu tiên ấy bà đã mang theo như của hồi môn của mình.

- Bây giờ cây đó còn không?

- Thì nó đây. Cái cây cho trái bồ đang ăn đó.

Chúng tôi ngừng ăn, ngẩng nhìn theo tay An chỉ. Hoá ra chính là cây chúng tôi đang ngồi dưới gốc. Giá mà ba chúng tôi cùng giang tay nối nhau cũng không ôm hết thân cây. Vỏ cây khô, nứt nẻ, vênh lên, màu đen xám bị mốc trắng bám trông

sần sùi, cổ lõ. Trên thân có những bông tròn đủ làm ổ cho một con chó, và những đường nứt dọc, sâu, trổn hàng mười con bửa củi đang làm việc ráo riết, gây nên những tiếng "tách, tách" khe khẽ và liên tục. Tán cây cao vượt lên tất cả cây trong vườn, kể cả cây cau lão nhất. Cành lực lưỡng giang ngang như những cánh tay nắm chặt những chùm trái im lìm đầy gai nhọn.

- Vậy thì cây này ít nhất cũng nửa thế kỷ tuổi thọ.

- Hơn chứ. Năm nay bà ngoại hơn bảy mươi rồi. Nó lớn hơn má mình đúng một tuổi. Thịnh thoảng bà ngoại mình vẫn gọi đùa nó như thiết, "cây sầu riêng này là anh Hai của má".

An bỗng thấp giọng, trầm ngâm nhìn lên tán cây xanh rất cao. Có lẽ An nhớ má. Có lẽ thừa chập chững đi má đã vịn vào cánh tay cây mà tập bước. Rồi đến tuổi khao khát có người bạn, có lẽ má chỉ quanh quẩn chơi bên gốc cây với mấy chiếc lá khô tưởng tượng thành trăm thứ đẹp đẽ trên đời. Nhưng những kỷ niệm về mẹ, An không nhớ được bao nhiêu, vì má An mất từ thừa An còn mãi ru búp bê ngủ. Ba nói An rất giống má, còn má thì ông nói giống hết bà. Nhưng khó hình dung được ngày xưa còn trẻ bà ra sao. Bây giờ bà già lắm, đón cháu về chơi bằng ánh mắt sáng lên một tình thương sâu kín, với một cái cười không biết có phải

cười không. Đôi môi khô thâm giãn ra run run. Hai mép miệng đỏ màu cốt trầu khi nhếch lên khi trệch xuống. Hai mắt hờm xâu nheo lại không trông thấy tia nhìn đâu nữa, chỉ thấy có gì long lanh ở khoé. Còn đuôi mắt thì chụm lại vô số nếp nhăn chạy ngoằn ngoèo trên vầng thái dương cộm rõ mấy đường gân xanh. An đứng bên bà lúc này cao hơn bà một cái đầu rưỡi, nhờ mang đôi giày cao gân một tác kiểu discô. Quần An màu kem may khéo ôm đôi chân rất gọn gàng: áo rộng, tay áo phồng phất phơ, cổ hở, rô đê, vai nhún. Tóc An dài lỗ cổ, vì trước đây tём, sau theo một để dài mới tới vai. Mắt An sáng, cái nhìn tự tin, miệng cười rộng, môi mở, phóng khoáng, hai má hồng hào, cổ tròn, ngực căng, dáng đứng thẳng, một chân hơi khụy, đầu hơi nghiêng nghiêng. Đó là cách làm duyên của thiếu nữ thời đại.

- Lấy chồng mấy năm, bà ngoại mới về thăm nhà ba má. Bà ẵm cậu Ba, dắt dì Hai, qua sông thì giang đò, lên bờ thì lội bộ, đi từ thửa trời chưa hừng sáng đến khi tối đất mới tới nhà. Ông có thương bà lấy chồng xa cực khổ mới mua cho bà đôi guốc sơn. Bà mang ra khỏi làng thì tụt ra, bỏ vô thúng đội về. Năm ba năm bà mới về một lần. Nên đôi guốc ấy bà cũng mang được ba bốn lần, rồi cho dì Hai lúc gả chồng.

Tôi ngắm cây sầu riêng, nó vốn có một sự tích.

Các nhà văn, các soạn giả chế ra thêm một sự cổ tích nữa. Còn câu chuyện này bà ngoại kể lúc chúng tôi phụ bà xay bột:

- Ngày xưa, có hai vợ chồng nọ sống ở bìa rừng. Một hôm chồng lên rừng làm củi gặp một con cọp cái. Người với cọp đánh nhau một trận thì cọp bị thương đuối sức bỏ chạy. Người nghĩ rằng, mình hằng bữa phải vô rừng, nay lỡ làm con cọp bị thương nếu không diệt luôn, ắt có ngày bị cọp trả thù. Nghĩ rồi liền vác rựa lần theo dấu máu tới tận hang mà giết cọp, rồi vác xác về. Nào ngờ trong hang có con cọp con mới sinh, thấy mẹ bị mang đi, cứ leo đèo theo sau. Người chồng ~~quang~~ xác cọp trong sân nhà biểu vợ lột da rồi lại lên rừng làm củi tiếp. Người vợ ra sân thấy con cọp mẹ chết nằm đó mà cọp con cứ a lại mút vú rồi kêu la vì đói, mới tội nghiệp vắt bóp sữa mình cho cọp con. Ít lâu sau, nhờ sữa của "mẹ người" cọp lớn lên, coi bộ rất hung tợn. Người chồng toan giết đi dặng trừ hậu họa, nhưng người vợ thương tình (dẫu không phải con, cũng nuôi bằng sữa của mình nên có tình quyến luyến), bèn xua cọp vô rừng trón. Dẫu vậy, cọp vẫn nhớ người mẹ nuôi, thỉnh thoảng lên về thăm nhưng không dám vô nhà. Người mẹ nuôi phải ra bìa rừng an ủi cọp. Vài ba lần như vậy, người chồng sanh nghi vợ có tư tình, vác rựa theo rình, thấy vật lay động trong lá cây, người chồng nhảy xổ ra chém

chết cộp. Nơi cộp chết mọc lên một cây, trái nó thì xấu xí, dữ dằn, gai góc, nhưng múi thì ngọt thơm như sữa mẹ.

Ba đứa ngồi nhìn ra vườn sầu riêng, ban trưa đứng gió không nghe tán lá rì rào những câu chuyện của thời xa xưa. Chỉ có tiếng ve ran một giọng đơn điệu, hời hợt, nghe một lúc đủ nhàm chán và quên đi. Những cái tiếng ve quen tai ấy bỗng ngưng đột ngột, khiến cho khu vườn chìm hẳn vào một sự im lặng bí hiểm. Rồi cũng hết sức bất ngờ, một tràng ve- ve- ve lại rộ lên, làm giật mình cả không gian. Thật là một lũ trẻ con! Lũ ve ấy. Thật tình, tôi chưa hề thấy mặt mũi chúng lần nào. Dân Sầu Riêng như tôi với Liên chỉ biết con ve- vãn- chương mà thôi. An tròn mắt:

- Thiệt hôn? Vậy để mình chăm vài con ve xuống cho mấy bồ coi.

- Chăm ve?

- Bởi vì con ve nó đậu tuốt trên cây cao lắm, mình phải lấy một cây sào dài. trét mủ mít ở ngọn sào, đưa lên khéo léo, in vô con ve, cánh ve dính mủ mít, thế là hết đường bay. Bắt ve xuống đặt ngón tay lên nó, nghe nó kêu ve ve cũng vui. Hồi nhỏ mình hay chơi vậy lắm.

Chơi vậy cũng hơi ác. Nhưng tại tôi vẫn lấy sào ra vườn mít. Hình như cây mít cũng có một sự tích thì phải. Cuối mùa sầu riêng, mít tố nữ mới

chín. Bây giờ cây nào cũng đùm những trái bám kín thân cành. Trái con xanh, mủ rịn ở cuống như dòng sữa trắng.

- Một hôm biên cương bị xâm lấn, trai tráng đều theo lệnh vua lên đường. Quê nhà chìm trong khói lửa. Người vợ trẻ cũng bỗng đưa con thơ theo chồng trong đoàn quân. Quân truy đi, qua sông, qua núi. Người thiếu phụ bị tụt lại, lạc trong rừng. Khi đoàn quân quay lại tìm thì thấy người mẹ đã kiệt sức, ngồi chết khô dưới một gốc cây, nhưng đứa con trong tay vẫn còn sống, đang bú mẹ. Người ta gỡ đứa bé ra, từ vú mẹ vẫn rỉ rả những giọt sữa nóng hổi ngọt ngào. Thiêng liêng thay dòng sữa. Khi dòng máu đã ngừng chảy trong thân mẹ, dòng sữa vẫn chảy để nuôi con. Khi giặc tan đoàn quân trở về. Qua nơi người mẹ yên nghỉ, người cha dắt con đến gốc cây để tưởng niệm. Cây giờ đã mang trái đầy cành, chín thơm lừng. Khi bứt trái khỏi cành, nơi cuống ứa ra giọt mủ trắng như sữa. Người ta bèn đem cây về trồng khắp nơi, gọi là mít, tức là cây "mẹ".

Vườn mít rậm hơn vườn sầu riêng, trồng cây chen với chôm chôm, bồn bon. Cau mọc bờ mương thẳng tắp và cao vun vút. Chúng tôi vác sào đi trong vườn, ngược mặt nhìn lên những thân cây tìm các chú ve kim khéo hoá trang. Tôi nhìn mãi mà không sao tìm được con gì bởi lẽ tôi chưa từng

thấy ve. Làm sao tìm được cái mình chưa thấy bao giờ? Huống gì trong mắt tôi cứ thấp thoáng những đóm lửa đỏ tươi lẩn trong cành lá: những chùm chôm chôm chín, trĩu xuống, quệt vào vai mình, khiêu khích: "Hái tôi đi, ăn tôi đi, thử cho biết, thử xin chứ không phải của dóm đâu!" Tôi đành buông mình theo cảm dỗ, thí mặc cho Liên với An bắt ve. Hai đứa bỏ tôi dưới tán cây chôm chôm Java. Tôi cũng không lấy đó làm buồn, cứ ung dung bứt từng trái một mà nhâm nhi.

- A, ngộ ghê ta!

- Dễ thương quá há?

Căn cứ vào tiếng kêu của chúng nó, tôi đoán một chú ve đã sa xuống địa ngục. Liên rẽ lá, hí hửng chạy đến chìa cho tôi xem. Một con vật bé xíu, to hơn con ong một chút, đang rên rỉ trong mấy ngón tay trắng trẻo, sơn móng hồng. Tôi ngắm chú ve sâu ngụ ngôn một hồi, mà không khám phá được điều gì hay ho cả nên chán nó ngay.

Trời ngả về chiều, gió nổi lên. Khu vườn thức giấc ngủ trưa, bắt đầu xôn xao trò chuyện. Cành lá ngã vào nhau, chạm nhau, chào nhau, dựng nên một thế giới động vật hết sức sống động. Tôi mắc võng trong vườn đu đưa. Trong tâm mắt tôi, bầu trời mở ra, thăm thẳm xanh bên trên những ngọn cau cao vút, tán lá loè xoè, bị gió đu cho ngã ngửa, buồng trái đu đưa. Quanh tôi có lúc chợt hoàn

toàn yên ắng, đến nổi, bông cau rơi xuống nhẹ nhàng, chạm mặt nước mương phẳng như gương, không gợn được tí sóng nhỏ. Hương cau thoảng đưa ngan ngát, hoà với hương trầu tươi nồng nàn. Tôi nhắm mắt lại, tưởng như được sống trọn vẹn ở thời xa xưa, thuở sự tích cây cau chưa được truyền tụng. Thuở chiều chiều Lang Tân còn vác lưỡi cày bằng đồng lên vai, thong thả bước về nhà. Đến ngõ ngang nghe tiếng cười nói nũng nịu của vợ với người em song sinh của chàng là Lang Thứ vì ngỡ là chồng. Để cho hạnh phúc của anh chị được trọn vẹn. Lang Thứ lặng lẽ ra đi. Đến bờ suối nọ, chàng gục xuống hoá đá. Ai biết được nỗi lòng của chàng, mà tảng đá vôi kia, trông thì bạc phếch, nhưng tèm với trầu cau, ăn vào lại cay nồng, son thắm.

- Thưa cậu.

- Bay về hồi nào vậy?

Tôi mở mắt ra sống lại thế kỷ hai mươi, nghe bên kia cành lá, tiếng An trò chuyện với một người đàn ông.

- Thưa, cháu với hai người bạn mới về chơi hồi sáng. Người đàn ông hiện ra cùng với An. Tôi đứng dậy chào, An giới thiệu:

- Cậu Hai, đây là bạn cháu.

Cậu Hai nhìn tôi từ mắt cho đến gót chân với ánh mắt đánh giá, ước lượng, làm tôi khó chịu.

Xong, ông quay ra nhìn Liên cũng từ móng chân cho đến tóc. Không nhất thiết phải kỹ càng như vậy, chỉ cần nhìn một trong ba đứa tôi là đủ. Người ta nói "cá mè một lứa" mà. Tôi và Liên bèn đưa mắt quan sát lại ông: tóc muối tiêu, mặt khắc khổ, mặt nghiêm, người hơi gầy, nên có vẻ dong dỏng cao, mặc sơ-mi đã cũ, quần tây cũng cũ, màu xanh như quần bộ đội và đôi dép râu!

Nhưng ông ta không quan tâm đến hai đứa tôi nữa, quay qua hỏi thăm An chuyện gia đình, công tác của nó. Hai người vừa nói chuyện vừa đi vào nhà. Tôi lại đưa vông, mơ mộng, Liên ngồi bên mương hát tình ca. Tôi ngân nga hát theo. *"Ôi, cuộc sống thanh bình, thời gian trôi êm dịu ..."*

Đêm ở vườn xuống rất nhanh. Trong nhà đã đỏ đèn rồi. Chúng tôi xúm nhau ăn tối. Lúc ra vô nhà bếp để chọn mâm, An nói nhỏ với tôi:

- Để tối nay, mình kể bồ nghe chuyện cậu Hai, hay lắm.

Tôi xem cung cách cậu trong gia đình này thì đoán không phải là ruột rà, nhưng là gì thì chưa rõ, cũng tò mò. Có điều cậu không "hắc" như lúc đầu tôi tưởng. Có lẽ cậu quen nói chuyện với lính, và liệt chúng tôi vào hàng con cháu nên không có những cách đối xử tế nhị mà chúng tôi đã quen ở thành thị. Tôi gọi chuyện cậu cho bữa ăn vui vẻ.

- Cháu có cảm giác mình đang sống trong

chuyện cổ tích vậy. Ở đây từ con ve đến con bửa củi, từ cây mít đến cây sầu riêng, đều có sự tích về chúng. Đúng như câu "nước có nguồn, cây có cội" vậy.

Cậu Hai cầm một cọng rau răm đưa tôi:

- Cỏ ở đây cũng có sự tích nữa. Thí dụ như ngọn rau răm này. Bay có biết câu:

"Gió đưa cây cải về trời

Rau răm ở lại chịu lời đắng cay"

- Hồi học bài "tục ngữ, ca dao" cháu có biết câu đó.

- Vậy giáo sư giảng sao?

- Thầy xếp đó vào loại trữ tình ẩn dụ.

- Có một sự tích.

- Cháu chưa thấy sách nào nói.

- Có người lên rừng làm ăn rồi chết mất xác. Vợ còn trẻ, ba bốn đứa con thơ, mẹ già bệnh tật. Tới hồi con đói kêu khóc, mẹ bệnh rên rĩ xin một hộp cháo rồi nhắm mắt, mà nhà có còn hột gạo nào đâu. Người thiếu phụ trẻ liền đến nhà hương quán vay lúa. Hương quán vuột lưng chị hỏi: "Chồng chết rồi bạn ngủ một mình có lạnh lắm không?" Chị chửi nó, bỏ về, về tới nhà nghe con khóc, mẹ rên, chị không đặt chân vô cửa đặng. Đi loanh quanh trong làng một hồi, lại tới nhà hương quán. Nghe tiếng nó cười, chị sôi gan bỏ về. Năm bảy lần như vậy, cuối cùng chị bậm môi vô nhà nó. Đột thúng lúa ra, nghe

hàng xóm chê bai, chị cúi gằm mặt về nhà, nước mắt rơi ướt hai vệ đường, tưới cho một thứ cỏ mọc lên, mặt trên lá xanh biếc, mà mặt dưới tím bầm, vị thì cay đắng, mà mùi thì thơm.

Ánh đèn dầu soi ngọn rau xanh xanh, hắt một chút sáng nhợt ra sân. Còn khu vườn thì chìm trong bóng tối. Thình thoảng gió mạnh quạt một vài tàu cau. lẩn theo tiếng ve có tiếng rí rí hùa theo của côn trùng, chốc chốc điểm vài tiếng "quênh quang". Không nghe rõ tiếng Liên nói câu gì đó mà cậu Hai bật tiếng cười rồi thong thả cuộn một điếu thuốc lá to như ngón tay cái. Cậu ngậm điếu thuốc, kê vào ống khói đèn dầu châm lửa, bập bập mấy cái, hít vô rồi thổi ra luồng khói làm mờ cả mắt cậu.

- Bay thuộc cái lớp người, sinh ra thì đất nước không còn một thành Tây nữa, lớn lên thì chuyện đánh Mỹ cũng đã xong xuôi. Chuyện ông bà kể lại thì bay có nghe, cũng như nghe chuyện cổ tích. Tao nói dài dòng ra, bay tưởng tao nói chính trị. Thôi khuya rồi, bay dọn dẹp ngủ đi. Tao về đây.

Cậu chào bà rồi đi ra. Vườn tối thui, cậu rẽ lá rồi khuất sau mấy cành cây còn rung động. Câu chuyện về cậu Hai, An kể lúc tối đã chui vô màng, mền kéo tới cầm, yên trí sẽ được ru bằng một chuyện cổ tích nữa.

- Hồi giải phóng, mình mười tám tuổi, sau

mười năm theo cha tản cư sống ở Sài Gòn, mình về thăm bà ngoại lần đầu vài ngày sau khi hoà bình. Cảnh cũ thời thơ ấu của mình đã khác nhiều với hiện tại. Mình vừa đi vừa ngắm. Đến gần ngõ vô làng, mình thấy một ông giải phóng bông xăm xăm đến chặn đường mình. Hết hồn hết vía, mình cũng không nhớ được gì với gì đã xảy ra. Đại khái ông hỏi mình một lô câu hỏi về tên tuổi, cha mẹ, quê quán, ông bà, dì, cậu, họ hàng ... Mình cứ tưởng quân quản trong xã ra bắt người lạ mặt, trả lời rập rập như đáp khẩu cung:

- Dạ, thưa ông ... Dạ thưa ông ...

Ông ngắt lời mình:

- Cháu gọi là cậu. Hồi cậu đi chưa có cháu nên cháu không biết. Nhưng cháu giống má cháu lắm, từ xa cậu đã ngỡ ngợ, đến khi nghe giọng nói là cậu đã chắc chắn rồi. Năm nay cháu mấy tuổi? Mười tám à? Ngày cậu đi, má cháu cũng mới mười tám tuổi như cháu bây giờ, cũng đứng ở cái ngõ này tiễn cậu đi ... Ờ ... má cháu mạnh giỏi, hả?

- Thưa cậu, má cháu đã mất mười năm rồi.

- A!

Tiếng kêu làm mình phải cắn môi. Từ ngày mẹ mất, mình xa luôn quê ngoại tới giờ. Nay mới đặt chân tới ngõ làng, bông gặp người hỏi thăm. Mà sao tiếng kêu "A" đau đớn vậy, hay tại lòng mình suy ra? Người đàn ông chỉ buột miệng được tiếng kêu,

rồi đứng sững người, ngơ ngác, đôi chân mày chau lại, đôi con mắt sáng bỗng xa xôi, mờ hẳn. Thấy ông lặng thinh, không nói gì nữa, mình vội chào rồi đi. Được mấy bước, mình ngó lại thấy ông vẫn đứng đó, gầy gò trong bộ đồ giải phóng đã bạc màu, lấm láp bụi đỏ và nhảu nheo. Ánh mắt ông nhìn mình rất lạ lùng, vừa tha thiết, vừa ngơ ngàng vừa mừng như gặp lại, vừa đau như đánh mắt.

- Thưa cậu, cậu còn dạy cháu điều gì?

- Ô ... không! Dáng đi cũng giống má cháu lắm!

Về nhà, mình kể cho ngoại nghe những chi tiết của cuộc gặp gỡ. Ngoại ngẫm nghĩ hoài, không biết là ai. Tính tới họ hàng xa nhất, cũng không có cậu nào như vậy cả. Cuối cùng, bà nghĩ ra. Bà ngồi thử rất lâu, chuyện xa xưa trở về lần lượt trên mấy đốt tay bà tính. Mắt rơm rớm bà kể lại rằng:

- Láng giềng có ông Sáu Vàng Ròng, tên vậy chứ cũng là người phát rầy như ông ngoại. Vàng Ròng là nói đức tính con người, chứ không phải của cải. Ông Sáu góa vợ sớm, có mỗi cậu con trai là cậu Hai Điền. Năm đó ông Sáu mang trâu cau qua nhà hỏi má mình cho cậu Hai, định cuối năm thì cưới. Xảy đâu cách mạng mùa thu. Cậu Hai đi theo anh em chúng bạn từ bấy đến giờ. Má mình đợi chín năm, rồi hai năm nữa. Con gái có thì, thấy má xấp xỉ tuổi ba mươi mà cậu Hai đi không biết bao giờ về, ông ngoại đành gả má cho ba

mình. Bây giờ cậu ấy về, sau ba mươi năm. Đúng cái ngô xưa, cũng đúng giọng nói, dáng đi, đúng cả tuổi mười tám xuân phơi phới ... nhưng người đứng đây tiền người đi ba mươi năm trước bây giờ không biết người trở về là ai. Thời gian tuy vô hình, vẫn khẳng định hiện diện của nó một cách tàn nhẫn. Để giành lấy một điều: Độc lập - Tự do, cuộc chiến đấu đã kéo dài bằng một thế hệ.

Giọng An trầm xuống nhỏ dần rồi lắng vào tiếng đêm dứt chuyện. Vậy mà tôi vẫn chưa được ru ngủ. Gió xô cánh cửa khi bung ra khi đập vào. Tôi nhòm người nhìn ra vườn theo hướng lúc này cậu Hai vừa đi khuất. Nơi đó có cây cau thời Hùng Vương, cây sầu riêng thuở khai hoang mở đất, cây mít thuở giữ nước đánh giặc ... Cành lá trong đêm tối đen, gió đập vào nhau nghe lạt sạt. Không biết sáng mai này có cây gì sẽ mọc lên, để kể cho người sau đèn vườn cổ tích này, sự tích mùa thu.

NGÀY XƯA NGÀY XƯA

Nguyễn Quang Lập.

Kính tặng ngày nay.

Rốt cuộc ông đã bật nảy được hai hòn đá lớn, một vuông một tròn, nằm kẹp chặt cái hũ gạo nhỏ như quả bầu khô đã hơn hai năm nay. Khi hòn đá thứ hai vừa chồm nảy lên, cái đòn bẩy kêu răng rắc, ông cảm thấy xương vai ông rạn vỡ, nó cũng kêu răng rắc. Ông sùi bọt mép. Ông rướn lên, rướn lên... "một, hờ- hai!", ông nghiêng răng rướn lên, rướn lên... Hoặc mau hoặc nước mắt hoặc xác tám vạn con đôm đốm chảy thành dòng trên mặt ông. "Thì đây này! ..." ông gầm lên. Thốt nhiên ông thấy ớn lạnh, rồi nóng rực, rồi chẳng thấy đau đớn nặng nhọc gì nữa hết. "Rầm!" A ha, hòn đá đã thua ông, nó nặng gấp chín chục lần thân xác ông mà thua ông!

Ông không nhớ vào những tích tắc hòn đá

chịu thua ông trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa ông và nó ròng rã một năm trời - kể từ ngày ông phát hiện ra cái hũ gạo dưới xác nó - ông đã bay lên theo đòn bẩy hay nằm vật xuống bên hũ gạo. Mãi đến sáng hôm sau ông mới tỉnh dậy và kinh ngạc thấy ba mươi chín lon rượu gạo đang tràn trề trên bộ ngực dính đầy máu của mình. Ông vốc một nắm gạo lên ngẫm, ông ngẫm say sưa tuy chẳng thấy gì cả. Ông bị mù. Hai tròng mắt đã bật khỏi hố mắt của ông năm 1968 do một quả rốc-kết "không lực Hoa Kỳ" phóng thẳng xuống suýt nữa đã làm ông tan xác. Năm đó ông bốn mươi tuổi. Người làng Mũi nhất loạt gọi ông bằng "anh" vì ông là người độc nhất trong làng đến tuổi này vẫn không vợ. Đúng hơn, ông có số "sát vợ". Thật kinh khủng, ba người đàn bà đều bỏ mạng sau khi lấy ông được ít lâu. Người thứ nhất ăn ở với ông được mười ngày vào rừng lấy củi bị rắn độc cắn chết. Người thứ hai được ba tháng, sảy thai băng huyết, lặng lẽ nhắm mắt trong khi ông chạy băng qua mười chín quả đồi về một xóm giáp đồng mời thầy thuốc. Người thứ ba run rẩy xà vào vòng tay của ông, sống ru rú bốn tháng ròng rã trong nhà, cuối cùng vẫn không tránh được tai họa: chị đã chết ngồi bên bếp lửa, không rõ vì bệnh gì. Từ đó, không có người đàn

bà nào dám bén mảng đến với ông nữa dù ông nổi tiếng là người hiền lành và khoẻ mạnh. Từ ngày ông bị "lũ đánh mù mắt", ngày nào cũng giống ngày nào, ông ngồi bậc cửa ngóng ra đường để tìm kiếm một cái gì đó, một người nào đó, một con gì đó ... Đây là người làng Mù đoán vậy. Thực ra ông chẳng tìm kiếm gì hết, ông ngồi vậy để hoài nhớ cái hồi mắt ông còn sáng, một cuộc tổng kiểm ký ức kéo dài hàng năm trời. Ông nhớ cái thung lũng nằm kẹp giữa hai đỉnh núi lớn, nơi làng Mù đang sống, là do một người tên Mù tìm ra vào năm 1914 năm đói rách nhất của tổ quốc ta. Đầu tiên là một người, sau hai tháng là chín người, sau bảy tháng là hai mươi chín người. Người thứ hai mươi chín là ông. Năm đó ông mười bảy tuổi. Hai mươi chín người tha phương cầu thực bỗng vớ được một miếng đất tốt chưa ai biết, chưa có trong lục sao địa bạ của chính quyền. Họ mừng rỡ, rủ nhau lập làng sinh sống. Rồi lấy nhau. Rồi sinh con đẻ cái. Lớp con cái lớn lên lại yêu nhau, sinh con đẻ cái. Cứ thế, cứ thế ... cho đến bây giờ. Chỉ có ông là bị đẩy ra ngoài cái vòng quay sinh tồn ấy. Khi tất cả làng Mù đang ra sức chống cự với cuộc chiến tranh từ trên trời rơi xuống để bảo vệ giống nòi thì ông ngồi ở bậc cửa lạng lẽ ngóng ra đường, âm thầm tìm kiếm

những mảnh vụn ký ức bốn mươi năm từ khi ông có mặt trên đời. Chiến tranh đã rơi xuống hết thảy các cánh rừng. Hết cánh rừng này bốc cháy, lại cánh rừng khác ... Khi làng Mù bị bóc hết lớp "ngụy trang" cuối cùng, trơ ra như một miếng thịt mỡ giữa cái mâm nhẩn thín thức ăn, thì hy vọng "được sống đến ngày mai" coi như chấm dứt. Thời gian sống của họ đầu tiên được tính bằng tháng này tháng kia ... Sau, tuần này tuần kia ... Sau ngày này, ngày kia ... Cuối cùng là sáng, trưa, chiều, tối. Phải đến lúc này mới có người đàn bà thứ tư tìm đến ông, tìm đến ông chứ không phải ngược lại. Chị là người đàn bà táo tợn và ngoa ngoắt có một không hai ở làng Mù. Khi chị sẵn sàng dẫm "vật hy sinh" của mình vào mặt bất cứ ai. Vì thế chị chưa có chồng, và chắc chắn sẽ không bao giờ có chồng, nếu không dùng dùng đến gỗ của nhà ông tối hôm ấy. Tối hôm ấy là tối thứ chín mươi sáu làng Mù có người chết. Một trận bom quyết liệt từ bốn giờ chiều đến bảy giờ tối đã đưa con số tử vong dân làng Mù lên tới một trăm mười tám người. Như vậy, chỉ còn chín mươi ba người nữa. Không có cách gì thoát được cái chết - đó là nỗi bất hạnh khủng khiếp nhất mà tất cả phải nhận lãnh. Đã nhiều lần, nhiều người tìm cách thoát ra khỏi "toạ độ máu" này bằng cách chạy tới một vùng khác nhưng tất thảy đều không

thành: hoặc gục chết trên đường bỏ chạy, hoặc không sao vượt qua vành đai đạn lửa bao bọc quanh làng, buộc phải quay lui. Cuối cùng người ta cay đắng nhận ra: làng Mùi là nơi an toàn nhất giữa một vùng đất trắng, tại đây con người có hy vọng kéo dài thời gian sống của mình được lâu nhất so với những nơi khác. Thế là không ai bỏ chạy nữa. Họ ở lại, và mỗi người đều thấp thỏm cầu mong mình được đứng cuối danh sách chín mươi ba người do thần chết điểm danh. Họ coi đó là hạnh phúc cuối cùng của đời họ. Chỉ có ông là không thềm đếm xia đến cái danh sách khủng khiếp kia. Ông vẫn ngồi ở bậc cửa ngóng ra đường, âm thầm hoài nhớ những kỷ ức xa vời về cái thời trông - thấy - được của ông. Đã từ lâu ông mắc bệnh bất mãn trầm trọng đối với cuộc sống. Thế rồi chị đã đến, tối hôm ấy chị đã gõ cửa nhà ông. "Bác Thiệt!" - Chị kêu khẽ và thốt nhiên hai tai chị nóng bừng. "Cái gì?" - Ông hỏi, mắt vẫn ngóng ra ngoài đường. Chị run lên, mặt mày đỏ tía và vùng té chạy. Chị bứt ra khỏi nhà ông với một tâm trạng không thể phân tích rành mạch được: vừa xấu hổ cho mình là kẻ vô duyên, không đứng lại lên gạ lấy thằng mù: vừa ân hận nghĩ mình là con hèn, "hắn ta" đã làm gì mình đâu mà bỏ chạy? vừa cay đắng cho thân phận của mình, chưa bao giờ nghe "bọn đực" tán tỉnh một câu để đến giờ phải

đến biểu không cho "thằng sát vợ". Chị chửi rửa mình. Lần đầu tiên chị chửi chị. Xưa nay chị chỉ chửi người ta, chửi hết lượt, nhưng chẳng sợ ai. Người ta cũng chẳng thù ghét gì. Hình như mọi người đều hiểu rõ là sự trấn áp nỗi sợ hãi của chính chị khi đã gần bốn mươi tuổi vẫn "thân cô, thế cô". Chị chạy rối mù trong đêm tối cho tới khi có tiếng khóc lóc thảm thiết của mười sáu gia đình có người thân chết vì trận bom ban chiều bỗng vang lên rền rĩ một góc làng khiến chị đứng sững lại.

- Cái chết!

Chị rùng mình, đứng ngơ ngẩn giữa đường làng. "Đồ ngu!" - Chị lại kêu lên và quay gót. Chị chạy vù về nhà ông. Chị đứng bên bậc cửa nói liên miên như mê sảng. Chị chẳng hiểu chị nói gì nhưng ông dần dần hiểu ra, Ông kinh ngạc, "nhìn" chị, "nhìn" mãi cho đến lúc chị tự nhiên im bật, trân trố nhìn ông thì ông khẽ thở dài, lảng lảng tiến về phía chị. Họ đứng áp ngực vào nhau trong đêm tối. Bốn xung quanh là những con đom đóm lập loè, xa hơn là những đám lửa cháy rừng kéo dài, ngoằn ngoèo như những con rồng lửa. Họ tì vào nhau giống hai thân cây còi cọc bị bật rễ qua một trận bão lớn. Không ai nói với ai, không ai nhìn ai ... Cuối cùng là những giọt nước mắt của ông, một kẻ "sát vợ", rơi xuống cổ chị từng giọt một cho tới khuya.

Lệ, tên của chị - người đàn bà thứ tư, cuối cùng cũng bỏ ông mà đi. Bỏ đi, chứ không chết như ba người đàn bà trước, sau khi sống với ông trọn vẹn được hai năm. Nhưng ông không biết điều này, cho đến bây giờ ông vẫn tin chị đã chết.

Đó là buổi chiều vào cuối năm 1972. Ông xách vài chục cái trúm (một dụng cụ bẫy lươn) lần mò xuống một con suối nhỏ về phía Tây làng Mũi. Từ ngày ông bị mù, đây là công việc duy nhất ông thực hiện được có hiệu quả kinh tế cao. Mỗi đêm ông bắt được vài chục con lươn, ăn uống thoải mái còn bán được dăm đồng. Khoảng ba giờ chiều là ông xách trúm đi, sáu giờ chiều ông mò tới bờ suối, đặt xong trúm khoảng chín giờ đêm, mò về tới nhà vừa đúng nửa đêm.

"Lươn là lươn to này ... (ia) ... Lươn là lươn dài này ... (ia) ..., ta bỏ vào trúm, ... (i a) ... xách về cho vợ ta nhai ..., ... a ha ha ha!"

Ông hát say sưa bài hát do ông bịa ra cho chính nghề của ông. Không có nhạc sĩ nào dư sức lại sáng tác cho cái nghề bẫy lươn của ông. Vậy thì ông tự sáng tác lấy, a ha, hay ra phết, càng hát càng thấy hay. Buổi chiều hôm ấy ông cũng hát như vậy trong khi lần dò tới bờ suối. Vừa đặt xong được cái trúm đầu tiên thì làng Mũi ầm ầm tiếng bom nổ. Ông dòng tai nghe nghĩ thầm: "Lần này không biết đến lượt ai?"

Ông khẽ thở dài đưa tay giụi mắt. Mỗi lần đau đớn một việc gì ông thường làm vậy. Sau cái giụi mắt, nước mắt ông túa ra lấp đầy hai hố mắt, ông đưa lưỡi liếm cẩn thận từng giọt nước mắt chảy xuống, đau đau ngóng về làng Mũi chỉ còn bảy mươi một người nữa, sau trận bom này sẽ còn lại bao nhiêu? Tiếng bom kéo rê quanh làng, đột ngột im lặng, rồi bỗng vang lên chấn động cả một vùng. Hơn một giờ sau tiếng bom tắt hẳn, chỉ còn lửa cháy sáng rực. Rất nhiều nhà bị cháy. Kể cả nhà ông, từng quãng lửa tung lên trời, hết lớp này đến lớp khác. Không nom thấy ngọn lửa đang thiêu cháy làng Mũi ông cho là yên bình trở lại. "Không biết bây giờ đến lượt ai?" - Ông lắc đầu. "Thôi thì đến lượt ai cũng vậy ... biết làm sao?" Ông tiếp tục đặt trúm dọc con suối. Ông hát, hát say sưa, thỉnh thoảng ngửa cổ lên cười một chập rồi lại hát. "Rốt cuộc cũng đến lượt ta thôi. Rốt cuộc sẽ gặp nhau dưới âm phủ tất cả!" - Ông ngửa cổ cười ha ha, giụi mắt một cái lại cười ha ha ha...

"Lươn là lươn to này ... (ia) ... Lươn là lươn dài này ... (ia) ..., ta bỏ vào trúm, ... (i a) ... xách về cho vợ ta nhai ..., ... a ha ha ha!"

Ông quay về làng, vừa đi vừa hát. Ông thấy khét, khét quá, càng lùi sâu vào làng càng thấy khét. Đầu tiên là mùi khét bom, sau là mùi khét

nhà cháy, sau nữa là mùi khét của xác chết ...
Hình như vậy.

- Lẹ ơi!

Ông kêu to. Không một tiếng đáp. Ông lao nhanh vào nhà và bị ngã xấp bởi một thanh gỗ cháy dở ngáng ngang lối đi, hai tay dúi vào một đồng tro nóng rực.

- Lẹ ơi!

Ông chạy đi chạy lại, chạy đi chạy lại, run rẩy quờ quạng khắp nơi. Nhà ông bị cháy và Lẹ không lên tiếng. "Thế là đến lượt cô ấy"....

- Chết ... tất cả ... rồi!

Ông gục mặt xuống vệ cỏ đường làng, ôm mặt khóc rưng rức. Một tiếng cú đột ngột vang lên. Ông gượng dậy, lại một tiếng cú. Một tiếng cú nữa. Ông gào lên thảm thiết hai tay chơi với giữa trời. Tiếng cú vẫn vang lên như tiếng chuông cầu nguyện của rừng ...

... Lẹ không chết. Bảy mươi một người còn lại của làng Mùi không ai chết. Họ đã được bộ đội cứu thoát và đưa đi trên hai chiếc xe giải phóng. Khi đó ông đang đứng bên bờ suối cùng với những cái trúm bấy lươn. Bộ đội từ đường 15 đã phát hiện ra một xóm nhỏ nằm giữa thung lũng hẹp đang bị bom vùi. Họ lao vào, lôi từng người một ra khỏi đám cháy. Lẹ được một người lính bế xốc lên vai chạy. Chị bị thương ở ngực và đùi, máu phun

ngược từng tia lớn. Bảy mươi một người được dồn lên thùng xe. "Còn ai nữa không" - một người hỏi. "Hết" - một người trả lời. "Chạy" - một người ra lệnh. Hai chiếc xe Giải phóng lao âm âm xuống dốc. Làng Mùi trước mặt mọi người là những ngọn lửa cao vọt lên trời. Lẹ tỉnh dậy sau ba giờ xe chạy, chị lơ mơ nhớ ra ... "Chồng tôi đâu? " - Chị kêu to - "Chồng tôi, hả? Chồng ... tôi ...". Không ai trả lời, hoặc có người tả lời mà chỉ không nghe thấy. Chị lịm đi, chỉ còn nhớ mình khát quá, khát không thể nào chụi được. Chị chợt thấy có một con suối chảy trong veo, tràn qua ngực mình. Con suối nhiều nước quá, nước ngập tràn, ào ào chảy và những cái trúm đầy lươn cứ dập dềnh, dập dềnh ...

Vào lúc đó, chồng chị đang lê lét khắp làng, ôm mặt khóc rưng rức.

Ba mươi chín lon rưỡi gạo, mỗi ngày ăn nửa lon, vậy là ông sẽ sống thêm ít nhất bảy mươi tám ngày nữa. Ông mỉm cười. Bây giờ trăng đã lên, ông nhận thấy bằng cảm giác rân rân, mát lạnh ở hai thái dương. Những lúc lòng ông yên tĩnh nhất, hai thái dương còn cho ông biết mặt trăng đang nằm ở hướng nào, méo hay tròn. Vậy mà ông cảm giác được ngày và đêm. Ngày và đêm, lại ngày và đêm... ông sống đơn độc giữa thung lũng này. Cứ qua mười ngày, ông lại tìm một cái cọc cắm sâu giữa sân nhà. Đã bảy mươi chín cái cọc được cắm

xuống, vậy mà không có ai tìm đến ông, dắt ông ra khỏi vùng rừng hoang vắng này. Bảy mươi chín cái cọc, nghĩa là thiếu và cái cọc nữa sẽ chẵn hai năm. Ôi chao, hai năm! Ông đã trụ được hai năm! Trên thế gian này hỏi ai như ông? không có! Không thằng đếch nào được như ông hết! Ông ngửa mặt cười ha hả ...

Cái cọc đầu tiên được cắm xuống là ông nhớ nhất. Đó là mười ngày lạ lùng của đời ông. Ngày thứ nhất, ông ngồi ôm mặt khóc cả ngày, lúc lúc ông bật dậy chạy như điên, hét vang rừng. Ngày thứ hai, ông im lặng chờ chết. Sống không có người hỏi sống có tích sự gì nữa? Ông ngồi trên một tảng đá cao, chờ máy bay tới. Một quả bom sẽ xé tan xác ông. Thế là hết, chấm hết. Coi như xong một đời người, coi như xoá tên năm dòng họ giữa thung lũng này. Ông là người chứng kiến tất cả cái chết người làng Mùi, giờ đến lượt ông. "Bố mày đến lượt đây này, bố đế quốc Mỹ!" - Ông gầm lên. Nhưng máy bay không tới, hôm đó là ngày yên tĩnh - không có tiếng máy bay, cả tiếng ô tô bộ đội chạy trên đường 15 cũng không có. "Mẹ khi! Cái gì muốn đều đếch được" - ông cười gằn. Ngày thứ ba, ông quyết định sống. Chưa nghĩ ra lý do sống để làm gì nhưng ông quả quyết chờ chết là kiểu chờ đợi ngu nhất. "Thôi bỏ mẹ tôi rồi, suýt

nửa bỏ mạng" - ông hét toáng lên và tung tăng đi mò gạo nấu cơm. Nhà ông bị cháy, hãy còn hũ gạo mười hai lon chôn dưới gốc đào. Ông moi lên, nấu đầy một xoong to, và ăn. Ông ăn cả ngày, vừa nhẩn nha nhai cơm với muối rang vừa nghĩ ngợi lung tung, chưa ra đầu cua tai nheo gì hết. Cuối cùng ông quyết định: sống, nghiền răng mà sống, chờ người đến đưa về đồng bằng. Đường 15 không xa, nhất định bộ đội sẽ phát hiện ra ông. Ngày thứ tư, ông lò dò tìm đến từng nhà trong làng, gom từng lon gạo rơi vãi ra về. Ông nhận định: sẽ còn lâu bộ đội mới tìm ra ông, vậy phải "dự trữ chiến lược". Bốn ngày sau đó, ông liên tục đi tìm gạo, muối và tất cả những gì có thể nhai được về chất đống trong túp lều của ông vừa mới dựng tạm "để bò vào bò ra" bằng các mảnh tranh, tre sót lại sau đám cháy. Ngày thứ chín, ông chợt nhận ra: hình như máy bay không còn oanh tạc nữa, hình như đã bốn ngày nay không còn tiếng máy bay, có lẽ vì mãi tìm nguồn "dự trữ chiến lược" mà ông không để ý. "Ồ nhỉ, ngay cả tiếng ô tô trên đường 15 cũng thưa thớt hẳn" - ông nghĩ thầm, hồi hộp chờ đợi ... Ngày thứ mười ... chao ôi, cái ngày thật đáng nhớ. Buổi sáng, ông trở dậy, đi ra ngõ dòng tai lên nghe. Ông đứng im phắc hàng giờ liền, chờ đợi ... Không có tiếng

máy bay vẫn không có tiếng máy bay! "Hay là hết chiến tranh?" - Ông run lên. "Có thể lắm chứ! Có thể lắm chứ!" - Trống ngực ông đập thình thịch, mồ hôi chảy đầm đìa ngực áo. Ông sợ cái điều vừa phát hiện bỗng chốc biến mất. Kiên nhẫn lắng nghe thêm vài giờ nữa, khi đã hết mức chịu đựng, ông hét lên: "Hoà bình! Hoà bình! Hoà bình! Ôi cha mẹ ơi! ..." Ông vừa chạy vừa hét: "Hoà bình rồi, bà con làng nước ơi! Lệ ơi! Lệ ơi! ..." Rồi bất thần ông đứng khựng lại, từ từ quy xuống, ôm mặt nghẹn ngào: "Bà con ơi, Lệ ơi ... sao không ai gắng sống thêm mười ngày nữa ..."

Đến sẩm tối, ông bàng hoàng nhận ra chính mình đang gặp phải bất hạnh mới. Ở nhĩ, nếu hoà bình thật thì ... gay! Gay to rồi! Đường 15 sẽ không có ai lên. Và chẳng ai đến thung lũng này làm gì nữa, tất cả sẽ nhào về đồng bằng để kiếm sống. Vậy là chỉ mình ông thôi, mình ông sống vật vờ ở đây cho đến ngày hết số lương thực "dự trữ chiến lược". "Bỏ mẹ tôi rồi!" - Ông kêu lên đau đớn...

Quả đúng như vậy. Đã hai năm rồi vẫn không có ai lên, số lương thực "dự trữ chiến lược" đã cạn gần hết. Thần chết đang đuổi bắt ông từng ngày một. Làng Mũi đã biến dạng không còn làng nữa, chỉ còn vùng đất bằng đầy cỏ tranh và những cây

dẻ non mọc rậm rịt. Những con thú nhỏ đã tìm về sinh sống. Đôi khi có những bầy lợn rừng kéo nhau qua mặt ông, đôi khi có vài con rắn trườn qua bụng ông vào những giờ ngủ ... Đã nghe tiếng mang tác mỗi ngày mỗi gần, và sau đó là tiếng hổ, thỉnh thoảng có tiếng hổ gầm lên ghê rợn ở phía con suối nằm xéo phía tây làng Mũi. Nhưng mọi sự hăm dọa của súc vật không làm ông sợ hãi bằng nỗi cô đơn khủng khiếp mà ông đang chịu đựng. Ông nhớ đời sống làng Mũi, nhớ phát điên lên được. Nhớ ông Sạc sút mũi hay ca vông cổ, chị Tim tâm thần hay đứng một mình. Thằng Hy hay ăn trộm gà hàng xóm, mụ Xanh "chúa" chữa hoang ... và Lệ, người đàn bà táo tợn, có một không hai ở làng Mũi. Khi nổi xung Lệ sẵn sàng dí "vật hy sinh" của mình vào mặt bất cứ ai. Thế mà ông đã yêu chị, yêu đến phát cuồng mỗi bận bế thốc tấm thân nóng rực ấy lên mà hôn mà cắn mà run bắn... Tất cả đã chết, chỉ còn ông. Bảy mươi chín cái cọc đã cắm lên ghi dấu sức chịu đựng về nỗi cô đơn của ông.

Một đêm, ông nằm mơ thấy có đến hàng vạn người chạy ào ào từ đồng bằng lên đây tìm mình. Họ vừa chạy vừa đồng thanh hô lớn: "Cứu lấy ông Thiệt! Cứu lấy ông Thiệt! Cứu lấy ông Thiệt! Cứu! Cứu! Cứu! ..." trong đó có Lệ, nước mắt chị chảy đầm đìa, chạy như điên về

phía ông. Ông choàng tỉnh, ngay lập tức tìm cái cọc dài chạy đến hai hòn đá lớn, một vuông một tròn nằm kẹp chặt cái hũ gạo nhỏ như quả bầu khô đã hơn hai năm nay, nhiều lần ông cố sức bật nẩy hai hòn đá ấy lên nhưng không được. Lần này thì phải được, nhất định được, bởi vì ông nhớ người quá. Phải về "đồng bằng", về với mọi người "Một, hờ ... hai". Ông rướn lên, rướn lên ... A ha ha, hòn đá đã thua ông, nó nặng gấp chín chục lần thân xác ông mà thua ông.

Đỗ ba mươi chín lon rưỡi gạo đã rang chín vào ống quần dài quàng lên cổ, một tay cầm con dao phay đã quá cùn, một tay cầm gậy chống, ông hăm hở lên đường. "Về xuôi, phải về xuôi, về với mọi người!" - Ông nhắc đi nhắc lại hàng vạn lần trong quá trình hành tiến về với loài người. Ông là người thì phải sống với người có họa là thằng ngu mới cam chịu sống với súc vật. Đồng bằng ở hướng mặt trời mọc. Ở hướng mặt trời mọc loài người đang sống. Thế thì ông phải đi, chết cũng phải đi. Có cái gì nhai được nữa đâu mà không chết? Vậy thì liều mạng rồi bỏ "xã hội súc vật" là đúng. Nếu chẳng may không về được với loài người thì ông buộc chấp nhận cái chết tốt thôi. Nhờ hai thái dương như hai cái đĩa bần, ông định được hướng mặt trời mọc. Không cần đường sá ông vừa đi vừa bò vừa chui ... Cứ hướng mặt trời mọc mà tiến, dèch sợ!

Ngày đi, đêm nghỉ vì ban đêm hai thái dương không hoạt động được, ông sợ mất phương hướng. Vài ngày đầu ông hơi mệt, mệt và mỏi như chân. Sau, quen dần, ông thấy cái việc "hành quân" này còn sướng gấp mấy ngời co ro ở thung lũng kia mà nghe chim kêu, vượn hót.

"Về xuôi, về với mọi người" - lẩm bẩm đọc thần chú, cầm cổ bước. Ông tưởng tượng mọi người đổ xô ra đón ông như thế nào. Họ từ bốn phương tám hướng chạy đến, kẻ ôm xóc ông, kẻ reo hò, kẻ đứng ôm mặt khóc. Chứ sao, có ai như ông không nào? Trên thế gian không có thằng dèch nào cả gan sống với súc vật hai năm trời như ông! "Tội nghiệp" - mọi người nói. "Một con người dũng cảm" - Mọi người lại nói. "Một con người thật anh hùng!" - mọi người đồng thanh hô lớn. Và reo hò. Và tung hê lên trời. Ông ngửa cổ cười lớn mỗi khi nghĩ đến cái giây phút thần tiên đó. Ông hăng lên, bước bước bước, rồi bò, rồi chui ... liên miên ngày này qua ngày khác ...

Hơn hai tháng sau, ông gặp được đồng bằng, thật không ngờ. Vừa chạm phải cửa rừng ông đã chạy vù vù. "Đồng bằng!" - ông hét lên. "Trời phù hộ tôi". Vứt hết dao, gậy, gạo, ông chạy. Ông bước hụt xuống một thửa ruộng sâu. Lúa! Lúa! "Mọi người"- ông kêu vẳng và ráng sức chạy băng qua

hết thửa ruộng này đến thửa ruộng khác. Khi đã kiệt sức, ông đứng lại thở, vừa thở vừa cười: "Gắng lên! Chỉ vài tích tắc nữa là gặp mọi người thôi mà, gắng lên! ..." Ông thở hồng hộc, cắn răng bước từng bước nặng nhọc. Rồi ông bò, bò như một con bò bị thương lê lét qua từng thửa ruộng cho tới khi ngất xỉu.

Bây giờ một mình ông, lại vẫn một mình ông, ngồi vào một vách lều hát nghêu ngao giữa chợ thị trấn Đ. đã tàn khách. Ông đã về với mọi người và những đám đông tìm đến là những cái chợ. Phút gặp gỡ của ông với mọi người cũng là một cái chợ nằm trên cái cùn nhỏ giữa cánh đồng. Người ta lôi cái xác mềm nhũn, bê bết bùn đất của ông lên giữa chợ. Bao nhiêu người lớp trong vòng ngoài vây quanh ông. Ông tỉnh dậy vừa lúc chợ sắp tàn. Ông nghe tiếng người, bao nhiêu là tiếng người lao xao, lao xao ...

- Mọi người! Ông kêu vang, vùng dậy.

Rồi ông quờ tay: chân người, ôi cha mẹ ơi, chân người! Ông oà lên khóc. Tất cả những ai sa sót lại trong cái chợ sắp tàn đều chạy tới đến chỗ ông.

- Bà con ơi, tôi là Thiệt đây! ... Tôi ở rừng ... hu hu ...

Người ta chen nhau vào nom cho được cái người tên là Thiệt đang bù lu bù loa về một chuyện gì đó mà chắc chẳng ai hiểu gì cả. Còn ông

thì hết ôm chân người này lại quay sang người khác, khóc nức nở. Một vài người đàn bà hét toáng lên, chân giẫy mạnh khi ông ôm chầm lấy ... Họ cười, ôm bụng mà cười ... Ông khóc dữ hơn, vật vờ giữa những bàn chân người. Cuối cùng mọi người cũng đã hiểu ra.

- Bây giờ bác tính về đâu? - Một người hỏi.

- Tôi về với mọi người. - Ông mếu máo.

- Bác tìm ai? Tức là người đó ở đâu, tên gì? - Một người khác hỏi.

- Tôi về với mọi người. - Ông vẫn mếu máo.

Nhiều người bật miệng cười, bỏ đi. Một người đàn ông bực dọc khi nghe ông trả lời như một thằng điên, liền quát:

- Về với ai, thì cứ nói đi, người ta chỉ cho. Mọi người là cái đ. gì?

Cổ họng nghẹn đắng, một lát sau ông gầm lên:

- Tôi không hỏi ai hết! Tôi về với mọi người!

- Ô hô hô ...

Tất cả cười vang, giải tán. Ông chạy quanh, hai tay quờ quạng. Những bàn chân người đã biến mất, chỉ còn gió và những tiếng cú kêu chập chờn trong hoàng hôn. Ông nức nở rũ xuống khóc mãi đến khuya ông mới trấn tĩnh trở lại ngẫm nghĩ? Ngu! Ông ngu quá! Bất chợt ông ngửa cổ lên trời cười ha hả.

Ông tìm về một cái chợ khác, lại một chợ khác

một chợ khác nữa. Bây giờ một mình ông, lại vẫn một mình ông giữa chợ thị trấn Đ, đã tàn khách. Ông ngồi tựa vào một vách lều hát nghêu ngao. Vẫn bài hát đi bấy lươn thuở nào ông đã hát dọc con suối nằm xéo phía tây làng Mùi. Làng mùi đã chết chỉ mỗi mình ông cô đơn giữa cái chợ đã tàn khách. Ông nhớ làng Mùi, nhớ kinh khủng. Nhớ ông Sạc sút môi hay ca vọng cổ, chị Tim tâm thần hay đứng nói một mình, thằng Hy hay ăn trộm gà hàng xóm, mụ Xanh chúa chữa hoang ... Tất cả đã chết. Ông cũng đã chết theo họ. Ông không có mặt trong đời sống bây giờ, bởi vì ông chỉ là cái bóng giữa những chợ đông người. Người ta coi ông như một kẻ ăn xin. Nhiều người thương ông, giúi vào tay ông một củ khoai luộc ... Ông ăn, đói quá thì ông ăn nhưng luôn mồm nói với mọi người rằng ông không phải là ăn xin. Không phải, ông chết rồi, chết rồi, cùng với Lệ - người đàn bà thứ tư và toàn thể dân làng Mùi. Bây giờ ông có mặt giữa cuộc sống dân làng Mùi, một đời sống chấp chờn, lúc ẩn lúc hiện ...

"Lươn là lươn to này ... (i a) ... Lươn là lươn dài này ... (i a) ..."

Bài hát của ông trôi nổi giữa hoang vắng trong đêm tối. Phơ phất những ngọn lá mía khô trên mái lều, ngổ ngàng tiếng chó sủa hờ, vênh váo tiếng ô tô trên đường cái quan ... chừng như muốn bẻ vụn

bài hát của ông. Đôi khi, ông chợt nghe tiếng bước chân rất khê đi quanh ông. "Ai đó?" - Ông ngừng hát, hỏi. Chẳng có ai trả lời tiếng bước chân cũng tắt ngấm. Lại vẫn tiếng hát của ông trôi nổi giữa hoang vắng. Ông hát để tự ru mình: "Ngủ đi, ngủ đi mày, cái thằng ngu ...". Và ông ngủ say sưa cho tới sáng.

Đêm nay cũng vậy, ông đang tự ru mình. Lại có tiếng bước chân. Chắc là người nào đang nghe trộm bài hát của ông. "Mặc bố nó!" - Ông vẫn hát, không thêm dừng lại hỏi "Ai đó?" như mọi khi. Làng Mùi đã chết chỉ còn ông. Trong ông tất cả đã chết, chỉ còn làng Mùi. Tiếng hát ông chìm dần, chìm dưới đáy con suối nằm xéo phía tây làng Mùi đang chảy róc rách qua ngực ông. Chợt có tiếng động khê, rất khê. Ông ngừng hát, đầu nghiêng sang trái. Một bàn tay bắt chợt giúi vào tay ông một nắm tiền: vừa chạm phải ông đã biết đó là một khoản tiền lớn.

- Ai? Ai cho tôi tiền đây? - Ông chớp lấy tay người đưa tiền giữ chặt. Đây là tay một người đàn bà, ông run lên.

- Ai đây? - Ông hỏi và lập tức ôm choàng lấy chân người đàn bà đang cố rút ra khỏi tay ông. Một cái quẫy mạnh, ông ngã ngửa. Người đàn bà bỏ chạy. Ông vùng dậy đuổi theo. Lập tức trông ngực ông đập thình thình:

- Lẹ! Có phải Lẹ không?

Người đàn bà đã chạy khá xa. Ông vừa chạy vừa ngā giúi giúi.

- Lẹ! Lẹ ơi!

- Lẹ!

Ông hét vang vang, lồng ngực ông muốn vỡ tung. Ông chạy, cứ chạy, chạy mãi và rơi vào một cái hố sâu, có lẽ là một hố bom. Ông ôm mặt khóc rưng rức ...

Lẹ - người đàn bà thứ tư - đã bỏ ông mà đi, bỏ đi chứ không chết như ba người đàn bà trước. Bây giờ chị có một tên khác, một nghề khác, một lý lịch khác để lấy một người chồng khác ở ngay thị trấn Đ. này. Chẳng biết vì sao lại vậy. Chỉ biết chị đang chạy trốn ông, vừa chạy vừa khóc. Tiếng ông gọi tên chị vang vang lập tức biến vào đêm tối của mọi người.

Ông bò lên khỏi hố bom, lập cập mò về chợ. "Lẹ, đúng là Lẹ rồi!" - Ông rên rỉ. Đã hai năm ôm ấp nhau lẽ nào ông không nhận ra ...

- Lẹ ơi, sao lại thế? ... - Ông kêu gào thảm thiết. Nhớ đến nắm tiền hãy nắm trong tay mình, ông giơ nó lên cao - "Lẹ ơi, sao lại thế này? ...".

Ông khóc mãi, khuya lắm ông mới ngưng khóc, ngồi tựa vào vách lều ngựa cổ cười gằn. Ông giơ nắm tiền lên, cười miết - "Cái này, cái này đây để tao về với mọi người à? Tiên sư bố nó".

Ông rút bao diêm thủ kín trong ngực áo ra, xòe lửa. Cháy! Tiên sư bố nó! Ông tung nắm lửa lên trời, đứng cười ha hả. Nắm lửa rơi xuống túp lều thứ nhất, cháy! Rồi túp lều thứ hai bắt lửa, cháy! Cháy! Cháy! Ông hoảng lên, cố nhào ra khỏi đám cháy.

- Chợ cháy! Ông kêu to - Bà con ơi, chợ cháy!

Keng keng! Keng! Tiếng keng báo động, tiếng la hét, tiếng kêu cứu, tiếng chân người ào ào ... lao về chợ.

- Dập ngay!

- Phía này! Cát đâu? Nước!

- Nước! Nước!

- Thằng nào đốt chợ?

- Thằng nào đốt chợ?

- Cứu!

- Keng keng! Keng!

Ông nghe rõ tất cả, mồ hôi chảy đầm đìa. Ông bỏ chạy, cầm cổ chạy sấp ngựa trong đêm tối. Sau gáy ông vẫn vang vang tiếng người quát tháo: "Thằng nào đốt chợ?", ông chạy vù vù. Ngày hôm sau người ta không thấy ông ở chợ nữa. Người thì nói ông đã bỏ trốn, người thì nói ông đã bị cháy thành tro cùng với hàng trăm túp lều lá mía.

Mãi đến chín năm sau, mùa hạ năm 1981, tôi theo đoàn địa chất đi khảo sát quặng sắt ở miền tây Quảng Bình, có gặp một cái dốc ngắn, nhiều

đá tai mèo gọi là "dốc vượn mù". Một người trong đoàn kể rằng có một con vượn mù ngồi trên chạc ba cây dẻ ở đỉnh dốc giữa cổ cười suốt ngày. Cười đến ngày thứ một trăm thì rơi xuống chân dốc chết đáng thương như một con người.

THỢ ĐÀO ĐÁ TRUYỀN KIẾP

Ngô Tự Lập.

Hồ nhỏ đã thành hồ lớn, rồi thành ao cạn, còn xung quanh đất cao dần lên mãi, chất ngất lưng chừng trời.

Nhưng dù có cao nữa, tới tận đỉnh trời, thì lão cũng phải đào cho kỳ cùng, phải làm rõ thực hư - bấy lâu nay lão nằm mơ hay tỉnh?

Nếu tỉnh thì mọi chuyện xảy ra lâu lắm rồi, từ khi lão mới ngoài ba mươi, nhà lão chưa bị cuốn đi, còn chỗ này là cây ổi dại, cao ngang đầu người, quả sần sùi như bị mụn cơm, thỉnh thoảng lão buồn tay hái về chấm muối ăn chút xíu.

Đàn ông ngoài ba mươi tuổi chưa có vợ coi như dở hơi. Lão không có tiền cưới vợ, nhưng đào đá ong khoẻ nhất vùng. Lão tưởng chiếc thố⁽¹⁾ có thể làm được tất cả, vì thế vẫn thường tỏ tưởng đến cái lúm đồng tiền sâu như tổ cùng cùn⁽²⁾ trên má

1) Dụng cụ đào đá ong.

2) Một loài côn trùng làm tổ dưới đất.

cô Bồng con gái ông cả Lễ.

Trong làng người ta hay đem lão ra làm trò cười. Nhưng lão chẳng thấy có gì đáng cười. Ủ thì lão quanh năm sù sụ đôi giày lính (bấy giờ còn chưa há mõm). Nhưng đâu phải cứ đi giày là nóng. Cha lão cũng suốt đời đi đôi giày ấy - ông cướp được của Tây hồi theo nghĩa quân Đề Thám. Đôi giày khiến lão lúc nào cũng nhớ đến cha. Rồi cả chuyện lão ở trần cũng vậy. Nghề đào đá ong có khác gì đánh vật, suốt ngày mồ hôi mồ kê như tắm, quần áo dài chỉ tổ vướng. Vả lại, tiền công mỗi ngày mỗi hạ, đến hai bữa cơm độn sắn khô với mắm tép còn chưa đủ, nói gì đến áo với chả quần.

Ngôi nhà một gian hai chái, nằm tách biệt bên kia sườn đồi. Lão nấu cơm trong nhà, uống nước mưa bằng gáo dừa, lát ổ rơm thay chõng. Không biết ngày trước do làm nghề đào đá ong nên cha lão dựng nhà ở đây hay do tình cừ ở gần vĩa đá mà làm nghề ấy. Năm lên mười, mẹ mất, lão cũng bắt đầu cầm cán thố.

Lão không có bạn, nhưng trong làng cũng không ai ghét lão. Thỉnh thoảng lại có người ra tìm, nhờ làm giúp những công việc nặng, tỷ như đầm nền nhà, sửa chuồng lợn ... Lão ngắc ngắc cái đầu. Như thế nghĩa là đồng ý, và vui lắm. Công xá khỏi phải lo, một bữa cơm rượu là xong. dân làng cũng nghèo, thường chỉ có rượu với lạc rang. Lão

không thuộc hạng bợm rượu, bắt quá vài chén con. Nhưng lão thích cảnh khè khà trên chiếu, chân xếp bằng tròn, nghĩa là giống những người đàn ông khác. Không nói với ai, nhưng nếu lâu lâu không thấy người ra lão lại bồn chồn, có ý chờ.

Hôm sửa chuồng bò cho nhà Cả Lễ, lão gặp may. Con gà mái mơ tưởng mất trộm (Bà Cả Lễ đã chõng nạnh chửi độc suốt một buổi chiều) hoá ra bị rù chết ngoài bờ che, kiến bâu đầy, chuột khoét cả hai mắt. Cả đời lão mới được ăn thịt gà một lần, hồi cha mất. Thịt lợn cũng chỉ ngày tết mới dám mua nửa cân bạc nhạc gọi là. Con mái mơ đã già, dai ngoách, nhưng uống rượu hoá lại hợp. Chỉ có thằng Túc lẩn ra sân, khóc vào vạo đến sưng cả mắt. Cô Bồng từ dưới bếp te tái chạy lên dỗ em, cho nó cái chân lỗ chỗ những tổ mò. Đó chính là lần đầu lão trông thấy cái lúm đồng tiền trên má cô Bồng.

Vĩa đá lộ thiên, cách bờ suối không xa. Lão xếp đá thành kiêu, cạnh đoạn hào do cha để lại.. Con đường mòn men theo bờ suối về phía hạ lưu, xuống dốc Côn, nghe nói rồi còn đi xa nữa, ra tận biển. Bấy giờ còn phượng Sò. Lão già chột mắt, giọng the thé, quanh năm bản gắt như mắm tôm. Cứ hai ngày một lần, lão lộc cộc đánh xe bò lên - chiếc xe cũng rệu rã và sặc mùi rượu như chính lão, - chở đá đi bán cho khu mỏ.

Một hôm lão nghe tiếng thằng Túc. Vẫn tiếng khóc hôm con gà mái mơ của nó bị vật lông. Hoá ra nó đi tìm bê lạc. Lão vừa trông thấy con bê ấy lớn vồn dẫu đây. Con bê tuyệt đẹp. mũi hếch, xoáy trên bông mượt như một khóm vậy nà. ⁽¹⁾

Lão bắt giác nhớ đến vị ngọt của thịt gà. Lão bảo:

- Túc, mày có thích ăn bánh đa khoai không?

- Bánh đa khoai như của bà Song bán ngoài gốc đa ấy à?

- Ừ, đừng mà to hơn, có nhiều vùng nữa. Mày thích thì xuống xuôi mà lấy, chỗ hòn đá trắng kia kia.

Mất thằng Túc vụt ráo hoảnh. Nó quên băng con bê lạc, chạy biến xuống chân đồi.

Dĩ nhiên làm gì có bánh đa khoai dưới đó.

Con bê đang nép mình dưới gốc ổi dại. Khi lão túm lấy tai nó, nó tỏ vẻ mừng rỡ, cọ cọ khóm vậy nà vào đầu gối lão. Nó vẫn chưa biết sợ. Lão vung chiếc thố lên. Thậm chí không nghe cả tiếng xương sọ vỡ. Con bê ngã vật xuống đất, bốn chân từ từ duỗi ra, cặp mắt ộc nhồi đau đáu nhìn lão như kinh ngạc.

- Chú Tảo, sao giết bê của cháu!

Tiếng kêu thảng thốt của thằng Túc khiến lão giật mình. Hai tay run bắn, lão từ từ đứng dậy.

1) Một loại rong nước ngọt.

Không biết mặt lão lúc đó ra sao, nhưng thằng Túc vụt nín bật rồi bất ngờ vùng chạy. Lão như bưng tỉnh. "Nó là em cô Bồng" - Lão chỉ kịp nghĩ vậy. Lão chộp lấy chiếc thố, đuổi theo. Thằng Túc không chạy nổi. Nó bò, tay chân cào quấy như bị bông dề. Cái gáy nó bé tẹo, loe hoe những sợi tóc vàng cháy vì phơi nắng.

Trời ơi! Con quỷ nào đã khiến lão trở nên độc ác và khát máu? Đến tận bây giờ lão vẫn không sao quên được hình ảnh thằng Túc nằm sóng soài trên mặt đất, chân tay doãi ra, chẳng khác nào một con chim non bị ném từ cành cao xuống. Máu rỉ ra hai bên mang tai. Chỉ một nhát cán thố đã là quá thừa với nó.

Lão bế thằng Túc lên tay. Người nó mềm và ấm, có cảm tưởng đang ôm một con chó cún. Bây giờ thì chính lão bị bóng dề. Bập bồng như đi trên mây, lão leo ngược sườn đồi, bới đất chôn thằng Túc dưới gốc ổi.

Lão không quên xoa sạch dấu vết trước khi xuống xuôi. Nước lạnh làm người ta bình tĩnh lại. Cỏ và cành khô không thiếu. Lão nhóm lửa ngay cạnh cây ổi. Con bê vẫn đau đáu nhìn. Hai nhát thố sùn sục vào mông nó, giữa khóm vậy nà, lóc ra tảng thịt còn nóng hổi, đỏ lôm, ròn ròn máu. Lão róc một cánh ổi làm xiên.

Khói bốc lên nghi ngút. Dĩ nhiên lão không

biết rằng nó vẫn là thứ khói lửa mà tổ tiên đã nhóm hàng nghìn năm về trước, khi rừng nguyên sinh còn trải ra bạt ngàn hai bên bờ dòng Nhị Hà đỏ ngầu như máu.

Trong sương mù, không gian dần dần ngả sang màu lam sẫm. A ha, nước miếng tứa ra đầy miệng. Lần đầu tiên lão được nếm thịt bò. Lão vẫn nhớ đó là một tảng thịt. Hai hàm răng to khoẻ đầy bọt cắn ngập vào lớp cơ nhún nhún vừa kịp ám khói.

Ngay lập tức lão nôn ộc ra như người say rượu. Mùi gì gây rợn xông lên không sao chịu nổi. Lão ngồi phịch xuống đất. Xung quanh lênh láng mật xanh mật vàng. Lão cảm thấy người lạnh toát, nhom nhóp, ruột gan lộn tung phèo. Bên kia đồi trời hoàn toàn lặng gió. Chẳng hiểu sương hay một cột khói im lìm?

Đột nhiên lão rùng mình. Lão sợ nghĩ đến mùi thịt người. Trong làng người ta thường lưu truyền câu chuyện rừng rợn về ai đó chuyên bắt trẻ con nấu cháo. Những ý nghĩ khủng khiếp nổi nhau. Lão khạc, nhổ, oẹ khan, cảm thấy vị mặn của máu tứa ra trong cổ họng. Chính lão cũng không nhớ mình đã kéo xác con bê xuống suối như thế nào. Điều chắc chắn là lão đã quên không cởi giày. Nước suối lầy nhầy, đen thẫm. Lão dìm con bê xuống giữa những tảng đá phủ đầy rêu trơn nhầy.

Đêm ập xuống rất nhanh cùng với một trận mưa dữ dội. Đúng là trời còn thương lão.

Nửa đêm, trong tiếng mưa rơi, lão nghe tiếng người ồn ào đi tìm thằng Túc.

Rõ cả tiếng khóc thút thít của cô Bống con nhà Cả Lễ. Nhà lão không có cửa, đám người cầm đuốc kéo vào nhà, nước rỏ tong tong xuống nền đất.

- Tôi chẳng nhìn thấy thằng Túc, cũng chẳng thấy con bê nào sát! - Lão giả dò ngái ngủ.

May mà không ai để ý chân lão đang run bần bật. Không một ai nghi ngờ. Tiếng chân người lép nhép xa dần - họ đi về phía dốc Cồn. Phải hai ngày sau lão Phụng Sò đánh xe lên lấy đá ong mới trông thấy xác con bê trôi mãi xuống hạ lưu, gần tới Thiệu Bàn.

Nhưng lão vẫn không thể yên tâm. Lúc nào đám người cũng có thể bắt thần quay lại. Mùi gây thì vẫn không hề giảm bớt, mặc dù sườn đồi đã được mưa gội sạch. Nhiều khi bất giác, lão hoảng hốt quay lại đằng sau. Lão run lên mỗi lần nhìn thấy từ đằng xa thấp thoáng bóng người.

Cuối cùng, lão hiểu rằng mùi gây bốc lên từ gốc ổi. Đúng là mùi thịt người. Dưới đó thằng Túc đang thối rữa. Lão không còn dám vật ổi về chấm muối nữa. Lão lấy đất đồi đắp lên. Công việc thoát đầu giống như người ta vun gốc, nhưng rồi ụ đất cao dần, lút cả ngọn cây.

Đến nước ấy thì dân làng đều phải nghĩ rằng lão hoá điên. Người ta bắt đầu đem lão ra làm ngáo ộp dọa trẻ con. Không ai đến nhờ lão sửa chuồng bò nữa và chỉ còn Phụng Sò chột mắt là dám đến gần lão mà thôi. Lão quên hẳn lối vào làng. Ban ngày đào đá ong, ban đêm lão lại hì hục vác đất đắp gò. Công việc giống như món cháo lú giúp lão quên đi tất cả. (Cũng có thể chính thời gian mới là món cháo lú, nhưng đồng thời lại tạo dựng thói quen?).

Không biết tự bao giờ, tóc lão đã kịp bạc trắng. Đôi giày rách hẳn, lão đặt lên bàn thờ. (Giả như ngày trước dân làng lại tha hồ đàm tiếu). Tay bắt đầu run, nhưng lão vẫn không thể rời cán thóc. Mỗi bữa lão vẫn cố ăn hết ba lưng khoai độn sẵn. Phụng Sò chết lâu rồi. Thằng Bản thay cha cứ hai tuần một lần đánh xe lên lấy đá.

Đất đồi cằn cỗi nhưng bát ngát. Lão trông thêm sắn quanh lều, tự thái lát, phơi trên bãi cỏ. Chiều, lão xuống suối bắt cá. Cá nhiều vô kể, bơi từng đàn lấp lánh. Lão lần vào các hốc đá ven bờ. Thỉnh thoảng lão may mắn vớ được một con cá ba gai đã mù cả hai mắt vì già yếu, da trắng nhợt như bị ngâm nước vôi, đang thoi thóp những ngày tháng cuối cùng.

Lão vẫn không ngừng việc đắp gò. Và lão vẫn nhớ cái tổ cùng cùng trên má cô Bồng nhà Cả Lẽ.

Một hôm lão quanh co hỏi qua thằng Bản. Nó ngần người rồi phá lên cười:

- Cô Bồng ấy à? Sắp xuống lỗ rồi. Kìa kìa, cháu nội cô ấy đấy!

Lão ngẩng lên và đánh rơi chiếc thóc. Trước mặt lão là thằng Túc. Nó đang vào vạo khóc. Ván mái tóc loe hoe cháy nắng. Hoá ra nó đi tìm bê lạc.

Lão định nói rằng chẳng nhìn thấy con bê nào sát, nhưng bỗng nhìn thấy máu phun ra lênh láng dưới chân. Một ngón chân cái bị lưỡi thóc chặt đứt, chỉ còn lại mẩu da lủng lẳng. Lão vội vàng lê vào rệ cỏ, bứt lá rịt vào vết thương. Bấy giờ lão mới lại nhớ đến thằng Túc. Nhưng nó đã không còn ở đó.

Lần đầu tiên trong đời lão ốm. Trong người gai ớn lạnh, lão lần về nhà sớm, nấu cháo, nhưng miệng đắng ngắt, không sao nuốt nổi. Bên tai không ngừng văng vẳng tiếng khóc của thằng Túc. Mà có phải thằng Túc thật không? Chẳng lẽ nó từ dưới đất chui lên?

Lão ngồi phất dậy. Hay tất cả chỉ là một giấc mơ, còn thằng Túc bây giờ đang ngồi gặm chân gà? Thế thì may cho lão quá! Ngày mai lão lại có thể vào làng, có thể nhìn cái lúm đồng tiền trên má cô Bồng. Biết đâu, sẽ có người nhờ đắp nền nhà. Lão lại được ngồi xếp bằng trên chiếu, khề khà uống rượu với cánh đàn ông.

Ý nghĩ ấy khiến lão khoẻ ra. Lão nằm xuống,

định bụng chờ đến sáng sẽ ra đào gò đất. Cầu trời, đừng có thằng Túc nào dưới đó. Nếu quả thật, tất cả chỉ là một giấc mơ thì lão lại sống y như cũ.

Nhưng lão không thể chờ đến sáng. Chưa bao giờ lão cảm thấy đêm dài như vậy. Ô rơm hình như có rệp. Lão ngồi dậy tìm thỏ, lần mò ra gò đất.

Mặt trời lên cao lão mới dừng tay. Bụng cồn cào vì đói. Lão quay về lều, ăn qua loa mấy củ khoai sống. Buổi trưa, lão nảy ra một sáng kiến. Lão đem cả thúng khoai và vại nước xuống hồ, ăn uống tại chỗ rồi lại bắt tay ngay vào việc.

Hồ nhỏ đã thành hồ lớn, rồi thành ao cạn, còn xung quanh - đất cao chất ngất lưng chừng trời.

Chiều ngày thứ năm lão tìm thấy một bộ rễ cây đã mục. Đất bên dưới xôm xốp, lấm tấm trắng như rắc muối. Chẳng có thằng Túc, chẳng có gì ở đó. "Vậy là thằng Túc còn sống!" - Lão mừng rỡ khóc rống lên như trẻ nhỏ.

Đột nhiên lão sực nhớ một điều hệ trọng. Lão chặt một mẩu rễ cây, đưa lên mũi ngửi. Rễ cây đã mục, không thể biết có phải là rễ ổi hay không. Về hân hoan trên mặt lão vụt tắt. Lão thần thờ một hồi lâu. Rồi lão lại vô lý thó. Chiếc thó chưa bao giờ phản bội. Nó sẽ giúp lão đào đến tận cùng. Lão phải làm rõ thực hư, bấy lâu lão nằm mê hay tỉnh?

15-12-1992
Ngô Tự Lập

HOA CÚC ĐẠI

Nguyễn Chu Nhạc

Giờ thì chỉ còn mình anh lặng lẽ bên ly rượu uống dở. Sau ba ly rượu nhậu với cá khô nướng, Nhuận đã quá say lặn ra sàn lều vó ngủ. Vậy mà lúc mất đã lơ đã, cậu ta vẫn hùng hồn tuyên bố: "Em sẽ uống hết với anh bi đông rượu này. Em thấy anh buồn làm sao! Với lại em còn phải chờ anh cất vó được cá lóc bông đem nướng chấm muối tiêu vắt chanh kia mà".

Sương giăng mờ mịt mặt kênh. Gió thoảng đưa mùi cỏ dại ngai ngái. Anh căng lồng ngực mà hít thở. Chao ơi, có mùi gì trong gió đến là quyến rũ. Hoa gì nhỉ? Thỉnh thoảng vài chú cá bị xuống máy khua động nhảy vọt lên cao rồi rơi tòm xuống. Ánh sáng của chiếc đèn hoa kỳ treo trên nóc lều vó hắt vằng sáng vàng ệch xuống mặt nước và soi rõ nửa khuôn mặt của Nhuận. Cậu ta còn trẻ quá. Không ngờ, cậu ta lại cùng quê với Quyên. Từ lúc biết vậy, anh

không hỏi Nhuận về Quyên song anh cứ thăm quan sát xem cậu ta có nét gì giống Quyên không, như thể dò xem họ có phải là họ hàng với nhau không. Bi đông rượu đã gần cạn, thế mà anh chẳng chảnh choáng. Lúc này anh thêm được say biết mấy. Say để chẳng phải nhớ gì!

*
* *

Lần đầu anh gặp Quyên thì anh đã cưới Thuý, vợ anh bây giờ. Lúc đó anh còn ở trong quân đội, với quân hàm đại úy và là đồn trưởng một đồn biên phòng đóng ven bờ kênh Vĩnh Tế chứ chưa phục viên về quê vợ làm chủ tịch xã như hiện nay.

Hôm ấy, anh đi họp quân khu về. Tối thì trời xẩm tối. Chuyến xe đò cuối cùng trong ngày chạy về xã nơi đồn biên phòng của anh đóng, đã chuyển bánh được một lúc. Bến xe vắng teo. Máy tay Honda "ôm" không hiểu sao cũng chẳng có. Anh phân vân nhắm tìm xem có ai hơi quen ở thị trấn này để ngủ nhờ qua đêm hay cuộc bộ hơn hai chục cây số về đồn. Chợt có giọng phụ nữ hỏi phía sau:

- Chú bộ đội về đâu bây giờ?

Giọng nói miền Bắc khiến anh chú ý. Ngoảnh lại, anh thấy một phụ nữ dong dỏng cao, khuôn mặt đẹp nét kiểu phương Tây. Nhưng hơi buồn, chừng

ba lăm tuổi.

- Dạ, em về đồn biên phòng.

- Xe hết cả rồi. Thôi chú vào nhà tôi nghỉ tạm, mai về sớm. Nhà tôi ngay bến xe đây, tiện lắm. Đi bộ về vừa mệt, trời lại đang kéo cơn mưa đen rầm thế kia, bắt mưa là ốm ngay đó.

- Dạ, thôi ... - Anh ngần ngại.

- Chú đừng ngại. Cứ coi nhà tôi như nhà người thân. Trước lạ sau quen. Ai mà chẳng có lúc nhớ nhà. Nhà tôi, anh ấy trước cũng là bộ đội nên hiểu và thông cảm ngay mà.

Miệng nói, tay chị xách ba lô đi trước và giục anh theo. Trong tình thế ấy, viên đại úy đường bệ như anh cũng cần phải len lén theo sau hết một cậu bé con. Đã qua bao miền quê, ăn mòn bát đĩa thiên hạ song chưa bao giờ anh cảm thấy ngần ngại trước một lời mời ân cần như thế.

Nhà chị rộng rãi, thoáng mát. Đồ đạc, tiện nghi khá đầy đủ và sang trọng. Chị múc nước cho anh rửa ráy và dọn dẹp chiếc giường kê gian trong cho anh nằm nghỉ tạm. Hai đứa con của chị, trai lớn, gái út nhìn anh tò mò. con bé gái hỏi mẹ giọng còn ngọng:

- Má ơi, chú bộ đội đến nhà mình heng.

Anh lan man nghĩ về công việc và hoàn cảnh hiện tại của mình rồi thiu thiu ngủ. Chợt tiếng xe máy nổ bên ngoài. Anh choàng tỉnh thì ngay lập

tức mùi xào nấu thơm lừng từ bếp kích thích chiếc dạ dày lép kẹp của anh. Ngoài sân có tiếng đàn ông hỏi:

- Ba lô của ai đây mình?

- Của một chú bộ đội ở đồn biên phòng bị nhỡ xe đồ. Em mời về nhà mình nghỉ tạm, mai về đồn.

- Vậy hả? Thế mình làm xong đồ nhậu chưa?

- Rồi, mình khỏi lo.

Anh ngồi dậy, bước ra chào chồng chị. Anh ta chạc năm chục tuổi, dáng vẻ hồng hào đường bệ. Anh thăm đoán anh ta là thủ trưởng một cơ quan nào đó ở huyện. Hai người ngồi uống nước trà và hỏi nhau những câu *chống thiếu*. Một lát, thêm mấy người nữa đi xe máy đến. Cuộc nhậu bắt đầu. Anh lấy cớ nhức đầu tránh cuộc nhậu với họ, ngồi ăn cơm cùng mấy mẹ con chị. Trong bữa ăn, anh biết thêm tên chị là Quyên, quê ngoài Bắc, lấy chồng là cán bộ tập kết và trở về quê chồng sau ngày miền Nam giải phóng. Hiện người chồng làm giám đốc công ty thương nghiệp huyện. Anh nghe loáng thoáng họ bàn bạc với nhau nhằm chống lại một phi vụ nào đó đang có nguy cơ bại lộ.

Sáng hôm sau anh dậy sớm ra xe. Anh chồng Quyên còn ngủ mê mết sau cuộc nhậu tuý lúy tối hôm trước nên anh không gặp lại. Quyên tiễn anh và dặn dò:

- Chú Tuyên này, lần sau đi đâu ngang qua

hoặc nhớ xe thì cứ vào đây nhé. Tôi coi chú như người nhà, như em trai tôi ấy mà. Nhớ nghe!

Đó là lần đầu anh gặp Quyên và cảm thấy mến chị. Tình yêu trong anh chỉ nảy sinh khi chính anh được chứng kiến những đau khổ mất mát đổ ập xuống đầu vợ chồng chị.

Chừng một tháng sau lần gặp gỡ ấy, anh có việc phải về thị trấn và anh ghé thăm gia đình chị. Gặp lại anh, chị vẫn vui vẻ hỏi chuyện nhưng tinh ý, anh vẫn thấy khuôn mặt chị lộ vẻ buồn phiền. Khi anh nhận ra những đồ đạc sang trọng trong nhà chị không còn nữa thì vô ý bật hỏi:

- Anh nhà ta đi đâu hả chị?

- Nhậu nhẹt đâu đó ... - Chị chép miệng - Đạo này anh ấy tối ngày say khướt.

- Sao vậy? Nếu không nhâm ... thì nhà ta gặp chuyện gì đó không may ...?

- Chẳng giấu gì chú. Nhà tôi can vào một vụ tham ô gì đó. Hiện anh ấy đang bị đình chỉ công tác chờ điều tra, xét xử. Đồ đạc tài sản bị tạm giữ hết rồi. Chú đừng nghĩ rằng tôi buồn phiền vì tiếc của. Cái gì không phải do mình đổ mồ hôi sôi nước mắt để làm ra thì mình không được dùng cũng đúng thôi. Tôi buồn vì lỡ mồ biết mà không can ngăn được anh ấy. Nhà tôi đi kháng chiến từ năm mười sáu tuổi, được học hành tử tế, đến nay ngoài ba chục tuổi Đảng rồi mà sa ngã vậy! Giờ sự đã

rồi, tôi chẳng nỡ xói móc nặng lời. Chỉ sợ nhà tôi nghĩ quẩn sinh liều.

Chị ghen ngào. Anh lựa lời khuyên giải. Lúc ấy anh nói nhiều lắm và cũng hết sức thành thực, sau nghĩ lại thấy mình sáo rỗng.

Nhưng cũng từ đây, khuôn mặt đẹp hơi buồn bị nỗi đau giầy vò của chị thêm in đậm vào tâm trí anh. Anh ghé thăm chị nhiều hơn. Rồi anh đâm hoảng sợ trước những tình cảm khác lạ mỗi khi anh nghĩ đến chị. Lại một lần nữa anh đến. Chị báo tin là chồng chị dan díu với mụ chủ một tiệm cà phê ở thị trấn, vốn là vợ sĩ quan Ngụy chết trận. Anh ta nghe lời mụ rủ rê, và lại sợ tù đầy nên cùng nhau vượt biên trốn đi nước ngoài.

Anh ở chơi đến tận chiều. Quyên gội đầu và ngồi hong tóc cho khô. Anh lặng ngắm tấm lưng thon thả như lưng con gái, ngắm chiếc cổ cao trắng trẻo nổi rõ những đường tĩnh mạch xanh xanh và những ngón tay khô ráp đi vì làm lụng đang khê lằn lằn từng lọn tóc, mà lòng chộn rộn. Anh khẽ đến bên chị, run run:

- Tóc chị dài và đẹp quá! Chị búi làm gì cho phí đi. Để tôi tết thành đuôi sam cho 'nhé!

- Ấy đừng - Chị từ chối - Thôi cứ búi thế này cho tiện. Với lại già rồi làm thế họ cười cho.

- Cười gì. Cứ tết thành đuôi sam - Anh khẳng khẳng không chịu.

Nắm chặt mớ tóc Quyên trong tay, anh chỉ lo chỉ kiên quyết giật ra hoặc vùng đứng lên, song Quyên chỉ mỉm cười buồn bã và lặng yên đồng tình. Cả đời anh có làm việc này bao giờ đâu. Lớn lên là vào lính, chỉ quen với súng đạn, khói lửa, mệnh lệnh. Nhiều lúc khát khao được những giây phút như thế này nhưng nào có được. Anh sung sướng chia tóc Quyên thành những lọn nhỏ và lóng ngóng tết lại như anh đã nhìn người khác làm.

Quyên kể cho anh nghe về đời chị. Chị mồ côi cha từ năm mười tuổi. Rồi mẹ lại mất sau một trận sốt thương hàn bỏ lại đứa em trai còn chưa cai sữa. Cứ thế, suốt những năm dài vất vả, chị em nương tựa vào họ hàng, bà con xóm mạc mà sống. Cũng may vì sáng ý và chịu khó, chị vừa làm lụng nuôi em, vừa học hết cấp hai. Cho đến khi cậu em trai vào học cấp ba thì chị thi tuyển và được chọn vào đoàn chèo của tỉnh. Chị đã phải khóc hàng tuần liền để lựa chọn vào văn công hay ở nhà nuôi em ăn học. Đầu đã hết, đẹp người, được nét, chị được đám trai làng để ý, tỏ tình và lại những đêm nước mắt đầm gối để gạt bỏ, chối từ, để rồi sau lấy người chồng hiện nay, một cán bộ miền Nam tập kết hơn chị hàng chục tuổi. Thật may, cậu em trai học hành khá, tốt nghiệp đại học, có nghề nghiệp đáng hoàng và lập gia đình riêng. Cuộc đời chị đáng ra sẽ yên ả nếu như

không có chuyện đau lòng này.

Anh nghe và bỏ lơ những lọn tóc tết dở lúc nào không biết. Bàn tay anh vuốt ve đôi bờ vai gầy và chiếc cổ thanh mảnh. Quyên hốt hoảng đứng phắt dậy, thẳng thốt nhìn thẳng vào mắt anh:

- Tuyên, chú không nên như thế ... nếu còn coi tôi là người thân.

- Tôi ... em ... xin lỗi chị.

- Thôi chú về đi, kéo lại lỗ xe.

Anh hấp tấp ra bến xe với mặt cảm tội lỗi. Đây là lần đầu anh về mà Quyên không tiễn. Suốt dọc đường về, đầu anh mung lung. Chỉ đến đêm ngủ, anh mới đủ bình tĩnh để nhìn nhận lại tất cả. Anh đã yêu Quyên. Yêu tha thiết. Một đại úy, đồn trưởng biên phòng yêu người đàn bà hơn tuổi mình lại có chồng vượt biên. Sự đời thật nhiều chuyện khó ngờ. Đến anh, anh cũng không hiểu nổi bản thân mình nữa. Anh không sợ người ngoài biết, cũng không sợ tai tiếng với anh em đơn vị. Điều khiến anh khổ tâm nhất là phụ bạc tình yêu của một người con gái như Thuý ...

Hồi chiến tranh, anh chiến đấu ở vùng này. Do yêu cầu công tác, anh quen chú Tư Ban, đội trưởng đội du kích địa phương. Một lần phối hợp với du kích địa phương đánh trận, anh bị thương và được chú Tư Ban lén đưa về nhà cho vợ con chăm sóc. Chính Thuý, cô con gái độc

nhất của chú. Lúc đó chừng mười lăm tuổi đã sẵn sóc thuốc men cho anh đến tận lúc lành bệnh. Sau đó chú Tư Ban hy sinh trong một trận chống càn. Trước lúc nhắm mắt, chú trấn trời nhờ anh chăm sóc Thuý. Anh đã hứa. Sau giải phóng, anh về thăm quê và nhận được những tin không vui là mẹ anh đã mất và người con gái anh yêu đã đi lấy chồng. Anh quay lại đơn vị, rồi thuyên chuyển mãi rồi cuối cùng về đồn biên phòng này. Nhớ lời hứa với chú Tư Ban, anh thường xuyên đi lại thăm Thuý. Cô bé ngày nào đã trở thành thiếu nữ duyên dáng. Anh biết là Thuý yêu anh song thâm tâm anh chỉ quý cô như người em gái. Anh vẫn định bụng là sẽ cưới Thuý. Chẳng ai bắt anh làm thế nhưng anh nghĩ chỉ có vậy mới trả ơn được với chú Tư Ban và Thuý.

*

* *

Lần khác, anh đến thăm Quyên. Vừa vào tới sân, chợt anh sững người. Chị đang hát một trích đoạn trong vở chèo, nghe sao mà chua xót, nào lòng. Khi thấy anh bước vào, Quyên ngừng hát nhìn anh nửa mừng nửa bối rối. Căn nhà của Quyên tuy vẫn sạch sẽ nhưng tiêu điều hơn. Chị làm văn thư của một cơ quan, tuy được mọi người

giúp đỡ song đời sống vật chất vất vả bởi mấy đứa trẻ còn quá nhỏ chẳng giúp gì cho mẹ. Lúc anh đến thì trời vẫn còn sớm nhưng anh cứ nấn ná không chịu về thành ra lại nhỡ xe. Chắc Quyên cũng biết vậy nhưng không giục. Cơm tối xong, hai người ngồi uống nước. Con bé út quấy mẹ rồi lăn ra ngủ, còn thằng anh đọc quyển truyện tranh một lát cũng ngủ nốt. Mặc màn cho con ngủ xong, Quyên bảo:

- Tuyên cứ ngồi chơi uống nước nhé. Mình phải tắm qua loa một chút cho bớt nóng.

Quyên đổi cách xưng hô làm anh ngạc nhiên. Nghe Quyên nói tự nhiên anh cảm thấy người nóng ran lên, oi bức lạ thường. Tiếng nước giội làm anh sinh cảm giác muốn được tắm. Như người mộng du, anh rón rén đi ra chỗ Quyên tắm. Hơi thở dâng lên dồn dập khiến anh nghẹn thất lại. Hình như Quyên cũng cảm thấy anh ở đằng sau nên hai bàn tay đang kỳ cọ thoăn thoắt bỗng trở nên dờ dẫm. Quyên nén tiếng thở trút, quai tay chìa hòn đá kỳ, nói nhẹ như gió thoảng:

- Tuyên, kỳ hộ mình cái lưng.

Như chỉ đợi câu đó từ ngàn năm dồn lại, anh nắm vội hòn đá kỳ xấp tới. Hòn đá rơi khỏi bàn tay anh từ lúc nào và những ngón tay anh háo hức, mơn man làn da lưng người thiếu phụ, những

ngón tay cứ chuyển dần, chuyển dần xuống eo lưng rồi nhích dần ra đằng trước ngực. Quyên rùng mình liên tiếp. Những cái rùng mình rất nhẹ song anh vẫn cảm nhận được qua các ngón tay run lẩy bẩy. Hơi thở hỗn hển, máu dồn lên thái dương rần rật, bất giác anh ôm choàng lấy Quyên, lập bắp áp cặp môi nóng bỏng vì khao khát vào tấm lưng trần mát rượi và ướt đầm ánh trăng ấy. Cả hai như mê đi trong giây lát. Quyên rùng mình thật mạnh và kiên quyết gỡ tay anh ra, nói qua hơi thở gấp gáp:

- Thôi đi Tuyên ... Mình xin ... Kéo hàng xóm người ta nhìn thấy thì chết ... Để mình tắm nốt nào!

- Kệ người ta - Anh khao khát - Tôi yêu Quyên mà.

- Yêu ư? Quyên thẳng thốt nửa van xin - Không nên thế! Đừng thế! Tuyên ...

Quyên đẩy anh ra, luống cuống dội nước ào ào lên người như thể muốn dập tắt chút lửa tình nhen nhúm đang bốc thành ngọn cháy trong mình. Quyên với tay lấy chiếc khăn rằn vắt trên tàu chuối quàng vội lên người, bước vào nhà và đóng chặt cửa lại bỏ lại anh với bầu trời trần ngập ánh trăng. Anh xô người theo nhưng cánh cửa đã bị chốt chặt. Anh tì cả mình lên nhưng cánh cửa cũng không bật ra. Qua ánh trăng loáng thoáng lọt vào anh thấy hình

dáng Quyên tắt mờ trong bóng tối. Quyên vội vã thay quần áo. Bất lực, thờ thần, anh quay ra, ngửa mặt nhìn lên bầu trời phương Nam chỉ chút sao và bất gặp ngôi sao Hôm lúng liếng, giêu cợt. Chợt anh nghe tiếng giường cọt kệt và anh hiểu là Quyên đã đi ngủ. Anh vờ vật rồi vòng ra cửa trước để vào nhà. Lòng anh dịu đi khi chân chạm vào vật cỏ ướt sương. Anh leo lên chiếc giường một kê ở gian ngoài. Làm sao ngủ nổi. Anh mở mắt chong chong nhìn vào đêm tối, đầu óc mông lung, mòng mị. Quá nửa đêm, anh nghe rõ tiếng Quyên thở đứt đoạn, tiếng con bé út ngủ mê gọi mẹ. Giường của anh và của Quyên tuy cách biệt gian trong và ngoài nhưng thực ra chỉ cách nhau một vách gỗ mỏng dán giấy hoa. Anh yêu Quyên và khao khát chiêm đoạt Quyên.

Khi nhận ra chiếc gối mà mình đang gối là của Quyên thì tự nhiên anh cảm nhận được mùi da thịt Quyên và người anh lại nóng bừng lên như thiêu như đốt. Chiếc đèn dầu hoả hăm hạt đỗ xanh lét treo ngay cửa buồng đủ soi tấm ri đô vải hoa uốn lượn nhẹ nhẹ trước làn gió đêm hây hây, làm khung cảnh thêm phần gợi cảm, mê hoặc. Mấy lần anh vùng dậy mê muội lần vào nhưng khi vừa chạm tới bức ri đô che cửa buồng, anh lại nghe rõ tiếng Quyên cựa mình, hoảng hốt:

- Tuyên dậy đấy à? Ngủ đi chứ!

Câu nói bao hàm cả sự quan tâm, khuyên nhủ của một người chị đối với cậu em, cảnh tỉnh anh và khiến anh chững lại, lặng lẽ trở lui.

Cả hai người cứ như thế. Lát sau lại trở mình. Thức cho đến sáng.

*
* *

Sau lần ấy, anh biệt đi đến hơn nửa năm. Rồi không chịu nổi anh lại đến. Nhà Quyên vắng ngắt, chỉ con bé út tha thần nghịch đất ngoài sân. Thấy anh, con bé reo lên:

- A ... chú Tuyên. Lâu rồi hông thấy chú tới nhà con chơi.

- Thế Út ở nhà một mình à?

- Hông. Má đau đó. Từ bữa qua má chỉ ăn cháo. Má uống thuốc nữa. Má biểu con chơi ngoan đừng quấy má mệt.

- Chết, má có sao không?

Anh hỏi, xoa đầu con bé, lấy kẹo cho nó. Con bé dặt tay anh đưa vào chỗ má nó nằm:

- Má ơi, chú Tuyên đến đó.

Quyên nằm trên giường, trùm kín người bằng chiếc khăn mỏng. Nghe con gọi mà mắt Quyên ướt. Anh rưng rưng ngồi xuống bên giường, khẽ nâng đầu Quyên lên đặt gối vào lòng mình:

- Bệnh tật ra sao, Quyên?

- Cảm xoàng thôi. Chiều qua thằng lớn theo lũ trẻ chăn bò lên núi chơi, phải đi tìm nó về, không may bắt mưa, cảm lạnh. Hàng xóm thuốc men hộ, nay cũng bớt rồi.

Quyên nói trống không nhưng đầy vẻ thân thương. Anh sờ trán vẫn thấy hâm hấp sốt. Rồi anh xoa nhẹ đôi gò má râm nắng của Quyên nhoè nước mắt.

- Tôi thương Quyên lắm ... Biết không?

Quyên nhìn anh không nói. Anh gục đầu xuống khuôn ngực vẫn gọn gàng như ngực con gái và Quyên đưa hai tay lên vờ vò mái tóc anh. Như thế bao lâu anh không rõ. Gắng nuốt nỗi đắng cay vào tận đáy lòng, anh lần mở hai bàn tay Quyên. Hai bàn tay ấy rời ra, buông xuôi bất lực. Quyên mở bừng mắt nhìn anh đắm đắm, buồn bã, thất vọng.

- Tôi không được phép thế này!

- Phép nào ... hả Tuyên? Quyên nắc lên.

Anh ngồi lại vừa ngay ngắn thì ngay lúc đó con bé chạy vào, nhìn hai người, nhòe cười. Đôi mắt mở to, thơ ngây, trong sáng lạ lùng.

*

* *

Khi thấy anh hỉ hả hỏi Nhuận chuyện miền Bắc, vợ anh vui mừng bảo: " Gặp chú đây, anh Tuyên nhà, tôi mừng hơn lộc được của đó. Anh

nhớ quê hay sao mà cứ thở dài hoài. Lâu nay vậy đó, chú à. Tôi giục anh thu xếp về thăm quê mấy lần rồi mà anh cứ lắc đầu. Tham công tiếc việc mà. Lâu rồi cũng phải về thăm quê hương, bà con họ hàng và thấp hương cho bà cụ nữa chứ" Lúc đó, mặt Thuỷ hồng lên. Giá cô ấy cho anh một đứa con!

Lúc chập tối, khi mới ra lều vó, anh định bụng sẽ nói một điều gì đó với Nhuận, không thì ít ra cũng là đôi ba câu về làng quê của Quyên song chưa kịp thì Nhuận đã say rượu ngủ mất.

Chợt nhớ đến một mùa thu nào đó, anh bắt gặp bông cúc dại trở lên từ bờ cỏ rác lổn nhổn phân gia súc. Bông hoa nhỏ nhoi, tím phớt đứng cô đơn, lẻ loi tạo nên vẻ đẹp hoang dã và đầy sức sống, khiến anh chùng người lại.

Ly rượu bỏ dở. Anh không thiết uống. Nhuận ngủ say sưa. Chát men làm đôi gò má của cậu ta hồng lên như má con gái thoa phấn. Không gian mênh mông, tịch mịch của trời đêm chỉ còn tiếng cá đớp bọt nước, quấy mình vật trúng đâu đó trong lòng kênh. Vầng trăng bị gọn sóng làm nhả nhúm. Lúc này, anh chỉ muốn sóng lặng đi, để vầng trăng tụ lại làm một, cô đơn. Anh với trăng, hai kẻ cô đơn tựa vào nhau. Liệu có làm ấm lòng nhau lên chăng?

TRẦN TRỞ.

Đặng Quang Tình.

Họ gặp nhau trong hoàn cảnh trở trêu. Một người là đối tượng điều tra, một người là kẻ truy tìm và một người có trách nhiệm xem xét kết luận.

Phúc nhận được một lá thư bạn đọc gửi toà soạn tố cáo giám đốc xí nghiệp gạch Hoàng Xá làm thiệt hại tài sản nhà nước hàng chục triệu đồng. Anh phóng xe máy về sở công nghiệp C., và thật sung sướng được gặp Kim cũng được lãnh đạo sở cử đi cùng Phúc xem xét sự việc. Kim cũng ngạc nhiên và vui mừng. Vui mừng vì đã lâu không gặp Phúc - chàng trai hào hoa đã một thời chị say đắm. Còn ngạc nhiên vì không ngờ cũng chung nhiệm vụ. Kim vừa được bổ xung cho sở, tham gia ban thanh tra. Và đây là nhiệm vụ đầu tiên ở cái địa bàn lạ lẫm này.

Phúc đèo Kim sau xe phóng đến cổng xí nghiệp Hoàng Xá thì thấy Vĩnh đang tha thẩn. Kim mừng đến hết lên, tụt ra khỏi giá đèo khi xe vẫn chưa

Trần trở

ngừng hẳn:

- Vĩnh! Ông làm gì ở đây? Ôi giờ ơi, thật không ngờ.

- Kìa! Kìa, cả Phúc - Vĩnh cũng sống người - Ngọn gió nào đưa các cậu về đây?

Lúc này chiếc xe đã được dựng ngay ngắn, Phúc tiến lại bắt tay Vĩnh:

- Không ngờ lại gặp cậu ở đây! Khoẻ chứ?

- Khoẻ, mình công tác ở đây. Phòng mình kia, mời các bạn vào.

- Cậu ở xí nghiệp này à? Vậy thì hay quá. Phúc nói nhanh.

- Vậy thì tuyệt vời! Kim đề theo.

- Chà, nếu còn ngờ ngợ thì cái đầu phi dê - Vĩnh cười - Thì mình lập tức nhận ra ngay cái tiếng "tuyệt vời" ... Này, mình phải gọi các cậu thế nào đây?

Kim nhanh nhẩu:

- Mình vẫn là cái kim găm ... Còn Phúc ông vẫn là Phúc lém chứ?

- Mình tưởng các bạn ... Vĩnh tần ngần.

- Chả phải tưởng cái gì hết - Kim lại nhanh nhẩu - Tụi ta vẫn là Les trois mousquetaires⁽¹⁾. Có khác chăng là vì bây giờ sinh tiếng Anh thì gọi là The three musketeers⁽²⁾.

(1), (2): Tiếng Pháp và tiếng Anh đều chỉ tác phẩm "Ba chàng ngự lâm pháo thủ"

- Mình công tác ở Hà Nội - Bây giờ Phúc mới lên tiếng - Còn Kim ở sở công nghiệp. Chúng mình cũng mới gặp nhau sáng nay.

- A, mình đã nhận ra cái khúc triết; còn cái lém lắt rồi chẳng? Vĩnh gật gù.

- Người ta bây giờ là nhà báo thì phải bỏ cái lém, tăng cái khúc triết chứ. Kim cười.

- Mình là biên tập viên báo Công nhân chủ nhật. Còn Kim là cán bộ thanh tra sở. Chúng mình về điều tra sự tham ô của giám đốc Hoàng Xá theo thư bạn đọc ... Cậu làm việc ở đây à? Tiện quá.

Vĩnh hơi sững người nhưng lập tức bình thường ngay:

- À ... mặc kệ cái lão giám đốc ấy, mai hẵng hay ... bây giờ các cậu ngồi đây ... đây, quạt đây ... Tổ chạy ra cổng một tí ... Phúc ơi, tổ vẫn nhớ cái buổi ba đưa chúng mình trực chiến trên nóc trường tán chuyện sử dụng đồng lương đầu tiên thế nào? Cậu bảo: việc đầu tiên là mua một chục trứng luộc ăn vã cho đã. Còn Kim, mình vẫn nhớ bạn ước ao có được một đĩa rau muống sào ra sào và được gấp ra gấp ... Ngồi chờ một tí ... Sẽ thoả mãn mọi yêu cầu.

- Này Vĩnh! Phúc gọi với theo - cậu tranh thủ bảo với bí thư và giám đốc là có chúng mình về để họ chuẩn bị ...

- Mặc kệ cái lão giám đốc ấy! Đừng nhắc tới mà ăn mất ngon đi. Tối nay là tối của ba chàng ngự lâm pháo thủ cơ mà.

.... Và bữa tối mất ngon thật mặc dù rô trứng vịt lộn có bia đưa và đĩa rau muống xào thì đúng là thịt xào rau chứ không phải rau xào thịt. Trong khi Vĩnh đi lo bữa, Phúc đã tranh thủ gặp cô văn thư và biết chính Vĩnh là giám đốc ... Được Phúc cho biết, Kim cũng sững người. Thoáng thấy thái độ hai người, Vĩnh hiểu ngay vấn đề. Anh giờ cóc bìa cùng đánh "cốc" với hai người:

- Tổ đã bảo mặc xác cái lão giám đốc! Đừng nhắc tới nữa làm bữa ăn mất ngon đi ... Nào ...

*

* *

Buồng khách thông thống một dãy giường cá nhân. Vĩnh sang phòng khách ngủ với Phúc, nhường buồng của mình cho Kim. Kim vào phòng Vĩnh. Chị mỉm cười khi thấy cái giá bút: bút chấm mực đỏ gác dưới, bút chấm mực xanh gác trên; lọ mực xanh bên phải, lọ mực đỏ bên trái. Chị với tay ra sau chiếc gương vuông gắn ở trên tường, quả nhiên có chiếc lược. Nào, kiểm tra cái nữa xem nào. Chị cúi xuống gầm giường; quả nhiên thấy cái giá để giày, bên trên ngay ngắn một đôi dép nhựa

và một đôi guốc mộc. Bây giờ Kim mới thấy một mảnh giấy nhỏ đặt dưới chiếc đèn pin dựng đứng ở ngay giữa bàn. Mảnh giấy ghi: "guốc dưới gầm giường. Nhà vệ sinh, qua giếng đi thẳng". Chà, vẫn là anh chàng Vĩnh chính chu, ngăn nắp.

Kim buông màn, màn thơm phức nằng; chui vào chăn, chăn thơm phức nằng ... "Nào, giấc ngủ thần tiên ..." Kim lẩm bẩm theo thói quen. Chị vốn là người dễ ngủ, nhiều khi không kịp cả nói tiếng "thần tiên".

"Nào giấc ngủ thần tiên" ... Kim nhắc lại lần thứ hai khi kéo cái mép chăn nhẹ xộp lên cằm.

"Nào giấc ngủ thần tiên" Kim duỗi thẳng người rồi vịn lưng kêu rôm rốp ...

Quá tam ba bận mà giấc ngủ vẫn không đến. Kim chợt mỉm cười: thật vô duyên, lại mất ngủ ngay trong đồng chăn gối của anh chàng.

Từ cái ngày còn là sinh viên, tý nữa thì Kim đã lấy Vĩnh. Hai người đều là dân nhà quê, cùng vào Bách Khoa một năm và thân nhau ngay từ đầu. Phúc cũng là dân nhà quê nhưng nhà quê phố huyện và cũng yêu Kim.

Trung thực mà nói, Kim thích Phúc hơn Vĩnh. Phúc cũng học giỏi, cũng ưa nhìn. Còn cái hào hoa thì hơn hẳn. Nhưng rồi chính cái hào hoa ấy làm Kim lưỡng lự. Ừ ..., anh chàng khéo quá, khéo đến phát ngợp, chiều quá, chiều đến phát ngượng ...

Cho đến cái chiều hôm ấy trên đê La thành ... Hai người ngồi với nhau thì Phúc vụt bật dậy túm ngay cổ một thằng bé. Kim chưa hiểu ra sao thì cái bơm xe đạp đã vụt như mưa vào đầu vào mặt nó. Đôi mắt đỏ ngầu long sòng sọc, Phúc rít giọng lạc hẳn đi: "Ông đánh chết mày! Ông đánh chết mày! Đồ ăn cắp!". Thằng bé gục mặt xuống đất. Đòn lại tiếp tục vào gáy vào lưng. Sợ trúng chỗ hiểm nó chết mất, Kim xông vào dằng cái bơm:

- Thôi, thôi ...

- Phải đánh cho chết cái giống ăn cắp. Rồi Phúc lại rít lên: ông thì ông giết mày, giết mày ...

Nhìn Phúc không còn tự chủ được nữa, Kim chợt buông tiếng "à". Chị đã giải đáp được cái khúc mắc về bọn ác ôn có thể ăn gan đồng loại. Thật kinh sợ cho cái tính thú trong con người.

Vĩnh thì dễ mến nhưng quê quá. Củ khoai lang luộc dúi trong cặp sách cảm động thật nhưng quá tẻ so với những cốc bia cụng nhau. Con gái ai chả thích được chăm sóc, được khen; mà anh chàng thì lúc nào cũng giữ khoảng cách, cũng hà tiện lời. Anh chàng nhát quá, nhát chẳng dám vượt quá "đôi bạn học tập". Nhát đến mức sữa yếu lĩnh ngấm cũng không cả dám chạm tay vào báng súng. Yêu mà nhát thì tẻ quá.

Nhưng khi chuyển tình yêu sang Phúc thì chính những cái "nhát" cái "tẻ" của Vĩnh lại là

niềm day dứt ngày càng đậm trong Kim. Thật kỳ lạ: cái khéo léo gợi nhớ cái chân tình, cái hào nhoáng làm sáng cái mộc mạc và cái thị thành làm bùng cái đồng quê ... Và từ cái chiều đê La thành hôm ấy, Kim như người vật vờ giữa hai dòng nước. Dòng ngẫu thì đã tách mà dòng lắng thì chưa nhập vào được ... Cho đến khi chẳng còn cả dòng sông. Kỹ sư Phúc thì đã lấy nữ sinh Hồng. Còn người lính Vĩnh thì chẳng biết phiêu bạt ở chân rừng góc biển nào.

*
* *

Ở phòng khách Vĩnh và Phúc cũng không ngủ. Hai người rì rầm chuyện qua màn. Phúc thì do thói quen nghề nghiệp: đã bắt được mạch thì khơi đến cùng, tất cả cái mạch cứ tổng tộc dẫn thẳng tới nguồn. Còn Vĩnh thì đến lúc này vẫn là một người lính tự chủ: cần thì có thể ngủ ngay để một tiếng đồng hồ sau trở dậy vào phiên trực; hoặc tỉnh táo trực liền ba ca vẫn không bỏ sót một chấm sáng trên màn huỳnh quang. Phúc hết sức ngạc nhiên thấy Vĩnh không che dấu tình trạng của mình mà lại cứ tuồn tuột nói ra. Tuồn tuột đến mức Phúc phải dè chừng, mặc dù anh vẫn nhớ bí thư chi đoàn K5 là kẻ thẳng ruột ngựa. Nghề nghiệp củng cố thêm tính hồ nghi của Phúc. Phúc

khó tin được những kẻ tự vạch áo cho người xem lưng; không là thần kinh thì cũng là miếng võ. Anh đã viết thành công một tiểu phẩm chế riều cái ngớ ngẩn trong những câu chuyện bố anh kể về sinh hoạt tổ tam tam và ghi sổ tự tu trong thời kháng chiến. Tội nghiệp ông cụ khi nhắc chuyện cũ đã rơm rớm nước mắt. Chẳng lẽ cái tay Vĩnh này lại móc meo hơn cả ông cụ.

- Như vậy nguyên cái khoản ngói là sáu triệu rưỡi? Phúc hỏi.

- Bốn triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn - Vĩnh trả lời.

- Còn gạch?

- Mười triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm đồng ... Sổ sách kết luận của hai đoàn kiểm tra còn đầy đủ cả ... Mai các cậu xem, có gì thì hỏi thêm. Bây giờ nói chuyện khác đi.

Nhưng vớ được bữa "cỗ" như thế này đâu có phải dễ, Phúc cứ lải nhải hết sản lượng đến phân khối, hết giá cứng đến giá mềm, đến mức Vĩnh phải cáu:

- Tổ đã bảo vớt mẹ nó cái chuyện gạch ngói đi. Nếu cần, tổ đưa tài liệu cho mà phô tô ...

- Một câu nữa thôi! Phúc vẫn gặng - trách nhiệm của cậu trong chuyện này?

- Trách nhiệm số một, tổ là giám đốc mà.

- Còn trách nhiệm của cấp uỷ?

- Tổ là phó bí thư. Còn bí thư là một cô mới ở huyện đoàn sang lơ mơ về gạch, lơ mơ về ngôi, lơ mơ về giao dịch ... Tổ quyết định tất.

- Cậu đang tự buộc tội đấy.

- Thì tổ có chửi tội đâu. Thôi, cậu mấy con rồi? cái lão nhà báo dai như đĩa kia.

- Độc thân ... Này, thời buổi này đừng có "cây ngay không sợ chết đứng nhá"! Lạc hậu rồi.

- Sao bảo cậu lấy vợ rồi cơ mà?

- Đúng là đã có vợ và một thằng con. Nhưng chúng tổ đã chia tay nhau. Còn con trai đã chết vì sỏi biến chứng ... Còn cậu?

- Vẫn độc thân.

- Cậu không quên được Kim à?

Đúng là Vĩnh không quên được Kim. Mà việc gì phải quên cái mỗi khi nhớ tới lại làm thắm thêm cuộc đời. Cuộc đời sinh viên thật đẹp. Tình bạn của họ thật đẹp. Thành công của người này là niềm vui của người kia; đến mức khi Phúc chiêm được tình yêu của Kim, dù nuối tiếc, Vĩnh vẫn mừng cho bạn. Phúc hiểu được tình cảm của Vĩnh vẫn duy trì tốt đẹp mối quan hệ giữa ba người.

- Cậu giỏi thật khi gọi nó là cái Kim găm. Găm chặt mà đau lắm. Phúc lên tiếng.

- Cậu quên chúng mình đã có quy ước không nói chuyện kể thứ ba khi hần không có mặt. Vĩnh ngắt lời Phúc.

- Cậu nhớ dai kinh. Phúc cười và chuyển câu chuyện - Thế vì sao từ một kỹ sư thông tin cậu lại chuyển sang nghề gạch ngói?

- Tổ cũng chẳng biết nữa! Mà có phải tổ làm nghề gạch ngói đâu?

- Cậu đang là giám đốc gạch ngói đấy thôi.

- Làm giám đốc chứ tổ có làm gạch ngói đâu. Trước khi làm giám đốc gạch ngói, tổ đã làm giám đốc buôn bán, rồi cả giám đốc xe ba gác nhé.

- Như vậy là cậu có nghề giám đốc?

- Quả vậy! Cậu có nhớ hồi ở trường tổ được gọi là con dao phay không?

- Còn thầy Chắp thì gọi cậu là da-dê-năng.

- Tổ ngẫm nghĩ lại: đời tổ vô vị có lẽ là từ chỗ này đây.

- Sao lại vô vị? Cậu được cả trường tin cậy cơ mà?

- Phải, tổ được nhiều người, cả ban giám hiệu tin cậy ... Tổ vẫn nghĩ đây là trang đời đẹp nhất của mình ... Đẹp quá đi chứ! Cần đội trưởng tự vệ? - Nguyễn Khắc Vĩnh. Cần người cầm đầu đội tiền trạm xây dựng cơ sở sơ tán? - Nguyễn Khắc Vĩnh. Cần trưởng ban tổ chức liên hoan? - Nguyễn Khắc Vĩnh ...

- Cậu khó hiểu bỏ mẹ: lúc thì vô vị, lúc thì tốt đẹp nhất ... Phúc đã bắt được mạch bài báo sẽ viết.

- Chẳng có gì khó hiểu. Con dao phay thái thì tù, chặt thì quăn. Còn da-dê-năng thì chẳng đứt được bệnh gì ... Cái bi của tớ là ở chỗ ấy đấy ... Tệ hơn nữa lại quên cái nghề phụ trách mất rồi ... Nhưng đúng là nghề nghiệp ấy. Tớ đang chết cháy, lửa bén đến lưng rồi.

- Chà, cậu tổng kết sự đời mới ghê chứ! Phúc vừa cười vừa nói - nhưng cái chính là cậu quen phục tùng ... Ấy xin chó vợi bật lò xo. Cậu không thích chữ phục tùng thì tớ dùng chữ thụ động vậy.

- Mình mỗi người trở lưng chứ có bật lò xo đâu. Còn cậu muốn dùng chữ phục tùng hay thụ động kệ cậu ... Thôi ngủ đi! Mai tớ đưa đi săn vịt trời.

Buông lời, Vĩnh ngáy "pho, pho" ngay làm Phúc phát thèm.

"Vô tâm thế này thì chết là phải. Mà đời cũng phải có đĩa ngọc thì mới có đĩa khôn chứ!" Phúc nhớ lại cái lần tuyển quân khi đang học năm thứ tư. Đáng lẽ anh lên đường lại hoá ra Vĩnh. Lần ấy lớp K5 lấy tới năm mươi phần trăm nam để dõc quân cho chiến trường. Phúc liền trở thành trụ cột của phong trào. Cái hôm chi đoàn tổ chức ghi tên, Phúc biến thành người chủ trì cuộc họp làm mờ hẳn vai trò bí thư Vĩnh "mãi" ghi tên cho mọi người cứ ào ào đòi ghi tên trước, Phúc "đành" ghi tên mình cuối cùng. Hội đồng rà từ trên xuống, còn cách cả

chục cái mới tới tên Phan Chí Phúc thì đã đủ cả năm người dự bị. Một ngàn chín trăm bảy bảy, Phúc lại lách được một cú đẹp nữa. Toà soạn được lệnh tăng cường cán bộ cho biên giới đang căng thẳng và dự kiến Phúc. Anh đã kịp thời tung ra điển hình xi măng lưới thép Ngũ Xá vô cùng đúng với ý tổng biên tập đang tìm hình mẫu khắc phục khó khăn về nguyên liệu để sản xuất. Phan Đức Ninh vừa từ B2 ra bờ ngõ với vấn đề kinh tế lại có kinh nghiệm vận động đồng bào Pa cô liền được cử đi thay.

Thức thời, khéo ứng xử, Phúc luôn luôn là người được tin cậy dưới bất kỳ thời thủ trưởng nào, dù là ông thô thiển vô biên hay ngài thâm trầm quan cách. "Phẳng phát tựa chi lan" hay "đã bắt đầu thum thum" là cái qué gì? Miễn là xếp mỉm cười. Phúc thiếp đi trong nụ cười mãn nguyện.

*

* *

Sáng hôm sau họ đi săn vịt sớm. Vĩnh đưa cho Kim cái túi vải linh kinh nôi, bất bảo sẽ điểm tâm bằng cháo vịt. Biết tính Vĩnh làm gì cũng có cơ sở; vả lại sau hai chục năm lại được một bữa pích ních⁽¹⁾ thế này cũng thú nên Kim răm rắp nghe theo. Phúc có bản khoản tí chút, Vĩnh nói ngay:

(1) Píchnic: dã ngoại.

- Cậu cứ yên tâm. Chiều nay có trở về tỉnh thì vẫn có đủ tài liệu cho các cậu đào bới, mổ xẻ, xây dựng trường thiên phóng sự.

Đi một thoáng đến chỗ cái miếu rợp bóng đa. Vĩnh ra sau miếu bê về một xoong nước bảo Kim đi vợ củi bắc bếp rồi cùng Phúc đi ra cánh đồng.

Kim đứng nhìn theo hai người. Vĩnh cao gầy, nòng súng chọc quá đầu càng làm cái dáng liêu xiêu. Phúc béo đậm, bụng đã phì - làm dáng đi có phần đường bộ. Cuộc đời sao trở trêu để có cái sáng hôm nay đặt chị đứng vào hoàn cảnh của hai mươi năm trước: đều có thể mà sao đều khó vậy. Chị đâu có phải là kẻ khô khan, kiêu kỳ. Một gia đình yên ấm luôn là ước mong của chị. Từ cái tuổi "băm" trở đi chị càng khát khao được yêu thương. Chị cũng đã hai lần suýt lấy chồng. Cái làm chị chần chừ vẫn là: với một người thì sợ cái giảo hoạt, với một người thì e cái tẻ nhạt ... Cho đến sáng nay, cái chập chờn vẫn y si ... Thôi, phải quyết định đi thôi đã sắp tuổi bốn mươi rồi. Nhưng mà quyết thế nào? Phúc hay Vĩnh? ... Cả hai đều là những người tốt và đều yêu Kim, và đều có địa vị nhất định trong xã hội ... Nhưng, cái xe máy phải hơn cái xe đạp, com-lê phải hơn bru-dông, giày đen phải hơn dép lê ... Mà dù sao với Phúc vẫn dễ hơn. Anh chàng biết mình vẫn độc thân đã có lời gởi mở. Còn Vĩnh, sao mà dễ ghét: rụt rè vẫn rụt rè,

cách quăng vẫn cách quăng. Anh mà rơi vào tay em, em sẽ trị anh bằng chết về cái tội này ...

Đi qua cánh đồng, Phúc tưởng là đến đầu nước, hoá ra là chợ.

- Vĩnh, săn vịt ở đâu?

- Không có đầm thì săn trong chợ. Cậu nệ gì, miễn có vịt là được ... mà còn chắc chắn chọn được con béo, và rút khoát bảy tám ngàn rẻ hơn hai thằng lặn lội cả buổi trong bùn; mà Kim cũng chẳng phải đợi chờ ... Hiệu quả kinh tế tuyệt đối nhá!

- Nhưng mà vịt nhà chứ không phải vịt trời.

- Vịt nào chẳng là vịt? Báo chí các cậu chẳng khỏi chuyện lợn nhà, cá nhà thành lợn tập thể, cá tập thể là gì.

- Thôi được! Vậy cậu để tớ trả tiền rồi cho tớ mượn khẩu súng. Tớ treo con vịt lên cành cây làm một phát dòm. Chả lẽ để Kim thất vọng. Hắn vốn thích của thiên nhiên mà:

- Tuyệt, tuyệt! Đúng là phải có bàn tay chuyên môn. Quả thật mình chưa nghĩ được trò này ... Nhưng tiền thì cứ để mình trả. Phù thủy đèn gà là sẽ công bằng.

- Phù thủy đèn gà! Phúc dài giọng ra - Lạc hậu rồi ông ơi. Bây giờ cần bao nhiêu đệ tử phải mổ tất. Đấy, khỏi ông vung bạc tỷ nhà nước ề cổ ra mà chịu đấy! Có sao đâu?

- Sao cậu không tương lên báo? Báo chí các cậu đang được nước lắm cơ mà?

- Được là với loại giám đốc tép riu như cậu! Bọn tớ chả dại mớ dãi ngựa.

- Chọc tiết mình thì dễ quá. Thế mà đồ cậu chọc được đây! Hà, ha ... thế mới là sự đời chứ.

Nồi cháo vịt thật tuyệt vời, phần vì tài nấu nướng của Kim, phần vì sự chuẩn bị gia vị đầy đủ của Vĩnh, phần vì mọi người đều đói ngấu. Nhưng có lẽ cái chính mọi người đều hài lòng.

Vĩnh hài lòng vì được sống lại cái tuổi mười tám đôi mươi của "ba chàng ngự lâm pháo thủ". Phúc hài lòng vì sự quá thành công làm Kim vui đến vậy. Kim cứ trầm trồ khen con vịt trời mà béo thế, phát đạn bắn tài thế: chỉ trúng ống chân không làm nát một tí thịt nào. Kim hài lòng vì đã làm được hai người vui vì hầm tương bịp được Kim. Chị dâu có ngốc không phân biệt được vịt trời với vịt nhà.

Ăn xong, Vĩnh lấy trong ngực áo ra một phong bì đầy cộp, đưa cho hai người:

- Tài liệu đây, các cậu xem đi. Xem tại đây hay về phòng tớ thì tùy, chìa khoá đây. Ba giờ chiều sẽ gặp lại nhau. Bây giờ mình phải lên huyện vì đã có hẹn.

Tài liệu gồm hai biên bản thanh tra của một huyện, một tỉnh và một báo cáo của Vĩnh. Báo cáo

của Vĩnh các con số thống kê đều rõ ràng và đặc biệt rõ ràng là Vĩnh nhận trách nhiệm và đề nghị cách chức giám đốc của mình. Liếc nhìn các con số tổng kết của hai báo cáo thanh tra, Phúc thấy không cần đọc nữa vì chúng hoàn toàn khớp nhau.

- Thật là một bản tự kiểm điểm lý tưởng. Không hiểu vì sao sự việc vẫn chưa được giải quyết để người ta phải thư từ, kiện cáo? Hay là còn có chuyện gì đằng sau? Phúc nói với Kim.

- Đúng là có chuyện nên sự việc thế này vẫn chưa được xử lý. Nhưng mình tin bản tự kiểm điểm này ... Bằng ấy năm trời vẫn con người ấy: sự kiện rõ ràng, lời lẽ sáng sủa, trách nhiệm phân minh.

Chiều hôm ấy khi chia tay, Vĩnh nói với hai người:

- Các cậu giúp mình, tác động với trên giải quyết dứt điểm đi. Để lòng nhùng thế này khổ lắm. Hai năm rồi chứ ít gì đâu.

Sự việc quả là không đơn giản. Làm việc với lãnh đạo sở Phúc càng thấy rối rắm. Giám đốc thì bảo:

- Người thì bảo phải truy tố, người thì bảo đây là một người trong sáng cần có sự chăm chú. Tuy góc nhìn, chính xác hơn là tùy quyền lợi từng người.

Phó giám đốc kiêm bí thư đảng uỷ thì nói:

- Không đơn giản như Vĩnh tự nhận. Và lại phải nghĩ đến công ăn việc làm của một trăm năm mươi người. Lấy ai thay được đồng chí ấy bây giờ chứ?

Còn trưởng ban thanh tra thì bảo:

- Ý kiến tôi đã ghi trong biên bản. Tôi chỉ kết luận, còn xử lý là do lãnh đạo. Ông cười nói thêm - mà việc gì phải nhiều khi người ta đã quyết? ... Đã quyết thế nào ấy à? ... Như vậy mà cứ để như vậy có nghĩa là cứ để như vậy chứ sao ...!

Trước khi về Hà Nội, Phúc bàn với Kim tiếp tục tìm hiểu vấn đề còn anh sẽ tác động với bộ. Nhưng về đến toà soạn anh đề nghị cử phóng viên khác vì Vĩnh là bạn sợ mang tiếng không khách quan. Lý do chính không thể nói ra là anh không muốn chạm đến vị phó chủ tịch anh đang nhờ cậy xin đất làm nhà cho cậu em mà anh đã cảm thấy có liên quan đến việc của xí nghiệp Vĩnh.

Tuy vậy Phúc vẫn thường xuyên về C. nắm tình hình Hoàng Xá vì đây là cái cầu thuận tiện nhất để trở lại với Kim; mà cũng phải cầm chừng quan hệ giữa Kim với Vĩnh ...; và lại, cũng cần phải củng cố tình thân và cả nắm gáy (nếu có thời cơ) vị phó chủ tịch nọ.

Kim thì lao vào công việc với tất cả khả năng, phần vì đây là việc liên quan đến Vĩnh, phần vì chị không thích công tác thanh tra. Chị hy vọng

việc này được làm minh bạch sẽ được chuyển công tác. Thời buổi này đã mấy thủ trưởng thích thanh tra thực sự làm việc. Và bao nhiêu điều ngạc nhiên đã đến với Kim.

Ngạc nhiên thứ nhất là tổng cộng chi phí cho các đoàn thanh tra, các đoàn nhà báo (hai năm đã có đến ba đoàn báo chí) về vụ việc này tới trên bảy triệu đồng, gần bằng một nửa số thất thoát phải tìm. Đành rằng Kim đã đôi ba lần được ghé tiếp các đoàn khách "ních ken quăng ra, cô la quăng vào, xâm banh dộc ngược" chị cũng không ngờ tốn kém đến mức này.

Ngạc nhiên thứ hai là không ngờ Vĩnh lại ương hâm đến vậy, cứ khăng khăng "mình đã quyết thì mình chịu", không chịu lùi người khác vào cuộc. Vĩnh đã cả tin và cả cả nể cho nhiều người ứng mượn gạch ngói để "kịp xây dựng", cho mua chịu, cho cả vay vốn liên kết chẳng có giấy tờ pháp lý gì.

Và đây là điều ngạc nhiên thứ ba: chính cái sự đang nhận chìm Vĩnh lại là miếng đệm không để anh chìm hẳn. Không hiểu vì sợ cuối cùng Vĩnh lật hết cả ra hay vì không nỡ thẳng tay với người mà mang vạ vì mình mà sự việc cứ dờ dang ở các đoàn thanh tra ... Kim còn biết, đến phút này vẫn có một vị đang bảo Vĩnh vận dụng để cho vài vạn viên "gạch vỡ".

Kim nổi cáu với Vĩnh:

- Anh là kẻ bạc nhược. Phải Kim thì Kim đã nói toạc ra, găm sạch các vị vào hồ sơ từ lâu rồi.

- Thế cho nên cậu mới là cái Kim găm.

- Tôi găm cả anh nữa đây! Coi chừng!

- Thì Kim đã găm mình suốt hai chục năm rồi còn gì. Giọng Vinh chột chìm xuống và rầu rĩ khác thường.

Kim nhìn Vinh rồi vội bỏ đi ngay không thì nước mắt trào ra mắt.

Về đến nhà, Kim đã thấy Phúc đợi. Nắng chiều vàng rực. Chiếc Dream 100 màu mận chín bóng lộn làm Phúc càng rực rỡ trong bộ com-lê màu sáng. Tối nay Phúc được mời đi dự lễ khai trương một cơ sở du lịch, và anh đã được Kim nhận lời cùng đi.

Kim soạn chiếc áo dài màu hoàng yến mà một năm không xỏ tay quá hai bận. Và khi trang điểm, tự nhiên chị xoa đậm thêm một chút phấn, kẻ đậm thêm một chút lông mày và làm hồng thêm một chút môi. Chị bật cười khi thấy cái mặt trong gương cũng có vẻ hài lòng.

Mà sao lại không hài lòng với cái rõ ràng thú vị hơn cơ chứ? Biết thế nào là cơ hội? Là năng động? Mà kiên định không khéo lại bảo thủ. Không thể lặp lại cái lưỡng lự xưa. Chẳng còn đâu hai mươi năm nữa mà sửa chữa.

Chợt ngoài sân có tiếng ồn như đánh cướp. Kim vội chạy ra thì thấy Phúc đang mồm thì rít lên đến lạc cả giọng: "Ông thì giết chết mày, ông thì giết chết mày", tay thì dìm cổ thằng bé, tay thì bẻ quặt nó ra sau lưng, còn chân thì liên tục lên gối lên vào mặt, vào ngực nó.

Thằng bé chỉ "hự, hự" không kêu được thành tiếng; máu mồm máu mũi trào ra đỏ lôm.

Kim vội xông vào giữ tay Phúc:

- Thôi, thôi, đánh chết thằng bé bây giờ.

- Phải đánh cho nó chết! Phải đánh cho nó chết ... Nó cậy cái công tơ mét của tôi ... ời giờ ơi! nó làm sứt cả sơn đây này.

Thằng bé thoát đòn đang vừa quệt máu vừa lôm côm bò dậy thì lại đập mặt xuống đất vì cú đập như trời giáng.

- Mẹ mày! Làm hỏng hết áo của ông rồi!

Kim lặng lẽ bỏ vào nhà, khép cửa lại. Lấy khăn lau phấn son, cất áo vào tủ. Hai tình cảm trái ngược nhau xâm chiếm lòng chị: xấu hổ với hàng xóm và thanh thản với bản thân. Thôi thì cũng là may. Đời người có thể mắc nhiều sai lầm nhưng không một lần được sai lầm về nhân bản.

Kim chợt nhớ đến Vinh. Giờ này chắc anh đang làm cát bụi. Dù có buồn vì em bỏ đi, dù có chán chường nghề giám đốc, dù có canh cánh

với những biên bản thanh tra như lưới gươm Đa-clo-mét⁽⁴⁾ trên đầu thì anh vẫn trần lưng ra để có đủ gạch ngói cho khu dịch vụ Thanh Xuân kịp hoàn thành cuối năm nay ... Em biết chắc chắn như vậy, hỡi người đàn ông khốn khổ của em ơi!.

*Tháng 10-1992
Đặng Quang Tình*

(4) Daclomès: Lưới gươm treo bằng lông đuôi ngựa lơ lửng trên đầu một vị hoàng đế theo lịch sử Ma-xê-đoan

NGƯỜI ẮN

Hồ Anh Thái

Sau từng ấy năm trời sống với người Ấn Độ, giờ thì ở bất cứ một phòng chờ sân bay nào tôi cũng nhận ra họ ngay, cho dù trong phòng chờ là cả một hỗn hợp các màu da và sắc tộc. Họ đấy, hẳn cả một gia đình phu thê phụ tử, nước da xám chì gần như ngả sang màu đen cũng có, hồng hào màu lúa mì cũng có, mà trắng tinh giien trội dòng giống Aryan cũng có. Cả một gia đình đi với nhau là thành riêng một thế giới, chuyện trò cười đùa huyên náo và suồng sã, như thể xung quanh thế giới của họ là một sa mạc không sự sống. Nhưng nếu đi chỉ có một mình thì một mình họ là cả một vũ trụ đang cần sự thám hiểm và họ chẳng muốn mất công tản mạn ra ngoài để bắt quen hoặc gây cảm tình với những sinh vật đang nhón nháo đứng ngồi trong phòng chờ.

Tôi đã phát hiện ra một vũ trụ đơn độc như thế. Chàng trai rõ ràng là đi một mình, ngồi một

ghế dường như chưa đủ, anh ta còn đặt chiếc ba lô để chiếm nốt chiếc ghế bên cạnh. Tôi tiến lại, chứng tỏ cái thâm niên Ấn Độ của mình bằng chính ngôn ngữ mẹ đẻ của anh ta để bắt chuyện. Chẳng mẫn mà cho lắm, anh chàng nhắc chiếc ba lô đen sọc trắng hình chiếc thập tự cách điệu để nhường chỗ cho tôi. Chiếc ba lô không được đặt xuống nền nhà sạch sẽ và sáng bóng như tôi tưởng. Anh chàng đặt nó lên đùi mình, như đó là một người thân cũng cần có một chỗ ngồi đáng hoàng. Hai cánh tay vòng quanh ôm gọn cái túi, anh ta có lẽ đã quên phất rằng người ngoại quốc ngồi cạnh có thể chuyện trò bằng ngôn ngữ của anh. Thế là chính chiếc ba lô lại trở thành một thế giới bí ẩn, thậm chí cái không khí bí ẩn lẫn lộn hồ nghi cứ mỗi lúc một đậm đặc bao quanh nó khiến tôi bất chợt đã nghĩ rằng anh chàng có những món hàng mà hải quan nước nào cũng phát rồ lên vì sướng nếu như phát hiện được.

Rốt cục thì anh ta đã không giữ được nguyên tắc của mình là cách ly với tôi như với bất kỳ kẻ lạ nào. Có lẽ là nhờ việc chuyển bay Bangkok-Delhi bị chậm sáu giờ đồng hồ vì lý do kỹ thuật đột xuất. Thêm sáu giờ nữa trong tình cảnh đã phải ngồi chờ những bốn giờ rồi. Thế là tôi được nghe chuyện của anh chàng, cái câu chuyện mà tôi phải cảm ơn sự chậm trễ của hãng hàng không và

nhờ đó mới giải toả được sự ngờ vực của tôi về chiếc ba lô nọ.

*
* *

Tôi gặp nàng lần đầu ở trước một ngôi đền Hindu giáo. Dù cho nàng có mặc sari như mọi phụ nữ Ấn Độ, dù cho nàng hơi bé nhỏ và lọt thỏm giữa những người đàn bà Ấn to béo xung quanh thì tôi vẫn phát hiện ra nàng từ xa, ngay từ khi nàng ở những bậc đá bên bờ sông Hằng đi lên. Đạo ấy tôi làm nghề hướng dẫn du lịch đã được dăm năm, phản ứng nghề nghiệp trước một người khách ngoại quốc đã gần đạt tới trình độ của một người đi săn đánh hơi được con mồi béo. Ngay lập tức tôi tiếp cận nàng, kịp thời xác lập chủ quyền trước những đồng nghiệp đang lảng vảng xung quanh. Nàng xem ra không cần đến tôi mà chứng tỏ rằng mình không phải là khách ở đây bằng cách xăm xăm đến trước cổng đền, tuột vội đôi dép cao gót ở chỗ gửi giày dép, rồi xăm xăm định bước vào bên trong. Tôi ngăn nàng lại. Kịp trước khi người coi giày dép và gác cửa có một phản ứng mà người ngoại quốc thường cho là lỗ mãng. Người nước ngoài không được phép vào đây, mà nàng theo tôi hiểu là một người phương Tây chính cống. Vì sao, nàng có vẻ rất sung sướng, nàng đã đi thăm rất nhiều

đền đài Hindu trong cái thị trấn này, thậm chí nàng vừa mới nhúng chân xuống nước thánh sông Hằng trong khi hàng trăm người hành hương đang hì hục tắm rửa cho sạch trôi tội lỗi, có ai ngăn cấm nàng đâu? Thế mà có đây, cái giáo phái Hindu khắc kỷ xây nên một ngôi đền này ghê sợ tất cả những gì ô uế mang nhãn hiệu ngoại quốc. Nàng trót sinh ra là một sinh vật không trong sạch loại ấy thì nên đi thôi, xung quanh đây còn nhiều chùa chiền mà nàng được phép vào. Vậy là nàng đã chính thức chấp nhận tôi là hướng dẫn viên, và khoản tiền thù lao chắc chắn sẽ hậu hĩnh hơn số tiền của người Ấn keo xin rất nhiều.

Tôi đưa nàng đi thăm ba ngôi đền khác. Cả ba nơi này vẫn không làm cho nàng quên được cái ngôi đền cấm giáo kia, và chính vì bị cấm mà nàng rất muốn vào xem trong đó có gì, nếu không thì hôm nay nàng không sao yên tâm mà trở về nhà. Tôi bắt đầu dao động. Kể ra trong bộ sari, nàng chỉ cần kéo vạt sari trùm lên mái tóc vàng và che nửa mặt thì tôi có thể khoác tay nàng đi vào đền như một cặp vợ chồng Ấn Độ đi hành hương.

Chúng tôi đi lẫn vào trong những toán người ùn ùn kéo tới và lọt qua cửa một cách êm thấm, vào tận chính diện dự một cuộc hành lễ trong ánh lửa bập bùng đốt bằng bơ tinh khiết. Tâm thần nàng tưởng như cũng phiêu diêu lơ lửng đâu đó

trên cao theo những câu kinh *mantra* bí ẩn mà vị giáo sĩ đang ngân nga. Cô nàng ngoại quốc cái gì cũng hỏi tại sao này chắc đang cố hiểu cho được những âm thanh kỳ lạ nọ, những cách thức cúng tế cũng lạ lùng không kém nọ.

Mái tóc vàng của nàng đã làm hồng tất cả. Đột ngột, tấm sari trùm đầu tuột xuống và mái tóc vàng sáng bừng lên trong chính diện mê muội khối hương, mê mị đèn nến và hơi mồ hôi hăm hập. Tất cả chết lặng đi, tê tái trước một sự xúc phạm khủng khiếp chưa từng thấy, cứng đờ cả ra vì cái mục tiêu trợ trọi ấy cứ tênh hênh bày ra đấy như sẵn sàng chờ đón hoả lực từ mọi phía.

He Ram (trời ơi), quân dị giáo! Ông giáo sĩ là người đầu tiên nắc lên được mấy tiếng khàn khàn như ngạt hơi. *He Ram!* Tôi tỉnh ra, kéo mạnh tấm sari, chụp lên đầu nàng rồi lôi nàng sục bừa vào đám người đứng sau, lao ra phía cửa. *He Ram! He Ram!* Đám đông lúc này mới đủ thời gian bị kích động, xô nhau chạy hỗn loạn. Có người đuổi thì có người chạy. Có người chạy tức là có thủ phạm. Khi tất cả cùng gào thét và đuổi bắt thì chẳng mấy chốc chẳng còn biết đâu là thủ phạm nữa.

Chúng tôi thoát được ra phố, nhảy lên một chiếc xe lam và chỉ chốc lát đã tới ngoại ô, giờ mới biết vợ chồng nàng là những người mới đến thuê biệt thự ở đầu làng tôi được nửa tháng nay. Chồng

nàng là một nhà khảo cổ danh tiếng của xứ Ăng-lê, lần này sang Ấn Độ chỉ đạo khai quật một di chỉ thuộc nền văn hoá sông Hằng cách làng tôi chừng ba mươi dặm. Ngày nào ông cũng sáng đi tối về. Nàng không biết gì về khảo cổ, nên chẳng theo chồng ra phơi nắng để mà xem những di vật sứt sọc vô nghĩa. Nàng cũng không biết gì về Ấn Độ, nên mới nảy ra ý định Ấn Độ hoá bằng một tấm sari và tha thần thâm nhập đây đó.

Về tới nơi, nàng mời tôi vào nhà bằng được để thưởng thức một cốc sirô táo nàng mang từ London sang. Dù sao tôi cũng là người cứu nạn cho nàng, thêm nữa bây giờ lại là người cùng làng. Cậu tên là gì? Navin, Navin nghĩa là gì? Một cái tên vậy thôi, còn tôi là Katherine Robson, nhưng cứ gọi tôi là Kitty, cũng chỉ là một cái tên vậy thôi.

Kitty giờ mấy pho tượng nhỏ bằng đá mua được trong nửa tháng qua để khoe. Nàng chìa cho tôi một pho tượng Ganes bụng phệ căng rốn, đáng ngồi tinh toạ an nhàn, đáng ngồi ấy là của một người sung sướng, thế mà lại phải mang một cái đầu voi và cái vòi thả trước bụng. Uẩn khúc gì đây, éo le gì đây? Ông ta là con của thần Siva và Parvati, khi Siva ra đi thì Ganes còn rất nhỏ. Sau một thời gian dài trở lại, đập vào mắt Siva không phải là cảnh người vợ đang mòn mỏi chờ chồng mà nàng đang vui vẻ chuyện trò với một chàng trai

tuần tú. Siva tuốt gương chém bay đầu chàng trai nọ. Trời ơi, chàng không nhận ra Ganes hay sao, con trai chúng mình đấy mà. Người vợ than khóc đòi Siva phải làm cho Ganes sống lại ngay. Siva bèn thề rằng sẽ thay đầu con trai bằng bất cứ đầu ai là kẻ đầu tiên xuất hiện trước mắt ông. Vừa nói xong thì một con voi từ trong rừng tề lá đi ra.

Kitty lắc đầu khó hiểu. Khủng khiếp quá cái ông Siva ấy, chỉ là ngồi chuyện trò như tôi và cậu thế này mà cũng chém mất một cái đầu. Đến lượt tôi rờn rợn vì sự vụn vào cảnh huống cụ thể của mình. Chừng như Kitty cũng đoán được ý nghĩ của tôi, nàng bật cười khanh khách. Đừng lo, chồng tôi, cái ông già Brian ấy lành lặn, miễn là đừng động vào những cái vòng đồng vòng sắt và những cái xác ướp mà ông ấy đào được. Nàng bỗng xích lại gần rồi ôm hôn tôi như tiện mà hôn thế thôi. Anh biết không, Navin, anh giống hệt cái ngôi đền nọ, trong thì đẹp, đáng yêu lắm, nhưng khó hiểu lắm. Mà tại sao người ta lại không cho phép tôi được vào nhỉ? Cái ôm hôn hơi lâu, mà cũng chỉ để nói mỗi một điều là người Ấn khó hiểu, khó vào. Chẳng lẽ người Ấn lại cứ phải trắng tinh cả ra, tóc cứ vàng rực bùng sáng cả lên, và tâm can cứ lộ lộ mòn một như lỗ cá phơi bụng trong những tấm lưới cất lên từ dưới sông Hằng?

Tôi gỡ được nàng ra một cách khôn khéo.

Người mẹ quá cố đã dạy tôi tương đối chu đáo về thân phận mình. Cuộc sống trong làng chẳng chịt đẳng cấp đã dạy tôi chính xác đâu là vị trí của mình. Nàng cười phá lên, tiếng cười rõ ràng và sáng bóng khiến tôi thấy không còn lý do gì để mà run rẩy và ngượng ngùng như lúc nãy. Nàng muốn tôi dạy nàng cách nấu một số món ăn Ấn Độ. Tôi bằng lòng ngay, và cũng về nhà mang ngay sang cho nàng một số dụng cụ làm bánh chapati cùng gia vị làm món gà tanduri.

Kể từ đó tôi bỏ cái nghề hướng dẫn du lịch thu nhập thất thường để làm đầu bếp cho gia đình Kitty. Bữa đầu tiên, ông già Brian vui mừng thực sự vì cuối cùng Kitty cũng đã làm quen được với một số người Ấn Độ chính cống trong nhà mình, và vì thế nàng có thể tiếp tục ở lại đây cho tới khi ông hoàn tất công việc. Mừng vì những món ăn Ấn Độ nấu tại nhà không dậy mùi gay gắt như ở các quán ăn và ông có thể thưởng thức được. Tôi tiếp thu rất nhanh cách nấu các món ăn Âu mà Kitty dạy. Rồi tôi làm được các kiểu bánh, làm kem và pudding trắng miệng. Tóm lại là vợ chồng Brian đều rất hài lòng, họ thiếu những món ăn quen thuộc ngay ở một làng quê nhiệt đới rất xa châu Âu này. Mỗi ngày một vài giờ, vào những lúc rỗi rãi, Kitty bổ túc cho cái tiếng Anh

trường huyện của tôi. Buổi chiều, khi Brian trở về, ngồi uống trà bên một chiếc bàn mây giữa khu vườn, Kitty đưa cho ông xem quyển vở bài tập của tôi để khoe rằng tôi là một anh chàng sáng dạ. Brian đọc với một nụ cười tủm tỉm thú vị, rồi đưa trả quyển vở cho Kitty. Có vài cái lỗi chính tả, không quan trọng. Lỗi chính tả mà không quan trọng ư? Cái anh chàng này còn phải sửa nhiều, sửa từ cái nhỏ thì mới tránh được cái sai lớn. Nhìn vợ hăm hở đặt bút dò từng câu, rồi gạch xóa, Brian cười độ lượng. Mục đích cao nhất của ngôn ngữ là để con người hiểu nhau, hiểu được nhau rồi thì lỗi chính tả chỉ là vài sợi cỏ mắc dưới gót giày. Đến thế Kitty vẫn không chịu, lại còn quay ra quyết tâm sửa bằng được lỗi phát âm đặc sệt Ấn Độ của tôi với chữ e-rơ quá lộ trong những từ *park*, *father*, *hair*. Nàng bảo có như vậy thì nay mai khi vợ chồng nàng đem theo tôi về Lodon, tôi có thể đăng hoàng hoà nhập mà không sợ bị chê cười. Tôi chỉ biết cảm ơn mà nói rằng mặc dù rất muốn xuất dương, tôi cũng không thể rời bỏ nơi này ra đi được, tôi đã hứa với người mẹ quá cố sẽ không khi nào bỏ mà đi xa.

Mẹ tôi chết thảm vì một lần duy nhất tôi phạm sai lầm, một lần duy nhất tôi không ở bên cạnh để bảo vệ bà. Cho nên trên đường

sang thế giới bên kia, cơn hải hùng bị bỏ một mình cô độc chống chọi với mười mấy con thú lốt người vẫn đeo đẳng theo bà, bà đòi tôi phải hứa sẽ không bao giờ bỏ người mẹ lại một mình. Cha tôi mất khi tôi còn bé lắm, để lại mẹ tôi một mình nuôi con. Sống để nuôi con cũng chưa đủ là một lý do để mẹ tôi được kính trọng trong làng. Người đàn bà đức hạnh là phải lên lút lên dần hoả táng để mà chết theo chồng cơ, như thế mới đáng trọng. Chúng tôi không theo đạo Hindu, không thực hành cái thủ tục đã bị hiến pháp cấm này và vì thế trước lệ làng mẹ tôi bị khinh rẻ. Khinh rẻ mà từ xã trưởng cho tới cảnh sát trưởng và lão cho vay nợ lãi đều lúng liếng đưa tình, có dịp là thò tay bóc vải chấm mút. Miếng nguội không được, miếng sốt chẳng xong, chúng quay ra đặt điều nói xấu mẹ tôi và bôi nhọ lẫn nhau. Rồi một khi tất cả các tình địch đều bị khinh bỉ cự tuyệt thì chúng lại tìm đến nhau, hợp sức để cùng đập đổ. Tôi khi ấy đã lớn, sức vóc căng đầy trong cơ bắp, lúc nào cũng có vũ khí và khi nào cũng kè kè bên mẹ những lúc tối trời. Chỉ có một buổi sơ xuất, không kịp đón mẹ đi qua cánh đồng hoa cải trở về loàng mà tai hoạ khủng khiếp đã xảy ra. Chắc chắn chỉ là mười mấy con quỷ ác dâm và cuồng dâm đó thôi, nhưng trời tôi quá và trước

pháp luật tôi không có bằng chứng và nhân chứng. Tôi đắp cho mẹ một nắm mộ trong nghĩa địa bên làng và thề hứa sẽ không bao giờ tái phạm lỗi lầm bỏ người một mình đơn độc. Một đêm sau đó dinh cơ của xã trưởng cháy trụi, người ta không tìm được nguyên nhân nào hơn là bị chập điện. Chắc chỉ có mẹ mới biết được vì sao và đã ngậm cười.

Tôi không quên lời hứa hẹn của vợ chồng Kitty, nhưng cũng tương đối dễ dàng tôi coi như điều đó là không có, và tiếp tục cân mẫn như trước. Ai cũng có thể đoán được điều gì sẽ xảy ra giữa một cô chủ chồng vắng nhà suốt ngày, và suốt ngày vào ra quần quýt với một anh chàng đầu bếp trẻ. Tôi còn là trai tân mà cũng lờ mờ đoán biết cái sự việc sẽ xảy đến bất cứ lúc nào và xin thú thực là tôi vừa sợ vừa thêm mong. Vậy nên khi nó đến, tôi cứ để cho nàng cuồng nhiệt bày tỏ rằng chỉ trong vòng một tháng nữa tất cả chúng tôi sẽ cùng trở về London. Tôi sẽ tiếp tục nấu ăn cho cả nhà và nâng cao tiếng Anh. nếu muốn thì sẽ đi học để giặt lấy một mảnh bằng và chỗ đứng trong xã hội, hoặc trở thành đầu bếp trong tiệm ăn Ấn của một khách sạn danh tiếng nào đó, tất cả là tùy thuộc ở tôi. Quả là tôi bị kích động mạnh. Một cái gì đó như là sự ham muốn, như là sự

hàm ơn và muốn mau chóng được đền ơn, trộn lẫn với một thứ tình cảm mờ ảo không sao nắm bắt được. Đã nhiều lần tôi cảm ơn cái ý thức đẳng cấp có trên dưới mấy ngàn năm của Ấn Độ đã giúp tôi không đi quá xa trong quan hệ với cô chủ. Lần này thì tôi quên hết. Cảm ơn chủ trương bình đẳng giai cấp và giải phóng đẳng cấp của nước Cộng hoà Ấn Độ.

Kitty đã thay đổi được con người tôi nhanh chóng không ngờ. Chỉ vừa mới trước đó tôi khăng khăng với nàng rằng tôi không thể ra đi, cho dù rất muốn, bởi vì nơi này còn phần mộ của mẹ tôi, cho dù mẹ tôi qua đời đã được năm năm. Thế mà chỉ lát sau, kẻ mới trở thành đàn ông là tôi đột nhiên phát hiện ra sức mạnh của mình, tràn trề hạnh phúc, dư thừa kiêu hãnh và đầy ắp tự tin. Với một người đàn ông bỗng chốc đã được thay đổi cả cách nghĩ như vậy thì mọi cái không thể đều hoá thành có thể. Tôi không thể theo nàng đi London, vì lẽ gì, có phải vì trước lúc qua đời, người mẹ khôn khổ đã nắm tay tôi mà dặn rằng đừng bao giờ tôi lìa bỏ bà hay không? Rất có thể tôi vẫn ra đi được, mà vẫn giữ được lời hứa với mẹ, có thể lắm chứ.

Và tôi nghĩ ra. Ý nghĩ đột ngột bắn toé lên, lung linh, chói lói, rồi đổ ập xuống như một cột nước sông Hằng dưới ánh trời. Nó đến vừa vặn

mười ngày trước khi ông Brian đi đặt vé máy bay về London, và tôi phải khẳng định lần cuối cùng. Đêm ấy, cả một đêm vừa đủ để tôi lặng lẽ bóc mộ cho mẹ, làm lại một cái mộ như cũ và dùng rượu rửa sạch từng khúc xương. Tôi mua một cái ba lô thật đẹp, chính là cái ba lô sọc đen sọc trắng này, và từ nay tôi có thể bỏ hẳn cái làng ô nhiễm sặc sụa ấy mà ra đi, đến bất cứ một nơi nào đó ở tận châu Âu. Trong phòng chờ sân bay, kể cả lúc mua cà phê cho vợ chồng Brian, tôi vẫn không bỏ cái ba lô lại nhờ họ trông, khiến cả hai người cứ chỉ chỏ chọc tôi về cái chỗ của nả bất khả ly thân.

Về đến London là Brian lăn ra ốm. Vì trùng thương hàn ngủ yên mấy ngàn năm trong những ngôi mộ cổ đã thức dậy quật ông lăn lóc. Ngày nào tôi và Kitty cũng phải tới bệnh viện St. Thomas thăm ông một lần. Có khi tôi mang thêm cho ông mấy cuốn sách, ít băng nhạc, và phải đi một mình, theo đường Victoria mà qua cầu Westminster trên dòng sông Thames sương mù ẩm ướt. Cái xứ cũng lạ kỳ, cứ mù mờ trôi nổi sương khói, cứ thâm trầm đanh lạnh tính người, thế mà trần trần cả ra đến tận những cái hôn và ham muốn tình dục có thể đọc rõ trong cái nháy mắt của một người không quen biết.

Tôi tự hành mình rằng Brian ốm vật vã như

thể là bởi sự cả tin và độ lượng của ông đã bị tôi phản bội. Bất cứ lúc nào khỏi bệnh và trở về nhà ông cũng sẽ thấy cái cảnh mà thần Siva đã thấy: Vợ mình đang lơ lửng chuyện trò với gã trai đầu bếp. Cho nên trong những ngày ấy, tôi chỉ để cho sự thể dừng lại ở mức đối đáp đầu mảy cuối mắt mà thôi. Kitty phát khùng lên và lặp lại cái điệp khúc rằng nàng không sao hiểu nổi người Ấn Độ ngay cả khi tưởng đã hiểu. Chỉ đến hôm từ bệnh viện trở về, sung sướng quá vì Brian đã trở dậy được và được phép ra ngồi ghé đá trong vườn hoa bệnh viện, chúng tôi đã đuổi nhau chạy khắp biệt thự, tung tăng qua bãi cỏ ra tận hồ nước. Rồi lại hào hển ướt át như thể vờn vĩa nhau về tận phòng tôi. Tôi để cho nàng đánh ngã như một đồ vật hạng ruồi kiệt sức nằm ngửa trên xối vật rồi thả lỏng người thụ động tận hưởng sự dâng hiến từ phía nàng. Cứ chờn vờn chênh chao mù mờ và hỗn độn như thế mãi, tưởng như mọi việc đã đến hồi kết thúc được rồi, mà hoá ra nó lại đập cánh ly lạc xa lác xa lơ. Cả hai chúng tôi đều bắt đầu hết kiên nhẫn. Tôi hoang mang điều gì nhỉ? Rõ ràng không phải bị ám ảnh bởi chuyện lưỡi gươm đang lơ lửng trên đầu thần Ganes và sắp bổ xuống. Giờ này Brian chỉ đủ sức đi như dò dẫm từng bước trên lối đi trong vườn hoa bệnh viện mà thôi. Vậy cái gì đang đau đầu trách móc, đang chằm chằm hổ thẹn

gờn gợn quanh tôi?

Tôi đột ngột bừng tỉnh. Đột ngột hét lên một tiếng như bị phát giác. Một tay kéo vội cái chăn phủ lên người Kitty, tay kia giật vội tấm vải giường, quẩn quanh người mình. Tùm hum như vậy trong tấm vải, tôi lao về phía góc nhà, trên đường đi vợ vội chiếc khăn tắm to tướng. Tôi đến trước chiếc ba lô, cúi xuống một cách thận trọng, dùng chiếc khăn lớn phủ trùm lên đó, như kéo một tấm màn gió ngăn cách khoảng không chật hẹp ấy với giường ngủ.

Kitty đã ngồi dậy, theo dõi từng động tác của tôi, ánh mắt lạ lùng như muốn hỏi. Tôi kéo nàng nằm xuống và trằn cuồn hoan giờ mới được ào ạt gọi về. Đó là câu trả lời của tôi. Đó lại là câu hỏi càng lớn dần lên của Kitty. Đàn bà thật lạ lùng, gì cũng thắc mắc, gì cũng thóc mách và khi không kiềm chế nổi, họ đi đến tận cùng của sự muốn biết và tai hoạ xảy ra.

Hễ lần nào tôi quên kéo tấm màn gió che giữa giường ngủ và chiếc ba lô thì sự lê thê rã rời tới mức tưởng thất bại đến nơi sẽ làm cho tôi sực nhớ. Một lần, sau khi tôi đã thi u thi u ngủ, thì Kitty nhẹ nhàng bò dậy, lục cục trong phòng. Một tiếng rú sắc nhọn rồi ghen tặc như của người bị bóp cổ. Tôi kịp vùng dậy để đỡ lấy nàng trần trụi và tái nhợt toàn thân. Nàng vừa

lên mở chiếc ba lô ra và nhìn thấy những gì mà tôi che đậy lâu nay.

Phải mất một thời gian tôi mới làm cho nàng thực sự tin rằng tôi không phải là một kẻ gây án mạng và đem giấu hài cốt của nạn nhân trong phòng mình. Từ đó nàng tránh vào phòng tôi, và địa điểm được chuyển tới là chiếc salon phòng khách. Nhưng những việc như thế không phải bạ chỗ nào cũng thích hợp. Nàng lại chỉ thích cái phòng ngủ hẹp và ấm cúng của tôi. Kitty thuyết phục tôi đưa mẹ ra bãi cỏ ven hồ trong dinh cơ nhà nàng. Không được, mẹ tôi không nằm ở đất lạ quê người, tôi cũng không thể để mẹ bơ vơ ngoài tầm mắt tôi được, Kitty chỉ còn biết thở dài ầm ục và không thoả mãn trên chiếc salon.

Một buổi, trong khi dọn phòng, tôi nhắc chiếc ba lô lên và thốt người thấy nó nhẹ bỗng. Mở tung ra thì thấy bên trong rỗng không. Làm sao mà trong cơn kinh hoàng tôi lại hiểu ra nhanh như thế. Tôi lờ lờ gào thét đuổi theo Kitty từ tầng dưới lên tầng trên, lên tới tầng ba thì tôi tóm được nàng. Tôi bóp chặt đôi vai nàng đau chảy nước mắt. Tôi giữ nàng tới tả như giữ một cái túi bông. Không chịu nổi sự tra tấn điên cuồng, nàng ú ớ chỉ tay ra phía hồ nước.

Tôi sục xuống một góc hồ nông chền, vớt

lên từng mẩu từng khúc xương. Rồi tôi bày cả bộ xương trên bãi cỏ mà đếm đếm ghép ghép. Mọi thứ được tìm thấy rất nhanh, chỉ riêng đôi bàn tay bị thiếu mất mấy đốt. Sùng sục vầy vò trong bùn nước suốt một buổi vẫn không tìm thấy. Điền hết cả người, tôi lao về nhà, một lần nữa lại chộp được Kitty. Lần này thử đôi bàn tay tôi siết chặt cổ nàng trong một phút hầu như không còn tri giác. Kitty run giật, giãy giụa, ằng ặc như đang cười, ằng ặc như mỗi lần ở trên giường chúng tôi đến với nhau vậy. Cái âm thanh phát ra từ cổ họng đang bị bóp ngạt ra ấy đã cứu nàng. Tôi choàng tỉnh và xô bắn nàng ra.

Ánh mắt người mẹ đã mất mà vẫn còn bị đối xử tàn tệ lúc nào cũng hiển hiện như trách cứ. Mỗi lần nhìn thấy chiếc ba lô, tôi lại thấy mẹ với đôi bàn tay sứt sẹo thiếu ngón như tay người hủi. Hết thấy những cái đó khiến tôi, dù có bình tâm lại theo thời gian, dù đã được Kitty van nài, xin tha thứ, tôi vẫn trở nên lạnh lẽo như dòng sông Thames trong những tháng sương mù. Kể cũng có vài ba lần chúng tôi gặp nhau trên tám thềm Kashmir trong phòng khách, nhưng hề tôi động vào người Kitty là nàng lại cười nắc nẻ, sằng sặc như mọi lần, và tai hại là nó sằng sặc như khi nàng bị tôi

bóp cổ mà bộ xương vẫn đang được lắp ghép dở dang ở bãi cỏ ngoài kia.

Tôi không sao tiếp tục được nữa.

Cái kết cục phải đến đã đến. Ba lô khoác vai, tôi từ giã nàng, nhận một trận hôn nồng nàn trên khắp gương mặt. Kitty những tưởng tôi sẽ gắn bó với căn nhà này mãi mãi, còn nếu như tôi cứ quyết chí ra đi thì nàng cũng sẵn sàng quyết định trong một phút và tay trắng ra đi cùng tôi. Tôi phải chặt vật lăm mới làm cho nàng hiểu rằng vấn đề không phải ở ngôi nhà, mà là ở chính nàng kia, và do vậy dù nàng có thể bỏ hết mà theo tôi thì sự thể cũng chẳng khác hơn chút nào. Kitty trầm ngâm hồi lâu, rồi lùi lại, dăm dăm nhìn tôi từ phía xa, như dăm dăm nhìn cái ngôi đền Hindu của giáo phái khắc kỷ nọ, nàng bảo cũng muốn lên vào cho biết mà không vào được, cũng chẳng làm sao biết được, nhưng dù cho không biết có gì bí ẩn trong đó thì ngôi đền vẫn cứ đẹp, vẫn cứ quyền rũ như thường. Tôi cũng ghé lại bệnh viện để chào Brian, nhưng lại mang vẻ hồi lỗi như với một người cha làm ông rất ngạc nhiên. Brian chỉ quen với những di vật và những xác ướp không hề biết hồi lỗi.

Sau đó, nhờ những người đồng hương, tôi xin được chân đầu bếp trong một quán ăn Ấn ở

London. Rồi tôi sang Bangkok nấu ăn cho khách sạn. Có một nhóm chiêu đãi viên hàng không châu Âu thường xuyên nghỉ lại khách sạn mỗi chuyến bay đến muộn. Một cô trong đó còn lần được ra phòng tôi, tình nguyện làm khách trọ tạm bợ qua đêm. Cô ta khen đàn ông Ấn đậm đà và quyến rũ, không trắng nhợt nhạt nhẽo như người Âu. Nhưng sau bước chung đụng, cô ta tự cho mình cái quyền được biết tất cả về tôi, được lục soát những gì tôi có, lục soát cả chiếc ba lô mà tôi đã ý tứ cất trong tủ. Cô ta hoảng hồn, nói mãi không ra hơi. Tới khi tôi chủ động bảo rằng tôi còn có mấy chiếc ba lô như thế nữa trong phòng này, mỗi chiếc là một người tình tạm bợ cho qua đêm như cô, thì cô ta đã nhấc được chân lên, cũng không quên vớ lấy chiếc ví đầm của mình trên mặt bàn, rồi bỏ chạy vĩnh viễn.

*
* *

Máy bay tới Delhi lúc mờ sáng. Tôi lấy được hành lý và đi qua các cửa khá nhanh. Nhưng Navin thì mãi vẫn không thấy ra, có lẽ anh ta bị mắc lại ở khu vực hải quan. Cái cảnh nhón nháo trước và sau mỗi chuyến bay đã khiến chúng tôi không kịp chào nhau lần cuối. Chắc là chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại, ở những

con đường hiển hiện trên mặt đất còn khó gặp, nữa là những tuyến đường bay vô hình chằng chịt trên không.

Sáng hôm sau, tôi bắt được một mẫu tin ngắn trên tờ *Thời báo Ấn Độ*: "Cảnh sát sân bay trong khi kiểm tra ba lô của một hành khách đã phát hiện ra ... một bộ xương người. Hành khách tên là Navin cho biết đây là hài cốt của người mẹ và anh ta là người thân duy nhất còn lại trong gia đình. Lần này Navin về thăm lại quê hương, trước khi tiếp tục đi làm ăn ở vùng Vịnh và sẽ còn đi nhiều nơi nữa. Navin nói bao giờ có ý định định cư chắc chắn ở một nơi nào thì khi đó anh ta mới đem chôn cố định bộ hài cốt này".

New Delhi 15-4-1993

NGƯỜI LÀM RA ĐỘNG ĐẤT

Nguyễn Quang Thân

Thế là cuối cùng lão Hạ đã bút ra khỏi nhà.

Khi thằng con lão nói một câu hỗn xược và đưa con dâu quảng cái chổi cùn vào góc nhà làm què chân con Lu thì giá có một cái giếng lão sẽ nhảy xuống ngay. Nhưng lão chỉ ra khỏi nhà, vì trời đang mưa, lão chộp lấy cái áo vải bạt của nhân viên đường sắt khoác vào người. Đôi chân người tuần đường ngày trước xô đẩy lão vào đường tàu. Như con ngựa chiến nghe tiếng gươm khua trước mặt, lão Hạ bước lên những thanh tà vẹt, thanh nào cũng in một vết lõm dấu giày vải do lão tạo nên mà cũng chỉ lão mới nhìn thấy, cảm thấy khi đặt chân vào đó. Giờ thì mưa đã thấm vào chiếc áo khoác cũ làm lão có nguôi đi chút ít. Lão đã có chút bình tâm để cảm thấy con Lu đang chạy theo mình phía sau. Lão quay đầu lại nhìn. Con chó già kéo lê một chân sau qua đám đá củ đậu. Lão Hạ đứng lại đợi nó. Con chó bước đến, lông nhỏ nước

ròng rọc, đôi mắt màu tro nhìn lão không chớp như muốn nói với lão: "Tôi biết mà, rồi thế nào cũng có ngày này ...". Lão Hạ đặt tay lên cái đầu ướt của con chó. Như chỉ chờ có thế, nó liền ngồi lên hai chân sau, thè lưỡi đỏ và nóng như ngọn lửa liếm hai bàn tay lão. Lão đi qua miếng đất trồng rau cải lớn nhón đá đường tàu, con chó lê theo sau mỗi lúc nhanh hơn. Rồi lão bước vào lối đường mòn giữa đồi sim, dưới đồi sim là bãi cỏ tranh có những vũng trâu đầm. Phía xa là thị trấn ngày một cao lên nhờ mái nhà ngói của đám buôn sắt vụn mới nổi, sau thị trấn là con đường số Một chạy song song với đường sắt thì không bao giờ nhìn thấy. Lão sỏi bước trên những thanh tà vẹt. Những súc gỗ trám tấm hắc ín tro ra trước mưa nắng và hơi ẩm bốc lên trong mùa mưa từ lớp đất đá đường tàu. Bây giờ trời cũng đang mưa, mưa nhỏ lâm thâm mấy ngày nay rồi, những hạt mưa lúc nhìn thấy lúc không nhìn thấy, rơi xuống như rây bột từ những đám mây rầu rĩ. Trời mưa xuân nó thế, mưa đầm xuân nó thế.

Cách đây ba mươi năm, những cô gái cắt cỏ ven đồi đã là những người đầu tiên nhìn thấy lão - tất nhiên hồi đó lão còn trẻ và hoạt - bước lên những thanh tà vẹt loang lổ vết dầu ăy. Hồi đó, tay xách đèn, tay chống gậy, mỗi ngày mỗi lượt đi mỗi lượt về, đúng giờ giấc như cái đồng hồ vậy. Đó

là những năm lão còn làm nghề tuần đường, những đêm tối trời mưa gió, núi đồi chung quanh bốn bề vắng lặng, không một bóng người, không một tiếng chim, cả những con chuột chủ cũng đành nhịn đói ngủ trong hang, không chịu chút dưới chân lão trong hốc tối ẩm ướt dưới các thanh tà vẹt. Lão thui thủi đi hàng cây số cho hết quãng đường nhà ga giao cho rồi ngồi xuống đợi ông già Thu, người tuần đường phía bên kia. Vì trẻ hơn nên bao giờ lão cũng đến trước và phải đợi. Lão ngồi xuống mép đường tàu, lấy cái ống điều làm bằng ống pháo sáng nhặt được hồi đánh nhau ở mặt trận Trung Lào ra hút. Lão hút và đợi ông già Thu. Chỗ lão ngồi đợi là một hòn đá mẹ chèn một nửa xuống đất, chỗ đó bây giờ lõm xuống một đám tròn tròn. Sau khi bàn giao đường với ông già Thu lão lại quay về ga xếp của lão, thấp lên trong phòng ngọn Hoa kỳ xanh lét như đom đóm, xuống bếp tập thể ăn vội bữa cơm chị nuôi để dành cho rồi ra hiên nhà ga ngồi chuyện gẫu, đợi chuyến tàu đêm sẽ tới, yên chí chạy qua quãng đường lão vừa đi tua về.

Bây giờ thì lão đang bước đi, không đèn, không gậy, không còn cái dáng nghiêm túc của một nhân viên đường sắt. Con chó vẫn lê cái chân què theo sau, nó còn biết rằng nó đi theo chủ, còn lão đi về đâu, lão không nghĩ tới nữa. Lão chỉ biết cắm cúi

nhìn giữa hai thanh ray như chạy dài đến vô tận, giữa cảnh đồi núi heo hút quãng đường lão sẽ đi chắc là không có giới hạn với hai mươi một ngàn năm trăm bảy mươi hai thanh tà vẹt mà đã hàng chục năm nay Nhà nước phó thác cho lão.

Lão Hạ ngồi xuống đường ray vì chỗ đầu gối trái bỗng đau nhức, lão biết tính nết cái đầu gối ấy, hễ cứ đi một đoạn dài dài là nó phản thùng, nhưng ngồi xuống một chốc, xoa xoa một vài cái là yên ngay. Lại còn cái bụng lục ục vì lão đang đói, lão chưa kịp ăn cơm. Bữa tối thường là bữa ăn chính của lão vì chu trong bữa tối lão mới được ngồi ăn với con trai, con dâu. Bữa trưa ăn một mình như ăn vụng, nuốt không nổi. Lão bỗng nhớ ngày còn vợ, tuy có hai người trong nhà nhưng mỗi người là một hòn đảo. Trong khi bà vợ lấy việc đánh bóng thật kỹ những cái nồi nhôm và chì chiết lão để làm vui thì sau bữa cơm, lão lui về cái góc của lão. Sau một ngày cô đơn giữa hai thanh ray lạnh giá, tối lão lui về tắm phản gụ kê sát tường nhà, pha ấm chè vào cái ấm chuyên nhỏ như quả hồng xiêm, hai tay lão ôm chặt lấy cái ấm cho trà khỏi nguội, có lần nước trong phích đã lạnh tanh, lão hết hy vọng uống trà tươi, vậy mà ôm cái ấm trong hai bàn tay một lúc, lão đã làm nước sôi lên và hơi chè toả ra thơm ngát. Lần đó lão có lấy làm lạ, nhưng rồi lão bỗng hiểu ra mình còn có

sức nóng nào đó trong người, ít nhất cũng còn đủ làm sôi một ấm trà và không nên tuyệt vọng. Rồi lão hít một hơi thuốc Lào, ngả trên tấm phản mà nghỉ miên man. Chuyện của lão thì chẳng cao xa phức tạp gì, thường là lão nhớ lại cuộc đời mấy mươi năm của mình, từ thời còn vác hái đi gặt thuê, nhưng đó là đoạn đời thêm nhạt, không sao cả. Lão nhớ hồi đó lão chỉ thêm có hai thứ, đó là món cá quả nấu ăm mà nhà lão Chánh Hội làng Bùng vẫn nấu để thết khách đánh tổ tôm vào lúc nửa đêm, và một thứ nữa, cô gái đầu lòng của lão chánh, lão không nhớ, không thương cô ta, nhưng lão thêm cô ta vào lúc nửa đêm chợt tỉnh vì tiếng cười từ cái chiếu tổ tôm ngoài nhà, trong người tràn đầy, hé tấm chiếu ra mà nhìn trộm, mà thêm muốn cô ta lúc cô ta bung nôi cá ăm lên nhà trên cho khách, người cô ta toát lên cái mùi thơm của thì là và lá dấp cá. Nhưng rồi suốt một đời trai trẻ, cày bừa, gặt hái như con trâu lặn, cả hai thứ ấy lão chẳng được ném bao giờ. Phủi tay xong đoạn đời cũ chẳng ra cái quái gì, lão cùng bạn bè được một lần khoái lên trên gác nhà tri huyện ngày ta cướp chính quyền, lúc huyện Quỳnh mót đi ngoài nó phải nói khó: "Dạ bẩm đồng chí cho em ra sau ạ!" Có lần giữa đêm khuya ông huyện bị giam lỏng tại gia dúi vào tay lão một xấp tiền xin lão được lên xuống nhà dưới với cô vợ bé một chốc,

lão trả lại tiền ông ta và nói: "Người của cách mạng không biết ăn dút, cho ông xuống để ông dẻ ra huyện con hả?" Nghĩ cũng khoái thật, những ngày đó. Rồi lão thành anh bộ đội, anh tuần đường. Cái hôm chuyển ngành về Tổng cục, ông cán bộ tổ chức hỏi: "Đồng chí làm gì ở quân đội?" Lão nói tôi là bộ binh, anh ta mừng lắm: "Vậy thì hợp với nghề tuần đường, chúng tôi đang cần người tuần đường đây!" Và thế là lão thành người tuần đường. Rồi có một lần, lần duy nhất, lão đã gặp và thấy nhớ một người chẵn dẻ, lão nhớ da diết, yêu thương da diết đứng ngồi không yên, nhưng có điều lạ là chẳng bao giờ lão nghĩ tới chuyện thêm thuồng được ngủ với chị như lão đã từng thêm cô con gái nhà ông Chánh Hội kia. Lão biết rằng trước sau rồi thế nào người ta cũng chạm phải vòng tình ái và tình ái mà lão chạm phải ấy là từ ngôi nhà trên một mái đồi cách đường tàu một đoạn không xa, ngôi nhà ấy của người đàn bà làm lão mê mẩn mà không dám thêm muốn, bao giờ cũng có ánh đèn và tiếng dẻ kêu vào ban đêm, còn ban ngày thì cả mái tranh cũng được dát bằng vàng. Nhưng rồi lão đã thoát ra khỏi vòng tình ái ấy mà chẳng được chút gì ngoài cái đau khổ và nhớ nhung đến bây giờ vẫn chưa nguôi. Rồi lão lấy vợ, dẻ con, một gái, một trai, tất cả những chuyện đó cứ xảy ra cái này tiếp cái kia như xếp bát vào

chạn ngoài ý muốn của lão. Kể ra thì mấy tháng đầu cô vợ có làm lão thích thú, nhưng ngay sau đó, không hiểu sao lão thấy mình cạn cả sức lực, và những lần chung đụng với cô ta, lão cảm thấy mệt và chán không chịu nổi. Sau khi tất cả những thứ đó trở thành nổi nhọc nhằn như số phận an bài, cuộc sống gia đình của lão thu về cái phần có ấm trà được hâm nóng giữa hai bàn tay thường làm lão nghĩ một cách đơn giản rằng mình còn có một xô sức nóng để dành như củi gác trên giàn mà chưa dùng tới. Ngoài công việc tuần đường và những buồn vui với cơ quan nhà ga, cuộc sống tâm tư của lão thu dần về tấm phản gụ mà lão thường nằm dấn xuống sau lúc ăn cơm để suy nghĩ về cuộc đời. Những ý nghĩ day dứt có làm người lão nóng lên và tấm phản vốn mát lạnh cũng nóng lên chút ít cho đến một ngày nọ, khi giặt cái áo may ô cũ để lau tấm phản, lão nhận ra thân hình tấm thước của mình in lõm vào mặt gỗ gụ cũng như những vết cây nhỏ li ti. Qua một chút thẳng thốt lão hiểu ra rằng, nước chảy đá mòn và cái hình người lõm xuống ấy, những vết rễ cây đã mọc ra từ chính con người lão. Lão hoảng hốt trải một tấm chiếu lên, nhưng khi nằm trên chiếu thì cái đầu của lão cứ đặc như hạt bí, lão chẳng còn được cái thú nghĩ miên man về những thứ trở thành thức ăn nuôi dưỡng tinh thần của lão, đó là ngôi nhà của mái

dát bằng vàng trên đồi cỏ, người đàn bà đã quá xa vời mà lão đã từng mơ ước được hầu hạ, chăm sóc và chung sống. Cũng có lúc lão nghĩ tới ngày nào đó mình sẽ chết thì lão sợ hãi đến nghẹt thở. Lão ngồi bật dậy trong khi cảm thấy dưới lưng mình những cái rỗ nhỏ li ti đứt rời ra như khi người ta nhổ cái cây khỏi mặt đất. Lão nhớ lại những vết chân của mình in trên hai mươi một ngàn năm trăm bảy mươi hai cái tà vẹt, đám lồm của đôi móng lão trên mặt hòn đá chỗ lão vẫn ngồi để đợi ông già Thu. Cũng may mà tất cả những vết lồm in sâu vào tấm phản, vào dãy tà vẹt, vào hòn đá tảng kia chưa ai nhìn thấy, ngoài lão ra. Lúc đó lão có ý nghĩ chân thành làm sao xoá được tất cả những cái vệt ấy đi và một lần nữa lão nghĩ rằng mình còn có thể làm được rất nhiều việc trước khi chết.

Nhưng trước mặt lão bây giờ chỉ là con đường tàu mất hút sau những đồi tranh. Trước đây, qua cầu sắt, đi hai cây số nữa là lão phải quay lại. Còn bây giờ lão có thể đi mãi, đi đến chân trời mà không bị ràng buộc gì. Con đường cũng đang chạy trốn trong mưa, cái đêm mưa miền Trung đến sớm thường làm ngày ngắn lại, làm người ta phát hoảng lên vì chưa làm được mấy việc trong ngày. Con Lu có vẻ thú vị vì lão đã cho nó đi theo, đã ngồi xuống nghỉ đúng lúc cái chân đau của nó tấy

lên dữ dội, nó bỗng nhớ lại nét mặt giận dữ của người con dâu với đôi má xị ra. Nó đâm nuôi tiếc những ngày ông chủ chưa có bà vợ, chưa có cậu con trai, chưa có cô con dâu mà chỉ có mình nó. Tuy đã sống gần ba mươi năm, thọ gấp ba lần một con chó bình thường nhưng nó vẫn muốn sống lại thời gian như thế nữa với lão Hạ, chỉ với lão mà thôi. Nhớ ngày lão vội vàng cưới vợ như phải chạy tang, khi cô dâu bước vào nhà, nó đã sửa lên với tiếng sửa báo trước điềm bất hạnh của nhà tiên tri, rồi khi thằng con trai khóc oe oe trong tay bà mẹ, nó cũng đã sửa như thế. Rồi khi cô con dâu kia đến, nó cũng đã gào lên như thế. Chỉ một lần, khi đứa con gái đầu ra đời chưa đủ tháng, bé như con chuột đỏ hỏn nằm trên manh chiếu giữa cái nôi chao lắc là một nỗi thương xót tràn ngập lòng nó và nó yên lặng nhìn cái mẫu người bé nhỏ kia với đôi mắt dịu dàng. Và lần nữa trước đó, khi cùng lão Hạ đi dọc con đường tàu, lần đầu tiên chủ nó và cả bản thân nó nữa nhìn thấy ngôi nhà có ánh đèn giữa hai quả đồi thơm mùi chôn bạc má lẫn mùi da thịt người đàn bà mà nó đã cảm thấy từ rất xa khi hai thầy trò còn ở bên kia cầu, cách ngôi nhà kia một giờ đi bộ. Lúc đấy nó biết rõ đây là người đàn bà của chủ mình và nó đã khóc vì hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc không đến với lão Hạ và nó, còn xa xôi hơn cả mùi trứng chim hoạ

mi nó vẫn mơ màng được nằm trong những đêm trăng. Khi lão Hạ đón bà chủ phốp pháp hay câu bản kia về nhà, cái bà chủ mà lão tìm thấy ở đâu đó một cách vội vã do cái tính nhu nhược của lão, nó giận lão và đã sửa lên để báo điềm bất hạnh.

Và kia, ánh đèn rực rỡ trên đôi thoang thoảng mùi cỏ tranh và mùi chồn bạc má. Con Lu khắc khắc lên mấy tiếng như hóc phải xương. Nó khóc.

*
* *

Lão Hạ sững sờ, dừng lại. Ngôi nhà có mái dất bằng vàng giờ đang sáng trên đồi kia, cái vàng sáng mà lão vẫn nuốt nước mắt mỗi lần đi qua trong những buổi tuần đường trước ngày về hưu còn sau khi nghỉ việc thì lão không một lần nhìn thấy nữa, bây giờ đang hiện ra trước mắt lão. Điện đã đi qua đây vì phía sau mái đồi, hợp tác xã vừa khánh thành một nhà máy thủy điện nhỏ và xinh như quả trứng chim bồ câu, dòng điện chỉ đủ cho khu nhà trụ sở Ủy ban xã chạy máy xay xát và làm sáng một vài nhà trại trên mấy quả đồi. Con Lu sửa lên mấy tiếng vui mừng, lần này thì nó dứt khoát hơn, nó ngồi hẳn lên cái chân đau và nhìn ông chủ với đôi mắt sáng rực trong đêm tối. Lão Hạ biết là nó vừa khóc. Lão đặt bàn tay rét run lên đầu nó, nói như nựng: "Ta đi thôi, con!" Nhưng

con Lu không chịu đứng dậy vì nó biết ông chủ cũng đang khóc và những lời thúc giục đi kia chỉ là dối lòng. Bất giác như hiểu được những ý nghĩ đúng đắn của con chó, lão Hạ nhìn lên mái đồi và thở dài. "Được rồi, ta sẽ ngồi nghỉ một lát", lão bới rôi. Rồi lão vòng hai tay ôm lấy con chó già. Ba mươi năm nay, từ ngày theo chủ lão đi dọc đường tàu, chưa lần nào nó được ông lão âu yếm như thế. Hai bàn tay lão đặt lên mũi con chó nóng như lửa. "Tao với mày bây giờ là tứ cố vô thân - Lão Hạ nói với con chó - Mày hiểu cho tao, tao đâu có định qua nơi này, Lu ạ, cái chuyện cũ ấy nó cày xới ruột gan tao ...". Nhưng con Lu vẫn rét, lông nó ép sát vào tấm thân chỉ còn da với xương, cả lão Hạ nữa, cái rét, cái đói làm răng lão cắn vào nhau lập cập. Phải tìm chỗ trú thôi. Lão chợt nhớ phía bên kia đường tàu vẫn có một cái lều cho bày dè trú mưa. Lão vẫy con Lu rời khỏi đường tàu khi một trận mưa ào đến, màn nước che khuất ngôi nhà trên đồi, mưa xối trôi luôn mùi cỏ tranh lẫn mùi khét chồn bạc má, mùi thơm của những con chồn hương đi đến đâu là từ hai hòn đá bé tí phả vào không gian mùi vị của mùa xuân và thơ ca. Cái buổi chiều mưa nay đã trở thành đồng lõa với sự mềm yếu của lòng người. Một tiếng dè be ... e kéo dài và não ruột vọng đến qua làn mưa, tiếng kêu bất lực và tuyệt vọng của con dè già nào đó.

Lần theo tiếng dê kêu, lão Hạ và con Lu tìm đến cái lều trú mưa. Lão nhìn thấy con dê già có bộ lông đen nhúc đang bị cột vào góc lều như trời dầy. Nó giẫm hai chân và nhảy căng lên khi nhận ra ông bạn tuần đường ngày trước "Mày hãy còn sống ư?" - Lão Hạ ngạc nhiên về tuổi thọ của nó, thốt lên thành lời. Ba mươi năm nay, hễ khi lão đi qua đây thì nó dẫn đàn dê cái thê thiếp của nó cắt ngang đường tàu để sang đồi cỏ. Nó chứng kiến tất cả cũng như biết rằng chính nó đã duy trì đàn dê, cuộc sống và sự tồn tại của những người trong ngôi nhà dát vàng ấy. "Vậy mà bây giờ mày cũng sống một mình - Lão Hạ vỗ vỗ đầu con dê cụt vể thông cảm pha chút xót xa - những con dê cái mày chăn dắt đi đâu hết rồi? Bà chủ của mày đi đâu rồi? ..." Lão Hạ an ủi con dê rồi ngồi xuống cạnh nó trong khi con chó Lu nằm áp người vào hông con dê già to lớn nhưng gầy nhẳng để sưởi bộ lông ướt át.

Cuộc gặp gỡ với con dê đã gây cho lão Hạ một cảm giác xót xa. Vào quãng thời gian khi những người cắt cỏ ven đường tàu chán mắt thôi không nhìn cái anh tuần đường lực lưỡng, cần mẫn và rất đúng giờ, làm cái nghề lạ lùng là xách đèn đi đi về về ấy thì Hạ cũng bắt đầu nhìn ngó chung quanh. Đạo ấy trời cũng mưa. Hạ rét run trong cái áo vải bạt ướt, còn đôi ủng ngâm nước thì kêu như dưới

chân có một con ếch con. Mưa miền này dai khủng khiếp. Ngày lại ngày, suốt trên một quãng đường tàu vắng vẻ. Hạ chỉ gặp mỗi con chồn bạc má, nó chạy ngang qua đường sắt rồi dừng lại nhìn cái đèn của Hạ, sau đó biến mất trong bụi lau cạnh đường, Hạ tưởng như con chồn đang hỏi mình: cái anh chàng này sống để làm gì nhỉ? Ta chỉ chạy qua chứ đâu phải đi dọc đường sắt quanh năm suốt tháng như hấn? Hạ mang theo một miếng bánh "nấp hằm" luộc bằng bột mì hồi đó rất sẵn và mỗi lần đi qua bụi lau, anh đặt vào một cái hộc hoặc cho con chồn. Khi làm việc đó, anh thường tưởng tượng rằng con chồn có một đàn con mà anh chồn thì đang ồm ồm đâu đó trong bụi lau. Từ đó anh hay gặp lại nó hơn và nó đã thành người bạn chung thủy. Cho đến ngày một quả bom rơi trúng bụi lau và cách đây hai trăm mét, Hạ nhặt được một cái đuôi chồn. Hôm ấy Hạ đi qua quả đồi và nhìn thấy ngôi nhà. Không phải ánh lửa đèn mà thứ ánh sáng lạ lùng nào đó từ ngôi nhà toả xuống đường tàu. Hạ không tin vào mắt mình bởi anh tưởng ngôi nhà mới mọc lên trong đêm mưa ấy. Ngày hôm sau thì anh không còn phân vân nữa. Ngôi nhà đang ở trên đồi, vì ban ngày nên anh không nhìn thấy cái mái nhà dát vàng. Anh ngỡ là ánh nắng lấp lánh trên mái cỏ tranh lợp rất phẳng, nhưng mãi rồi anh vẫn không khẳng định

được đó là anh nắng hay là vàng. Đêm hôm sau anh vẫn thấy hào quang và ngay sau đó, dưới mắt anh cái mái nhà ấy đã thật sự bằng vàng. Lúc đó nó không lấp lánh đến chói mắt mà chỉ hắt lên nền trời mưa gió vùn vủ thứ ánh sáng ngọt ngào của mặt trăng trong những ngày chín tới. Như bị ngôi nhà thu hút, không lần nào đi qua mà Hạ không dừng lại dưới chân đồi một chút. Rồi một hôm, cái hôm hạnh phúc loé lên để tắt ngấm vĩnh viễn. Hạ nghe thấy tiếng dê kêu từ phía ngôi nhà. Tiếng dê kêu mạnh mẽ dương lực và có vẻ dị thường dưới một mái nhà dị thường làm Hạ nghĩ tới những chuyện hoang đường hồi nhỏ. Gốc đa, giếng nước, con dê thần, con hồ tinh vốn trước đây là một người con gái thác oan ... Nhưng tất cả vẫn rất thật, quá thật trước mắt anh. Một người đàn bà cầm chiếc roi bện thừng như roi ngựa đang dồn con dê xuống chân đồi. Chị có đôi vai rộng, bộ ngực nở nang như sắp bay lên từ sau cái yếm nhuộm nâu, tay cầm cái roi quất đen đét, miệng chửi ngoa ngoắt và tục tũn. Chị khác với những cô gái cắt cỏ quanh đường tàu thường mảnh khảnh và xin xắn, nhẹ nhõm như những con chim. Bộ mặt chị là hiện thân của vẻ đẹp rắn rỏi của đá hoa cương, mặt của những bức tượng tượng bà Hạ vẫn thấy trong những ngôi miếu hồi nhỏ. Khi con dê và sau nó là một đàn dê cái ngấp ngừng bước qua đường tàu,

chị nhìn Hạ chào anh và lúc đó Hạ cảm thấy mình khó ở. Anh không khát, không thèm mà ghen ngào, trống rỗng trong lồng ngực. Qua vài câu chào hỏi, người đàn bà đỏ mặt vì nhận ra anh tuần đường đã đứng ở đây từ lâu, anh ta có thể nghe thấy những tiếng chửi tục tĩu của chị khi lăng mạ tính buông tuồng của con dê đối với bầy dê cái nhà. Cả cái cảm giác xấu hổ ấy nữa cũng như một chất nước đường thêm vào cốc rượu làm Hạ choáng váng thêm. Con Lu thì ve vẩy đuôi như đón một người quen cũ. Ngay hôm đó nếu không có nó thì Hạ đã bỏ qua một cây gỗ đổ xuống ngang đường tàu và anh đã đi quá sang địa phận ông già Thu năm cây số. Về nhà, Hạ đau đầu rồi đắng miệng, nằm liệt giường năm ngày, không ăn, không uống, xông lá bưởi cũng không ra một giọt mồ hôi. Những chuyến tàu vẫn chạy qua ga trong những ngày đó, nhưng khi trở lại đi làm, anh tuần đường vừa sút đi bảy kilô gặp lại một người đàn bà khác, chị vẫn lừa đàn dê xuống chân đồi vào đúng giờ ấy nhưng cái thân hình rắn rỏi, mập mạp hôm trước đã đổi thay, trước mắt Hạ là một người đàn bà mảnh khảnh, hơi xanh xao nhưng đầy vẻ sắc sảo và linh hoạt. Cái dáng vẻ mới mẻ này có một vỏ bọc vô hình nhưng bất khả xâm phạm, chính vì vậy mà bội phần say đắm. Hạ thường nghe người ta nói rằng tính ghen tuông của những

người chồng có vợ đẹp thường tạo ra một lớp vỏ bọc bằng thủy tinh quanh vợ mình và nhờ lớp vỏ bọc này những người vợ có chồng hay ghen càng trở nên hấp dẫn. Hạ thấy mình khoẻ hẳn lên khi gặp lại chị, mồ hôi bông đổ ra như tắm, thứ mồ hôi xông đến một bó lá bưởi to mà chẳng thấy giọt nào. Về phần chị chẵn dê cũng vậy. Chị vẫn ít nói, vẫn giữ vẻ thẹn thùng của người đàn bà nông thôn đã có chồng nhưng điều đó kết hợp với những cử chỉ táo tợn và sắc sảo hiếm có chỉ thấy ở những người sinh ra trong những gia đình có quyền thế. Chị vẫn quát mắng con dê, vẫn hươ hươ cái roi kêu đen đét. Sau vài câu chào hỏi, chị than phiền với anh tuần đường đang run như sậy trước mặt mình rằng, không hiểu sao từ hôm gặp anh ta đến nay chị đâm trái nết, chiều hôm đó chị quên dẫn con dê vào chuồng, sau đó lại lạc mất đường về nhà mới tệ chứ. Rồi đổ bệnh, đau đầu, đắng miệng, nằm liệt giường suốt năm ngày ròng rã, không ăn, không uống, vật trụi lá hai cây bưởi nấu nước xông mà không ra một giọt mồ hôi. Hạ không kịp ngạc nhiên về sự trùng lặp bệnh tật giữa hai người bởi tim anh như đứng lại khi biết được chị đã có chồng. Vậy là mọi chuyện đã rõ. Cái bệnh tương tự mà Hạ chỉ mới nghe nói tới ở trong ca dao đã tóm được hai người, cũng ở trong ca dao và những lời huyền truyền muôn thuở trong lũy tre

thì đó là một bệnh nan y, những ai mắc phải bệnh này đều thường khó tránh khỏi gây mòn rồi chết nếu như họ không được sánh đôi mãi mãi. Bởi vì họ đói nhau như người nghèo đói cơm đói khoai và nếu không được ăn thì sẽ chết. Hạ đau lòng nghĩ tới hoàn cảnh ngặt nghèo khi chim đã vào lồng, cá đã cắn câu và nụ tâm xuân đã nở hoa tím biếc. Cái xót xa của người đàn ông bước xuống vườn cà càng thêm phần xót xa vì Hạ đâu phải anh chàng nông dân thuở nào, Hạ là một anh bộ đội chuyển ngành, một nhân viên đường sắt, có bao nhiêu ràng buộc.

Người đàn bà có chồng ấy tên là Chắt. Người trong làng vẫn gọi chị là Chắt Dê để phân biệt chị với nhiều chị Chắt trong vùng. Vợ chồng chị là gia đình đầu tiên đến khai hoang ở xóm Trại. Mười bảy tuổi, đi làm về, mẹ chị bảo: "Hôm nay có người đến xem mặt đất" chị không nói gì chỉ tủm tỉm cười. Vài hôm sau anh chồng đến, chị trông cũng hay hay mà anh ta lại biết ăn trầu, đôi môi cắn chỉ trông đến ngộ. Rồi chị về nhà chồng. Lúc đó bà con mới vào hợp tác, chị Chắt đi cấy "tập đoàn", gánh phân "tập đoàn", chị có duyên, mặn mà nên đám trai làng hay trêu chị. Anh Thục, sau này người ta gọi là Thục Dê, nổi máu ghen, không cho chị đi làm đồng nữa. Đi làm, anh khoá chị lại trong buồng.

Nhưng lấy gì mà ăn? Anh bỏ ruộng, bỏ làng, bỏ cả cha mẹ, anh em, kiếm ít vốn rồi đưa vợ vào trại vỡ đất, làm nhà. Từ nay là không có chuyện đi làm "tập đoàn" nữa đâu nhé. Anh mua mấy con dê cho chị đi chăn và một cái cân tạ để cân dê bán cho lái nhưng sau anh thấy mấy tay lái dê lẳng lơ trông thật khả nghi, anh không nuôi dê thịt nữa mà mang dê con ra chợ bán. Thu nhập chính của vợ chồng anh ngoài mấy trăm gốc sắn và đám rau màu trên mái đồi, đều dựa vào đàn dê. Con dê đực của anh dần dần nổi tiếng nhờ nó sản xuất ra những con dê con thật đẹp, chóng lớn. Và anh Thực nuôi chí làm giàu kia bắt đầu bán cái dương lực của con dê cho các nhà nuôi dê trong vùng.

Mặc dù anh đã tha chị Chắt về nhà như con cọp tha con heo vào rừng, những ngày tháng ngỡ ngàng và sợ hãi rồi cũng qua đi. Giá như không có chuyện gì xảy ra thì cũng như những cô gái quê khác, chị đã có thể sống cùng anh những ngày tạm gọi là yên ả, sinh con đẻ cái, làm lụng, bép núc, để một ngày nào đó bỗng nhận ra mình đã không hề yêu thương chồng và chỉ còn ngồi mà nuôi tiếc tuổi xuân qua đi. Nhưng chị không có cái phần ấy. Anh mê mãi làm giàu bằng mọi cách, anh thường nói với chị rằng, trước sau rồi xóm trại cũng sẽ vào hợp tác, lúc đó thì anh chị có tài thánh cũng chẳng

ngóc đầu lên được, vậy thì, giờ đây, khi đã có cái nhà, đàn dê và một quả đồi hoang hoá để vùng vẫy, họ không thể an phận thủ thường được. Anh vỡ đất trồng hành, trồng cà chua, đóng hẳn một cái xe trượt cho ba con dê cái không còn sinh đẻ kéo các thứ ra chợ thị trấn bán. Anh vào rừng chặt nữa, đặt từng bó lên hai vai về rào quả đồi lại bằng một cái rào mắt cáo chắc chắn để yên chí là không ai có thể dòm ngó các thứ cây quả đang sinh sôi nảy nở và người vợ đẹp của anh. Anh thường làm cả đêm và bắt chị thức với anh, chị cầm những cây đuốc càboong làm bằng bã mía và nhựa trám đốt lên, soi dọc những luống cà chua dài như lòng ham muốn của con người, cho anh bỏ phân, làm cỏ đến tận nửa đêm hay hơn nữa. Rồi anh vào buồng chị, cởi cái áo bao giờ cũng có một túi tiền nặng vắt lên nắp hòm chuông đựng thóc, anh áp tấm lưng cánh phản vào tường đất nện cho nó nguội và thấm hết mồ hôi, rồi anh lật đi, lật lại chị trên giường như vẫn thường đảo những lát sắn phơi trong nia ngoài sân giữa những ngày nắng tháng năm gió Lào gầm thét. Chị thường tỉnh dậy lúc trời chưa bảnh mắt, xương cốt mỏi nhừ, chưa hết sợ hãi thì đã nghe tiếng anh la hét cái gì đó sau vườn nhà. Vì có đàn dê cần người chăn và đồi núi vắng vẻ, không sợ cảnh quạ quắp trứng gà giữa ban ngày nên anh không khoá chị lại trong

buồng nữa. Tuy vậy chị thường khổ sở vì chuyện ghen tuông đầu đầu, đang ân ái cuồng nhiệt, anh đẩy chị ra xa hay đâm chị thùm thụp như người ta đập vải không thương tiếc. Thật ra thì chị oan uổng vì khi anh nghi chị "đu đờn với mấy thằng đốt than", chị hái sim một mình cùng với bầy dê đông đúc, bằng chứng là chị thường bỏ cơm tối vì đã ăn quá nhiều quả rừng và hai hàm răng cùng đôi môi của chị tím ngắt như sim. Rồi đến đêm ấy, trăng sáng gần như ban ngày, trăng sáng đến nỗi con gà trống bay ra khỏi chuồng và tung thóc gọi mái, vì trăng sáng nên chị không phải cầm đuốc cào bông cho anh rải phân hay cuốc đất, chị được đi ngủ sớm và hề được ngủ một mình không bị anh quấy quả, ngầy ngà là chị thường mơ thấy cánh đồng cỏ tháng năm cháy tấp trong gió Lào nhưng những bụi sim vẫn nở hoa. Đêm ấy, sau khi gánh được bảy mươi hai gánh phân bón xong hai ngàn gốc sắn, trong khi nghỉ vai, anh cuốc thêm một đám đất hoang ước khoảng nửa sào. Rồi anh vào buồng chị, cởi áo có túi tiền quảng lên hòm khoá chuồng còn quần thì vứt xuống nền nhà mát lạnh, anh lên giường lật chị lại như trở một lát sắn trên nia. Anh loay hoay một lúc, chị đã cố giúp đỡ anh nhưng đến gà gáy canh hai thì anh khóc. Anh khóc cho sự bất lực của người chồng, chủ một con dê nổi tiếng và một cô vợ trẻ nông nần, đầm

thắm. Tiếng khóc rống của anh vọng qua một dãy đồi cỏ gianh đã bắt đầu đông đúc dân cư ...

Chẳng bao lâu, có lẽ trong ngày hôm sau, mọi người trong xóm Trại đều biết chuyện ấy. Một bà già am hiểu chuyện cổ tích an ủi chị rằng ngày xưa có một ông già phải đào cả một hũ vàng chôn dưới cây đào phân phát cho hàng xóm nghèo khổ, cây đào mới nở hoa, ra quả. Một bà khác thâm thuý hơn thì bảo rằng, khi trong nhà có một con dê hốt ra tiền ra bạc như thế thì người đàn ông phải khóc, đó là lẽ công bằng Trời Phật an bài. Được cái này thì phải mất cái kia. Những người khác có đọc sách và thích "đi sâu vào vấn đề" (trong đó có một ông giáo lẳng lơ) thì cho rằng, chính vì anh Thục quá ghen, tính ghen tuông là biểu hiện của lòng tham và sự yếu đuối, anh cả ghen đến mức chính anh cũng sợ hãi khi ân ái với vợ mình. "Nó ghen với cả thằng phó nhỏ của nó nên nó phải khóc là đúng", ông giáo gật gù kết luận.

Bây giờ đến lượt chị khóc. Chị tìm những chỗ kín nhất trong nhà để ngồi khóc. Chị khóc lúc ngồi chần dê bên bờ suối hay sau một đám lau cạnh đường tàu. Chị trở nên cáu gắt và bực bội, hay chửi tục và thường quát roi đen đét một cách sột ruột khi phải đứng chờ con dê tràn trề sinh lực ban phát ân sủng cho đàn dê cái trước cửa chuồng mỗi sáng. Mấy cô gái làng, ít hơn chị vài tuổi

nhưng có học, khuyên chị li dị với chồng. Chị đang ậm ừ thì mấy con ranh ấy đã tung tin ra. Và thế là ngày nào cũng có một người bà con, lúc ông cậu, lúc bà thím, lúc một ông tộc trưởng bên nhà chồng đến khuyên can chị. Tất cả đều nói rằng, có ai lại đi bỏ một người chồng tốt như thế chỉ vì một chuyện vu vơ nhằm nhí, nói lên mà phát nguơng. Trong khi đó thì chồng chị trước kia còn thừa thớt, chứ từ cái đêm bị thảm ấy, hôm nào anh cũng vào buồng chị. Nhưng rồi đêm nào anh cũng khóc rống lên từ khi rấm trấu trong bếp đến canh hai, còn chị thì khóc ở những nơi kín đáo, không chỉ vì mỗi chuyện đó thôi mà vì anh ngày càng ghen tuông dữ dội, anh ghen cả với những người khách xa lạ đến nhà mà được chị chào hỏi niềm nở, tử tế. Cuộc sống gia đình thật nặng nề, nhưng việc làm ăn đang khấm khá an ủi, xoa dịu chị được phần nào và chị không muốn tính đến chuyện li dị nữa, kể cả sau khi chị gặp được anh tuần đường.

Khi biết chị có chồng rồi, Hạ tìm cách lánh mặt nhưng anh không bỏ được nghề tuần đường, anh cũng không thể mỗi ngày hai lần không được nhìn thấy chị, người đàn bà hôm thì béo, hôm thì gầy cũng như anh lúc béo lúc gầy tùy theo họ được gặp nhau sau thời gian lâu hay chóng. Và cái bệnh tương tự nguy hiểm ấy vẫn cứ tóm lấy hai người. Lúc Hạ bị sốt thì chị cũng sốt. Hạ bị ho thì chị

cũng ho và những người thỉnh tai hàng xóm quăng giữa đoạn đường tàu quả quyết rằng họ nghe thấy hai người cùng ho một lúc. Nhưng dù bệnh tật thế nào, hễ gặp nhau là cùng khỏi bệnh. Từ đó họ đã biết cách tự chữa bệnh cho mình. Họ gặp nhau lâu hơn, chuyện trò với nhau nhiều hơn, những lúc đó Hạ bước ra khỏi đường tàu đến ngồi bên chị sau một bụi muồng muồng to như cái cột thóc, xung quanh họ những con dê cái nhảy tung tăng, ăn lá cây hoặc gặm cỏ. Hạ nhìn thấy lớp vỏ bọc mà những người chồng hay ghen tạo ra xung quanh vợ mình, anh giữ được khoảng cách nhưng không sao giữ được bình tĩnh. Anh nghệt thở, run rẩy, dậm ra ngó ngán trước mặt người đàn bà. Trong khi anh vẫn dặt vào cái hốc ven đường tàu một mẩu bánh cho con chồn thì chị thường giấu vào sau tảng đá cho anh một quả mít đầu mùa, một nắm ớt hay nhiều khi cả một con dê bao tử đã luộc. Nhưng chỉ có thế. Cho đến một hôm khi Hạ hỏi chị vì sao có tiếng khóc vào lúc nửa đêm trong nhà chị thì mặt chị đỏ lên, chín nẫu trong nỗi đau khổ không bờ bến. Chị có đủ ngôn từ và tinh tế để kể cho anh nghe nỗi đau khổ ấy. Rồi chị khóc, than phiền rằng giá như chị có một đứa con rồi thì cũng được đi, chị sẽ chịu đựng như bao nhiêu người có người thân đi bộ đội trong làng chị. Đằng này ... Hạ không nghi ngờ gì về chuyện đó, anh cũng hiểu

với mục đích gì chị đã kể cho anh nghe. Trong quãng đời nếm mọi mùi đau khổ của cuộc sống vợ chồng ông cháu bà chuộc đưa lại, ngay cả lúc về già, Hạ phân vân không hiểu lúc đó mình hành động như vậy có đúng không, mình có để lỡ mất một cuộc đời hạnh phúc chắc chắn là không bao giờ ốm đau, không bao giờ cãi cọ, cắn xé, đay nghiến và làm nhục nhau, cuộc đời đáng được hưởng và luật pháp cho phép nếu anh chỉ cần nói lên một lời khuyên chị li dị. Nhưng lúc đó anh đã không dám nói như thế và anh cảm thấy mình trong trắng hoàn toàn, đúng đắn hoàn toàn khi từ chối chị và đó là lần đầu tiên anh không run sợ trước chị. Anh an ủi chị bằng những lời lẽ hết sức đơn giản như các bà trong làng vẫn an ủi chị rằng duyên số chị nó thế, rằng gái ngoan chỉ biết một chồng, rằng dù sao thì chị cũng đã có một gia đình, một con dê đang hái ra tiền ra bạc. Chị tái mặt đi, quất cái roi đen đét, nói xối xả như chan tương đổ mề vào anh rằng chị vẫn thờ chồng nhưng chị không thể sống như thế này được nữa, chị thương anh, (lần đầu tiên chị nói ra lời điều đó) chị muốn cho anh cả con người cả cuộc đời chị chứ không phải chỉ là những quả mít hay những con dê bao tử đã luộc, chị muốn có với anh một đứa con, trai gái gì cũng được và chị ỉa vào cái đồng của cải đang chảy vào nhà chị như nước, chị sẽ giết thịt

con dê đưa ra chợ bán mặc kệ cái tài hái ra tiền của nó đang trở thành điều mĩa mai trở trêu đày đoạ duyên kiếp và tuổi xuân của chị. Rồi chị khóc, trở lại mềm yếu và dễ bảo như giây phút vừa qua chỉ là một cơn mơ điên. Rồi khi thấy người tuần đường nhân nhục và run sợ trước hiểm họa khôn lường đứng như phỗng trước mặt mình, chị quất mạnh cái roi vào anh và chạy lên đồi.

Ngày hôm sau Hạ xin nghỉ phép năm. Một tuần sau anh cưới vợ. Từ đó mỗi lần đi qua ngôi nhà và đoạn đường tàu, nơi chị vẫn đón để được ngồi nói chuyện với anh nay cô đã xanh trở lại vì đàn dê không được chăn dắt ở đó nữa. Hạ vẫn nghe như có tiếng roi quất ở đâu đây. Nhưng anh không gặp người đàn bà ấy lần nào nữa. Chỉ có những buổi chiều rồi rãi ngồi tán gẫu với đám hành khách lựa thưa đợi tàu, anh vẫn nghe như nuốt những lời về huyền thoại một bà nào đó tên là Chắt đang trở nên giàu có nhờ chăn nuôi dê và có một con dê thần. Họ khen bà thật tốt số. Hạ không biết rằng về phần chị, lửa lòng tuy đã tắt nhưng vẫn còn đám than hồng âm ỉ cháy, nung nấu những đêm không ngủ của chị. Khi một ông lang khuyên chị mua bảy mươi sáu con tắc kè ngâm rượu cho chồng uống, mặc dù không thể thiếu tiền bạc, chị chỉ lắc đầu vì biết những con tắc kè giờ đây không làm chị sung sướng được nữa.

Và đêm đêm, khi nhìn thấy một ngọn đèn dầu đỏ đục lắc qua lắc lại trên đường tàu cùng tiếng chó sủa khắc khoải phía xa, chị mở cửa nhìn xuống chân đồi cho đến lúc cái đèn khuất sau một ngọn đồi khác. Lúc đó chị thở dài và khóc. Cho đến khi chồng chị chết vì bệnh mất nước do khóc quá nhiều và ung thư ruột do ghen tuông, khi chị đã có tuổi, sống thui thủi một mình ban đêm và ban ngày thì đi làm đồng với các xã viên khác, đêm nào cũng như đêm nào, chị vẫn lắng nghe tiếng chó sủa, dõi nhìn cái đèn và khóc. Cho đến hôm chị không thấy cái đèn đâu nữa. Bấy giờ chị đã già, người làng gọi chị là bà Chắt với vẻ kính trọng vì bà đã làm cho nghề nuôi dê trong vùng phát triển nhờ những con dê giống tuyệt vời của bà. Bà không hề biết rằng lão Hạ đã về hưu từ cái đêm bà không nhìn thấy ngọn đèn lắc qua lắc lại và rầm rứt khóc. Nước mắt chảy xuống đôi má nhăn nheo có những đường rãnh sâu hoắm. Rồi đến lượt con dê đục mất hẳn khả năng truyền giống vì tuổi tác. Bà bán đàn dê cái, dành để lại con dê đục vì không ai chịu bỏ tiền ra mua nó. Vì lão Hạ không còn qua đây nên nhà cửa của bà không còn phát ra ánh sáng về ban đêm còn ban ngày mái nhà không lát bằng vàng nữa. Bà Chắt sống bằng số lương thực trợ cấp của hợp tác xã và số vốn liếng ít ỏi để dành được nhờ nghề chăn dê.

Khi cái gia đình nhỏ bé đã có bốn người lớn gồm đứa con gái lớn sắp lấy chồng, thằng con trai đến tuổi lao động, chơi bời và hai ông bà già suốt đời không hoà thuận thì một căn phòng trong khu tập thể nhà ga quả là chật chội. Lão Hạ có ý định làm nhà. Lão sẽ giành gian phòng cho một trong hai đứa con. Lão sẽ khiêng cái phản gụ đến nhà mới. Sẽ có một miếng vườn con con và sau khi về hưu lão sẽ về với vườn rộng như lão vốn sinh ra từ vườn ruộng. Đời của lão đã đến lúc thông dong và lão sẽ ... Được công đoàn đường sắt khu ga giúp đỡ, lão bỏ tiền túi ra mua năm bao thuốc Sông Cầu, sau ba bốn ngày đi lại, xã địa phương cấp cho lão một miếng đất. Đó là một sào vườn bỏ hoang không xa thị trấn là mấy, trước đây hợp tác xã đã thử trồng cây thuốc nam, sau trồng lạc ba tháng, cuối cùng vãi vừng, nhưng chẳng bao giờ thu hoạch đủ hạt giống bỏ ra. Lão Hạ sửa sang lại hàng rào tre núi xơ xác vì dê và trâu bò, bắt đầu nhật nhật rồi chuyển đến những thứ nhật nhật được như đá ba lát, xỉ than, cát đen, cát vàng, những thanh gỗ tháo từ các toa tàu bị bom vằm nát năm nào, có cả những miếng ván thối vứt rải rác ngoài nghĩa địa nữa. Ai cũng bảo rằng, dù không còn năm, còn tháng, nghĩa là thời gian ngừng lại nữa đi thì chưa chắc lão Hạ đã xây xong nhà. Nhưng lão đã hai lần gặp may. Một ngày chủ

nhật, khi mấy anh em trong khu ga đến giúp lão đào đất đắp nền, sau khi bóc hết lớp đất màu dày khoảng ba mươi phân, mọi người phát hiện ra một cái móng nhà làm bằng đá cẩm thạch. Thường tiền làm móng chiếm đến một nửa cái nhà nên ai cũng mừng cho lão, chưa bỏ ra xu nào mà đã làm xong năm mươi phần trăm công việc. Thật ra, mãi đến sau này, sau khi lão nổi tiếng vì bị nghi ngờ đã tạo ra một trận động đất, các nhà sử học có sự giúp đỡ của một cán bộ khảo cổ, đi tìm hiểu dấu vết của lão lúc sinh thời, đã phát hiện một điều sừng sốt. Móng cái nhà mà lão Hạ từng ở một thời gian là móng ly cung của cha con Hồ Quý Ly, dịp biến loạn cuối triều, hai cha con ông vua bất hạnh trên đường chạy trốn vào xứ Nghệ, đã dừng lại đây ăn một bữa cơm tối. Sau khi chẳng mất gì mà có cái móng nhà, lão Hạ như con bạc gặp vận đỏ, lao vào tìm kiếm tiền nong, vật liệu. Thế rồi lão lại gặp may lần thứ hai. Một đêm, sau ca tuần trở về ga, lão bắt gặp một vụ trộm lớn. Đứng đầu bọn trộm là Bàng, một gã trọc trời rơi xuống nhưng không hiểu sao lại được làm cán bộ vật tư đường sắt, cùng mấy thằng đầu gấu khác đẩy ba toa tàu chở xi măng cho miền Trung ra cách khu ga nửa cây số rồi bóc lên những chiếc xe trâu. Đầu tiên lão định kêu lên nhưng rồi lão lại không kêu lên nữa vì lão sợ, vì lão nghĩ rằng việc của lão không phải

là bảo vệ những toa tàu chở vật tư đồ nhờ trong khu ga. Lão chỉ yêu cầu Bàng và đồng bọn phải giải phóng đường tàu vì chỉ hai giờ nữa sẽ có chuyến tàu khách đi qua. Bọn trộm, sau khi đã thoả mãn, cảm ơn lão và trả những toa tàu đã với đi khá nhiều về chỗ cũ trước khi tàu khách thông ga mười phút. Đêm ấy lão trần trọc trên cái phản gỗ, lão xỉ vả mình, lão oán trời đất đã đẩy lão vào những hoàn cảnh chết người, chắc là định hại lão, khuấy động cuộc sống bình yên vốn đã quá nhiều sự rủi ro và bất như ý của lão. Sáng hôm sau, Bàng mời lão đi uống nước rồi dúi vào tay lão một số tiền lớn, đó là tiền trả cho cái miệng biết im lặng của lão. Cuối tháng ấy, cộng vào những món góp nhặt khác, lão Hạ xây xong cái nhà. Và lão đã mua rượu, lạc rang khao vọng các anh em trong nhà ga khi dọn đến nhà mới. Bảy tháng sau, Bàng bị bắt. Gã bị kết án hai năm tù chỉ riêng tội ăn cắp xi măng hôm đó. Hai năm sau, Bàng từ nhà tù trở về. Chị vợ đã bỏ đi theo người khác, không quên bán xong cái nhà gã xây được nhờ "chiến dịch xi măng cho miền Trung". Ừ ê, mất đỏ ngẫu vì rượu và những ý nghĩ hần học, gian tà, bộ quần áo nhà tù nhàu nát vá nhiều chỗ, một buổi chiều gã đến nhà lão Hạ. "Bố nghĩ đến con tí chút với!" Gã nài nỉ. Lão chần chừ rồi mỉm lòng. Bàng ở lại trong nhà lão. Gã đi suốt ngày, đánh bạn làm ăn với

những người bạn mới trên thị trấn. Vài tháng sau gã tha về một người đàn bà. Lão cũng hiểu rằng người ta sống thiếu đàn bà thế nào được. Trước sau rồi hẳn cũng nhạt được đâu đó một người đàn bà. Cũng như người hái củi, có ai ngờ mình nhạt nhẽo những thứ sẽ đè lên vai mình cho tới chết. Gã nhạt về một con điếm (chắc là như thế rồi) còn lão, lão nhạt lên vai mình, gã và con điếm của gã. Ngôi nhà mới trở nên chật chội với bà vợ hay gây sự và hai đứa con lớn tổng ngồng sắp cưới vợ, gã chồng. Lại còn Bàng và cô điếm ngựa nghề suốt đêm trên cái giường kê trong gian tả cạnh bàn thờ. Những lúc bị thức giấc lão nhớ tới cái móng nhà và do thiếu hiểu biết về lịch sử và khoa học khảo cổ, lão ngẫm rửa mình đã hám của mà xây nhà lên móng của một cái nhà thổ nào đó, lão đâu biết rằng, đó là ly cung của một nhà vua! Nhưng cũng chỉ là những câu rửa thâm. Lão Hạ chịu đựng cũng như lão đã từng chịu đựng những cú đấm khác của cuộc đời. Còn Bàng, trong một lần khoét cái hố làm chỗ đi tiểu, gã nhạt lên một cái bát có chân vẽ cúc giầy và được một lão buôn đồ cổ trên tỉnh mua với cái giá gã không ngờ được, lại biết lão Hạ làm trên cái móng đá cẩm thạch thời xưa, trí tưởng tượng kích thích gã cũng như trước đây tính phiêu lưu đã làm gã say đắm. Gã mua rượu và mực nướng mời lão Hạ uống rồi khéo léo nhắc

tới những toa tàu chở xi măng cho miền Trung. Rồi than thân trách phận, rồi chửi đồng lũ bất nhân nào đã ăn sung mặc sướng toạ hưởng kỳ thành trong lúc gã phải đi tù. Gã nói rằng đời gã đã bị bọn nó làm thành miếng giẻ rách và ông Trời thật không có mắt! Rồi gã rướn đôi lông mày hỏi lão Hạ: "Bố thì nhà cửa, vợ còn đang hoàng, còn tôi, tôi phải hai năm ròng rã dọn cứt dái trong nhà lao. Tôi mất nhẩn! Bố bảo như vậy thì Trời còn có mắt không hả bố?" Lão Hạ chớp mắt. Cái cơ sự rồi sẽ xoay ra thế này đây. Lão lấp bắp: "Có, Trời có mắt". Gã nói: "Vậy thì Trời đang mở mắt ra đây. Trời bảo thằng Bàng là người nhân đức. Nó không vấy bẩn vào ai, không mở miệng một lời, nếu hỏi đó nó nói ra hết thì ông lão Hạ chắc không còn được đi tuần đường nữa". Lão Hạ rùng mình. "Anh muốn gì thì nói đi!" Lão nói. "Con muốn thương lượng với bố đây. Cái cảnh ăn ở thế này xem ra không hợp. Con cũng khổ mà bố chẳng hơn gì. Con đưa bố ít tiền, bố yên tâm, con sẽ chơi quân tử với bố. Bố dù sao thì vẫn còn gian phòng để dành trong khu tập thể, còn con là thằng rảnh trên dưới dái phải không bố? Trời bảo như thế đấy". Mấy năm nay, nhất là từ ngày thằng Bàng dẫn con điếm về nhà, lão Hạ ngủ không yên giấc. Lão thấy mái ngói ngôi nhà nhiều lần muốn đổ xuống đè nát con người lão, vợ con lão. Hôm toà xử bọn

thằng Bàng lão đứng ở phía cuối đám người xem, nhiều lúc lão như mơ màng, muốn chạy lên nhập vào nhóm mấy thằng tội phạm. Thôi, bây giờ cũng chưa muộn gì. Cứ rủ cho hết nợ. Lão làm giấy bán nhà, lấy tiền rồi kéo vợ con vào khu tập thể. Gian phòng con của lão anh em nhà ga vẫn còn để trống. Chỉ khiêng ra hai mươi lăm cái cuộc chim gậy là lại như xưa.

Thế là giấc mộng làm vườn của lão Hạ bay biến. Sau khi ăn cơm xong, lão nằm trên cái phản nghỉ một lúc và mỗi lần như vậy những cái rê li ti lại thò ra in dấu vào mặt gỗ gụ nhẵn bóng. Bà vợ cáu bẳn và không biết điều, đứa con gái thì thuần nhị hơn nhưng thằng con trai thì lại là chuyện khác. Cả tin, kiêu ngạo vì được nuông chiều và không thích đọc sách từ nhỏ. Hai chị em chỉ giống nhau một điểm: cả hai đều nghĩ rằng, nếu như trước đây chúng muốn gì được nấy thì bây giờ cũng phải vậy thôi, rằng đời chúng nó còn dài mới là cái đời có giá, còn hai ông bà gần đất xa trời kia, những người đã từng sống dè dặt dành cuộc đời cho chúng thì bây giờ hãy cứ tiếp tục sống như thế, vì chúng, vì những ý thích ngông cuồng của chúng, tất nhiên, cho đến ngày xuống lỗ. Đứa con gái khi theo chồng ra công tác ngoài Bắc, đòi mang theo cả ổ gà đang ấp dở và hứa với lão Hạ rằng thế nào nó cũng gửi về biểu bố một đôi gà con làm giống.

Nó hơn thằng con trai ở chỗ nó hứa rất nhiều, biết làm mủi lòng bố mẹ bằng những lời hứa. Ông lão Hạ nhớ tới con gà mà nó mang đi với cả ổ trứng ấp dở, nó phải nhờ ông lấy chỗ thân tình nói khó với trưởng tàu mới không bị nhân viên toa xe vứt xuống đất. Đó là con gà lớn lên trong tay ông từ ngày chiến tranh. Lúc đứa con gái ông còn nhỏ, lặn lội vượt qua đường tàu và những hố bom, ông mang đến chỗ sơ tán trên rừng một đôi gà nhép. Tay bế con, tay vãi thóc gọi gà để dỗ nó, mỗi khi nó ăn thêm được một thìa cơm, lòng ruột ông nở ra. Con gà trống vì cái tính hoang tàng nên không thọ được bao lâu, còn con gà mái già, nó vẫn đẻ, vẫn ấp, đi lạch bạch như vịt, đôi chân sần sùi doãng ra, tuổi già mà vẫn đa mang một đàn con, trông đến tội. Không biết nó sống thế nào trên cái gác năm giữa phố Hà Nội không còn đất để bói kia với đứa con gái tham lam của lão.

Đứa con gái ra ở riêng một thời gian, thằng con trai sang làm thợ máy bên nước Đức xa lạ. Năm sau, bà vợ lão đi nốt. Đứa con gái đẻ con so, nó về đón bà ra Hà Nội. Bà lão chân chừ không muốn đi. Ở với chồng thì cũng chẳng êm thấm gì nhưng cái khu tập thể đoạn toa xe Hà Nội thì bà còn lạ gì! Ra ở với chúng nó, trông cháu, nấu cơm, giặt giũ, ban ngày chúng nó khoá trái cửa nhốt hai bà cháu như tù. Thì cũng như tù còn gì! Nhưng lão

Hạ đã quyết. Không ai chăm nuôi lão, không ai cơm nước cho lão, cũng được đi. Lão đã quyết thế đấy. Một năm, hai năm rồi, bà lão không về thăm nhà được một lần. Thế là lão Hạ không ly dị mà mất vợ. Quãng tháng năm, tháng sáu năm nào đó, đưa con gái về qua nhà, nó bảo lão rằng nó sẽ đẻ gọn cho hết tiêu chuẩn không thì mẹ già mất, ai giúp. "Đứa thứ hai đi mẫu giáo là con trả mẹ cho bố liền, con hứa với bố như thế!" Nó lại hứa với lão cũng như đã hứa cho lão đôi gà con làm giống, mua lão cái áo lông Đức và một chiếc đồng hồ điện tử có nhạc, một con voi con cho lão chăn, nhưng sau khi nói xong thì quên ngay.

Thế rồi thằng con trai ở Đức về. Nó cưới vợ từ bên ấy. Hai đứa biểu lão một bộ quần áo tây màu xanh biển, một cái mũ phớt, một đôi giày da không cột dây. Lão bán ngay bộ quần áo vì không mặc vừa và không hợp cảnh, cái mũ phớt thì cho anh trưởng ga vì tình nghĩa anh ấy đối với lão bao năm, còn đôi giày không cột dây thì lão để đâu đó rồi quên mất. Chúng nó cũng cho bà lão vài may quần, chăn len, một cái chuỗi thủy tinh để bà ấy lần tràng hạt cầu Phật cho con cháu khoẻ mạnh và nhiều thứ linh tinh khác. Nhưng hôm ra Hà Nội đón chúng nó, lão không hề thấy hai vợ chồng mời mẹ về nhà. Câu chuyện đầu tiên nó đề cập tới là vợ chồng lão phải biết ơn nó vì nó đã cưới vợ ở

bên kia, đỡ cho lão được bao nhiêu tiền! Và lão bảo rằng, hề có con là nó quyết không để mẹ "lang thang" như thế nữa. Nó sẽ đón mẹ về ngay.

Nhiều lúc lão tự hỏi: có phải chính mình đã đẻ ra và nuôi nấng chàng trai này không? Những ngày mới về, nó ủ ê như ốm, những anh em quen biết của lão trong khu ga đến chơi nó chỉ nhếch mép chào, nhếch mép trả lời nhát gừng những câu hỏi tò mò về đời sống ở bên Đức, mệt mỏi và chán nản. Nhưng dần hôm sau, khi có vài thằng bạn cùng ở Đức về, từ thị trấn và xa nữa đi xe máy đến chơi thì nó trở nên hoạt bát, năng động như cá được xuống nước. Nó đã lấy lại hơi thở giữa môi trường quen thuộc. Và thế là, cùng với vợ và những cô gái chưa chồng đi Tây về, những đứa bạn mặc quần bò áo bò cứng như gỗ, một thế giới mới, một cuộc sống hoàn toàn mới và khác trần ngập gian phòng đã bao năm nay âm thầm, vắng vẻ trong sự chịu đựng và hy sinh. Chiếc máy ghi âm rền rĩ và kêu thét suốt ngày, lão Hạ treo dọc cái phản gụ của mình một tấm vải hoa, tiếng nhạc và những điệu nhạc vũ xêchxi loạn nhịp dồn lão vào tấm phản gụ, lão nằm như một con thú chạy trốn trước tiếng la hét của phường săn và bầy chó. Do công ăn việc làm khó khăn, thời gian chờ việc kéo dài nên những cuộc vui chơi của bọn trẻ nhằm mục đích làm sống lại một cuộc sống vừa mới qua,

đã tạo ra một cái địa ngục thực sự dành cho lão. Chưa bao giờ lão thấy nhớ công việc đến thế. Giá mà được xách đèn đi lại trên con đường tàu quen thuộc, được đặt chân lên những vết giày vải và ngồi xuống tảng đá có một đám lốm đốm đợi ông già Thu. Ông lão đã chết năm ngoái, hôm đó lão Hạ là người quăng hòn đất đầu tiên xuống mộ chôn ông ở nghĩa địa hợp tác xã, dưới một gốc chuối già, trong tiếng còi của một đoàn tàu đang chạy qua. Giá mà được đi qua ngôi nhà kia, sống lại vài giây phút. Lão không qua nơi đó từ ngày về hưu, lão biết câu chuyện huyền thoại về bà Chắt và đàn dê của bà không được huyền truyền nữa, những người chăn dê lên thị trấn xếp hàng mua viên tinh đông lạnh và quên đi những con dê đục lũng lầy một thời. Nhưng lão chắc người ấy vẫn sống, vẫn khoẻ mạnh. Bằng kinh nghiệm bao năm qua, lão cũng chắc như đinh đóng cột rằng nếu có ngày nào đó phải xuôi tay lão và người ấy sẽ chết một lần cũng như cùng ho, từng sốt, từng cúm một lần. Hơn cả lúc ở nhà một mình sau khi bà vợ và hai đứa con đã ra đi, lão thấy bơ vơ giữa cảnh ồn ã. Như một phản kháng tự nhiên của con thú cùng đường, cái sức mạnh bị đè nén lâu ngày trong lão sống dậy tuy lão vẫn dằn mình trên tấm phản và vẫn tự pha cho mình một ấm trà vào lúc chập choạng tối. Lão vẫn lấy hai tay ôm lấy cái ấm nhỏ

màu da lươn, nhưng khác với trước đây, lần nào nước chè trong ấm cũng sôi lên mặc dầu trời ngoài kia vẫn lạnh. Thế rồi nỗi hoài nghi đã chấm dứt, cái sức nóng mà lão cảm thấy mình còn dư thừa ấy, cái đông củi còn để dành chưa đun ấy đã thường xuyên hiện diện trong tâm tư lão dưới dạng tia chớp trong ý nghĩ, tia chớp ấy soi sáng mở tư duy, ký ức lộn xộn và đầy hình tượng vẫn ăm ắp trong đầu những người cả nghĩ, ít học như lão. Cho đến lần này, khi thằng con cảm nhận được sự trỗi dậy ấy trong người lão, nó thấy mình bị lép vế liền mở to những bản nhạc thời thượng nhất châu Âu, mô-đen nhất châu Âu - như lời nó nói - cho đến lúc vừa trên tường bỗng như những viên đạn bắn vào tách chén, bát đĩa, rồi một mảng trần vôi rơm rụng xuống người lão tạo nên một làn bụi mù mịt trong nhà, cùng với câu nói gì đó nghe không rõ nhưng đầy hồn xược, rồi cái cán chổi từ tay đứa con dẫu quăng vào con chó Lu thì đám cháy đã bùng lên và lão chạy ra ngoài.

Với một cử chỉ có ý nghĩa, lão Hạ ra lệnh cho con Lu nằm sát nữa vào con dê già để chúng có thể sưởi ấm cho nhau. Khi hoàn toàn hiểu ý chủ, nó ngoan ngoãn dịch vào rồi nằm xuống. Dù trái với luật Trời nó đã quen chịu được mùi hôi của con dê đục cũng như mùi con chồn bạc má đã từng là bạn của nó khi chúng làm quen với nhau cùng lão Hạ trên đường

tàu. Sáng hôm sau, khi chạy đến sửa rổng lên những tiếng làm tê tái lòng người cạnh thi thể ông lão, nó hồi hận vì đã quá vâng lời mà không chạy theo ông hay nói với ông một lời vĩnh biệt.

Lão Hạ lần theo con đường trước đây bấy dề vẫn đi, lần lên đồi, nơi có ngôi nhà đang sáng mờ mờ, huyền ảo như một giấc mộng. Bà lão, người đàn bà có tên là Chắt, lầy lùnh và tàn tạ, quyền thế và bất lực, da mặt nhăn nheo đang đứng cạnh cửa, dõi nhìn từng bước chân của lão. Bà đã đứng dậy từ rất lâu, từ lúc bà cảm thấy trong người bưng bưng như có một đám cháy, bà nghe tiếng bước chân con Lu ở bên kia cầu đường sắt và cái bóng quen thuộc của lão Hạ. Bà lặng lẽ mở cửa cho lão vào và nói với lão rằng bà biết thế nào cũng có ngày lão trở lại nơi đây.

Bà vặn to đèn, lấy mấy quả trứng đập ra và vút vỏ vào đồng vỏ trứng cao như một ngọn đồi, chứng tích của những ngày sôi động khi con dề còn đưa lại tiền bạc cho nhà bà. Bà đã đập vỡ cái đồng vỏ trứng ấy để làm thức ăn trước khi nó giao phối. Bà không hỏi mà biết là ông lão đang đói, lặng lẽ làm cơm cho ông ăn. Khi bà bắc nồi lên, củi đã tự bốc cháy trong kiềng sắt và chỉ trong nháy mắt, nước sôi, cơm chín, mùi trứng gà và sắc vàng khé của đĩa trứng gà đã làm rạng lên nét mặt nhăn nheo của bà lão sáu mươi tám tuổi. Trong khi đập

trứng, ghế cơm, đi lại, trong đầu bà có một ý duy nhất một nỗi hoài nghi duy nhất: "Liệu mình còn có thể có con với ông ấy được không nhỉ?".

Đêm ấy, trong vùng có một trận động đất nhẹ. Những cái vòng tự chao lắc, bờ rổng lên trong chuồng, hoa chuối nở tanh tách, còn nước trong ao thì sóng sánh, hắt lên bờ khoai những chú cá mè hoa ngái ngủ. Không có nhà ai đổ. Cũng không nghe tin ai bị chết. Tuy vậy, vì tình làng nghĩa xóm, xóm Trại cũng tổ chức một nhóm gồm những người tốt bụng đi thăm hỏi những hộ neo đơn. Khi bước vào ngôi nhà trên mái đồi cạnh đường tàu, nhà của bà Chắt, một người không có con cái, sống bằng lương thực điều hoà của hợp tác xã và chút vốn liếng để dành, mọi người nhìn thấy bà và một người đàn ông, nét mặt rạng rỡ và thánh thiện, đã chết ở bên nhau.

MUỐI CỦA RỪNG

Nguyễn Huy Thiệp

Sau tết nguyên đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng.

Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân.

Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân giẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhớ nhăng đê tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc trên cành dâu da.

Chính dịp đó ông Diều đi săn.

Ý nghĩ đi săn nảy sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bồng hệt như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. Ở tuổi sáu mươi, với khẩu súng mới, đi săn trong rừng

Muối của rừng

vào một ngày xuân kẻ cũng đáng sống.

Ông Diều nai nịt, mặc quần áo ấm, đội mũ lông và dận đôi giày cao cổ. Để cho cẩn thận, ông còn mang theo cả nắm xôi nếp. Ông đi men theo con suối cạn, cứ thế ngược lên mớ nước đầu nguồn. Cách mớ nước một dặm là vương quốc của hang động đá vôi.

Ông Diều rẽ sang lối mòn ngoằn ngoèo đi miết. Chim xanh đầy trên rừng găm hai bên lối mòn nhưng ông không bắn. Với khẩu súng này mà bắn chim xanh thì thật phí đạn. Chim xanh ông chén chán rồi. Ngon thì ngon nhưng có vị tanh. Nhà ông thiếu gì chim? Chim bồ câu nhà ông có đầy.

Đến chỗ ngoặt, ông Diều giật mình bởi một tiếng soạt trong lùm dẻ gai. Một chùm dây màu sặc sỡ tung trước mắt ông. Ông nín thở: đôi gà rừng ton tón đi về phía trước, đầu cúi xuống, kêu quang quác. Ông Diều rê nòng súng theo. "Bắn sẽ trượt thôi!". Ông nghĩ bụng và ngồi bất động ở trong tư thế như vậy rất lâu. Ông muốn chờ rừng yên tĩnh lại. Đôi gà rừng sẽ nghĩ là chưa gặp người. Như thế tốt cho chúng nó. Cũng tốt cho ông.

Dãy núi cao ngất hùng vĩ. Ông Diều ngắm nhìn để lượng sức mình. Nã được một chú khỉ hoặc chú sơn dương thì thật đã đời. Sơn dương thì khó, ông Diều biết thế. Giống này bắn được chỉ nhờ ở ngẫu

nhien thoi. Ông Diều không tin vận may sẽ đến.

Cần nhắc kỹ, ông tính đi theo chân núi đá vôi sang rừng dâu da sẵn khi. Chắc ăn hơn mà đỡ tốn sức. Đây là Hoa Quả Sơn, Thủy Liêm Động của thung lũng này. Ở rừng dâu da khi có hàng bày. Việc bán được một chú khi đối với ông không khó.

Ông Diều dừng lại mô đất có dây leo. Không biết thứ cây này là thứ cây gì, lá bạc phéch giống như lá nhót, những bông hoa vàng như hoa tai rủ xuống tận đất. Ông ngồi đây lặng lẽ quan sát. Cần xem bên khi có ở đây không? Loài thú này khôn tựa người, khi kiếm ăn bao giờ cũng có canh gác. Con gái rất thính. Không thấy nó, đừng có hòng cuộc săn thắng lợi, đừng có hòng bán được con át chủ bài. Con át chủ bài cũng là khi thôi. Nhưng đây là con khi của ông, là con ấy chứ không con khác. Vì vậy ông phải chờ, phải có cách thì mới bán được.

Ông Diều ngồi im để đến nửa giờ. Mưa xuân mông và mịn. Thời tiết ẩm. Để đến rất lâu ông Diều mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì, không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán. Sự yên lặng của rừng xuyên suốt qua ông.

Ào một cái, từ trong rừng dâu da bỗng có tiếng khuấy động của một con vật khổng lồ. Ông Diều biết là con đầu đàn đã đến. Con khi này cũng gồm

lắm đây. Nó xuất hiện với một nghi lễ vương chủ. Tự tin đến thô bạo. Ông Diều mỉm cười và chăm chú nhìn.

Sau tiếng động vài phút thì con đầu đàn đến thật. Nó văng mình rất nhanh đến nỗi gần như không có phút nghỉ ngơi ở mỗi chặng rừng. Ông Diều thán phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó. Thoát một cái, nó biến mất. Một nỗi xót xa khiến ông nhói lòng: số phận của bậc đế vương không trùng với số phận của ông. Niềm vui nhen lên từ khi ở nhà ra đi trong ông với đi một nửa.

Khi con khi đầu đàn biến mất thì ào ra một đàn khi đến hai chục con từ rất nhiều hướng. Con vọt vèo trên cao, con đánh đu ngang cành. Có con lại nhảy xuống đất. Ông Diều thấy ba con khi cứ quần lấy nhau: con khi đực, con khi cái và đứa con nó.

Ý nghĩ con khi đực sẽ là con mồi bám lấy ông tức thì. Cái thằng bố ô trọc ấy! Đồ phong tình phóng đảng! Vị gia trưởng cộc cằn! Tên bạo chúa khốn nạn!

Ông Diều thấy nóng bừng người. Ông bỏ mũ và áo bông ra đặt dưới lùm cây. Ông để cả nắm cơm xuống đất. Ông từ từ dịch chuyển sang chỗ đất trũng thấp hơn. Ông nhìn kỹ và thấy con khi canh gác là con khi cái. Thế là thuận lợi rồi. Bởi vì cái giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm lắm. Đây, thấy chưa? Đứng canh gác mà đi bắt rận người thì còn

gì nữa? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất. Điều ấy thật giản dị và đẹp. Nhưng điều ấy lại đầy xót xa ...

Ông Diêu tính toán rồi luôn theo hướng ngược gió với con khi cái canh gác.

Phải tiếp cận đàn khi đến hai chục mét thì mới bắn được. Ông bò nhanh và rất khéo léo. Xác định được con mồi là ông chắc chắn thành công. Thậm chí ông biết dù ông có đi mạnh chân một chút, gây nên một sự bất cần nhỏ nhằng nào đó cũng chẳng hề gì. Điều ấy tưởng như phi lý mà thật bình thường.

Tuy nghĩ vậy nhưng mà ông Diêu vẫn cứ tiếp cận đàn khi một cách thận trọng. Ông biết thiên nhiên đầy rẫy bất ngờ. Thận trọng chẳng bao giờ thừa.

Ông Diêu búng vào một trạc cây. Cái bộ ba trong gia đình khi không biết rằng tai họa đến gần. Con khi bố vắt vẻo trên cây bắt quả ném xuống đất cho hai mẹ con. Trước khi ném, bao giờ nó cũng chọn quả ngon chén trước. Hành động ấy thật là dễ tiện. Ông bóp cò. Tiếng súng đã nổ khiến đàn khi lạng đi dễ đến một phút. Con khi được buông tay ngã nhào xuống đất nặng nề.

Sự hỗn loạn của cả đàn khi khiến cho ông Diêu sợ hãi run lên. Ông vừa làm điều ác. Chân

tay ông run ra, giống cảm giác như người vừa mới làm xong việc nặng. Đàn khi thoát biến vào rừng. Con khi mẹ và con khi con cũng chạy theo đàn. Được một đoạn, con khi mẹ bỗng quay trở lại. Con khi được bị đạn vào vai, nó gượng dậy nhưng lại vật xuống.

Con khi cái tiến gần đến con khi được một cách thận trọng, nó nhìn ngó xung quanh. Sự im lặng này thật đáng ngờ. Nhưng rồi con khi được cất tiếng gọi nó, tiếng gọi buồn thảm đau đớn. Nó dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn.

- "Chạy đi!"

Ông Diêu rên lên khe khẽ. Nhưng con khi cái tuồng như muốn thí mạng, nó đến gần nâng con khi được nhò lên.

Ông Diêu tức giận giương súng. Hành động hy sinh thân mình của con khi cái làm ông căm ghét. Đồ gian dối, mày chứng minh tấm lòng cao thượng hết như một bà trưởng giả. Sự tan rã đạo đức bắt đầu từ những tấn kịch thể này, lừa ông sao được?

Khi ông Diêu chuẩn bị bóp cò thì con khi cái quay lại nhìn ông. Đôi mắt nó sợ hãi kinh hoàng. Nó vút phịch con khi được xuống đất rồi chạy biến đi. Ông Diêu thở phào rồi khẽ bật cười. Ông nhô hẳn người ra chỗ nấp.

- "Sai lầm rồi!"

Ông Diêu rửa thầm vì ông bước ra thì con khi

cái quay lại tức thì. "Nó biết mình là người thì thôi hồng việc!" Y như rằng, con khỉ cái vừa lên nhìn ông vừa lao lại chỗ con khỉ đực. Nó ghi lấy con khỉ đực rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất. Bây giờ con khỉ cái chắc sẽ điên cuồng như một mục ngốc. Nó sẽ cuồng nhiệt hy sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này. Tất cả chỉ vì ra khỏi chỗ nấp sớm mất hai phút.

- "Thôi Diều ơi ... - Ông buồn bã nghĩ - Với đôi chân thấp khớp thế này thì mày làm sao chạy nhanh bằng lòng tận tụy thủy chung của khỉ ..."

Như trên người, hai con khỉ vừa chạy vừa dúi lấy nhau, con khỉ cái thỉnh thoảng lại hươ đôi chân vòng kiềng trông tức cười lại vừa đều đặn. Ông Diều bực mình lấy đà ném mạnh khẩu súng vắng về phía trước. Ông muốn mong cho con vật hoảng sợ buông mồi.

Từ mô đá, bỗng nhiên con khỉ con xuất hiện. Nó túm lấy dây súng của ông kéo lê trên mặt đất. Ba con khỉ vừa bò vừa chạy cuống cuồng. Ông Diều ngó ra một lát rồi phá lên cười: tình thế của ông thật là lố bịch!

Nhặt đất đá ném theo lũ khỉ, ông Diều vừa đuổi

vừa la. Lũ khỉ hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khỉ nhỏ chạy về phía vực. "Mất súng thì hồng!". Ông Diều nghĩ thế và đuổi theo con khỉ nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhào ra là tóm được ngay khẩu súng.

Việc ông Diều dồn con khỉ nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường.

Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Ông Diều tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rừng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Trong ký ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diều lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí. Sương mù len vào từng chân bụi cây và xoá đi rất nhanh cảnh vật. Ông Diều chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu ông Diều mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này.

Đến chân núi đá, ông Diều kiệt sức. Ông ngồi phệt xuống nhìn về phía vực. Bây giờ sương mù đã trùm kín nó. Ông sực nhớ ra đây là khu vực đáng sợ nhất trong thung lũng, khu vực mà cánh thợ săn đặt tên cho là Hòm Chết. Ở hòm sâu này, gần như đều đặn, năm nào cũng có người bị sương mù

giăng bày làm cho toi mạng.

- "Hay là ma? - Ông Diều nghĩ - Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khi trắng?" Con khi này đầu trắng. Nó đoạt súng của ông bất thường đến nỗi ông cũng không ngờ vực là sao sự thực có thể giản đơn như vậy?

- "Ta có mê không? - Ông Diều nhìn quanh - Tất cả như trong mộng寐?". Ông đứng dậy nhìn lên vách núi bằng hoàng. Phía núi đá ngược chiều Hòm Chết, bầu trời quang đãng không hề vướng gợn sương mù, tất cả cảnh vật lộ rõ từng đường nét.

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diều trông lên thì bỗng thấy con khi đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khi cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên.

Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diều lạng lác. "Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày!". Ông Diều bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên.

Được khoảng chục mét, ông Diều thấy nóng bừng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và áo ngoài để lên một chạc cây chuối. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế.

Con khi đực bị thương nằm trên ngọn đá

phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diều rung mình. Cảm tưởng bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lăn nhào khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó.

Ông Diều lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khi đẹp tuyệt, lông mịn và vàng. Nó nằm xấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết vai nó.

Ông Diều đặt tay lên mình con khi và thấy nó nóng hầm hập. "Để đến hơn yên ...". Ông Diều luôn tay xuống ngực con khi nâng lên ước lượng. Từ trong ngực nó phát ra tiếng "hừm" nho nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như thần Chết bực mình cáu kỉnh vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diều rút phắt tay lại. Con khi run bắn, nó đưa đôi mắt đờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diều bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trồi ra hằn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khi quằn quại trông rất đau lòng.

- "Để thế không ổn!". Ông Diều vợ lấy một nắm cỏ Lào vò nát. Ông cho vào miệng nhai kỹ. Ông đắp lá vào miệng vết thương con khi. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khi co rúm người lại và nghiêng đôi mắt ước ướn nhìn ông. Ông Diều tránh nhìn vào đôi mắt nó.

Một lát con khi rúc hẳn vào hai lòng bàn tay ông Diều. Miệng nó phát ra âm thanh lấp bắp nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin và tìm một sự giúp rập. Ông rất khó chịu.

- "Thà mày chống cự thì tốt cho tao - ông Diều nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khi nhỏ chầu mày - Mình đã già rồi ... Nó biết người già thì dễ mủi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì bằng bó cho mày hử khi?".

Ông Diều suy nghĩ. Ông đành cởi chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khi không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diều vừa bế vừa đỡ con khi tìm đường tụt xuống chân núi. Thoát nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sọt xuống rào rào như có sức mạnh nào đẩy xô đẩy.

Núi lở!

Ông Diều thót mình và bám thật chặt vào tảng đá kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc này thoáng cái chỉ còn một vệt chém thẳng phẳng lì. Ông Diều không thấy cây đuôi dê quần và giày đâu nữa. Đi xuống đường ấy bây giờ thật nguy hiểm. Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn.

Ông Diều lần mò tới hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông

lại vất vả đến thế. Người ông đầy vết xây xước. Con khi sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức.

Đến chỗ lùm cây leo nắp chờ ban sáng. Ông Diều đứng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. Ở đây đùn lên một đồng mồi to gần bằng cây rạ. Đồng mồi nhóp nhép một thứ đất mới đỏ au, trên đây đầy những cánh mồi ướt rụi. Khốn nạn, đây vào tổ mồi thì những đồ vật của ông thành cám! Thở dài thất vọng, ông Diều quay lại bế con khi lên.

- "Chẳng lẽ lại cứ nông nông thế này về nhà thì thật khả ố!" - Ông Diều bực mình - "Mình sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất ...".

Ông cứ vừa đi vừa nghĩ đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường.

- "Thì đã làm sao! - Ông bỗng bật cười - Hỏi ai bắn được con khi thế này? Phải yển rươi thịt ... Lòng vàng như nhuộm ... Bắn được con vật thế này thì dầu mảnh giáp không còn cũng đáng!".

Có tiếng động khe dàng sau. Ông Diều giật mình quay lại và nhận ra con khi cái. Thấy ông nó thoát biến vào bụi rậm. Hoá ra con khi cái ấy theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi được một quãng ông Diều quay lại thì vẫn thấy nó leo đèo đằng sau. Thật khốn nạn quá! Ông Diều đặt con khi đực xuống đất rồi nhặt

đất đá đuổi con khỉ cái. Nó kêu lên the thé rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diều ngó lại thì vẫn thấy nó lằng nhằng bám theo.

Cái bộ ba ấy cứ thế lầm lũi xuyên rừng. Con khỉ cái cũng thật kiên trì. Ông Diều bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị nó theo dõi, bị nó ăn vạ.

Bây giờ, cả con khỉ đực cũng nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giãy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diều mệt lả, ông không còn đủ sức giữ con khỉ nữa. Hai tay con khỉ cào trên ngực ông toé máu. Cuối cùng không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất.

Con khỉ đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diều buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khỉ cái cũng thấp thò sau một gốc cây theo dõi.

Ông Diều thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hoá ra ở đời trách nhiệm đè lên mỗi sinh vật quả thật nặng nề.

- "Thôi tao phóng sinh cho mày!" - Ông Diều ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lưỡng lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

Ông Diều rẽ sang một lối khác đi. Ông muốn

tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường như hoa tử huyền nhiều không kể xiết. Ông Diều dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đây là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

Ra khỏi thung lũng, ông Diều đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi. Chỉ một lát sau, bóng ông nhòa vào màn mưa.

Chỉ ít ngày nữa là sang tiết lập hạ. Trời sẽ âm dần.

MỤC LỤC

	Trang
1. Thiên Hương	5
2. Để mình yêu mình hơn	21
3. Con thú bị ruồng bỏ	31
4. Đêm nguyệt thực	71
5. Hành trình của những con số	103
6. Sự tích những ngày đẹp trời	123
7. Con dâu kẻ choạp	144
8. những con ốc sên	164
9. Có một ông Tây đến làng tôi	176
10. Một thời gió bụi	194
11. Quê nội	211
12. Vườn cổ tích	238
13. Ngày xưa ngày xưa	252
14. Thợ đào đá truyền kiếp	275
15. Hoa cúc đại	285
16. Trần trở	300
17. Người Ấn	321
18. Người làm ra động đất	341
19. Muối của rừng	380

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản :
HOÀNG NGỌC HA

Biên tập :
CHÂU MINH

Trình bày bìa :
HỒNG LĨNH

Sửa bản in :
THU THỦY